

CỎ THƠM

ĐÔNG XUÂN 2017

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. ĐỖ BÌNH.
DIỄM CHÂU.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỒI.
PHAN KHÂM. HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.
VŨ NAM. ĐẶNG NGUYỄN.
NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. TRẦN BÍCH SAN.
NGUYỄN SƠN. HỒ CÔNG TÂM.
NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: California
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA
DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



MỤC LỤC

	Trang		
BIÊN KHẢO			
TRẦN BÍCH SAN: Văn tự Việt Nam	09	LÊ VĂN TRẠCH: Xuân Phổ Đà	127
Lịch sử và nguồn gốc chữ nôm		PHẠM TRỌNG LÊ:	130
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Gà tây gà ta	24	Đại hội trùng phùng thế giới...	
PHẠM THỊ NHUNG:	47	VŨ MẠNH PHÁT:	132
Thơ Thiền Sư Không Lộ		Về cuốn Trùng Phùng Duyên Khởi	
NGUYỄN VĂN NHIỆM:	61	NGUYỄN MÂY THU:	134
Đời sống có đạo lý qua ca dao.		Những cánh hoa màu hồng phai	
PHẠM VĂN TUẤN:	68	PHẠM BÁ: Bụi đường phố núi	137
Thánh Thomas Aquinas		PHONG THU: Chiếc cầu định mệnh	144
HB HOÀNG DÂN BÌNH:	76	TIỂU THU: Ngủ yên nghe em	157
Sĩ phu Việt Nam xưa và nay		TRẦN THỊ HƯƠNG CAU:	165
NGUYỄN VĂN THÀNH:	96	Mây trôi phương nào	
Vụ án nghệ sĩ xiếc Tên Han		NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	173
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH:	104	Thư viết cho người tình	
Sài Gòn cảnh cũ đường xưa		ĐỖ BÌNH: Giới thiệu tác phẩm	180
VĂN:		Những khuôn mặt văn hóa VN Paris	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	06	CẨM TÚ: Paris, nông thắm trái tim.	192
Chúc mừng năm mới		THƠ:	
NGUYỄN PHÚ LONG:	34	VŨ ĐÌNH LIÊN: Ông Đồ	08
Tranh Đông Hồ		BUI THANH TIÊN: thơ Xuân	08
NGÔ TĂNG GIAO:	41	HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT	33
Vui tiền khi đi đón gà về		Chuyển dịch thơ Hán Nôm	
BÁ NGUYỄN:	51	NGUYỄN PHÚ LONG:	38
Anh đến thăm em đêm 30.		Gửi sách ngẫu hứng	
VĂN QUANG: Tết đến ở Việt Nam	53	LÝ HIỂU: Đợi đến khi nào	52
Đang xôn xao chuẩn bị những gì?		PHAN KHÂM: Sang đông	52
NGUYỄN LÂN:	58	ĐẶNG NGUYỄN: Tạ ơn	52
Tết nào mình gặp nhau		MOTTHOI: Thăm hỏi	57
BÁ NGUYỄN:	81	LÝ HIỂU: Rượu Thần Nông	57
Nhớ Sài Gòn quay quắt lạ		NGUYỄN KINH BẮC: Tự sự	57
Ý NGUYỄN	85	NGUYỄN VÔ CÙNG:	57
Chiếc bánh chưng ngày Tết		Lạnh một phương trời	
DIỄM CHÂU CÁT ĐƠN SA:	88	HỒ CÔNG TÂM: Gởi cố nhân	78
Hương vị mùa xuân		BÙI THANH TIÊN:	82
LÊ MỘNG NGUYỄN:	117	Ta thấy em. Nước mắt em.	
Cộng đồng Việt Nam tại Pháp		HOÀNG SONG LIÊM:	83
		Xuân trên đất khách	
		TUỆ NGA: Chiêm bao	84
		KIỀU ANH: Tình xuân với Huế.	84
		Đi giữa đường hoa	

Ý ANH: Sương trắng ngập trời	94	HÌNH ẢNH:	
NGUYỄN VÔ CÙNG:	129	Phát hành báo mùa thu số 76.	195
Chiếc áo tôi			
PHAN KHÂM: Gió lùa	156	GIỚI THIỆU:	
HỒNG THỦY: Nhớ Thị Nghè	156	HA NGUYEN &	02
DIỆM TRẦN: Tình tiêu thuyết	156	ASSOCIATES, C.P.A.	
ĐỖ MINH GIANG:	161	WASHINGTON MUSIC	67
Bóng lẻ chiều đông		MỘT THỜI LƯU VONG	78
GIAO ĐIỂM:		SOVEREIGN REALTY, INC.	116
VŨ ĐÌNH TRƯỜNG: Tạ ơn mẹ	66	BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	195
THANH-THANH: Thank you, mother!	66	BS NGUYỄN THỊ KIM DUNG	195
AENI: A brand new day	136	HARVEST MOON RESTAURANT	196
ĐẠT THU LÊ: Ngày mới	136	DANH SÁCH HỘI VIÊN	197
TRANH:		TỦ SÁCH CỎ THOM	298
HIẾU ĐỆ: Quán nước đầu làng	01	PHIẾU MUA BÁO	200
TRƯỜNG VĂN Ý:	202	IVAN M. WALDMAN & ASSOCIATES	201
Chợ Hoa Nguyễn Huệ, Đền Ngọc Sơn			



HIẾU ĐỆ: Quán nước đầu làng, tranh lụa (Sưu tập của Dzung Sensor)

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Khi tập báo Cỏ Thơm này đến tay quý vị thì chúng ta đã đi vào Năm Mới 2017, ăn mừng Tết Đinh Dậu, Tết con gà và Tạp Chí Cỏ Thơm đã đến tuổi 22. Người ta nói rằng Tý Ngọ Mẹo Dậu tứ hành xung. Chủ nhiệm Cỏ Thơm cảm tình con mèo, nhưng mong rằng năm nay thợ vườn Ngọc Dung vẫn được khỏe mạnh để lo báo Cỏ Thơm cho quý vị văn thi nhạc họa sĩ thêm đất múa bút trong vườn hoa thơm và quý vị độc giả vẫn thường lãm được những đóa hoa thơm, những nhánh cỏ lạ của chúng tôi.

Trước khi nhìn vào tương lai Năm Mới 2017, Năm Con Gà, chúng ta hãy cùng ngắm xem trong mấy tháng vừa qua có những sự việc nào đáng ghi nhớ. Chắc chắn quý vị ở bất cứ nơi đâu cũng không quên cuộc bầu cử Tổng Thống sôi nổi vừa qua tại Hoa Kỳ. Kết cuộc Ông Trump, một thương gia giàu hơn cả một ông vua đã thắng. Nhiều người đã rơi nước mắt vì sự thất bại của bà Hillary Clinton. Cũng nhiều người có thái độ giậu đổ bìm leo đối với Bà Clinton. Dù đồng ý hay không, cũng phải chấp nhận sự chiến thắng của ông Trump. Ông sẽ là Tổng Thống thứ 45 của Hoa Kỳ và ngày 20 tháng 1, 2017 là ngày đăng quang của ông. Ông Trump sẽ là một vị tổng thống lạ lẫm, không lường, không giống các tổng thống Mỹ nào từ trước đến nay. Nhưng người ta hy vọng Ông Trump sẽ đem lại những đổi mới tốt đẹp cho nước Mỹ và cho toàn cầu, nhất là dân mặt được Trung cộng hung hăng vùng vẫy như giặc biển vùng Đông Nam Á.

Những vụ khủng bố giết người hèn hạ trong nội địa Hoa Kỳ và Âu châu cũng làm chúng ta lo lắng, bất an cho đồng bào. Nhưng may mắn bà con và thân hữu chúng ta không ai gặp chuyện gì. Các tác giả và độc giả Cỏ Thơm thường tránh xa các nơi bất ổn, không ở gần những nơi có dân di cư ô hợp, xô bồ.

NT Đỗ Bình, GS Phạm Thị Nhung, NS Lê Mộng Nguyên, NV Mây Thu, BKG Mỹ Phước Nguyễn Thanh ở Pháp, NV Vũ Nam, BKG Nguyễn Văn Nhiệm, NV Trần Thị Hương Cau, NAG kiêm họa sĩ Nguyễn Sơn, BKG Nguyễn Quý Đại ở Đức vẫn được bình an, yên ổn. Quý vị tác giả này đều có bài vở đóng góp số Tết, số Xuân này. Cảm ơn quý tác giả Âu Châu.

Nhà văn Tiểu Thu (Canada), các tác giả Cỏ Thơm trong nội địa Hoa Kỳ cũng đều có mặt trong số báo Đông Xuân này: Quý Biên Khảo Gia Nguyễn Văn Thành, Phạm Văn Tuấn, Trần Bích San, Phạm Trọng Lệ, Hoàng Dân Bình, ...; Chủ biên Website Phan anh Dũng; Quý Nhà văn Văn Quang, Nguyễn Lân, Phong Thu, Diễm Châu Cát Đơn Sa, Vũ Mạnh Phát, Ý Nguyễn, Phạm Bá, Nguyễn Thị Ngọc Dung...; Quý Nhà thơ: Hồ Công Tâm, Lê Xuân Nhuận, Kiều Anh, Đỗ Minh Giang, Hoàng Song Liêm. Phan Khâm, Bùi Thanh Tiên, Ngô Tăng Giao, Nguyễn Phú Long, Lý Hiểu, Nguyễn Vô

Cùng, Nguyễn Kinh Bắc, Hạ Thái Trần Quốc Phiệt, Ý Anh, Diễm Trân, Đạt Thu Lê...
Xin có lời cảm tạ.

Thưa quý vị, đáng lẽ số báo này phát hành vào trước Lễ Giáng Sinh, nhưng Chủ nhiệm sau 17 năm làm thợ vườn Cỏ Thơm xin phép quý độc giả và quý tác giả cho từ từ xuống tốc độ để được trường thọ. Chủ nhiệm đã đi Cruise Bahamas một tuần, về tới nhà là nhào đi chợ, vào bếp nấu nướng, chạy đua với con cháu đi mua sắm quà cho chúng, đi ăn tiệm và coi cả chó cho con cháu nữa. Tối đến con cháu lại muốn chủ nhiệm ngồi xem TV với chúng dù bà mở mắt không ra. 12 giờ đêm bà bếp kiêm thợ vườn vào giường là không còn biết trời đất gì nữa. Là bà nội, bà ngoại như thế đây chẳng kể chủ nhiệm, chủ nhiếc gì cả. Chủ nhiệm phải xin lỗi đã từ chối vài vụ họp mặt, không trả lời nhiều cú điện thoại, emails và chậm ra báo một tháng.

Nhưng từ sự việc này nảy ra ý kiến khác, chúng tôi xin thông báo cùng quý vị, mỗi kỳ phát hành báo sẽ chậm lại một tháng, có nghĩa là mỗi bốn tháng mới có một số báo, một năm chỉ phát hành ba số. Tuy nhiên, giá báo dài hạn vẫn là \$40 bốn số. Về quảng cáo, invoice cũng được gửi đi xin ủng hộ sau 4 số báo. Mong quý vị thông cảm.

Tạp Chí Cỏ Thơm xin có lời chúc mừng: Nhà thơ Nguyễn Phú Long đã xuất bản Tuyển Tập Thơ Văn; Nhà thơ Hồ Công Tâm đã có tập thơ Một Thời Lưu Vong số 11; Biên Khảo Gia Hoàng Dân Bình đã cho phát hành tập Văn Học Sử Lược Khảo; Họa sĩ Lê Văn Lai đã tặng tám tranh sơn dầu Cảnh Nhà Sàn trên Sông Nước Sài Gòn. Xin chân thành cảm tạ quý tác giả và xin giới thiệu đến độc giả Cỏ Thơm.

Khi chúng tôi viết đến đây, ngoài trời lạnh se da thịt. Người dốt cho tản bộ đã phải mặc áo bông dày, mũ trùm đầu, khăn quàng cổ, quàng miêng. Bầu trời một màu mây xám nhạt. Lát phát những cánh tuyết bay trên hàng cây chỉ còn trơ cành không lá và đậu mỏng trên mặt đường và vườn cỏ như một lớp phấn mỏng. Từ đầu tháng Một đến hết tháng Ba là mùa đông Âu Mỹ. Tuyết hứa hẹn còn rơi nhiều. Hàn độ còn xuống thấp hơn nữa. Người cô đơn đêm phải nằm chặn ấm điện... Nhưng cũng may là dân gốc Việt chúng ta vẫn ăn mừng Tết như đang trong mùa xuân quê cũ, với cành mai, chậu cúc vàng, thủy tiên trắng, bánh chưng xanh, dưa hấu đỏ, bàn thờ nghi ngút khói nhang thơm. Gia đình ông bà, con cháu chắt, họ hàng, thân hữu, họp mặt mừng tuổi, mừng tiền nhau. Thế nên chúng ta vẫn cảm thấy ấm lòng không khí nồng nàn tình thân thương, yêu quý và kính trọng.

Toàn Ban Quản Trị Báo Cỏ Thơm xin kính chúc quý mạnh thường quân ủng hộ cho quảng cáo, quý độc giả, quý văn thi họa nhạc nghệ sĩ cộng tác, một mùa Đông đầm ấm, một mùa Tết vui vẻ và Năm Mới 2017, Năm Mới Đinh Hợi nhiều sức khỏe, hạnh phúc, khang an và thịnh vượng.

Xin chân thành cảm tạ.

**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
và BAN QUẢN TRỊ**

ÔNG ĐỒ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực Tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết
Tám tắc ngợi khen tài:
"Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa, rồng bay".

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thấm
Mực đọng trong nghiên sâu...

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay.

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Vũ Đình Liên – 1936



Thư Họa Sĩ Vũ Hối

*Ý XUÂN

Đông tàn góp nhặt vết son
Xuân qua nắng lại gót mòn hư không
Ai đem khai giấc xuân nồng?
Ai đem tô lại má hồng, nụ hôn?

Ý xuân mơ mộng ngộ hồn
Sóng tình dâng trọn dập dồn đài hoa
Thời gian thấm nụ như là
Hoa cười như thể... cát nhòa bến xuân...

**XUÂN & QUÊ TA

Xuân qua lặng lẽ, cành trơ lá
Đất khách quê người nỗi nhớ xa
Giấc mộng muôn trùng sao chưa đến
Bao giờ ta lại gặp quê ta?

***LỚP SÓNG XUÂN

Lớp sóng xuân về ngập nắng mai
Qua bao lớp lớp ánh đông dài
Mênh mông cánh nhận chờ ai đón
Thuyền tình đang đợi... bóng chiều lay...

Bùi Thanh Tiên

VA, Xuân Đinh Dậu 2017

Văn tự Việt Nam

LỊCH SỬ VÀ NGUỒN GỐC CHỮ NÔM 字喃

TRẦN BÍCH SAN



Chữ Nôm khâm xà cừ trên
điều ông thời Nguyễn



PHỔ viết bằng chữ Nôm



Đĩa sứ Mai Hạc [01]

媿術傷褻媿搽
em về thương lầy mẹ già
仃瞶瞶 姉女齷枉功
đùng trông ngóng chị nữa mà uổng công
姉睵 舛拱朋空
chị giờ sống cũng bằng không
媿如 姉色遯澆沈艇
coi như chị đã sang sông đắm đò

Bốn câu thơ này, mỗi câu dòng trên viết bằng chữ Nôm, dòng dưới là Chữ Quốc Ngữ. Chữ Nôm là chữ Hán biến thể mà ra, nhưng vì không được chính thức dùng để dạy học nên chỉ những người có học chữ Hán mới biết viết, biết đọc. Ban đầu, chữ Nôm mượn dạng chữ Hán để ghi âm tiếng Việt. Phép đó gọi là chữ "Giả Tá". Dần dần ghép hai chữ Hán lại với nhau, một phần chỉ âm, một phần chỉ ý, được dùng ngày càng nhiều và có hệ thống hơn. Phép này gọi là "Hình Thanh" để cấu tạo chữ mới.

Muốn viết và đọc chữ Nôm thì điều kiện căn bản là phải tinh thông chữ Hán và nắm vững phương pháp cấu tạo chữ Nôm. Do

đó, chữ Nôm rất khó, dùng vì câu người xưa thường nói "Nôm na mách quẻ" mà lầm tưởng chữ Nôm là của giới bình dân ít học. Nghiên cứu chữ Nôm cần kiến thức về một số qui luật ngữ âm học lịch sử tiếng Việt và tiếng Hán Việt thì mới hiểu được nguồn gốc cùng diễn biến của thứ chữ này qua các thời đại. Nghiên cứu chữ Nôm một cách có hệ thống thì người đầu tiên là A. Chéon (Pháp), tác giả quyển *Cours de Chữ Nôm* dạy người Pháp học tiếng Việt (cuối thế kỷ 19). Về phía người Tàu có nhà nghiên cứu Văn Hựu, tác giả "*Luận về chữ Nôm và mối liên hệ với chữ Hán*", đăng trên *Yên Kinh Học Báo* số 14 và được *Đông Dương Học Báo* giới thiệu (quyển 22, số 2, năm 1935). Vương Lực trong biên khảo về tiếng Hán Việt ở phần cuối có nghiên cứu về chữ Nôm với tựa đề "*Chữ Việt phỏng theo chữ Hán mà tạo thành*" (1948). Hiện nay riêng thư viện Khoa Học Xã Hội ở Hà Nội (Trường Viễn Đông Bác Cổ cũ) còn giữ được 1,186 sách chữ Nôm.

CÁCH CHẾ TẠO CHỮ NÔM

Chữ Nôm dựa vào ba yếu tố hình-âm-nghĩa để tạo thành 5 loại chữ sau đây:

1. **Chữ Nôm là chữ Hán:** Nôm và Hán trong trường hợp này là một, cùng hình, cùng nghĩa, cùng âm. Đây là những chữ Hán đã bị Việt hoá.
Thí dụ:
Tĩnh 省
Việt 越
Thành 城
Hán 漢, v.v.

Ghi chú: chữ Nôm và chữ Hán viết và đọc giống hệt nhau, cùng một ý nghĩa như nhau.

2. **Giữ hình và nghĩa của chữ Hán, nhưng đọc theo âm Nôm:**

Thí dụ:

車 Xe (車 *Xa*)
孤 Cô (孤 *Cô*)
局 Cuộc (局 *Cục*)
餅 Bánh (餅 *Bính*)
家 Nhà (家 *Gia*)
卷 Cuốn (卷 *Quyển*)
刀 Dao (刀 *Đao*)
巾 Khăn (巾 *Cân*)
瓦 Ngói (瓦 *Ngõa*)
心 Tim (心 *Tâm*), v.v.

Ghi chú: chữ nằm ở ngoài dấu ngoặc là chữ Nôm, chữ ở trong ngoặc là chữ Hán. Chữ Hán và chữ Nôm viết giống hệt nhau, cùng nghĩa, nhưng đọc theo âm Việt.

3. **Giữ nguyên hình và âm của chữ Hán, nhưng đổi nghĩa:**

Thí dụ:

沒 Một [con số] (nghĩa chữ Hán là *mai một, mất đi*)
卒 Tốt [tốt xấu] (nghĩa chữ Hán là *bình lính, chết*)
戈 Qua [đi qua] (nghĩa chữ Hán là *một loại vũ khí dài*)
賒 Xa [xa gần] (nghĩa chữ Hán là *mua trả góp*)
昌 Xương [xương động vật] (nghĩa chữ Hán là *đẹp, hưng thịnh*)
泊 Bạc [màu trắng] (nghĩa chữ Hán là *bến, nơi đậu thuyền*), v.v.

4. **Giữ hình của chữ Hán, nhưng đổi hẳn âm và nghĩa:**
 Thí dụ:
 帝 Đầy [còn đầy] (chữ Hán là Đế, nghĩa là vua)
 固 Cố [có không], (chữ Hán là Cố, nghĩa là vững chắc)
 羅 (罗) Là [thì mà là] (chữ Hán là La, nghĩa là cái võng, cái lưới, lụa)
 略 Trước [trước sau] (chữ Hán là Lược, nghĩa là sơ lược, sơ sài, tính toán)
 別 Biết, [hiểu biết] (chữ Hán là Biệt, nghĩa là cách biệt, khác biệt)
 及 Gặp [gặp gỡ] (chữ Hán là Cập, nghĩa là đến, kịp tới)
 弄 Sổng [sổng chết] (chữ Hán là Lộng, nghĩa là đùa giỡn)
 滄 Sông [sông nước] (chữ Hán là Lung, nghĩa là nước chảy xiết), v.v.
5. **Ghép hai chữ Hán với nhau:** Loại này là những chữ hoàn toàn sáng tạo gồm hai chữ Hán ghép lại và thường ghép một chữ chỉ âm với một chữ chỉ ý (giống như chữ Hình Thanh trong Lục Thư).
 Thí dụ:
 Tháng [ngày tháng] = Nguyệt (mặt trăng) 月 (chỉ ý) + Thượng (trên) 尚 (chỉ âm)
 Mắt [mắt mũi] = Mục (nhìn) 目 (chỉ ý) + Mạt 末 (chỉ âm)
 Trời [trời đất] = Thượng (trên) 上 (chỉ ý) + Thiên (trời) 天 (chỉ âm)
 Năm [con số] = Ngũ (số 5) 五 (chỉ ý) + Nam 南 (chỉ âm)
 Năm (năm tháng) = Niên (năm) 年 (chỉ ý) + Nam 南 (chỉ âm), v.v.

Thêm nét và thêm chữ Hán:

Thí dụ:

Bố [đổi lập với mẹ] = Vương (vua) 王 + Bố 布 + nét gián lược của 司, v.v.

Thêm bộ thủ khác:

Thí dụ:

浩 Nước [nước lửa] = Thủy (nước) 氵 + Nhược 若

扌 Vo [vo tròn] = Thủ (tay) 扌 + Vu 于

Các bộ thủ thường được dùng là:

一, 丨, 亅, 厂, 广, 冫, 冫, 辶, 土, 寸, 口, 巾, 山, 豸, 子, 小, 女, 禾, 艸, 木, 艹, 日, 月, 牛, 毛, 片, 牙, 疒, 瓦, 石, 礻, 白, 目, 皮, 田, 米, 耳, 竹, 舟, 羽, 雨, 色, 耒, 糸, 貝, 走, 足, 車, 角, 酉, 金, 風, 食, 影, 馬, 魚, 赤.

Thêm dấu nháy (2 chấm nhỏ) bên trên, bên cạnh để chỉ một chữ có âm đọc khác biệt:

Thí dụ:

女 < Nỡ, Nợ, Nữa = chữ Nữ 女 + dấu nháy <

馬 < Mỡ, Mựa = chữ Mã 馬 + dấu nháy <

朱 “Cho = chữ Chu 朱 + dấu nháy”
 貝 “Buổi = chữ Bối 貝 + dấu nháy”, v.v.

Bớt nét của chữ Hán, đổi luôn âm và nghĩa:

Thí dụ:

Khệnh khạng: đều dùng chữ *Cộng* 共
bớt nét, trong đó chữ *Khệnh* bỏ nét
phẩy 丿, chữ *Khạng* bỏ nét móc 丶.
Khê khà: đều dùng chữ *Kỳ* 其, chữ
Khê bỏ nét phẩy 丿, chữ *khà* bỏ nét
móc 丶, v.v.

Chữ viết tắt:

Ngoài ra còn một số chữ được viết tắt
từ chữ Hán gốc và không đổi cả âm lẫn
nghĩa. Những chữ này tương đương với
chữ Giản Thể (giản lược, bớt nét) của
Tàu, nhưng cũng có nhiều chữ không
trùng với chữ Giản Thể do được viết tắt
theo lối Nôm.

Thí dụ:

風 *Phong* (viết tắt chữ *Phong* 風)

万 *Vạn* (viết tắt chữ *Vạn* 萬)

乙 *Vũ* (viết tắt chữ *Vũ* 雨, không phải
là "Át")

丩 *Tiền* (viết tắt chữ *Tiền* 錢), v.v.

Về cách viết, tức là cách xếp đặt vị trí
của hai phần chữ thì không có luật lệ
nhất định chỉ cần sao viết cho gọn là
được. Tuy nhiên, nếu ghép một bộ chữ
Hán thì phải đặt bộ ở vị trí thường lệ
của nó trong cách viết chữ Hán. Vì
nhiều chữ Nôm gồm nhiều hình nét
chồng chất lên nhau rất bề bộn, nên đôi
khi người ta viết tắt, bớt đi một phần
chữ, do đó khó mà tìm ra ý nghĩa cấu
tạo của những chữ Nôm này.

**KHUYẾT ĐIỂM CỦA CHỮ NÔM
BẢN KINH, BẢN PHƯỜNG
TRUYỆN KIỀU**

𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔
𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔
𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔
𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔
𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔
𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔
𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔
𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔𦊔

*Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng
Lạ gì bỉ sắc tư phong
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*

Truyện Kiều bằng chữ Nôm đến nay có
nhiều ấn bản, nhưng tựu chung đều căn cứ
vào Bản Kinh và Bản Phường. Bản Kinh do
vua Tự Đức đích thân sửa chữa, Bản
Phường do Lập Trai Phạm Quý Thích người
làng Hoa Đường (nay là Lương Đường, Hải
Dương) khắc mộc bản và in ở Hà Nội.

Kỹ thuật ấn loát của ta hồi xưa còn rất thô
sơ, việc khắc chữ rất tốn kém, chỉ những
loại sách cần thiết cho khoa cử hay được
triều đình nâng đỡ về sử ký, địa chí mới
được in, ngoại giả đều chép tay cả. Ngay
như bộ *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*
của Phan Huy Chú rất đồ sộ gồm 49 quyển
cũng chỉ có thủ bản. Từ đời Lý người mình
đã biết in mộc bản (chữ khắc trên gỗ)
nhưng kỹ thuật còn thô sơ. Đến đời nhà Lê,
Lương Như Hộc đi sứ Tàu 2 lần (năm 1443
và 1459) học được lối khắc và in của Trung

Hoa đem về truyền dạy cho dân 2 làng Liễu Trai và Liễu Tràng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Từ đó kỹ thuật in mộc bản được cải tiến và dân Hải Dương là những thợ khéo tay nhất nước ta. Phạm Quý Thích đã sử dụng thợ chuyên môn ở Hải Dương để khắc và in *Truyện Kiều*.

Vì bản chính *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã thất lạc nên Bản Phường Phạm Quý Thích được nhiều người coi là chính xác nhất bởi ông cố giữ cho đúng với nguyên bản của tác giả. Ông không chủ trương sửa cho hay hơn như Bản Kinh Tự Đức, vì thế toàn truyện từ đầu đến cuối cùng một hơi thơ đồng nhất.

Sau này, có nhiều văn gia thi sĩ dịch và chú thích *Truyện Kiều* bằng Chữ Quốc Ngữ chẳng hạn như *Kim Vân Kiều* do Trương Vĩnh Ký biên khảo, *Kim Vân Kiều* do Nguyễn Văn Vĩnh chú thích, *Kim Vân Kiều Chú Thích* của Bùi Khánh Diễm, *Truyện Kiều* do Nông Sơn Nguyễn Can Mộng hiệu đính và chú thích, *Vương Thúy Kiều* do Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu chú giải, v.v. Tuy nhiên, *Truyện Thúy Kiều* do Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim hiệu khảo có thể coi là chính xác nhất không phải chỉ vì được dịch từ bản Phường, mà còn vì những tiếng riêng của vùng Hà Tĩnh đã được dịch theo đúng âm của dân vùng này, vốn là quê hương của Nguyễn Du. Một thí dụ điển hình:

Bản của Bùi Khánh Diễm và của Tân Đà:
*Thoi vàng **bó** rắc, gio tiền giấy bay*

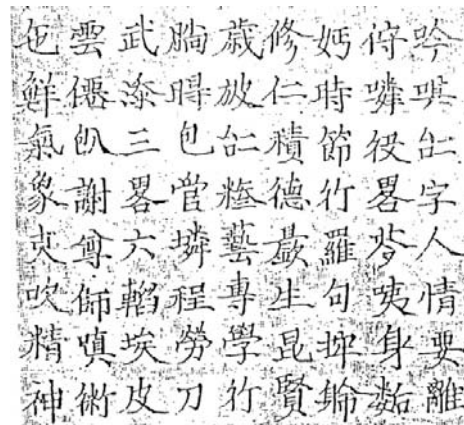
Bản của Nguyễn Can Mộng và bản của Nguyễn Văn Vĩnh:
*Thoi vàng **hồ** rắc, tro tiền giấy bay*

Bản của Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim
*Thoi vàng **vó** rắc, tro tiền giấy bay*

Dân Nghệ Tĩnh gọi vàng hồ là vàng vó, như vậy chữ “vàng vó” là đúng với nguyên bản của Tiên Điền. Hoặc như chữ “thốt” trong câu "*Hoa cười ngọc thốt đoan trang*" là tiếng người miền Trung thường dùng.



Truyện Kiều bằng chữ Nôm của nhà Liễu Văn Đường



Trang đầu truyện *Lục Vân Tiên* của Đồ Chiểu

Gạt bỏ vấn đề dịch đúng dịch sai, tại sao cùng một chữ Nôm mà 5 bản dịch thành 3

chữ khác nhau? Thi Sĩ Đông Hồ đã đưa ra nhận xét thật xác đáng về chữ Nôm của ta như sau:

Chữ Nôm thì tự ý ai muốn đọc ra sao mà không được. Trừ một số ít chữ có định lệ phổ thông, còn thì cứ trải trại, mài mại gần chữ gì thông nghĩa thì cứ theo ý nghĩ của mình mà đọc. Người viết chữ Nôm và đọc chữ Nôm phải ngang sức học, quen biết tính tình, gần hoàn cảnh, chung địa phương thì sự đọc mới ít sai lạc, vì đoán được mà hiểu ý tứ nhau. Chứ như người viết rất cao mà người đọc rất thấp, lại thêm kẻ một vùng, người một cõi, tác giả ở cực bắc, độc giả ở cực nam, thì sự đọc chữ Nôm là tai hại cho văn chương không ít (Đông Hồ, Bàn Về Bản Văn Song Tinh Bất Dạ, Tạp Chí Nhân Loại Sài Gòn, tháng 05. 1953).

Như đã trình bày ở trên, các nguyên tắc cấu tạo chữ Nôm chưa được hoàn chỉnh bởi cách viết không đồng nhất, đọc dễ sai lầm. Người đọc phải biết chữ Hán, dựa theo cách đọc chữ Hán và còn phải dựa vào liên văn chữ Nôm để đoán nữa, rồi mỗi người cứ theo nguyên tắc cấu tạo trên mà tự đặt ra chữ theo ý riêng của mình. Vì phải mượn chữ Hán để diễn âm tiếng Việt nên chữ Nôm gặp các trở ngại sau:

1. Tiếng Việt có nhiều đồng âm chữ Hán, do đó một chữ có thể viết bằng nhiều cách khác nhau, không thể cho cách này đúng, cách kia sai.
2. Cách đọc, cách viết không thống nhất, một chữ có thể có nhiều cách đọc, cách viết, nên có khi chữ Nôm phải vừa đọc vừa đoán. Khi mượn một chữ Hán có âm gần

giống, chữ Nôm này có thể đọc thành nhiều tiếng khác nhau đưa đến một nghĩa khác, làm sai lạc ý chính. Thí dụ: chữ “vắng” có thể đọc thành “viếng”, chữ “quen” có thể đọc thành “quen”, v.v. . Ngoài ra, việc tam sao thất bản khó tránh khỏi, phần vì trình độ người thợ khắc chữ ngày xưa, phần vì in mộc bản chữ dễ bị nhòe, mất nét.

3. Dùng phép Hình Thanh để nói lên âm của chữ có khi không được hoàn hảo, chẳng hạn như chữ “nữ” thêm bộ “tâm” thành chữ “nhớ”, thêm bộ “thảo” thành chữ “nở”, nhưng đến “nở” (nở nào) hay “nữ” (còn nữa) thì bó tay không biết viết thế nào, đành viết chữ “nữ” rồi người đọc phải tự suy luận lấy mà thôi.

4. Chữ Nôm thường có nhiều nét, phức tạp hơn chữ Hán do phần lớn là những chữ ghép lại của 2 chữ Hán nên khó nhớ hơn cả chữ Hán vốn đã khó nhớ.

Tóm lại, vì chữ Nôm khó đọc và thiếu đồng nhất tự dạng nên không thể là chữ viết chính xác để diễn tả tiếng Việt.

VĂN TẾ CÁ SÁU

*Ngạc ngư kia hỡi mây có hay
Bể Đông rộng rãi là nơi mây
Phú Lương đây thuộc về thánh vực
Lạc lối đâu mà lại đến đây?*

*Há chẳng biết rằng nước Việt xưa
Dân quen chài lưới chẳng tay vừa
Đời Hùng vẽ mình vua dạy bảo
Xuống nước đao long cũng phải chừa
Thánh thần nói dối bản triều nay
Dấy từ hải áp ngôi trời thay*

*Vũ công lừng lẫy bốn phương tĩn
Bể lặng sóng trong mới có rày*

*Sài lang xa dẫu dân cày cấy
Nhân, vật đều yên dẫu ở đây
Ta vâng để mệnh bảo cho mày
Lại về bể Đông mà vùng vẫy!*

Bài văn tế đuổi cá sấu bằng chữ Nôm trên do Đoàn Như Khê và Nguyễn Can Mộng đưa ra và cho là của Hàn Thuyên. Tài liệu này thiếu khả tín và không được công nhận vì sao lục lại từ sách của nhà chùa vốn chỉ có giá trị như dã sử, không phải chính sử.

HÀN THUYÊN, TÁC GIẢ CHỮ NÔM?

Hàn Thuyên tên thật là Nguyễn Thuyên, người huyện Thanh Lâm tỉnh Hải Dương, làm quan đến Hình Bộ Thượng Thư đời vua Trần Nhân Tông (1279-1293). Có thuyết cho rằng ông là người sáng chế ra chữ Nôm, song không có sử sách nào nói Hàn Thuyên là tác giả chữ Nôm cả. Sử chỉ chép ông là người có tài làm thơ phú bằng chữ Nôm và có nhiều người thời ấy bắt chước nên thơ quốc âm được gọi là Hàn Luật từ đây.

Theo *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*: "Mùa Thu tháng tám năm Thiệu Bảo thứ tư (1282), có con cá ngac ngư (cá sấu) đến sông Phú Lương (sông Nhị Hà). Vua sai ông làm bài văn vớt xuống sông. Cá sấu tự đi. Vua cho việc ấy giống việc Hàn Dũ [02] bên Tàu, nên cho ông đổi họ Hàn". Sử không nói rõ bài văn tế cá sấu này viết bằng chữ Hán hay chữ Nôm. Hiện nay không có ai được đọc hoặc biết bài văn tế đó chép ở sách nào.

Bài văn đã thất truyền, không ai biết nội dung ra sao, viết bằng chữ gì, nhưng nhiều tác giả trong đó có học giả Đào Duy Anh (*Việt Nam Văn Hoá Sử Cương*, trang 270) gán cho Hàn Thuyên đã sáng tác bài văn tế này bằng chữ Nôm. Tuy nhiên không ai có thể phủ nhận Hàn Thuyên là thi gia đầu tiên làm thơ bằng chữ Nôm. Ông cũng là người có công lớn trong việc mở đường và gây được phong trào sáng tác thơ bằng chữ Nôm trong văn học Việt Nam.

SĨ NHIẾP CHẾ TÁC RA CHỮ NÔM?

"*Sĩ Vương bắt đầu lấy chữ Tàu dịch ra chữ ta, đến chữ "thư cưu" không biết ta gọi là chim gì, đến chữ "dương đào" không biết gọi là quả gì"* (*Đại Nam Quốc Ngữ*), Sĩ Cuồng Lê Dư dựa vào đoạn sử trên của Nguyễn Văn San đời Tự Đức để lý luận rằng chữ Nôm do Sĩ Nhiếp khởi sự chế tạo ra. Căn cứ vào câu này, Lê Dư đưa ra quan điểm như sau:

"*Lấy ý riêng của tôi xét ra thì tưởng đương thời ta đọc sách chữ Tàu, thầy dạy hay học trò học, thế nào cũng phải lấy tiếng nước ta mà giải thích mới có thể hiểu, lại cần phải có một thứ chữ để làm phù hiệu ghi cho dễ nhớ. Nhân vậy, Sĩ Vương mới lựa những tiếng Hán nào phát âm như tiếng ta, lấy một nửa hình chữ Hán và một nửa chữ Hán khác hợp thành chữ, hoặc dùng tiếng, hoặc dùng nghĩa, hoặc dùng ý hội đem làm phù hiệu dịch thứ tiếng của ta. Và chẳng Sĩ Vương là người đất Quảng Tín, quận Thương Ngô, thuộc đất Quảng Tây bây giờ, bên ấy từ xưa đã có một thứ chữ tục hệt như chữ Nôm của ta. Chữ "ngánh" nhà nho đọc là "ngánh", tiếng "oánh" là yên*

*ồn đọc là “oánh”, toàn thể thức như chữ Nôm. Cứ theo bộ sách Lĩnh Ngoại Đại Đáp của Chu Khứ Phi đời Tống thì rõ ràng thứ chữ tục ấy toàn như chữ Nôm của ta ” (Lê Dư, *Chữ Nôm với Chữ Quốc Ngữ*, Nam Phong Tạp Chí, số 172, tháng 05, 1932).*

Sau đó, Lê Dư còn nêu lên sự kiện Việt Sử có ghi dưới thời Bắc Thuộc đã có những chữ Nôm như “Bố Cái” (cha mẹ), “Bè Trên” (tiếng dân gọi vua) để chứng minh vào thời Phùng Hưng (thế kỷ thứ 8) nước ta đã có chữ Nôm.

VAI TRÒ CỦA GIỚI TĂNG LÃ TRONG LỊCH SỬ CHỮ NÔM

Theo nhà biên khảo Liên Giang thì giới tăng lữ, sư vãi, thầy pháp dưới thời Bắc Thuộc (khoảng đầu nhà Đường khi đạo Phật đã truyền sang nước ta) là tác giả chữ Nôm. Trong việc cúng tế Thần Phật, khi gặp địa danh hay tên người nhà quê rất nôm na họ phải tạo ra chữ viết số điệp. Một cách hợp lý, giới sáng tạo ra chữ Nôm phải thuộc đẳng cấp Nho sĩ, nhưng vì dưới thời Bắc Thuộc dân trí còn rất thấp kém, học thuật chưa phát triển nên đời sống thần quyền và tôn giáo đã ngự trị xã hội ta. Vì vậy, giới tăng lữ đã có dịp trước nhất sáng tạo ra chữ Nôm (Liên Giang, *Chữ Nôm ta có từ bao giờ và ai sáng chế ra chữ ấy?* tạp chí Tri Tân số 40, ra ngày 31 tháng 03, 1942).

CHỮ NÔM CÓ TỪ THỜI TRIỆU ĐÀ?
Các thuyết trên đều không được Phạm Thế Ngũ chấp nhận. Với ông, các thuyết này thiếu bằng cứ vững vàng, khó có thể cho thuyết nào đúng, thuyết nào xa sự thật.

Quan điểm của Phạm Thế Ngũ được tóm lược vào ba điểm chính sau:

Thứ nhất: Nếu chỉ từng chữ một, chữ Nôm đầu tiên phải xuất hiện sớm lắm. Chẳng phải giới tăng lữ hay Sĩ Nhiếp dưới thời Bắc Thuộc mà chữ Nôm đã có ngay từ đời nhà Triệu. Triệu Đà [03] sau khi chiếm được Âu Lạc đặt nền cai trị tất gặp các địa danh, nhân danh, vật danh đọc theo tiếng dân bản xứ, ông và thợ lại dưới quyền phải nghĩ ra cách viết để ghi ra giấy tờ. Người Tàu trong trường hợp này hẳn đã lấy chữ Hán của họ để ghi tả, phương pháp này là tá âm, phiên âm.

Thứ hai: Dưới thời Bắc Thuộc, sự tiếp xúc giữa người Việt và người Tàu ngày một gia tăng trên các địa hạt học thuật, luật lệ, thương mại v.v. đưa đến sự cần thiết của việc biên chép tên người, tên đất, tên vật bản xứ. Những người đã học chữ Hán, biết viết chữ Hán tất cùng người Tàu dự phần chế tác chữ Nôm. Tuy nhiên, phương pháp chế tác thời này có lẽ cũng chỉ là Tá Âm với vài ba trường hợp Hình Thanh. Đến đây chỉ mới có một vài chữ Nôm chen kẽ trong những đơn từ, số điệp, tờ sức trát, nhưng chưa có văn Nôm.

Thứ ba: Phải đợi đến đời nhà Trần mới có những câu, những bài viết bằng chữ Nôm. Nhu cầu đề ra kỹ thuật, các nhà làm văn Nôm đời Trần cần có nhiều chữ để diễn tả tâm tình, cảm nghĩ, trong đó có Hàn Thuyên là lãnh tụ, hẳn đã đặt ra rất nhiều chữ và nghĩ ra những nguyên tắc cấu tạo rõ rệt. Tất cả hệ thống, phương pháp ghép chữ Hán tạo ra chữ Nôm như còn lưu lại về sau chắc chắn chỉ bắt đầu thành hình từ đời nhà Trần

(Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, quyển 2, trang 20-22).

KẾT LUẬN VỀ NGUỒN GỐC CHỮ NÔM

Chữ Nôm hình thành từ những năm đầu khi người Trung Hoa chinh phục đất Giao Chỉ và đặt nền đô hộ trên nước ta. Vì ngôn ngữ khác biệt, những chữ Nôm đầu tiên xuất hiện vì nhu cầu ghi địa danh, tên người hoặc những khái niệm không có trong Hán văn. Song chứng cứ còn lưu lại hết sức ít ỏi, khó kiểm chứng được một cách chính xác.

Phạm Huy Hồ trong "*Việt Nam ta biết chữ Hán từ đời nào*" cho rằng chữ Nôm có từ thời Hùng Vương. Văn Đa cư sĩ Nguyễn Văn San, được Lê Dư diễn dịch cho rằng chữ Nôm bắt đầu có từ thời Sĩ Nhiếp cuối đời Đông Hán thế kỷ thứ 2. Nguyễn Văn Tổ còn dựa vào hai chữ "Bồ Cái" trong từ ngữ "Bồ Cái Đại Vương" do nhân dân suy tôn Phùng Hưng (791) mà cho rằng ở thế kỷ thứ 8 nước ta đã có chữ Nôm. Có ý kiến lại dựa vào chữ "Cồ" trong quốc hiệu "Đại Cồ Việt" (大瞿越) để cho rằng chữ Nôm có từ thời Đinh Tiên Hoàng (năm 968).

Trong một số nghiên cứu vào thập niên 1990, các học giả xét chữ Nôm trên phương diện hệ thống văn tự, căn cứ vào đặc điểm cấu trúc nội tại của chữ Nôm, dựa vào qui luật ngữ âm lịch sử tiếng Hán và tiếng Việt, so sánh đối chiếu hệ thống âm tiếng Hán và tiếng Hán Việt, đã đi tới kết luận rằng âm Hán Việt (âm của người Việt đọc chữ Hán) bắt nguồn từ thời Đường - Tống (thế kỷ 8-9). Và nếu âm Hán Việt có từ thời Đường - Tống thì chữ Nôm không thể ra đời trước khi có cách đọc Hán Việt, chỉ có thể ra đời

sau thế kỷ thứ 10 khi người Việt thoát khỏi ách nô lệ Tàu với chiến thắng của Ngô Quyền năm 938.

Căn cứ vào các công trình khảo cứu từ trước đến nay ta có thể kết luận là chữ Nôm bắt đầu xuất hiện một thời gian ngắn sau khi Triệu Đà chiếm được nước ta (khoảng vài năm sau 207 TTL). Điều chắc chắn chữ Nôm không phải do một cá nhân sáng tạo, mà do công trình của nhiều người thuộc nhiều giới trong xã hội. Giới thư lại người Việt Nam làm việc cho chính quyền đô hộ Tàu và các thầy chùa, pháp sư từ khi đạo Phật truyền sang nước ta từ đời nhà Đường (thế kỷ thứ 8) là 2 thành phần chính yếu đã đóng góp đáng kể trong thời kỳ chữ Nôm còn phôi thai. Nhưng việc hoàn chỉnh chữ Nôm thực sự phải do công sức của giới Nho Sĩ từ trước thời Hàn Thuyên.

Không phải đợi đến đời Trần ta mới có những câu và những bài viết bằng chữ Nôm theo như quan điểm của Phạm Thế Ngũ. Một cách hợp lý, nếu chữ Nôm chưa phát triển thì Hàn Thuyên và các nhà mô phỏng ông thời đó như Nguyễn Sĩ Cố, Chu Văn An không thể nào trong một sớm một chiều lại có thể đặt ra được những nguyên tắc, phương pháp chế tác chữ Nôm rõ rệt để làm thơ phú. Chữ Nôm đến đời nhà Trần đã có khá nhiều chữ và có thể coi như gần hoàn chỉnh. Hàn Thuyên và các Nho sĩ theo gương ông có công tạo nên một phong trào rộng lớn trong việc sử dụng chữ Nôm để làm thơ phú. Tất nhiên ta không thể phủ nhận rằng Hàn Thuyên và các thi nhân thời đó trong lúc sáng tác hẳn đã chế tác ra thêm nhiều chữ mới khiến cho chữ Nôm đã trở nên phong phú hơn hẳn thời trước.

CHỮ NÔM TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM

Kể từ Hàn Thuyên đến thời Lê về sau số lượng sáng tác bằng chữ Nôm tăng dần trong suốt 500 năm từ thế kỷ 14 đến giữa thế kỷ 19. Phong phú nhất là các áng thi văn có tính cách cảm hứng, tiêu khiển, và nặng phần tình cảm. Những tác phẩm Nôm này rất đa dạng gồm thơ, phú, hát nói, tuồng, chèo, văn tế, truyện thơ lục bát, song thất lục bát. Văn Nôm đã diễn tả đầy đủ mọi tình cảm của dân tộc Việt, khi thì hào hùng, lúc bi ai, khi trang nghiêm, lúc trào phúng.

Ngược lại, các tác phẩm về lịch sử tuy có được ghi lại bằng chữ Nôm nhưng rất ít, văn vẫn có vài tác phẩm như *Thiên Nam Ngữ Lục* (thời Hậu Lê) hay *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca* (thời Nguyễn), còn tất cả các loại thuộc về sử ký, địa dư, biên khảo đều chỉ viết bằng chữ Hán.

Các tác phẩm bằng chữ Nôm trong văn học Việt Nam gồm có [04]:

THỜI KỲ PHỐI THAI: TRIỀU TRẦN - LÊ (1225-1527)

Thế kỷ thứ 13:

Thơ của Hàn Thuyên

Thế kỷ thứ 14:

Quốc Ngữ Thi Tập của Chu Văn An
Trê Cóc (truyện) khuyết danh [05]

Trình Thử (truyện) của Hồ Huyền Qui
Vương Tường (truyện thơ) khuyết danh [06]

Thế kỷ thứ 15:

Nghĩa Sĩ (Thơ) Nguyễn Biểu/Trần Trùng Quang

Gia Huân Ca, Quốc Âm Thi Tập của Nguyễn Trãi [07]

Hồng Châu Quốc Ngữ Thi Tập của Lương Như Hộc

Kim Lăng Ký của Đỗ Cận

Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập của Lê Thánh Tông
Thơ của Nguyễn Xung Xác

Thơ của bà Ngô Chi Lan

Thơ, Bài Hát Á Đào của Lê Đức Mao

THỜI KỲ PHÁT TRIỂN: TRIỀU MẠC - TÂY SƠN (1527-1802)

Thế kỷ thứ 16:

Đại Đồng Phong Cảnh Phú, Tịch Cư Ninh Thế Phú của Nguyễn Hăng

Phú của Bùi Vinh

Bạch Vân Quốc Ngữ Thi Tập của Nguyễn Bình Khiêm

Sứ Bắc Quốc Ngữ Thi Tập, Sứ Trình Khúc,

Từ Thời Khúc, Tiểu Độc Lạc Phú, Tiểu

Khúc Song Thất của Hoàng Sĩ Khải

Ngư Phủ Nhập Đào Nguyên (truyện) của

Phùng Khắc Khoan

Thế kỷ thứ 17:

Ngọa Long Cương Văn của Đào Duy Từ

Song Tinh Bất Dạ của Nguyễn Hữu Hào

Thế kỷ 18:

Phú của Nguyễn Nghiễm

Phú của Nguyễn Khản

Phú của Đỗ Kế Giai

Giai Cảnh Hứng Tình Phú, Ngã Ba Hạc

Phú của Nguyễn Bá Lân

Đoàn Ca Lục Bát của Trương Ngọc Trong

Thơ của Nguyễn Thị Ngọc Vinh

Phú, Văn Sách, Kinh Nghĩa của Lê Quý Đôn

Chinh Phụ Ngâm [08], các bài *Văn Tế* của

Phan Huy Ích

Chinh Phụ Ngâm của Đoàn Thị Điểm
Chinh Phụ Ngâm của Nguyễn Khánh
Sãi Vãi của Nguyễn Cư Trinh
Cung Oán Ngâm Khúc, Tây Hồ Thi Tập, Tứ Trai Tập của Nguyễn Gia Thiều
Bắc Sở Tự Tình Phú của Lê Quỳnh
Hoa Tiên (truyện) của Nguyễn Huy Tự
Hịch Khuyên Trưng Nghĩa của Lê Huy Dao
Cung Oán Thi, Tản Cung Nữ Oán, các bài Phú của Nguyễn Hữu Chinh
Hoài Nam Khúc của Hoàng Quang
Ai Tư Vãn, Vãn Tế Vua Quang Trung của Lê Ngọc Hân [09]
Tụng Tây Hồ Phú, Bình Tây Khúc, Cung Oán Thi, Hồi Loan Khúc của Nguyễn Huy Lượng

THỜI KỲ THỊNH ĐẠT: TRIỀU NGUYỄN (1802-1862)

Thế kỷ thứ 19:

Vãn Tế Võ Tánh và Ngô Tùng Châu, Vãn Tế Trần Vong Tướng Sĩ của Đặng Đức Siêu
Vãn Tế của Nguyễn Văn Thành
Truyện Kiều (Đoạn Trường Tân Thanh) của Nguyễn Du
Xuân Hương Thi Tập của Hồ Xuân Hương
Mai Đình Mộng Ký của Nguyễn Huy Hồ
Chiến Tụng Tây Hồ Phú, Sơ Kính Tân Trang, Thơ, các bài Từ của Phạm Thái Tỳ Bà Hành của Phan Huy Vịnh
Thơ, Hát Nói của Nguyễn Công Trứ
Thơ của Bà Huyện Thanh Quan
Nhị Thập Tứ Hiếu Diễn Âm, Phụ Châm Tiễn Lãm, Sứ Trình Tiễn Lãm Khúc của Lý văn Phúc
Kim Thạch Kỳ Duyên (Tuồng), *Thơ* của Bùi Hữu Nghĩa
Thơ, Hát Nói của Nguyễn Quý Tân
Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu, Ngư Tiều Ván Đáp của Nguyễn Đình Chiểu

Hoài Cổ Phú của Võ Trường Toản
Thơ của Trịnh Hoài Đức
Luận Ngữ Diễn Ca, Thập Điều Diễn Ca của vua Tự Đức
Thơ của Tôn Thọ Tường
Thơ của Phan Văn Trị
Chính Khí Ca của Nguyễn Văn Giai
Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái
Hạnh Thực Ca của Nguyễn Nhược Thị
Thơ, Phú của Cao Bá Quát
Tự Tình Khúc của Cao Bá Nhạ
Thơ, Hát Nói của Dương Khuê
Thơ, Hát Nói của Nguyễn Khuyến
Thanh Tâm Tài Nhân Thi Tập của Chu Mạnh Trinh
Thơ, Hát Nói của Trần Tế Xương (Tú Xương)

Các tác phẩm khuyết danh:

Bích Câu Kỳ Ngộ, Bạch Viên Tôn Các, Phan Trần, Thạch Sanh, Trê Cóc, Hoa Điều Tranh Năng, Vương Tường, Nhị Độ Mai, Tống Trân Cúc Hoa, Quan Âm Thị Kính, Quan Âm Diệu Thiện, Mục Liên Địa Tạng, Mục Liên Thanh Đề, Tấm Cám, Lưu Bình Dương Lễ, Nữ Tú Tài, Phương Hoa, Lý Công, Hoàng Trừu, v.v.

Từ Hàn Thuyên đến giữa thế kỷ 19, thơ văn Nôm ngày một tinh tế, điêu luyện với lối dùng chữ tài tình như thơ Bà Huyện Thanh Quan, hay hóm hỉnh ẩn dụ như thơ Hồ Xuân Hương. *Ai Tư Vãn* của Ngọc Hân Công Chúa, *Chinh Phụ Ngâm* của Phan Huy Ích, được xem là trội hơn nguyên tác chữ Nho của Đặng Trần Côn, là những tuyệt tác. *Cung Oán Ngâm Khúc* với lời văn câu kỳ, hoa mỹ, *Truyện Kiều* và *Lục Vân Tiên* là những truyện thơ bình dị với lối hành văn khéo léo, ý nghĩa sâu sắc. Những

truyện Nôm là các tác phẩm được phổ biến rộng rãi trong dân chúng khiến không người Việt nào lại không biết đến.

Thời kỳ cuối của chữ Nôm xuất hiện nhiều tác phẩm thi ca theo thể hát nói của Nguyễn Công Trứ, Dương Khuê, Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh, Tú Xương v.v. Đó là chưa kể những vở tuồng hoặc chèo dân gian cũng được soạn bằng chữ Nôm như *Kim Thạch Kỳ Duyên*, *Quan Âm Thị Kính*.

Các nhà Nho quan niệm văn chữ Hán là văn nghiêm chỉnh, đúng đắn, còn văn chữ Nôm là văn chơi, vì thế các loại thuộc về học thuật đều viết bằng chữ Hán, văn Nôm chỉ có địa vị ở các loại thơ văn mà thôi. Có vài năm ngoại lệ ngắn ngủi đời nhà Hồ (thế kỷ 15) các văn bản hành chính như sổ sách, công văn, giấy tờ, thư từ, khế ước, địa bạ v.v. đôi khi xen chữ Nôm nếu không thể tìm được một chữ Hán đồng nghĩa để chỉ các danh từ riêng (như tên đất, tên làng, tên người), tổng thể vẫn là văn bản Hán Việt.

詔傳羅山夫子阮汝欽知將畧委朱夫丁
 又女相地澗都朱及期尼回御牢術細姑
 隗冕鄧役詎輒唉駕回富春京休息士率
 詔領下夫子早宜與鎮守慎其事經之
 女相地作都在浮石行宮稍後近山耳正地
 做在民居於間哈囉泥吉地中 都唯夫子
 道眼鑒定早已卜成委朱鎮守慎早立
 宮殿期三月內完成行便駕御唯夫子勿以
 開忽視欽哉特
 泰德十二年六月初一日

Thủ bút của vua Quang Trung [10]

詞干
 東說場午吟吟皮接休學冲本道崇朱完香信云來各理買評
 歲手更如連三官年燁世鍾仍夜辰初研道金得輝在年差為內
 後除克德候候詞封共十張崇兩燒界本道完鄧慈慈差母心
 腹宛克德候在詞封共十張崇兩燒界本道完鄧慈慈差母心
 本道抱物意春稍音聚米助款元慈開買特已疏交之並善後
 幸如買未明忌本道來我德意詞曰文拍便欽給崇今詞

Thủ bút của Nguyễn Ánh [11]

Dưới triều đại nhà Tây Sơn, do sự hậu thuẫn của vua Quang Trung, toàn bộ các văn kiện hành chính bắt buộc phải viết bằng chữ Nôm. Việc thi, việc học đều bằng chữ Nôm, mỗi khoa thi cử đệ tam trường sĩ tử phải làm thi phú bằng quốc âm. Vua Quang Trung cử La Sơn Phu Tử đứng đầu Sùng Chính Viện lo việc dịch thuật Tứ Thư Ngũ Kinh của Tàu ra tiếng Việt. Văn Nôm còn được dùng trong những dịp đại lễ, quốc táng. Khi vua Quang Trung và Vũ Hoàng Hậu Lê Ngọc Hân mất đều có văn tế bằng chữ Nôm. Bài chiếu Nguyễn Huệ gửi cho La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, bài chiếu vua Cảnh Thịnh khuyên Quận Diêu và Quận Dũng giải hòa với nhau, bài hịch kê tội họ Trịnh khi Tây Sơn đem quân ra Bắc lần thứ nhất, bài hiệu thị quân dân thành Qui Nhơn của vua Cảnh Thịnh sau khi quân Tây Sơn chiếm lại được thành này năm 1799, tất cả đều viết bằng văn Nôm. Thời đại huy hoàng của chữ Nôm vốn vẹn được 24 năm (từ 1788 đến 1802), thời gian quá ngắn ngủi để văn học Việt Nam có được những tác phẩm văn nôm ngoài lãnh vực thi ca.

Tuy chữ Nôm không được coi là văn tự chính thức của quốc gia nhưng là thứ chữ riêng của dân tộc Việt Nam, đã được sử dụng gần như đồng thời với chữ Hán từ khi thứ chữ của kẻ đô hộ du nhập vào nước ta. Mãi đến cuối thời Pháp thuộc chữ Nôm mới tàn theo chữ Hán và được thay thế bằng Chữ Quốc Ngữ. Chữ Nôm đã cùng với chữ Hán được dùng để ký tái văn chương nên nhờ đó tạo dựng cho nước ta một nền văn học thuần túy Việt Nam.

TRẦN BÍCH SAN

CHÚ THÍCH:

[01] Năm Gia Long thứ 12 (1813) Nguyễn Du đang làm Cai Bạ (Bổ Chánh) tỉnh Quảng Bình được thăng Cần Chánh Đại Học Sĩ, sung chức Chánh Xứ sang Tàu. Trong thời gian đi xứ ông có ghé thăm một lò gốm chế tạo đồ sứ. Chủ lò xin ông vài chữ cho kiêu đĩa Mai Hạc. Nguyễn Du đề tặng 2 câu thơ:

Nghêu ngao vui thú yên hà

Mai là bạn cũ hạc là người quen

Kiêu đĩa này sau được đem bán ở nước ta, thời tiền chiến Viện Bảo Tàng Khải Định có lưu giữ.

[02] Hàn Dũ (768-823): đậu tiến sĩ đời Đường Dục Tôn, làm Giám Sát Ngự Sử, vì dâng biểu bài xích đạo Phật nên bị Đường Hiến Tôn giáng chức đi làm Thứ Sử Triều Châu (nay là Quảng Đông). Ở đây có con cá sấu làm hại dân, ông làm bài văn tế để đuổi cá đi.

[03] Nhân khi mọi nơi nổi lên chống nhà Tần, năm 204 TTL Triệu Đà chiếm lấy Lĩnh Nam lập ra nước Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung (Quảng Châu), rồi đánh chiếm Âu Lạc của Thục An Dương Vương nhà Thục. Nước Âu Lạc từ đó nhập vào nước Nam Việt. Triệu Đà giữ độc lập với nhà Hán được 92 năm, truyền 5 đời vua, đến đời vua Triệu Kiến Đức (Thừa Tướng là Lữ Gia) thì mất vào tay Hán Vũ Đế năm 111 TTL.

[04] Ở đây chỉ liệt kê các tác phẩm viết bằng chữ Nôm, các tài liệu khác như thư từ, chiếu chỉ, hiệu thị, v.v. không phải là tác phẩm văn học nên chỉ được

dùng như những chứng tích của việc sử dụng chữ Nôm.

[05] Theo Bùi Huy Bích (thời Lê mạt) thì tác giả *Trê Cóc* là một gia khách của An Sinh Vương Trần Liễu. Trần Thái Tông lấy Lý Chiêu Hoàng 12 năm mà không có con, Thái Sư Trần Thủ Độ lo ngôi vua không người thừa kế nên ép vua Thái Tông bỏ vợ, lấy vợ của anh ruột là An Sinh Vương Trần Liễu lúc đó đã có thai được mấy tháng. Trần Liễu tức giận đem quân làm loạn, còn Thái Tông bỏ cung trốn đi. Sau đó, nhờ sự cương quyết của Trần Thủ Độ nên Trần Liễu chịu hàng, vua Thái Tông trở về cung và đánh lấy chị dâu đang có mang. Mấy tháng sau sinh ra Trần Quốc Khang.

[06] Truyện nôm *Vương Tường* là chuyện Chiêu Quân Cống Hồ điển nôm. Đời Hán, Chiêu Quân có nhan sắc được tuyển vào cung nhưng không có tiền đút lót nên bị Mao Diên Thọ vẽ chân dung xấu dâng vua. Vì thế nàng phải sống âm thầm, sâu hận vì không được vua biết đến. Khi vua Hung Nô đem quân đến cửa ải đòi nhà Hán phải nộp mỹ nữ mới bãi binh, vua Hán đem Chiêu Quân cống Hồ. Trước khi đi, nhà vua cho nàng vào bệ kiến mới hay vẽ đẹp chim sa cá lặn của nàng. Vua hối hận toan giữ lại nhưng quân thần mạnh mẽ can gián, vua đành phải nghe theo. Khi nhập cung Hồ, Chiêu Quân nhất định không chịu thành thân với vua Hung Nô và tự kết liễu đời mình bằng giải khăn.

Có người suy đoán truyện nôm *Vương Tường* ra đời trong khoảng thời gian

vua Trần Anh Tông gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân để đổi lấy 2 châu Ô, Rí vào năm 1306. Được ít lâu, Chế Mân qua đời, theo tục lệ Chiêm Thành, Huyền Trân phải dâng đàn hỏa thiêu. Vua sai Trần Khắc Chung sang Chiêm điều tang cướp nàng về. Khắc Chung nói thác hoàng hậu Huyền Trân phải ra bờ biển chiêu hồn rồi sau đó mới rước về hỏa đàn được. Người Chiêm tin là thật. Khi ra bờ biển, Khắc Chung đem chiến thuyền đến cướp Huyền Trân thật nhanh. Nhân thế, 2 người tư thông với nhau, đi đường biển thật chậm, lênh đênh mây mưa ân ái với nhau trên thuyền hơn một năm mới trở về (*Việt Sử Tiêu Án*).

[07] Thời kỳ Nguyễn Trãi làm Hành Khiển dưới triều vua Lê Thái Tổ mỗi khi lui châu về nhà ở Hồ Tây thường gặp một cô gái bán chiếu trẻ đẹp. Một hôm, nhân chỗ vắng vẻ ông ứng khẩu đọc mấy câu thơ để ước hỏi:

*Á ở đâu mà bán chiếu gon
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn
Xuân thu nay độ bao nhiêu tuổi
Đã có chồng chưa, được mấy con?*

Cô gái là Nguyễn Thị Lộ cũng ứng khẩu đáp lại:

*Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon
Cớ sao ông hỏi hết hay còn
Xuân xanh mới độ trắng tròn lẻ
Chồng còn chưa có, hỏi chi con?*

Sau Nguyễn Trãi cưới Thị Lộ làm thiếp. Nàng nhan sắc mặn mà, giỏi thơ văn, có tài xướng họa nên vua Lê Thái

Tông rất yêu quý, do đó sinh ra cái vạ vườn Lê Chi, Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc sau này.

- [08] Về thân phận Lê Ngọc Hân có thuyết cho rằng sau khi diệt được Tây Sơn, thống nhất đất nước, vua Gia Long đã nạp bà làm phi. Thuyết khác cho rằng sau khi Tây Sơn mất, bà cùng 2 con giả dạng dân đi buôn trốn về miền quê ở Quảng Ngãi. Ít lâu sau tung tích bại lộ, bà và 2 con bị bắt đem về Huế gia hình “Tam Ban Triều Diển”. Sau này, Hoàng Thúc Trâm tìm ra bằng chứng đánh đổ các thuyết trên. Khi Tây Sơn bị diệt, bà Ngọc Hân đã từ trần rồi. Bà mất năm Kỷ Mùi (1799) đời vua Cảnh Thịnh. Bằng chứng là trong *Dụ Am Văn Tập* có 5 bài văn tế do Phan Huy Ích làm ra vào năm đó để tế Vũ Hoàng Hậu tức miếu hiệu của Lê Ngọc Hân (xem *Quốc Văn Đời Tây Sơn* của Hoàng Thúc Trâm).
- [09] Học giả Hoàng Xuân Hãn với các tài liệu xác thực chứng minh bản dịch *Chinh Phụ Ngâm* được truyền bá khắp dân gian mà mọi người biết đến là của Phan Huy Ích. Bà Đoàn Thị Điểm cũng có diễn nôm *Chinh Phụ Ngâm* nhưng không hay bằng nên bị lãng quên (*Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo*, nxb Minh Tân, Paris tháng 07, 1953).
- [10] Thủ bút của vua Quang Trung trong tờ chiếu gửi La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp năm 1788. Trong tờ chiếu này cũng như trong lá thư Nguyễn Ánh gửi thầy Cai trường Đạo ở Chantaboun, chữ Nôm và chữ Hán pha trộn ở chữ dùng cũng như câu đặt.
- [11] Thư của Nguyễn Ánh viết ngày 15 tháng 12, 1783 gửi cho thầy Cai

trường Đạo ở Chantaboun. Nội dung thư cho biết Nguyễn Ánh đang ẩn náu ở đảo Panjang (Thổ châu) nhờ thầy Jacques Liot mua hộ lương thực để nuôi binh lính (chụp từ bản sao lại của Phủ Tổng Trấn Tả Quân Lê Văn Duyệt ngày 19 tháng 06, 1827- tài liệu của L. Cadière, 1926).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Hà Nội, 1944; Bộ Giáo Dục tái bản, Sài Gòn 1968.
- Đào Duy Anh, *Việt Nam Văn Hoá Sử Cương*, nxb Quan Hải Tùng Thư, Huế, 1938; Bốn Phương tái bản, Sài Gòn, 1951.
- Đông Hồ, *Bàn Về Bản Văn Song Tinh Bất Dạ*, Tạp Chí Nhân Loại, Sài Gòn, 1953.
- Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn Phu Tử*, nxb Minh Tân, Hà Nội, 1950.
- Hoàng Xuân Hãn, *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo*, nxb Minh Tân, Paris, tháng 07, 1953)
- Lê Dur (Sở Cuồng), *Chữ Nôm và Chữ Quốc Ngữ*, Nam Phong Tạp Chí, Hà Nội, tháng 05, 1932.
- Liên Giang, *Chữ Nôm ta có từ bao giờ và ai sang chế ra chữ ấy?*, tạp chí Tri Tân, Hà Nội, tháng 03, 1942.
- Nguyễn Văn Tố (Ứng Hoè), *Tài liệu để đính chính những bài văn Nôm*, tạp chí Tri Tân, Hà Nội, 1941-1942.
- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Tân Biên*, quyển 2, nxb Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1962-1965.
- Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, nxb Tân Dân, Hà Nội, 1942, Thăng Long tái bản, Sài Gòn, 1960.



GÀ TÂY GÀ TA

Gia đình nhà họ gà

Xuân về, người Việt mừng Tết theo Âm lịch tính theo Thập Nhị Đại Can tức 12 con giáp Tý, Sửu, Dần, Mão Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Tính ra năm 2017 cầm tinh con gà là Đinh Dậu. Nên tôi sưu tầm gà viết tản mạn về gà. Năm Dậu tượng trưng cho người siêng năng vì gà phải bận rộn từ sáng đến tối cần cù giờ Dậu bắt đầu từ 5 giờ đến 7 giờ tối.

Lịch sử các năm gà. Kỷ Dậu 1609 tờ báo Avis Relationorder Zeitung ở Đức được in lần đầu, Đinh Dậu 1837

Sumuel Morse phát minh điện tín đánh đi các văn bản theo ký hiệu. Quý Dậu 1813 Napoleon bị liên quân Phổ Đức đánh bại, năm Quý Dậu 1873 phát minh ra máy đánh chữ; kỷ Dậu 1789 Vua Quang Trung đại thắng quân Mãn Thanh, Kỷ Dậu 1849 nhiều người tới California di cư đến tìm vàng cho đến năm 1850 thì California được thành lập tiểu bang thứ 31 của USA, Ất Dậu 1885 thí nghiệm thành công về xe hơi đầu tiên ở Hoa Kỳ; Quý Dậu 1933 Đức bại trận trong Đệ nhất thế chiến; Ất Dậu 1945 Hồng quân Nga vào giải phóng trại tù Tập trung người Do Thái ở Auschwitz Balan. Năm 2017 kỷ niệm

62 năm người Do Thái bị Hitler tàn sát, cũng trong năm Ất Dậu đau thương của dân tộc Việt Nam ở miền Bắc hơn 2 triệu người chết đói.

Trong văn học Việt Nam gà được nói đến trong truyện Lục Súc Tranh Công phong tục ca dao... tranh minh họa về gà, tranh gà thường kèm theo phụ đề như Thần Kê (Gà Thần) với chữ Kê thân chú viết thảo, có tác dụng trừ tà; hay Đại Cát (vui lớn); Nghênh Xuân; tranh "Bé trai ôm gà trông". Ở Tây phương có các truyện như, The San Diego Chicken; Chicken Boo; The Subservient Chicken; Chicken Little... các phim Chicken Run cũng như âm nhạc với vũ điệu Chicken Dance... ngoài đời thường nghe những chuyện, hoa mồng gà, ông nói gà bà nói vịt, anh chàng đó như gà mái, gà mờ, gà mèn, gà dịch, gà nuột dây thun, gà thiến, gà chọi, gà tây, gà ta, gà cồ... ôi đủ thứ gà thời đại có thêm những thứ bệnh mang tên gà như: Bệnh Mồng Gà (Crete de Coq/Papilloma) Ho Gà (Coqueluche/Whooping Cough), Cúm Gà (Grippe aviaire/Avian Flu); bệnh Quán gà (Hemeralopie/Hemeralopia).

Người Pháp gọi gà trống Le Coq, gà thể thao Le Coq sportif, con mái La Poule, người Đức gọi Hühnen nói chung kê loại (hühnerartiger Vogel) thì có Pute gà mái tây, Truthahn gà tây, gà rừng, gà tơ, gà già... loại nhỏ từ 1 kilo đến 2 kilo. Người Mỹ thì có những tên cock, rooster, chick, chicken. Vào lễ Thanksgiving họ thường hay ăn gà tây (turkey) gọi là con gà gô (La Dindon) Người miền Nam còn gọi gà tây là gà

lôi. Lễ tạ ơn gà tây là món chính không thể thiếu trong tiệc gia đình người Mỹ, tuy nhiên những người sành ăn lại kén chọn loại, gà tây to tướng nuôi theo kiểu công nghiệp, thịt không đậm đà, gia đình Mỹ giàu thì mua loại gà tây rừng, nông trại Mỹ gọi là gà "heritage" đặc tính lông màu đen hay xám có thể bay được thịt ngon hơn nhưng giá tiền khá đắt so với giới bình dân.



Sách viết về 1000 loại chim, Hühnervögel / gamebirds/ les gallinacés gà được phân chia thành nhiều loại hơn 150 giống khác nhau trên khắp 5 Châu. Các loại gà sống thích hợp tùy theo khí hậu, có độ lớn và cân nặng khác nhau, loại gà Meleagris gallopavo silvestris cao 100 cm nặng 7000-8000g. Loại gà vườn nuôi ở Việt Nam gọi là Cochinchina-Bankivahuhn tên khoa học Gallus gallus gallus. Có loại gà Đông Tảo loại gà hiếm có ở miền Bắc, gà có cặp chân xấu xí, đội chân to và thô, khi trưởng thành có thể nặng trên 4,5 kg (gà trống) và trên 3,5 kg (gà mái). Đây là loài gà nuôi cổ truyền của xã Đông Tảo thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng

Yên, người dân trước đây thường dùng để cúng tế-hội hè, hay tiến Vua Theo dư luận đồn đãi thịt gà này ngon hơn, nên cặp gà giống giá cả 100 triệu ĐVN. Kề lăm của nhiều tiền thường tìm mua các loại gà này.

Các họ gà như họ trĩ gồm các loại công, gà lôi, gà rừng họ hạc gồm có điểu, cò nhiều loại, hạt đen, già đầy Java, họ đà điểu, họ ung như đại bàng, kên kên, điều hoa, họ ngỗng, họ cu như cu đất ..



Tiểu sử các dòng họ nhà gà trên thế giới
 Hokkos;Perlhühner;Pfauen;Truthühner;
 Edelfasane;Kragenfasane;Langschwanz
 fasane;Huhnfasane;Ohrfasane;Wallichf
 asane;Glanzfasane;Koklassfasane;Pfauf
 asane;Satyrhühner;Rauhfußhühner;Kam
 mhühner;Feldhühner;Frankoline;Zahnw
 achteln;Wachteln: Ringgrößen; (độc giả
 bấm chuột lên tên các loại gà có thể đọc
 về đời sống đặc tính riêng từng loại
 nguồn gốc và có hình rõ ràng tài liệu
 bằng Đức ngữ)

Đời sống tập tính gà giống nhau, dù trên núi cao hơn 2000m có tuyết phủ gà vẫn sống được, nhưng. Virus H5N1 gây cúm gia cầm đã giết chết hàng triệu con gà trong những năm qua. May mắn các nhà nghiên cứu đã tìm ra một loại thuốc chống virus để trị. (tiểu loại H = hemagglutinin được tính từ H1 đến H15 và có 9 kháng nguyên tiểu loại N = neuraminidase đánh số từ N1 đến N9 nên có tên gọi chung 2 loại vi khuẩn nguy hiểm trên: H1N1, H3N2; H5N1....)

Nuôi gà mau lớn có thể bán thịt hay trứng, Thịt gà được mọi người ưa thích bởi vì người Việt Nam, gà là món ăn thường ngày, hoặc món nhậu trong các bữa tiệc như lễ cưới hỏi, ma chay, đám giỗ, đặc biệt là trên mâm cỗ cúng Tết gà luộc phải đầy đủ đầu, chân, tiết và bộ lòng. Nhiều người còn mê tín, sau khi cúng thường xem chân gà tốt xấu ứng báo những điều gì xảy ra, người chết sau 3 ngày mở cửa mộ phải cột chân thả

con gà chạy quanh mộ kêu "cụt cụt" để báo thức hồn người quá cố...

Đá gà thú vui hay cờ bạc

Theo cổ sử đá gà là một trong những trò chơi phổ biến nhất trong xã hội người Ai Cập, Ba Tư tức Iran ngày nay, Do Thái, và Canaan, Trung Đông. Đá gà là thú vui dân gian, hồi còn bé những ngày giỗ kỵ của thân tộc, và các ngày hội hè đình đám, Tết tôi thường theo ông Nội, để xem đá gà rất lôi cuốn, hấp

dẫn, trò chơi đá gà có thể vừa giải trí trong thân tộc, và sinh hoạt các hội hè trong làng xưa. Ông tôi với thú vui tuổi già là nuôi gà đá rất sành điệu, công phu và kinh nghiệm, Ông am tường kỹ lưỡng, rất rành từ việc chọn giống gà nòi các màu: tía, ô, xám, ô xám, tía ô, xem tướng chân gà có vây, vi, lông mao, tiếng gáy, dáng đứng... nuôi dưỡng, luyện tập coi thể đá, phân tích từng cú nạp, móc giò, né đòn, mổ, đâm...v.v

Người chuyên nuôi gà đá chọn lựa kỹ với kiến thức rộng trong lĩnh vực chuyên môn nhà nghề, ví dụ con này có vuốt cong thì bất lợi hay không, con nọ móng thẳng thì hay dở thế nào, mào rộng dài thì được thuận tiện ra sao, cựa dài sắc nhọn là vũ khí lợi hại. Cánh thon dài, nhịp vỗ chậm thì đem lại những phản ứng chậm chạp khi xoay sở đánh đòn. Nội tôi chọn loại gà nòi đá dũng mãnh và thiện chiến nhờ cao giò - loại gà nặng ký ra đòn đau hơn, mạnh mẽ hơn, bền sức chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Nội tôi đam mê nuôi gà đá, nâng niu, yêu quý, cho gà ăn đầy đủ, lúa phải ngâm nước, ủ cho ra mọng hay các món rau cải đậu... cho gà ăn phải có chừng mực, sao cho vừa đủ chất bổ dưỡng, không dư mỡ, nếu không gà sẽ nặng nề, xoay trở chậm chạp. Thức ăn cho gà đá có thể coi là sơn hào hải vị. Nhưng phải thả gà ra vườn vì gà bản tính thích bới đồng mỡ tây để tìm ăn sỏi hoặc cát. là muốn lợi dụng sỏi để giúp tiêu hóa thức ăn mà thôi. Khi thức ăn vào đến mề gà, chúng sẽ được trộn lẫn với những hạt sỏi nhỏ. Mề gà là túi cơ rất dày. Dưới sự nhu động mạnh mẽ của mề gà, nhào,

nghiền, góc cạnh của viên sỏi chà xát thức ăn, một lúc sau, thức ăn rất nhanh chóng bị nghiền thành hồ nát, nhưng gà nuốt phải dây thun khi vào đều, nhiệt độ nóng làm cao su nở ra, bộ tiêu hóa gà không chịu nổi.

Muốn con gà có da thịt săn chắc, hằng ngày ông tắm nghệ, phun rượu toàn thân gà cắt bỏ mông và tách, đầu ức nhỏ bỏ lông để lộ phân da đỏ, các thứ lông cánh, đuôi, chân, cổ... được cắt tỉa cẩn thận. (Giống gà nhỏ không cần cắt mông hay tách) Chân gà thường thoa xức với rượu thuốc ngâm để tắm cho da gà dày hơn, cựa thường đâm không thủng. Ông thương gà còn hơn những đứa cháu nghịch như tôi. Câu ngạn ngữ "Gà tại nó, chó tại ta" có nghĩa là gà trước hết phải là gà giống, rồi mới đến kết quả công rèn luyện. Hoặc "chó giống cha, gà giống mẹ" ... giống gà các vùng xa xôi như Cao Lãnh, Bà Điểm, Bà Rịa, Nam Vang, nhiều người ưa thích nổi tiếng đá hay, ông đều tìm giống để nuôi. Nuôi gà đá và xem tướng gà đá ở xứ nào cũng giống nhau. Gà đá phải là giống gà nòi, nhưng không phải gà nòi nào cũng đá được. Ngoài cách nuôi còn chọn tướng. "Nhứt thời chùn chùn bước ra, nhì hời đầu lắc, thứ ba né lông không có những ngón "rúc cánh", "hồi mã thương"...

Thời xưa chưa có đồng hồ, các trận đấu được đánh dấu bằng một cây nhang hay một cái chén đồng có lỗ nhỏ ở đáy để nổi trên hồ nước nhỏ, bên cạnh một cái chuông nhỏ để gõ một tiếng báo động hết một hiệp đấu. Nước vào đầy chén chìm xuống tính một hiệp đấu, đôi khi cả buổi mà vẫn chưa phân thắng

bại (mỗi trận được tính làm 10 hồ - hiệp đấu, mỗi hồ 15 phút), cặp gà vẫn chưa phân thắng bại, tạm nghỉ khán giả tản ra ngồi uống nước. Trong lúc ngưng trận đấu để gà nghỉ dưỡng sức, người chuyên môn thân tín của mỗi bên, hút nước nhờn trong cổ gà ra, lấy nước vổ 2 bên đầu gà, rửa hút máu các vết thương cho gà tỉnh táo, xoa bóp nhẹ ở chân và đùi gà. Người cá độ chờ đợi ai sẽ là người chọn đúng gà thắng độ? Tiếng reo hò của khán giả đứng quanh trường gà, trong lúc hai con gà say tiết chiến đấu ngoan cường và say đờn, có con tuy sức yếu nhưng không bỏ cuộc chui vào cánh đối phương, chờ cơ hội sơ hở để trả đòn cho đến khi kiệt sức bất tỉnh khụy xuống. Những con gà đá nhốt trong các giỏ bội lớn có người nhà trông coi, sợ người khác bỏ 1 hột lúa ngâm "mã tiền" có chất Ancoloit gà ăn thì chết ngay, Khi giao đấu dưới các cánh gà phải kiểm soát cẩn thận có bôi thuốc mê không? Nếu vui chơi văn nghệ gọi là "xỏ gà" các trận đấu gà trên một khoảng sân trống hay sau vườn cỏ non, cựa gà phải buộc lại bằng vải tránh gây thương tích giết nhau khi giao đấu, ở các trường gà chuyên môn thì khác, nhà có mái, nên là hình bầu dục sâu khoảng 0,3 m đường kính 3 hay 4m. Chung quanh người đứng xem (tuỳ theo từng nơi tổ chức). Nhiều người ghiền đá gà cá độ, táng gia bại sản như ở Phi Luật Tân chính phủ Phi ra lệnh cấm đá gà. Trên toàn cầu nhiều quốc gia cũng thích trò chơi đá gà. ở Bỉ bị cấm từ năm 1926, Pháp trước đó cũng cấm cho tới năm 1964 cho phép, nhưng ở Đức thì không thấy trò chơi đá gà. Ở Mỹ, đá gà

cũng có thời rất thịnh hành. Người ta kể rằng các tổng thống George Washington, Thomas Jefferson, Andrew Jackson và Abraham Lincoln là những người rất ham mê đá gà. Việt Nam thì ông Hoàng Bửu Đảo cho đến lúc lên ngôi vua niên hiệu là Khải Định cũng mê đá gà hơn lo việc nước. Hiện tại đá gà đã bị cấm tại hầu hết các tiểu bang, ngoại trừ tại New Mexico và một phần của Louisiana vẫn cho phép đá gà, nhưng tình trạng đá lậu vẫn phổ biến ở miền nam nước Mỹ. Người La mã đưa môn đá gà vào nước Anh và hồi đó vua Henry VIII rất mê trò chơi này. cho đến thế kỷ 19 dưới thời Nữ hoàng Victoria thì môn chơi gà bị cấm.

Biểu tượng người Pháp chọn con gà trống Symbole de la Fierté (trưng truyền dân Gaulois / Gallus trong tiếng La tinh còn có nghĩa là gà trống (Le coq /rooster) từ thời Phục hưng 1601 vua Henri IV nước Pháp thường chọn thêu hình gà trên các cờ quạt ... dần dần hình ảnh con gà trống đã trở thành biểu tượng của nước Pháp. Ở Đức báo Süddeutscheszeitung chọn gà trống làm biểu tượng buổi sáng có tin tức mới, ở Munich có một nhà Thờ chọn hình con gà trống cũng như dụng cụ đoán chiều gió là hình gà trống... nhưng ngược lại người Ý dùng con gà mái trong việc tiên tri, thí dụ gà mái bị nhốt trong chuồng mở cửa cho gà mái ăn thì điềm tốt, nhưng chạy thì điềm xấu. người Hy Lạp quý trọng gà xem như biểu tượng của ba vị thần Hercules; Ares Athema. Tuy theo nhận xét của mỗi người trong vấn đề đức tin.

Gà trống nhiều màu sắc sẽ luôn hội tụ đủ 5 yếu tố, phẩm chất cao quý, tuyệt vời như một trang dũng tướng, hoặc một đấng nam nhi. Tức là có đủ cả trí-vũ-dũng-uy-nhân không thua gì đặc tính vốn có ở con người. Những yếu tố căn bản ấy được biểu lộ khi đang đứng, đang đi, đang chiến đấu với địch thủ. Vì gà có nhân, nghĩa mỗi khi tìm được mồi thường kêu cục cục gọi nhau lại cùng ăn, không ăn một mình. đồng thời gà trống nó cũng biểu hiện một đức tính cao quý là chữ tín - hằng ngày nó gáy canh không bao giờ sai, giúp người dân quê thức dậy lo việc đồng áng. Gà trống có 2 dịch hoàn ở bên trong, tiếp xúc với nhiều gà mái sau khi đập mái thường vỗ cánh và gáy rất thỏa mái. Nếu có gà trống nào lạ tới sẽ bị tấn công ngay, gà trống về khả năng sinh lý đứng sau Dê đực. Gà trống thích đập mái nên cơ thể cao to nhưng gầy ốm. Thịt gà trống muốn ăn ngon phải thiên, sau khi thiên (capon) thì nó lo ăn nên rất mập. Gà mái không có gà trống đập mái vẫn đẻ trứng (không có trống thì trứng ấp không nở con) Còn có loại gà đẻ "trứng vàng" của các ngân hàng trước 30.4.1975, nhưng sau đó kẻ khốc người cười vì trứng vàng bị mất hết. Thời Trung Quốc cổ đại có truyện "Đồ kê tư thân" kể rằng, một buổi sáng có con gà mái đột nhiên gáy ò ó o khiến mọi người đều kinh sợ... Ngày nay khoa học có thể giải thích chuyện này, và thực tế gà mái có thể biến thành gà trống thật! Thực tế, không chỉ ở gà, mà ở nhiều loại động vật khác, thậm chí ngay cả ở người cũng có thể xảy ra hiện tượng này. Các nhà khoa học gọi hiện tượng

chuyển hoá đực cái là "chuyển ngược tính biệt". Gà mái biến thành gà trống xảy ra sau khi buồng trứng của gà bị bệnh, không thể sản ra kích tố giới tính cái để ức chế túi tinh phát dục. Kết quả là túi tinh vốn bị thoái hoá lại có điều kiện phát triển và tiết ra kích tố đực, khiến cho gà mái mọc lông như gà trống, rồi cất tiếng gáy và thế là gà mái biến thành gà trống. Đây là hiện tượng *phát dục tính biệt*.

Gà trống bận rộn đời sống lo cho các chị gà mái, nhưng đêm về thì cô đơn ngủ một mình "*ngày năm thế bảy thiếp tối riêng một mình!*" "Các sư phụ trong ngành võ thuật Bình Định đã xem thế đá, né đòn, cách tiến thủ của gà mà sáng tạo ra bài "*kê quyền*". Cũng giống như nhìn khi đùa với hổ mà có bài "*hầu quyền*", nhìn rắn và chuột đấu với nhau cho ra bài "*xà quyền*"...

Gà trong thi ca

Gà gần với đời sống, ở thôn quê nhà nào cũng nuôi gà đẻ lấy trứng ăn thịt,



chỉ có gà tây ở Việt Nam hơi hiếm, ít người thích ăn thịt sợ phong ngứa và thịt không ngon, nuôi gà tây khó hơn vì loại gà này rất dữ có thể tấn công đá, mổ lại chó mèo và trẻ em, những gia đình người Pháp sống làm việc ở Việt Nam họ thường nuôi loại gà tây. Về đời sống dân gian người ta thường ví von những cặp vợ chồng không xứng đôi vừa lứa
*Gà tơ xào với mướp già
Vợ hai mươi mốt, chồng đã sáu mươi
Gà già khéo ướp lại tơ
Nạ dòng trang điểm gái tơ mất chồng*

Gà vườn không chịu với thời tiết mưa gió, gà xù lông mông tái mét như gà mắc bệnh dịch, còn chó bị ướt vì mưa thì lạnh run... cho nên kinh nghiệm mua bán hay tiên đoán thời tiết nắng mưa
*Bán gà kỹ ngày gió, bán chó kỹ ngày mưa
Ràng mỡ gà thì gió, ràng mỡ chó thì mưa*

Người nuôi gà thường chọn giống gà nào tốt
*Nuôi gà phải chọn giống gà
Gà ri bé giống nhưng mà đẻ mau
Nhất to là giống gà nâu
Lông nhiều thịt béo, về sau đẻ nhiều.*

Các thức ăn điệu nghệ người miền Bắc thường cần phải có lá chanh, hành, hay riêng để hợp với khẩu vị
*Con gà cục tác lá chanh
Con lợn ủn ỉn mua hành chợ tôi
Con chó khóc đứng khóc ngồi
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riêng
Thịt gà cần phải lá chanh
Tía tô, cà, chuối mới thành ba-ba*

Cố đô Huế với cảnh u tịch trang nghiêm, nhiều Chùa, Đình Miếu, Lăng tẩm nhưng du khách thường đến thăm chùa Thiên Mụ, khung cảnh hữu tình, Tháp chùa nghiêng mình trên dòng nước trong xanh, không gian yên lặng nhưng những tiếng chuông chiều ngân vang, buổi sáng tinh sương nghe tiếng gà gáy từ làng Thọ Xương gọi người thức dậy cho một ngày mới, theo tin đồn trước 1975 người nào đó dịch canh gà trong thi ca là tô canh gà “chicken soup” !
*Giò đưa canh trúc là đà
Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương*

Văn chương bình dân phong phú nhưng không thể nhầm lẫn tai hại khi dịch phổ biến văn hoá với nước ngoài, Nếu đọc các câu sau sẽ hiểu được vấn đề
*Có thương thì thương,
Không thương thì nói
Làm chi lân lân lữa lữa
Trên Chùa đã dậy tiếng chuông
Gà Thọ Xương đã gáy
Chim trên nguồn đã kêu.*

Nói đến một giai đoạn lịch sử với tiếng gà gáy hàng ngày vẫn trôi qua buồn thảm, Kinh đô còn đó nhưng chủ quyền quốc gia mất dần vào tay thực dân Pháp
*Bến chợ Đông ba, tiếng gà eo-óc
Bến chùa Thọ Lộc, tiếng trống sang canh
Giữa sông Hương gợn sóng khuyên thành
Đêm khuya một chiếc thuyền mảnh
ngựa nghiêng*

Hoặc trong hoàn cảnh gia đình
*Trách con gà gáy vô tình
Chưa vui sum họp, đã đành chia phối
Trách gà vợ gáy tàn canh*

*Không lâu tí nữa, cho tình thử than
Lao xao gà gáy rạng ngày
Vai vác cái cây, tay dắt con trâu.
Bước chân xuống cánh đồng sâu
Mắt nhắm mắt mở đuôi trâu đi cây.
Ai ơi! Bụng bát cơm đầy
Nhớ công hôm sớm cấy cây cho chẳng*

Trong thi ca cũng nhắc đến tình yêu không đến với con người bằng địa vị, vật chất, nhưng đến với nhau bằng giao cảm, với sự rung động con tim một siêu tần số tâm hồn, nếu không có sự giao cảm thì không bao giờ có tình yêu, nên đã có trường hợp

Ông nói gà bà nói vịt

Vì nhận thức tính chất giao cảm giữa tâm hồn và cảnh vật, đuôi gà cũng đã gọi được một phần luyện ái hay mượn gà để tỏ tình

*Một thương tóc bỏ đuôi gà
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên
Ba thương má lún đồng tiền
Bốn thương răng nhánh, hạt huyền kém thua*

*Thương em anh để trong lòng
Việc quan anh cứ phép công anh làm
Thương em không dám vô nhà
Đi qua đi lại hỏi có gà bán không*

Mái tóc đẹp thướt tha, duyên dáng nên người xưa từng bới tóc theo kiểu đẹp riêng, như ngày nay các bà uốn, chải tóc nhiều kiểu cho phù hợp với khuôn trăng đầy đặn. Có người chọn tóc đuôi gà mây lá liễu, không kém phần hấp dẫn tạo thành duyên nợ, vì cái đuôi gà ấy mà phải xin địa chỉ cô nàng chẳng?

Cô kia bới tóc đuôi gà

Nắm đuôi cô lại, hỏi nhà cô đâu
Sinh hoạt gia đình, xã hội nếu không cùng chung sống trong yêu thương, hòa bình, mà lòng người cứ mang mãi hận thù, đời thêm khổ đau vết thương không bao giờ hàn gắn lại được.

*Khôn ngoan đá đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ, chó hoài đá nhau
Gà què ăn quần cối xay
Hát đi hát lại tới ngày một câu*
Thời xưa chưa có đài dự báo thời tiết nắng mưa thế nào? Nhưng kinh nghiệm sinh tồn, người ta tiên đoán được thời tiết và chú trọng về vấn đề phong thủy

*Chớp đông nhay nháy, mà gà gáy thì mưa
Mùa hè đang nắng, có gà trắng thì mưa
Mông một lười gà, mông ba lười liềm
Nhà giàu mua vải tháng ba
Bán gạo tháng tám, nuôi gà tháng năm
Chó liềm da gà liềm xương
Chuồng gà hướng đông cái lông chẳng còn*

Ngày xưa thường có tục cúng tế thần linh, ông thần Hoàng phải mời thầy cúng sao giải hạn, cầu mong tai qua nạn khỏi, nên thường nuôi gà để cúng và trả công cho thầy

*Chập chập rồi lại cheng cheng
Con gà trống thiến để riêng cho thầy
Chập chập thôi lại chòng chong
Có con gà sống cũng mang biếu thầy*

Ngoài vấn đề giao tế hai bên suôi gia, gà heo thường làm lễ vật, bên đàn trai biếu xén đàn gái gọi là „thăm suôi“ không đầu gà thì má thịt lợn (heo). gia đình sinh nhiều con trai ngày xưa hàng

năm phải tốn kém gà heo, nên con gái nói với mẹ:

*Mẹ ơi sinh trai làm chi
Đầu gà má lợn đem đi cho người.
Mẹ sinh con gái như tôi,
Đầu gà má lợn mẹ ngồi mẹ ăn!*

Ngoài xã hội đàn ông là cột trụ trong gia đình, nhưng trong gia đình không có đàn bà thì không được

*Không đàn bà thì gà bơi bấp
Chủ vắng nhà gà mọc đuôi tôm*



Hoặc nói lên sự hy sinh của người vợ lính chiến

*Anh đi tay súng tay cày
Em nuôi gà vịt, trông bầy con thơ*

Đầu năm „khách đến nhà, không gà thì vịt“ bên quê nhà phải làm thịt gà hay vịt đãi khách, còn chúng ta ở hải ngoại đơn giản, gà vịt mua ở siêu thị người ta làm sẵn không lo chuyện „bắt nước vò gã“ hay „cắt cổ gà không nạt dao phay“. Nói về việc gởi bại cho các báo nhờ có Computer, viết theo font Unicode nên không bị độc giả chê, „chữ

xấu như gà bới“. Chủ bút nhận bài save để đó, không phải bài „lãng xãng như gà mắc đẻ“ nhiều bài của tác giả gởi đến mờ mắt "trông gà hóa cuốc" nhưng bài gởi đăng "chùa" không tiền nhuận bút nên không ngại việc ký check trả tiền "bút sa gà chết"...

Độc giả về thăm Việt Nam (1) nhớ ăn "gà đi bộ" đừng ăn "gà móng đờ" hay "gà đi xe gắn máy" như người ta nói "trai thấy gái lạ như quạ thấy gà con" Về nhà bà xã bắt mạch trị bệnh đau đầu kinh niên thì phiền cho cả năm. Độc giả có thư hỏi tác giả bài viết này là ai? xin trả lời "ngây ngô như gà mờ, lơ đờ như gà hoàng hôn". Phóng viên phỏng vấn, hay phát biểu trên tivi phải uốn lưỡi bảy lần trước khi nói hay trả lời trả lời tránh "Gà chết vì tiếng gáy." Năm cũ đã qua năm mới đến gà nhà xin "đừng bôi mặt đá nhau." Đầu năm nếu quý vị có ai xem bói vận mệnh trong năm mới ra sao? tôi xin đoán trước độc giả hưởng được: Phước-Tài-Lộc, công danh tươi sáng như sao Mai, sức khoẻ dồi dào như Hercules.

Nguyễn Quý Đại Munich

1/Chú thích loại gà nuôi trong vườn ăn bắp lúa hoa lá, không phải gà nuôi theo công nghiệp trong chuồng, thức ăn biên chế có chất hoá học, nên người Bắc gọi là "gà đi bộ" Còn loại "gà móng đờ" „gà đi xe gắn máy“ là các em bán ba, vũ nữ... thời Mỹ sang Việt Nam lại có từ gà chết Chicken death. (hình trên Internet)

<https://www.youtube.com/watch?v=27qZlwEtvRE>

<https://www.youtube.com/watch?v=QOE2OWOvVA>

CHUYỂN DỊCH THƠ HÁN NÔM
Tiên Thiên Thi Thi Tập
Trần Đình Túc (陳廷肅 1816* – 1899)

Hiệp Biện Đại Học Sĩ hai triều Thiệu Trị, Tự Đức. Tài liệu lấy từ Biên Bảo Tàng Hà Nội (chữ Thảo). Linh Đan & Trần Đại Vinh: chuyển thành chữ Chân và phiên âm, giải nghĩa.

Chuyển thành thơ: Hạ Thái Trần Quốc Phiệt.

上海雲關 徐徐十級上山顛 曾此遊觀熟後先 飄渺空中雲捧日 汪洋極處水連天 身心望仰憑穹壤 氣象高深蓋萬千 臣分北南惟使命 勤勞容可答塵涓 陳廷肅	THƯỢNG HẢI VÂN QUAN Từ từ thập cấp thượng sơn điên Tằng thử du quan thực hậu tiên Phiếu miểu không trung vân phủng nhật Uông dương cực xứ thủy liên thiên Thân tâm vọng ngưỡng bằng khung nhưỡng Khí tượng cao thâm cái vạn thiên Thần phận Bắc Nam duy sứ mệnh Cần lao dung khả đáp trần quỳên Trần Đình Túc
---	--

Chú thích đề 上海雲關THƯỢNG HẢI VÂN QUAN 此後三首做在丙寅試筆之後 thử hộ tam thủ phỏng tại Bính Dần (1866)) thí bút chi hộ : Sau đây 3 bài phỏng đoán liền sau bài Bính Dần thí bút – Tại trang 22

Giải nghĩa :

LEO LÊN CỬA ẢI HẢI VÂN
Từ từ mười bậc cấp lên đến đỉnh núi
Từng đến xem xét nơi này, biết ai là trước, ai sau
Xa tít trên không, các đám mây nâng mặt trời
Mênh mông nơi xa xôi, nước liền với trời
Thân và tâm đều được dựa vào bầu trời và mặt đất
Không khi và cảnh tượng cao sâu bao trùm cả
muôn ngàn
Phận của bề tôi đi bắc hay nam là do sai khiến
Dáng vẻ siêng năng lao nhọc, có thể báo đáp
được mây may.

Linh Đan & Trần Đại Vinh

Diễn thơ:

LÊN ĐÈO HẢI VÂN
(thoát dịch)
Lần lên mười bậc, mỗi chân trèo
Kẻ trước người sau từng trải leo
Nhìn dọc chập chùng mây chắn nắng
Trông ngang thăm thẳm nước bao đèo
Tâm hồn như thể non mềm mại
Thân xác tưởng chừng bé tẻo teo
Công cán bắc nam tùy sứ mệnh
Siêng năng, lao nhọc... đáp đền theo.

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt
01-2016

TRANH ĐÔNG HỒ

Sưu tầm của

Nguyễn Phú Long

Tại những vùng quê Việt Nam xưa, nhất là ở Bắc phần, cứ vào dịp Xuân về, ta thường thấy một loại tranh vẽ trên giấy bản khổ nhỏ cỡ 20x26 Cm bày bán la liệt ở nơi những tiệm tạp hóa các phiên chợ quê bên cạnh mấy món mứt gừng, mứt bí, trà Thái Nguyên, kẹo bột, thuốc Lào, pháo chuột.

Nét vẽ những loại tranh này rất thô sơ, giản dị, được in ra hàng loạt từ những bản khắc bằng gỗ theo lối thủ công, màu sắc tươi sáng nguyên thủy, gồm đủ xanh, đỏ, vàng, đen, tím... không pha trộn cầu kỳ.

Đề tài hết sức bình dân, thật gần gũi với cuộc sống thường nhật như con gà sống, oai phong cất cao cổ gáy lúc mặt trời mọc; Mụ lợn xề nằm ườn cho đàn con bú sữa lưu truyền nòi giống; trai gái đánh đu; hái dừa... có thể ngoài chuyện giải trí cũng là sự mở đầu cho thiên chức tiếp tục bảo tồn nòi giống!

Người ta thường đua nhau mua loại tranh này về dán đó đây trên vách để trang hoàng nhà cửa cho thêm rực rỡ trong những ngày tết sau đó dẹp bỏ chẳng lưu giữ làm gì vì loại giấy vẽ không bền, vì tranh còn tiếp tục "tái bản" hàng loạt theo nhu cầu... Chắc

chấn tết năm sau, nếu muốn, cứ ra chợ mua dễ dàng, giá cả cũng rẻ thôi rồi đem về treo, dán lên cho mùa Xuân mới, nhà cửa lại tràn đầy hình ảnh tượng bưng... trẻ con, thiếu nữ, ông bà tha hồ vui vẻ.

Theo Toan Ánh trong "Các Thú Tiêu Khiển Việt Nam" đó là tranh tết. Chơi tranh tết là một tập quán của người xưa, tranh tết cũng cần cho ngày tết như pháo, như câu đối, như cây nêu...

*Đi đệt ngoài sân tràng pháo chuột
Loet lòe trên vách bức tranh gà.*
(Tú Xương)

"Tranh Tết" là loại tranh bình dân đặc biệt Việt Nam, chẳng kỳ lạ như tranh tây phương, cũng không trau chuốt như tranh Tàu. Nó giản dị hồn nhiên đượm đầy dân tộc tính và đề tài tranh tết thường là những cảnh, những việc, những tình... hằng ngày ăn nhập, hòa hợp với cuộc sống con người, quê hương Việt Nam yêu dấu.

Vì nhu cầu, như thế thì nhiều nơi trong nước ta, đã tham dự vào việc sản xuất các loại tranh này. Bắc, trung, Nam... các gia đình với tay nghề đều hăng say tận tâm phục vụ. Nhưng có lẽ chỉ làng Đông Hồ, Bắc Việt thực hiện với trình độ cao hơn, nghệ thuật nổi tiếng hơn.

Đông Hồ là một làng nhỏ nhưng dễ tìm. Từ Hà Nội ngược quốc lộ 1 đến Bắc Ninh, cây số 30 thì rẽ sang đường 38, đi thêm 12 cây số rồi qua sông đến ga Phủ Thụy, cây số 16 rẽ vào đường

182 đi thêm chừng 20 cây số nữa là tới. (theo hướng dẫn của giáo sư Chu Quang Trứ.)

Nơi đây xưa có chừng 17 dòng họ chuyên làm tranh rất nhộn nhịp. Họ nổi tiếng vì phẩm chất hơn hẳn những nơi khác đến nỗi về sau tất cả những loại tranh như vậy thường được gọi là tranh Đông Hồ.

Cũng theo Toan Ánh thì nghề vẽ và làm tranh này gốc tận Trung Hoa, mới nhập vào quê hương ta khoảng thế kỷ XV. Người đem nghề này dạy cho dân là ông Lương Như Hộc đậu tiến sĩ đời Lê, năm Đại Bảo thứ III (1442) hiện ông được dân làng Đông Hồ thờ làm Thành Hoàng.

Những bức tranh lợn gà ngày nay vẫn giữ các đường nét, hình thức, bố cục y như cũ thôi, vẫn làm theo lối in mộc bản, nhưng vật liệu thì không còn dùng loại giấy thô sơ như trước, thay



vào là giấy gió lụa mịn màng thớ dai thường được quét lên một lớp điệp hay một lớp vàng đỏ, hòe vàng.

Tất cả những vật liệu này đã được một số người lão luyện trong nghề, với khả năng kỹ thuật gia truyền o bế tạo nên những tác phẩm càng ngày càng

có nhiều tính chất nghệ thuật dân tộc. Nên bây giờ, thay vì người ta gọi là tranh lợn gà như trước kia nó đã được trân trọng mang tên Tranh Nhân Gian Đông Hồ (Dongho's Folk Paintings) và có lẽ cũng chỉ còn tìm thấy loại tranh này nơi làng Đông Hồ thuộc tỉnh Thuận Thành tỉnh Hà Bắc mà thôi.

Mặt khác, một cách khách quan, chúng ta phải khiêm tốn chấp nhận rằng kể cả tranh Đông Hồ nữa nền hội họa cổ của Việt Nam chẳng có gì đáng kể, và tiếc thay, không những thế, hiện tại thì những bức tranh Xuân này đã trở thành hiếm hoi.

Nào ai có lòng hòaai cổ khi nhìn thấy cảnh mai chớm nụ báo hiệu Xuân sắp về, chợt nghĩ tới, muốn có mấy bức tranh quê, treo lên, ngắm nghĩa, hồi tưởng đến khoảng thời gian xưa cũ trong bầu không khí rục rờ hoa tươi bên đám trẻ đang chơi đùa với bộ quần áo mới chắc cũng phải thất vọng vì khó kiếm đâu ra.

Nói thế chẳng có nghĩa là hình ảnh những bức tranh này đã chết hẳn. Sự thực thì nó chỉ không có mặt rầm rộ phổ thông như trước, nguyên nhân cũng dễ hiểu, nay nó không còn được ưa chuộng hoan nghênh như trước nữa, lý do là xã hội và xã hội Việt Nam nói riêng, đã theo đà tiến bộ, văn minh toàn thế giới, nên mọi sự, nói chung, đã thay đổi rất nhiều.

Lắm vùng quê hiện thời đã sử dụng máy cày thay trâu kéo. Rải rác bên trong lũy tre xanh, ban đêm đã có vài nơi dùng máy phát điện do bà con chòm

xóm chung đưng “đi tỉnh” mua về sài cho thêm tiện nghi. Một lần, cũng khá lâu, năm 2003, trong lúc từ Hà Nội tới vịnh Hạ Long, vào một buổi trưa, kẻ viết này ngó về phía hai bên ruộng nương lúc xe đang chạy, đã tình cờ nhìn thấy, bên cạnh dăm ba con trâu gặm cỏ gần chiếc xe Honda hai bánh dựa vào cột đèn trông còn rất xịn, cô thiếu nữ đang vừa cười vừa nói điện thoại cầm tay...

Nếu ai mục kích những hình ảnh đó và nhiều sự việc văn minh tiến bộ khác nữa như TV, tủ lạnh... chắc sẽ hiểu lý do tranh Đông Hồ dù giá trị đến đâu, ngày nay cũng phải từ từ rút lui vào một vị trí khiêm nhường hơn trước, âm thầm lặng lẽ hơn trước, và nó chỉ “tay bắt mắt mừng” với ai là “tri kỷ tri bỉ”, “Biết của biết người”.

Nhưng cũng nhờ ở cái vị trí thu gọn hiện nay mà tranh Đông Hồ đã có thời gian nhần nha trau chuốt thêm, rút tỉa giữ gìn cho tinh tế thêm để dần dần trở thành một nghệ phẩm thật sự, hy vọng rồi đây sẽ được nói đến xứng đáng như những phần văn hóa của tiền nhân theo dòng lịch sử.

Như phần trên đã nói, trước kia riêng làng Đông Hồ có chừng gần hai chục họ tộc tham gia trong việc sản xuất loại tranh này, hiện nay chỉ còn một vài gia đình đeo đuổi nghề nghiệp cũ của ông cha truyền lại, mục đích bảo tồn và cung cấp cho khách sành điệu cũng như một số người ngoại quốc muốn tìm hiểu nét vẽ đặc thù của dân tộc Việt Nam ta.

Hỡi anh đi đường cái quan!

Dừng chân ngắm cảnh cho tan mỗi sầu.

*Mua tờ tranh điệp tươi màu
Mua đàn gà lợn thi nhau để nhiều.
(Ca dao)*

Thế là bây giờ cả người ngoại quốc khi có dịp du lịch Việt Nam cũng ưa tìm mua loại tranh này. Tường tượng thấy họ cầm bức tranh, ngắm nghía tăng tiu, vui cười hồn nhiên... ta tự hỏi thăm, ngoài một số ít có căn bản hội họa, chẳng biết phần đông họ có hiểu gì qua những hình thể đơn sơ bề ngoài của hầu hết những bức tranh Đông Hồ? Hay chỉ túng đề tài làm quà cho mấy người thân ở nhà nên cứ mua đại rồi xách lên phi cơ cũng kể như chiếc nón bài thơ, cây đàn cò ngỗ ngỗ.

Hội họa cũng như âm nhạc là những thứ ngôn ngữ quốc tế mà người Âu Mỹ khá rành. Cho nên nghi ngờ họ không thường thức, khám phá ra cái hay cái đẹp thì hơi chủ quan. Mặt khác, cho vô tư công bằng, có lẽ cũng phải thêm: Sự thực là biết đâu cái nhìn của họ và cái nhìn của ta khác nhau.

Mà ngay như chúng ta trình độ thường ngoạn của mỗi người cũng nhiều khi khác nhau chẳng làm sao nêu ra những lý lẽ để thuyết phục, để tiến tới sự đồng lòng được.

Hơn nữa, tiếng là tranh Đông Hồ giản dị, nhưng cũng có những bức ẩn dụ nhiều ý nghĩa, thâm trầm, sâu sắc thấm đượm văn hóa đông phương chúng ta có thể cùng nhau tìm hiểu để cùng nhau chấp nhận được. Về điểm này xin đơn cử bức tranh “Trung Nam Bản Xã” để làm thí dụ.

Bức tranh Trung Nam Bản Xã trình bày trong một khung hình chữ nhật; Cạnh ngang dài hơn cạnh dọc; Vẽ một đoàn nam thanh niên đang diễn hành biểu dương sự vui tươi, lành mạnh vào hội mùa Xuân với cờ, quạt, trống, bảng hiệu, lọng che....

Tranh vẽ dùng ba màu đen, đỏ xậm và hồng tươi trên nền giấy quệt một lớp điệp xám nhạt. Tám bảng dẫn đầu với bốn chữ Trung Nam Bản Xã giới thiệu với mọi người bọn họ thuộc loại trai tráng trong làng.

Chữ “xã” ở đây mượn của Tàu. Người Việt Nam xưa tụ tập sống từng nhóm. Những nhóm ấy có tên như: Chiêng (Chiêng Yên Kênh, quê hương mẹ Trịnh Kiểm); Bản (Bản Mê Thuột); Kẻ (Kẻ Noi); Làng...

Chữ “Trung” xác định nhóm thanh niên không còn trẻ (thiếu) nhưng cũng chưa già (lão) Bằng tên dùng chữ Nho vì ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa mới lại ngày ấy có thể nước ta chưa phát minh ra chữ viết cả chữ Nôm lẫn chữ quốc ngữ. Nhưng cũng nhờ chữ Hán nên Việt Nam có nhiều chữ đã được Hán hóa từ chỗ thô sơ đến hoa mỹ như “O Soan” thành “Suyên Nương” v...v...

Tiếp theo do nhu cầu phát sinh, ta đã sáng kiến tạo dựng ra chữ Nôm căn bản là dựa vào chữ Hán. Trong cuốn “Việt Nam Văn Học Sử Yếu” Dương Quảng Hàm viết “Chữ Nôm là thứ chữ hoặc dùng nguyên hình chữ Nho hoặc lấy hai ba chữ nho ghép lại để viết tiếng Nam”.

Người Tàu chẳng đọc và hiểu chữ Nôm hơn thế nữa đôi khi cùng là người Việt Nam cùng biết viết chữ Nôm

nhưng cũng không hiểu được nhau, lý do mỗi vùng viết khác nhau chưa thống nhất (như gần đây học giả Lê Xuân Nhuận và nhà văn Phạm văn Hải trong đặc san 2016 của Văn Bút miền đông Hoa kỳ đã nêu lên vấn đề I ngắn Y dài trong Việt ngữ nhưng cũng chưa ai theo, chưa giải quyết được, cách viết chữ Việt chưa thống nhất được.)

Do đó chẳng mấy người để ý hai câu lục bát chữ Nôm trên bức tranh Hái Dừa mô tả cảnh tượng của đôi nam nữ rất vui vẻ, yêu đời hăng say, tình tứ lãng mạn:
*Khen ai khéo vẽ nên dừa
Đầy trèo đây hứng cho vừa một đôi.*

Hai câu thơ này của ai? Chẳng thấy ghi tên tác giả.

Tất cả những bức tranh Đông Hồ cũng vậy. Nó không giống loại tranh cổ Trung Hoa. Họa sĩ Tàu khi vẽ xong thường hay tự mình ký tên với triện son và mời các danh sĩ bạn bè phóng bút viết thêm hay đề mấy câu thơ kỷ niệm. như ta thấy trên bức Mã Dữ Mã Phu Độ Giang của Tào Mộng Phủ (1254-1322) trưng bày tại Free Gallery Of Art, Washington. “Nhất thơ nhất họa” thường đi đôi với nhau!

Trở lại bức tranh Trung Nam Bản Xã, ta thấy những nét vẽ không chồng lên nhau, người này không che lấp người khác, đó cũng kể như một sự kiện đặc thù, giống như loại tranh thủy mặc của Trung Hoa với nét độc đáo, chẳng cần theo luật “đường chân trời” xa gần của thị giác mà trông vẫn “có lý”, thơ mộng.

Họa sĩ Bùi Xuân Phái trong tác phẩm “Viết Dưới Ánh Đèn Dầu” (NXB

Mỹ Thuật 2008) nói “Đừng thừa, cứ lái nhái vẽ mãi thì tranh sẽ hóa ảnh, nhất định là sẽ có nhiều cái thừa, nên tránh đi thì hơn” Trung Nam Bản Xã rất sáng sủa, không có nét thừa, nhưng tác giả bức tranh này, chắc chắn, không đọc lời khuyên trên đây.

Bố cục bức trang rất vững vàng, có khung vuông (bảng tên) có hình tròn (cái trống) gọi ta nghĩ tới sự uyển chuyển, hòa hợp vuông tròn của trời đất, gọi nhớ tới sự tích bánh chưng bánh dày xưa.

Hình tròn của trống lưỡng nghi ở trung tâm bức tranh nhìn thật nổi, thật bắt mắt cùng đám trung niên hai bên tả hữu nào cờ, nào quạt... đang rầm rộ tiến bước theo kẻ dẫn đầu cầm bảng hiệu như hãnh diện giới thiệu họ là đám thanh niên trong làng.

Đoàn trung niên ai cũng cầm cái quạt, cái quạt cũng là một hình thức đồng phục. Nếu là phụ nữ chắc họa sĩ đã cho cầm hoa, chứ chẳng thể để họ đi tay không, trung nam không cầm hoa được, yếu quá! Cầm gậy lại có vẻ hung hãn quá. Cầm quạt lợi là lúc nóng còn phe phẩy, tiện nghi. Cái quạt cũng đa năng, đa hiệu. Trường hợp có kẻ thù, gập vào nó trở nên thứ khí giới, đối phương lãnh cái giáo quạt có thể lũng đầu chứ chẳng phải chơi.

Trong hầu hết những bức tranh Đông Hồ, bức nào cũng nhắc nhớ với dấu hiệu âm dương. Âm dương là nguyên thủy của vạn vật như con người, động vật, thực vật. Có nam có nữ. Ôi! Cái nguyên thủy nam nữ là một đề tài muôn thuở, vô tận, vô cùng...

GỬI SÁCH NGÃU HỨNG

Thân tặng

NV Nguyễn Thị Ngọc Dung.

*Sách mới nhà in giao bữa nay
Gửi đi chắc cũng mất dăm ngày.
Bạn bè đều muốn làm cho gấp;
Thân thuộc còn mong phải có ngay.
Bưu điện tới lui chân rã rượi;
Ô-tô chông chát bánh lung lay.
Hình dung độc giả đang chờ đợi,
Đang mở ra xem... Ôi đã thay!*

Nguyễn phú Long.

Cái đề tài muôn thuở vô tận vô cùng bao gồm cả nơi “câu chuyện” đối đáp giữa tên xứ giả Tàu và bà Hồ Xuân Hương mới ngày nào “ Bắc quốc trượng đại phu giai do thử đồ xuất”.

Nhìn bức tranh thấy cái lọng che chiếc trống, có người giải thích vì giữa trống vẽ hình âm dương, mà âm dương như trên là một triết lý, đạo nguyên thủy “Nhất âm nhất dương chi vi đạo” nên phải có lọng che cho uy nghi, trịnh trọng.

Cũng có ý kiến là lọng che chỉ tránh mưa nắng cho tang trống mà thôi! Tiếng trống giữa đám đông ồn ào là rất quan trọng cần thiết. Té lể, múa sư tử, ra trận... chỗ nào cũng cần có trống, nếu để tang trống ướt vì mưa hoặc rách, lũng lổ thì hiệu lệnh ban ra không còn hào hứng trung thực và ý nghĩa nữa!

Đoàn diễu hành mỗi người chỉ bận cái khố đơn giản, giống như cái khố Mawachi của các võ sĩ đô vật Nhật Bản. Nhưng có điều đáng để ý là nhìn tuyệt nhiên chẳng thấy thô tục, không thấy lòng mảy may gợi dục.

Mà tại sao chẳng để cho họ mặc quần áo nhĩ? Phải chăng mục đích muốn biểu dương sự cường tráng, khỏe mạnh, và phải chăng người họa sĩ nhà quê muốn trở tài, ra cái điều, nghệ thuật hội họa của họ cũng ngang ngửa cùng các đồng nghiệp xuất thân từ các trường cao đẳng chuyên môn với những tác phẩm khỏa thân tuyệt mỹ?

Những điều “phải chăng” trên đây kể cho vui vậy thôi! Chứ nói cho ngay đúng khố là... mô tả đúng hoàn cảnh thực tế vì công quỹ làng thôn hồi xưa lấy đâu tiền để may đồng phục cho mọi người, còn nếu bắt mọi người tự túc thì nhiều thành viên lo không nổi. Bộ quần áo để mặc một hai lần trong năm là phí phạm chẳng thể sẩy ra cho vùng quê nước ta hồi bấy giờ! Thật đấy! Như bố con ngài Chủ Đồng Tử còn chẳng đủ khố mà mặc nhớ chẳng!

Nhìn vào bức tranh thấy ngay, người nào cũng búi tóc củ hành. Điều này làm ta nghĩ đến quan điểm xưa: Người Việt Nam giống người Trung Hoa là thân thể do cha mẹ sinh ra rất quý, không nên cắt bỏ, dù là sợi tóc! Nhưng điểm này ta và Tàu rồi cũng “rẽ” khác nhau: Tàu thì kết tóc đuôi sam còn ta thì không làm như vậy mà lại búi gọn lên như một củ hành ở phía sau gáy cho... hách!

Búi tóc củ hành
Đàn anh thiên hạ.

Hồi xưa, trẻ con, bất kể nam hay nữ đều được cạo trọc đầu hoặc có chăng thì chỉ để ba chòm tóc ngắn ở giữa thóp và hai bên mang tai trông giống như những trái đào, cũng đẹp! Lớn lên chừng, “nữ thập tam nam thập lục” mười hai mười ba tuổi khi tự mình giữ được sạch sẽ, khi thời gian họ sắp sửa cầm tay nói mí nhau: “Qua thương em!” lúc đó con trai mới bắt đầu búi tóc, con gái mới kẹp tóc vấn khăn, làm dáng, để tóc mai, đuôi gà...

Những kiểu tóc trên đây, theo ông H.Maspero, thấy ở nước ta từ thời thượng cổ, duy có nhà sư hay kẻ làm ăn lam lũ thì mới cạo trọc đầu. (VN Văn Hóa Sử Cương, Đào Duy Anh)

Về sau toàn quốc phát động phong trào Duy Tân. Mọi người nhận thấy để búi tóc phiền phức, không hợp vệ sinh nên đã hưởng ứng cắt tóc ngắn. Trong số những người làm gương đầu tiên có cả vua Thành Thái “Húi hề! Húi hề! Bỏ cái ngu này, bỏ cái dại này!” (Theo giáo sư Hứa Hoàn, Sau Bức Cấm Thành Nhà Nguyễn.)

Trung nam cần bản xã để làm địa bàn hoạt động, hành sử việc đời, thực hiện trách nhiệm, bổn phận “Tam thập nhi lập”. Ngược lại, bản xã không có trung nam làm rường cột cũng khó đứng vững. Lớp thiếu niên là mấy kẻ chưa vào đời, còn đang dùi mài kinh sử vì “Học sinh là người tổ quốc mong cho mai sau”; Còn các vị bề lão thực sự chỉ giữ vai trò cổ vấn trái chiều cùng nhau ngồi

giữa sân đình nhai trầu, hút thuốc bàn luận chỉ bảo lời hay lẽ thiệt, đáng kính!

Lại nữa, xã hội Việt Nam bấy giờ còn chưa chấp nhận để người phụ nữ tham gia gánh vác việc làng việc nước cho nên trai tráng (trung nam) là một nỗ lực quan trọng. Ông lý trưởng phải nắm vững và luôn cập nhật hóa danh sách trung niên trong làng, phải biết rõ dưới tay có bao nhiêu “xuất đình” để điều hành, sử dụng khi hữu sự như tu bổ đê điều, đường xá, canh gác giữ gìn mọi sự sinh hoạt thanh bình, phồn thịnh bên trong lũy tre xanh...

Nhưng chuyện này cũng cần được giữ kín bên trong lũy tre xanh, nó là “bí mật quốc phòng” không thể cho các làng lân cận biết rõ và nhất là chẳng nên để quan huyện tỏ tường. Mặt khác thì quan sở tại cũng muốn và cũng cần biết mỗi làng có bao nhiêu đầu người nghĩa là quân số thực sự dưới tay được bao nhiêu để khi cần cũng hành sử như lý trưởng song ở một quy mô rộng hơn.

Theo cụ Hoàng văn Chí, phủ huyện thường gọi lý trưởng tới cất vấn việc này, quan lớn thì quát tháo, trợn mắt trợn mũi tỏ vẻ nghi ngờ bắt ông lý phải tăng thêm nhân số; Lý trưởng thì gãi đầu gãi tai, kể khổ, cò kè bớt một thêm hai cố tình khai càng ít càng có lợi.

Đến đây, hy vọng chúng ta đã có cái nhìn tổng quát về tranh Đông Hồ, nói riêng về bức “Trung Nam Bản Xã” không biết có thiếu sót điều gì chẳng! Tác giả cũng tiếc là mới chỉ giới thiệu được một bức. Tranh Đông Hồ còn rất nhiều, và có rất nhiều điều thú vị.

Vì khuôn khổ bài viết, xin tạm ngưng. Lại trân trọng xác định, phần lớn những chi tiết là sưu tầm, là góp lại rải rác kiến thức chỗ nọ, chỗ kia, thời này thời trước, những ý kiến trình bày có thể đúng nhưng cũng có thể không được cùng chấp thuận. “Ngã thuật nhi bất tác”. Bất trước cụ Khổng Tử xin nhấn mạnh như vậy. Hy vọng về sau còn dịp đề cập tới Tranh Đông Hồ.

Nguyễn-Phú-Long.



VUI TIỀN KHÍ ĐI ĐÓN GÀ VỀ

(PHIẾM LUẬN)

Trong văn hóa đại chúng hình ảnh chú Khỉ biểu tượng như là sự tinh nghịch, láu lỉnh, nhanh nhẹn. Khỉ được đem vào những câu rửa, câu mắng: “Khỉ thật! Đồ khỉ! Khỉ gió! Khỉ khô! Khỉ mốc! Bớ khỉ!” Và trong những câu chế giễu: “Mặt nhăn như khỉ! Nhăn nhó như Khỉ ăn gừng! Nhăn như khỉ ăn ớt!” hay “Đừng làm trò khỉ!” v.v... Nhưng thôi! Năm Khỉ đã qua chỉ xin ghi lại một hình ảnh rất đẹp của 3 chú khỉ trong “*Bộ Khỉ Tam Không*” mà thôi.

Một số chùa có trưng bày tượng ba chú khỉ với vẻ mặt ngộ nghĩnh mang tư tưởng “ba không”. Một chú dùng tay che hai mắt lại, không nhìn. Một chú dùng tay bịt hai tai lại không nghe. Và chú thứ ba thì dùng tay bịt miệng lại không nói. Tượng muốn nêu ra phương châm xử thế ngụ ý “Không nhìn việc gì xấu xa, không nghe lời nói xấu xa, không nói ra điều xấu xa” (“See no evil, hear no evil, speak no evil.”)

Hình ảnh “Bộ khỉ tam không” còn nhắc nhở chúng ta về tầm quan trọng của “*Tâm viên ý mã*” trong phép Thiền. Tâm viên là vượn tâm, cái tâm lạng xăng như vượn, như khỉ. Còn ý mã là cái ý xoay chuyển nhanh như con ngựa phóng đi. Chúng ta được khuyên là phải biết kiểm soát cái tâm vọng động,

cái tâm tán loạn như vượn khỉ, nhảy nhót, khọt khẹt, không khí nào được yên, cứ nghĩ hết chuyện này đến chuyện khác. Những động tác đó thường đưa con người đến loạn động, nảy sinh ra đủ thứ phiền não, cấu uế. Khi tâm bị vô minh che lấp thì phần nhiều hướng ác nhiều hơn thiện. Cho nên nhiều khi cần phải bịt mắt để dùng tâm mà nhìn, bịt tai để dùng tâm mà nghe, bịt miệng để dùng tâm mà nói. Khi tâm ở trạng thái tịnh, không bị quấy rầy bởi những điều xấu thì từ tâm mới phát sinh những điều thiện.

“Bộ Khỉ Tam Không” cũng mang đậm tư tưởng của Đức Khổng Tử trong Luận Ngữ: “Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động”. Nghĩa là không nhìn điều sai, không nghe điều tầm bậy, không nói điều trái, không làm điều quấy”.

Qua năm Gà người ta cũng lại thấy lời khuyên tương tự như trên: “*Gà ba lần vỗ cánh mới gáy, người ba lần ngẫm nghĩ mới nói.*” Và câu: “*Gà chết vì tiếng gáy*” hay “*Gà tức nhau tiếng gáy.*” Đối với đồng loại tiếng gà gáy là lời thách thức rất đáng ghét và cũng là nguyên nhân gây ra nguy hiểm. Con người cũng có khác gì, do lời nói khoe khoang, ngạo mạn, gây ra đổ kỵ. Người háo thắng không muốn thua kém ai dễ lâm nạn trong đời!

Gà cũng gọi niềm hung nhớ cổ hương với câu: “*Gà cỏ trở mỏ về rừng.*” Con người nói chung đều hướng về quê hương bản xứ ví như gà cỏ luôn hướng về rừng nơi sinh ra nòi giống tổ tiên của chúng.

Câu khuyên: “Gà có lông, người có giá” ý nói con người đáng quý khác với cách đánh giá của các loài khác thí dụ về đẹp của gà là ở bộ lông. Còn con người ở chỗ biết tự trọng giữ giá trị của mình chứ không chỉ do cái vẻ bên ngoài.

“Gà con lạc mẹ” hay là: “Mẹ gà, con vịt” nói về cảnh bơ vơ không ai chăm sóc, cảnh của những trẻ em sớm mồ côi mẹ, phải sống với dì ghẻ.

“Gà cồ (gà tổ, gà què) ăn quần cối xay” ngụ ý chê kẻ bất tài, không có ý chí. “Gà cùng chuồng đá lẫn nhau” hay “Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau” có ý khuyên bà con nên đoàn kết, tránh bất hòa v.v...

Trong truyện Kiều của Nguyễn Du, có đoạn Mã giám sinh chuyên săn lùng “gái” đưa về “lầu xanh” cho Tú Bà để “buôn phần bán hương”. Thấy Kiều muốn bán mình chuộc cha, bề ngoài Mã giám sinh giả mua Kiều làm vợ nhưng kỳ thật là sẽ giao nộp cho Tú Bà. Mã thấy Kiều xinh đẹp nên nẩy ý “vin cành bẻ hoa” trước. Sau khi chiếm đoạt trinh tiết của Kiều rồi Mã bèn dùng kế “Nước vỡ lựu máu mào gà” để phò màu đỏ giả tạo dấu chứng còn thanh tân trinh trắng của Kiều trong đêm động phòng về sau này.

Nhưng có người viện dẫn sách “Bắc Lý Chí” nói rằng: “Trong chốn thanh lâu, sau khi tiếp khách xong thì dùng vỏ lựu đem sắc lấy nước rồi lấy máu trích ở mào gà đem mà rửa, giả làm gái tân”. Mục đích tạo ra tính năng đặc biệt, làm co rút âm đạo chứ không phải chỉ là một hình thức màu máu ngụ tạo sự thanh tân cho người con gái.”

Còn rất nhiều chuyện cả về Khỉ lẫn Gà nhưng chỉ xin tán sơ qua về vài chuyện như trên mà thôi! Còn thì nhân dịp đầu năm mới xin dành thời giờ mời bà con “ngày Xuân nâng chén ta chúc nơi nơi...”

Đón Xuân thường có chút rượu để cho thêm phần hưng phấn. Nhiều người ca tụng rằng người phong lưu phải biết uống rượu và con người lịch sự thì phải “tửu tam bôi”, nghĩa là rượu ba chén. Nhất là đàn ông, con trai mà không biết uống rượu thường bị chê là “nam vô tửu như kỳ vô phong”, trai mà không uống rượu như là cờ không có gió. Chao ôi! Cờ mà không có gió thì nó teo lại và rũ xuống như “kim đồng hồ chỉ sáu giờ rưỡi”, trông... mất hào khí và mất thẩm mỹ vô cùng. Các Cụ ta ngày xưa cũng luôn ca tụng là: “Cầm, Kỳ, Thi, Tửu, đường ăn chơi mỗi vẻ một hay.”

Hay ở đâu thì không rõ nhưng trong sách Giáo Khoa Thư dạy học trò tiểu học thuở trước đã vạch rõ ra cái “không hay” trong bài “Người say rượu”: “...*Chỉ tham mấy chén rượu mà thành ra say sưa, mất cả tư cách con người, có khi như là con vật vậy, thật là đáng khinh bỉ. Hỏi các anh, các anh đã trông thấy người say rượu như thế, thì nên lấy đó làm gương mà giữ mình*”.

Thi sĩ Shakespeare ở phương trời Tây cũng tán thành ý trên nên từng nghiêm khắc phê phán chuyện nghiện rượu: “Thượng đế ôi! Con người đã đặt một kẻ thù ở trong miệng họ để lấy cắp trí não họ đi! Thế mà chúng ta lại hoan hỉ, vui thú, hớn hờ và tán dương để tự

biến chúng ta thành những thú vật (transform ourselves into beasts).”

Ở Hoa Kỳ vào năm 1992 thống kê cho biết là trong những vụ ra tay giết hại người “phối ngẫu” của mình thì một nửa trong số kẻ sát nhân đó khi phạm tội đều đang ở trong tình trạng say xỉn. 16,5% các vụ tự sát cũng lại có liên quan đến rượu. Ở thanh thiếu niên, rượu hoặc ma túy chiếm đến 70% các vụ tự sát. Cuối năm 2016 báo chí cho biết theo tin của cảnh sát California chỉ riêng đêm Giao Thừa năm 2015 có 27 người chết vì đụng xe và hơn 900 người bị bắt vì say rượu lái xe. Sau khi cộng mọi thứ tiền phạt, chi phí pháp lý và tiền bảo hiểm bị tăng thêm, ngay cả lần phạt đầu tiên, người bị kết tội say rượu hay thuốc lái xe tốn hơn \$15,000.

Để phản đối thi sĩ Shakespeare dân làng nhậu viện dẫn lời V. Hugo nói: “Thượng Đế chỉ sáng tạo nước, con người đã chế ra rượu” và tiếp đó là liệt kê tên tuổi các quý vị nổi danh như Lý Bạch, Edgar Allan Poe, Raymond Carver, F. Scott Fitzgerald và William Faulkner v.v... và nói rằng chính các vị này cùng tuyên phán rằng cần phải uống rượu để tìm cảm hứng. Baudelaire còn nói lả lướt hơn: “*Chiều nọ, linh hồn của rượu hát trong chai*” (Un soir, l’âme du vin chantait dans les bouteilles.)

Cũng xin mời nghe lý sự “cùn” của các bọm nhậu: “Đã rất nhiều lần tôi muốn bỏ rượu, nhưng tôi lại cảm thấy xấu hổ. Mỗi lần nhin ly rượu, tôi lại nghĩ về những người công nhân cực khổ đã làm ra nó. Họ đều có vợ con phải chăm

sóc, con cái họ đều có những giấc mơ phải thực hiện. Nếu tôi không uống, có thể họ sẽ mất việc và những giấc mơ của con họ sẽ mãi tan biến. Tôi không thể ích kỷ chỉ lo cho sức khỏe của mình. Tôi uống để biến giấc mơ của rất nhiều người thành sự thật. Nào chúng hãy nâng ly! Dzô!”

Hãy nhớ châm ngôn của bọm nhậu là: “*If you drink, you will die. If you don’t drink, you will die, too. So, let’s drink and die. And die happy.*” (Nếu anh uống rượu, anh sẽ chết ngòm. Nếu anh không uống, anh cũng sẽ chết tiêu. Cho nên, ta hãy uống đi rồi chết. Và chết sung sướng).

Nhiều bọm nhậu khác lại tuyên bố: “Rượu bất khả ép, mà ép thì bất khả từ”. Họ còn nhắc tới thơ Quang Dũng nghe thật... lãng mạn và sành điệu quá xá:

*“Thoáng hiện em về trong đáy cốc
Nói cười như chuyện một đêm mơ.”*

Có người rất thích uống rượu như Trương Hàn, nói trong sách Tấn thư rằng “Sử ngã hữu thân hậu danh, bất như tức thời nhất bôi tửu”, có nghĩa là “Cho ta cái danh sau khi chết không bằng cho ta một chén rượu ngay bây giờ”. Thời xưa có người trước khi ra trận mạc cũng muốn uống rượu, rót rượu bỏ vào chén lưu ly nhưng bị tiếng đàn tì bà giục giã phải lên ngựa ra đi như trong bài “Lương châu tử” của Vương Hàn:

*“Bỏ đao mỹ tửu dạ quang bôi.
Dục ẩm tì bà mã thượng thôi.”*

Thời nay nào còn nghe đâu thấy tiếng đàn “tì bà” giục ta đi nữa, họa chăng chỉ còn tiếng... “quý bà” giục

chồng ngưng uống để còn tỉnh táo mà lái xe về! Điều này cũng “tốt thôi!”

Nâng ly rượu dù là ngày thường hay đầu Xuân quả là thú vị nhưng “chén chú, chén anh” đến nỗi “xin” lên, “xin” xuống thì cũng phiền toái vô cùng. Cứ muốn làm... anh hùng xa lộ, cứ loạn quạng đổi “lane”, lấn vạch, tăng giảm tốc độ bất thường là lộ ngay. Lái xe khi đang say rượu là tội *D.U.I* (*driving under the influence*) hay *D.W.I* (*driving while intoxicated*). Tội này còn áp dụng cả trong những trường hợp người lái xe bị ảnh hưởng bởi các loại ma túy, các loại thuốc gây buồn ngủ khiến không kiểm soát được tay lái.

Có hai cách phân biệt giữa *D.U.I* vì rượu, vì ma túy hay vì uống thuốc là thử máu và thử hơi thở. Cảnh sát, sau khi chặn xét một người vì ngờ rằng người đó trong tình trạng *D.U.I*, sẽ dùng dụng cụ thử máu để xác định xem mức độ rượu (có hay không và nếu có là bao nhiêu phần trăm) trong máu người đó. Ngoài ra, cảnh sát cũng có thể yêu cầu người lái xe thở vào một dụng cụ đo nồng độ rượu trong hơi thở. Cái máy có... hỗn danh là “breathalyzer”. Máy này đo nồng độ rượu trong cơ thể. Nếu máy chỉ .10 (một phần mười của một phần trăm) là có chuyện... “khổ đế” đấy.

Người bị chặn xét có quyền từ chối phương pháp thử nghiệm này. Nhưng hành động từ chối là một bằng chứng để cơ quan DMV tự động rút bằng lái xe trong thời gian 6 tháng, có khi cả năm trời. Hầu như có một sự “thỏa thuận ngầm” về vấn đề thử nghiệm này. Luật cho rằng khi ta xin cấp phát

bằng lái xe là đã đương nhiên đồng ý chịu thử hơi thở hay ngay cả thử máu, thử nước tiểu khi cần rồi (...presumed to have consented to taking the test and refusal to take the test may result in the automatic loss of one’s driver’s license.)

Nhớ lại luật lệ rất xưa của Buenos Aires, Argentina, kể cũng hay! Kê thi lái xe phải nốc hết 2 chai bia 12-ounce rồi phóng xe thật nhanh qua một con đường cong queo mà OK thì mới được cấp bằng lái xe (after drinking two 12-ounce bottles of beer.)

Người phạm tội say “xin” khi lái xe thôi thì đủ mặt. Tháng 5-2013 tại xứ Cờ Hoa, Giám mục Robert J McManus, 61 tuổi, trường một Giáo Phận, bị cảnh sát bắt về tội say rượu lái xe. Vào tháng 8-2014 Thượng Nghị Sĩ Dân Chủ Ben Hueso, 44 tuổi, tiểu bang California bị bắt để điều tra về tội say rượu lái xe vào sáng sớm tại Sacramento. Tại Maryland nhà vô địch Thế Vận về bơi lội đầy huyền thoại Michael Phelps, người từng đoạt được 18 huy chương vàng Thế Vận Hội, bị bắt vào cuối tháng 9-2014 với các tội danh DUI, chạy quá tốc độ và lấn qua lấn ranh đôi liên tục bên trong một đường hầm thuộc xa lộ I-95 ở Baltimore, nồng độ rượu trong máu của chàng lúc bị bắt là .14 trong khi nồng độ hợp lệ giới hạn ở tiểu bang Maryland là .08. Được biết hồi năm 2004, “kình ngư” này cũng từng bị bắt về tội DUI ở Salisbury nhưng chỉ bị án 18 tháng tù treo.

Chẳng phải khi làm quan tòa là thoát tội. Tháng 5-2014 báo chí lại đưa

tin có thêm một ông quan tòa ở Florida phạm tội lái xe khi say rượu nữa. Mới trong có 7 tháng mà Florida đã có 3 ông quan tòa say xỉn mà lái xe rồi! (Third Florida County Judge in seven months faces DUI charges.)

Chẳng phải chỉ là nam nhi mới bị tội “xỉn”. Mỹ nhân 26 tuổi Rima Fakih, với chiều cao 1,73 m (các cụ thường phán là trường túc bất chi lao) và gương mặt đẹp huyền bí kiểu phụ nữ Trung Đông người nắm giữ vương miện Miss USA năm 2010, bị cảnh sát bắt giữ vào một buổi sáng sớm với nồng độ cồn trong hơi thở của nàng ở mức .20 tức là cao gấp đôi so với lượng cồn cho phép. Và nàng Keffeler hoa hậu tiểu bang Washington phải từ chức vì bị phát giác từng bị tội say rượu lái xe (DUI) từ hồi tháng 4-2015, khi cảnh sát Seattle chặn xe cô lại vì đang chạy với hai bánh lốp xẹp, vào lúc bấy giờ hai mắt cô trông đờ đẫn, miệng nói cà lăm và nồng độ rượu trong máu gần gấp ba lần mức cho phép.

Cũng cần lưu ý thêm là nếu ta lái xe gây tai nạn mà “dzọt” luôn thì phạm tội “hit-and-run”. Nếu vì say rượu mà “hit-and-run” thì hậu quả nghiêm trọng lắm vì có thể bị truy tố về tội “đại hình” (felony). Có người cho rằng phạm tội... “kiss-and-run” còn tạm tha được chứ phạm tội “hit-and-run” thì... hết thuốc chữa!

Phụ huynh đời nay có con ưa uống rượu có thể sử dụng một loại vòng đeo hơi rượu để theo dõi. Vòng đeo điện tử này có tên là Scram. Vòng sẽ kiểm soát mồ hôi của người đeo và sẽ dò ra hơi rượu xuyên qua làn da, nếu quá một

mức độ quy định, vòng này sẽ báo về công ty và viên chức tòa án để báo động, nhằm ngăn cản người này lái xe. Kể từ khi sử dụng năm 2003, vòng này được đeo bởi 136,000 người.

Tại Hoa Kỳ nhiều khi mấy ông cò phục kích trước các quán rượu để rình rập. Ai bước chân ra mà nghiêng ngả loạng quạng thì sẽ bị theo dõi khi lái xe sau đó và còng tay phạt ngay thôi nếu say xỉn. Có lẽ những bọm nhậu chỉ bị “tẩu hỏa nhập ma” sau khi đã quá cần câu vì rượu chứ khi chưa nhắm nháp chút nào thì vẫn... khôn đáo để. Giới lưu linh kể chuyện vui rằng: “Trời đêm, thầy cò ngồi trong xe rình mấy bọm nhậu trong một tửu quán. Chợt một tay khật khưỡng bước ra, thọc chìa khoá vào hết xe này đến xe khác mà không mở được cửa. Lộn xe rồi. Sau khi “bé cái lằm” dầm ba xe tay này mới mở được đúng cái xe của mình, loạng quang leo lên, lái đi. Con mồi đây rồi, thầy cò vội rượt theo một khúc đường. Chặn xe lại. Bắt thử hơi rượu. Kết quả dụng cụ đo rượu lại chỉ số không. Như vậy tên này không uống chút men nào à? Đang ngạc nhiên thì hấn cười nói: “Thầy ơi! Tụi nó liên hoan hôm nay mừng cái ông Trump gì đó đắc cử đồng dzui lắm. Chắc phải thanh toán hết cả chục chai “ông già chống gậy” đó. Nhà em vì kỵ rượu nên chỉ chơi ít Coca và được phân công đóng vai xỉn để dụ thầy đi theo cho tụi nó thoải mái tan hàng và có lẽ bây giờ dzọt về hết rồi đấy! Truyện của Tàu gọi kể này là “điều hổ ly sơn”. Mà Thầy là hổ đấy, oai ra phết! Hi hi!”

Nói chuyện rượu cũng không nên quên nàng Thúy Kiều của cụ Nguyễn Du. Nàng mới “xuân xanh sắp sỉ tới tuần cập kê” tức là nàng mới chỉ gần 15 tuổi thể mà “ngày vừa sinh nhật ngoại gia” tức là vừa gặp ngày bên họ ngoại ở xa có tiệc mừng sinh nhật, cha mẹ và hai em đều sắm sửa một chút lễ vật để đem dâng biếu, nàng ở nhà một mình và đã lén qua nhà hàng xóm tìm anh Kim Trọng. Hai anh chị uống rượu nhậu nhẹt với nhau đã say say:

*“Lòng xuân phơi phới
chén xuân tàng tàng.”*

Và cảm thấy thời giờ đi mau quá, tưởng như “Ngày vui ngắn chẳng đầy gang.” Muốn kéo dài mãi thời gian để trò chuyện với nhau. Trông ra “Ác đã ngậm gương non đoài.” Mặt trời lặn rồi, sắp tối rồi. Kiều vội nói: “Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai” và từ biệt Kim Trọng để quay về. Ngồi lì cả ngày còn vẽ vờ mà nói là không tiện ngồi dai, vớ vẩn!

Quay về nhà thấy cha mẹ và 2 em đi chưa về: “Hai thân còn giờ tiệc hoa chưa về” thế là Kiều lại vội vàng quay lại, “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” (with a quick step, she rushed out and crossed the garden) mò qua nhà chàng. Khuya rồi đấy nhé! Thật là táo tợn quá! Anh chị cùng nhau thề thốt ghi trên giấy. Kiều lấy dao cắt một món tóc để thề. Rồi hai anh chị lại nhậu tiếp:

“Chén hà sánh giọng quỳnh tương.”

Vừa mới uống rượu say tàng tàng với nhau ban chiều, đêm lại uống rượu nữa. Sự đó đối với chàng Kim Trọng đã tình có lẽ không chi lạ, nhưng đối với nàng Kiều thì cái vụng chèo rượu của nàng

khiến chúng ta thấy dễ nể! Có ai ngờ nàng Kiều cũng là một “cao thủ” trong đám dân làng nhậu phe ta! Hai anh chị thức thâu đêm suốt sáng truyện trò nhậu nhẹt.

Các cụ cao niên mắng Kiều, cho là... đồ gái hư! Hư thật đấy! Vừa hư vừa... vi phạm pháp luật (chưa tới tuổi uống rượu, under age)! Những giai đoạn về sau này trong cuộc đời khi Kiều đã không còn là... vị thành niên nữa thì OK! Nàng có quyền lai rai ba sơi! Ta thấy Kiều uống với Thúc Sinh, uống nhiều mà không say, tưởng như là rượu tiên. Chàng và nàng vừa đối ẩm nhậu nhẹt vừa làm thơ:

“Khi gió mát, khi trăng thanh

Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nói thơ”

Lúc ở lầu xanh uống rượu với khách. Khi tỉnh rượu và khi tàn canh, trời sáng, khách ra về thì Kiều lại giật mình trợ trợ một mình nên nghĩ ngợi:

“Khi tỉnh rượu lúc tàn canh

Giật mình, mình lại thương mình xót xa”

Cuối năm Bính Thân (Year of the monkey) tiễn Khỉ đi, đầu năm Đinh Dậu (Year of the rooster) đón Gà về. Cũng xin nói thêm là văn chương bình dân nước ta có câu “Gà mái đá gà cồ” nghĩa bóng ám chỉ mấy bà giành quyền cai quản gia đình. Thật ra là... “đá yêu” đấy mà thôi! Nam nhi hãy hoan hỉ mừng Xuân mới, đón Gà về, đừng... “sợ gà”! Chỉ xin “bảo trọng”!

LS. Ngô Tăng Giao
(Virginia, 1-2017)

THƠ THIÊN SƯ KHÔNG LỘ

Nguyên tác 漁閒

萬里清江萬里天
一村桑柘一村煙
漁翁睡著無人喚
過午醒來雪滿船

Phiên âm: NGƯ NHÀN

Vạn lý thanh giang vạn lý thiên
Nhất thôn tang giá nhất thôn yên
Ngư ông thùy trước vô nhân hoán
Quá Ngọ tỉnh lai tuyết * mãn thuyền.
Thiên-sư Không Lộ

Thơ dịch:

ÔNG CHÀI SỐNG CẢNH NHÀN

Vạn dặm sông xanh, vạn dặm trời
Một thôn dâu dúi**, khói sương phơi.
Ông chài say ngủ, không ai gọi
Tỉnh giấc, thuyền trưa ngập tuyết rơi.

PHẠM THỊ NHUNG

Tiểu Sử Thiên Sư Không Lộ:

Thiên Sư Không Lộ sinh vào đời Lý (Thế Kỷ 11). Sư họ Dương, không rõ tên. Ông vốn làm nghề chài lưới, sau xuất gia tu Phật, đốn đạo. Ông Là một Thiên Sư lớn, thuộc đời thứ 9 dòng Thiên Kiến Sơ và đời thứ hai dòng

Thiên Thảo Đường. Thiên Sư nhờ có công giúp vua Lý Thái Tông đánh Chiêm Thành và giúp vua Lý Thần Tông chữa khỏi bệnh, được phong Quốc Sư. Sau còn được vua Lý Anh Tông cho lập đền thờ ở Thăng Long, gọi là Đền Lý Quốc Sư.

Thiên Sư người quê Hải Thanh, làng Giao Thủy (Tên nôm là làng Keo), thuộc vùng hữu ngạn sông Hồng (Nay thuộc tỉnh Nam Định).

Thiên Sư mất đi có để lại bài thơ **Ngư Nhàn** và bài kệ nổi tiếng, dưới tên **Ngôn Hoài**.

Bình giảng bài thơ NGƯ NHÀN

*Ở Bắc Việt, chỉ vùng cao bắc Lạng mới có tuyết vào mùa đông. Quê hương tác giả thuộc miền đồng bằng sông Hồng, làm gì có tuyết? Phải chăng do tác giả thức giấc vào quá trưa, bị nắng quáng nên đã có ảo giác “tuyết rơi ngập thuyền”?

Đồng thời, đây (c.4) cũng là 1 trong 3 câu thơ (c.1-2-4) ghi lại cảnh sắc thiên nhiên nơi quê nhà, qua nhãn quan rất nghệ sĩ của tác giả.

Song nói như thế chỉ là một cách nhận xét bình thường, bởi khi ta quan sát kỹ hơn, ta sẽ thấy bài thơ Ngư Nhàn của Thiên Sư Không Lộ mang đầy phong vị thiền.

Thực vậy, trong thơ tác giả nhắc đến một buổi chiều ông một mình trên chiếc

thuyền chài, neo trên dòng sông cái (tức Sông Hồng Hà, con sông lớn nhất Bắc Việt) nơi giáp giới với làng Giao Thủy, quê Hương ông. Nhưng rõ ràng chiều đó tác giả không màng tới chuyện hành nghề. Nếu có, thì sau khi neo thuyền, ông đã phải lo giăng lưới, rồi mau mau đi nghỉ; để mai còn phải dậy sớm thu lưới, vớt cá bán buôn cho kịp phiên chợ tinh mơ đầu ngày? Đằng này, tác giả vẫn an nhiên ngồi trên mạn thuyền, thảnh thơi đưa mắt ngắm nhìn cảnh sắc nên thơ của thiên nhiên:

Câu 1:

Vạn dặm sông xanh, vạn dặm trời

Vạn dặm, một con số đo cho một khoảng không gian dài rộng bao la. Hiên nhiên Sông Hồng vào thời điểm sau mùa mưa (tháng 7, tháng 8 âm lịch) nước sông lên cao và trong. Nhờ nước sông lên cao, mặt sông trở nên mênh mông hơn và trong hơn; phản chiếu rõ nền trời xanh bao la. Sông nước, bầu trời trở nên cùng một màu xanh mênh mông, bát ngát. một màu xanh dịu của nền trời thu đông êm ả nơi xứ Bắc).

Cũng vì trời, nước cùng màu, nhất là vào khoảng chập choạng tối, cảnh sắc càng thêm nhạt nhòa góc cạnh; trời đất như giao hòa với nhau, không còn biên giới. khiến cảnh sông nước mênh mông (vạn dặm), cảnh trời mây bao la (vạn dặm), trông càng thêm mênh mông hơn, bao la hơn.

Câu thơ này làm cho ta liên tưởng tới một tuyệt cú:

Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc.

Trong bài *Đề Vương Các Tự* của Vương Bột (649-676), một danh sĩ đời Đường. Song câu thơ của Vương Bột chỉ dừng lại ở phân tả cảnh, trong khi câu thơ “*Vạn dặm sông xanh, vạn dặm trời*” (*Vạn lý thanh giang, vạn lý thiên*) của Thiền Sư Không Lộ sâu sắc hơn nhiều.

Chúng ta đều biết, cảnh sông nước in bóng nền trời xanh chỉ là cảnh hiện ra thường ngày quá quen thuộc, đến bình dị, tẻ nhạt nơi quê nhà. Nhưng... hai từ “*vạn dặm*” được nhắc đi nhắc lại 2 lần ở đây, vô-hình-trung đã nhấn mạnh đến sự hiện diện của tác giả, cùng những cảm nhận đầy vẻ ngạc nhiên thích thú của ông trước cảnh trời nước xanh lơ bao la bát ngát nơi đây. Vì trong giây phút này, qua đây tác giả đã nhìn ra được cái bí ẩn thâm trầm huyền diệu của thế giới hiện hữu: Trời, đất và con người, tất cả đều liên hệ với nhau, trở thành một “*như nhất*”. Nói như tác giả Tâm Trí trong tác phẩm Ngôn Ngữ Văn Chương và Thi Ca Thiền Phật Giáo: “*Ta là thế giới, thế giới là ta*” trong cái tư thế “*vô bỉ, vô ngã*”, với cái nhìn “*Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất*” (một là tất cả, tất cả là một). Đó là cái nhìn của thiền, cái nhìn tinh thức để thấy thực tại quanh ta thực là đẹp đẽ, thực là màu nhiệm”.

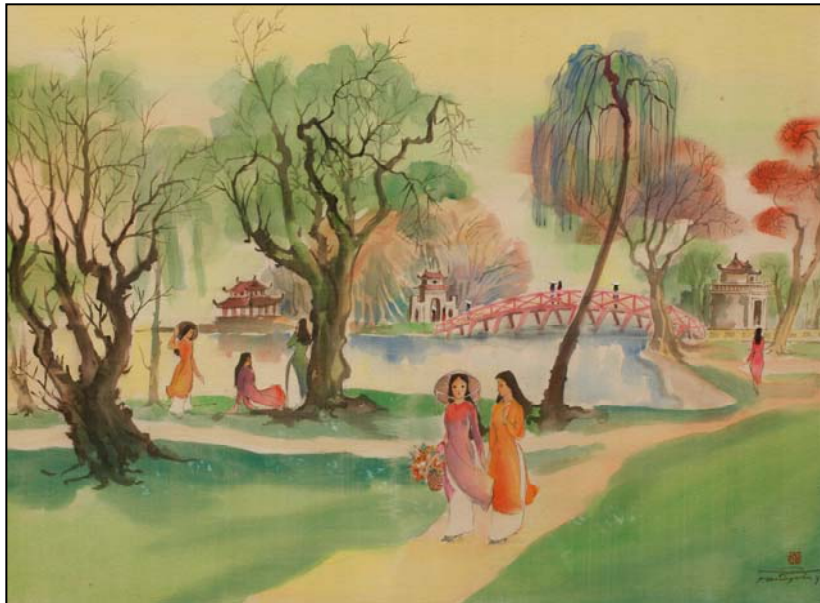
Câu 2: *Một thôn dâu dưới khói sương phơi*
(*Nhất thôn tang giá nhất thôn yên*)

Khi chiều đã muộn, tác giả hướng mắt về thôn dâu duối (“giá” cũng là một loại cây, nhưng ở nước ta không có; tạm dịch là “duối, một loại cây cùng họ với dâu, thường được trồng làm hàng rào). “*Một thôn dâu duối*“, ở đây ám chỉ xóm làng quê hương tác giả, nơi nổi tiếng với nghề tầm tang (trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải). Qua tầm nhìn của tác giả từ mé sông hướng về xóm làng; hiện ra cảnh tượng khắp thôn *dâu duối* đang chìm trong màn đêm lạnh lẽo sương khói mịt mờ.

Như một bức tranh thủy mặc tuyệt đẹp? Không, tác giả đã không mô tả đối tượng thôn làng của mình qua cái vỏ bên ngoài, một cách bàng quan vô tình như

thế, mà ông đã nhìn thẳng vào thực tại bên trong của nó, nhập hồn mình với nó, để biết, để cảm cái vui, cái buồn của chính nó. Ở đây là cái “lạnh giá“ của bà con thôn dâu duối trong một đêm cuối thu chớm đông sương khói mịt mờ. Cách nhìn thẳng vào thực tại như nó là, “*như thị quán*” chính là cái nhìn của thi nhân.

Nhờ cái nhìn thẳng vào thực tại hiện hữu như thế của tác giả, cảnh trở nên sống động, có hồn. Đồng thời, biểu hiện được tình thương của tác giả đối với bà con đồng hương. Tình thương của tác giả là thứ tình thương không phân biệt đối đãi thân sơ, mà trải rộng đồng đều cùng khắp bà con thôn xóm. Chữ “*một thôn*” (nhất thôn) là để nói



CẦU THÊ HÚC, ĐỀN NGỌC SƠN: TRANH SƠN DẦU CỦA HỌA SĨ TRƯƠNG VĂN Ý.
(Sưu Tập của Dzung Sensor)

tới cái toàn thể trọn vẹn ấy. Đây chính là tình thương vị tha cao thượng, được xếp vào một trong Tứ Vô Lượng Tâm của nhà Phật.

Câu 3: Ông chài say ngủ, không ai gọi
Và rồi sau đó ông chài, chỉ tác giả, đã chui vào trong khoang thuyền, nhẹ nhàng đi vào giấc ngủ lúc nào không hay. Một giấc ngủ dài, ngủ say, thiết say.” *Không ai gọi* “ (*vô nhân hoán*); mà đâu có ai gọi chẳng nữa, tác giả cũng chẳng hề hay biết.

Câu 4:
Tỉnh giấc, thuyền trưa ngập tuyết rơi!

Cho mãi tới khi ngày đã trưa trật, là lúc trời quang mây tạnh nhất, mặt trời quá ngọ đã lên tới đỉnh đầu, nắng chói chang cùng khắp; tác giả mới sực tỉnh giấc nồng.

Sau một giấc ngủ dài, ngủ say, khi vừa chợt tỉnh giấc nồng, tác giả từ trong khoang thuyền nhìn ra, nắng chói chang trước mắt, như càn cỏi chói chang hơn... Nắng đang giội vào lòng thuyền, vào mạn thuyền.... Nắng phản chiếu như oà vỡ, những tia sáng trắng xóa tung tóe khắp mặt thuyền. Chỉ trong một chớp mắt, một sát na thời gian, một khoảnh khắc ngắn ngủi bất chợt nhất, tác giả hốt nhiên nhìn ra được thực tại của cảnh tượng lúc đó: ”*Thuyền trưa ngập Tuyết rơi*” (tuyết mơn thuyền). Và ông đã vội ghi ngay thực tại sự kiện vừa xuất hiện như mình đã thấy, khi chưa nhiễm một ý niệm

nào. Đúng như lời Phật dạy trong kinh Kim Cang “Ứng tác như thị quán”.

Như chúng ta đã biết, quê tác giả ở miền đồng bằng sông Hồng, ngay giữa mùa đông cũng làm gì có tuyết? Nhưng thực hay ảo, đúng hay sai đều không quan trọng, vì đây là cái nhìn của thiền. Thiền thuộc vấn đề trực giác, trực nghiệm; chứ không phải vấn đề luận giải bằng lý trí.

Hưởng chi, theo giáo lý nhà Phật, mọi sự vật trên thế gian, gọi chung là *vạn pháp*, đều là “*vọng duyên giả lập*”, đều do tâm tạo “*Vạn pháp nhất thiết do tâm tạo* “. Vậy thì tác giả nhìn “*nắng*” ra “*tuyết*” có gì không đúng?

Tóm lại, Ngụ Ngôn là một bài thơ mang nhiều phong vị thiền, viết theo thể Đường luật thất ngôn tứ tuyệt của Thiền Sư Không Lộ. Qua đó đã nói lên được:

Trước hết là lối sống an lạc tự tại, hòa nhập mình vào thiên nhiên của tác giả, ngay khi ông còn sống trong vòng thế tục (còn phải ngủ đêm trên thuyền chài, tức vẫn còn hành nghề đánh cá để mưu sinh).

Sau nữa, những cảnh sắc thiên nhiên ấy cũng như tình thương đối với bà con xóm làng, đã được tác giả diễn tả qua nhãn quan đầy thiền vị, khiến trở nên sống động, kỳ thú và sâu sắc.

PHẠM THỊ NHUNG

(Paris)

Anh đến thăm em đêm 30

BÁ NGUYỄN

Tôi đã nghe bài hát này qua giọng hát Khánh Ly và Anh Khoa từ hơn 40 năm về trước. Lúc ấy vẫn còn áo trắng quần xanh hoặc chỉ là một anh sinh viên tất bật chạy từ trường này qua trường khác để kịp lớp hoặc cho kịp giờ dạy thêm.

Mơ mộng sau này sẽ dành vài đêm 30 Tết đến với người yêu như những hình ảnh thơ mộng và âm áp trong bài hát.

Tôi đã có vài đêm 30 Tết đến với người yêu như mình ước ao. Sau 30/4/75 các trường đóng cửa chỉ học vài ba lớp chính trị hoặc vài lần đi đào kinh. Thời gian thừa thãi và tương lai mù mịt. Gặp mặt và chuyện trò nhiều hơn chứ không còn "em tan trường về, anh theo Ngọ (đúng nàng tuổi Ngọ!) về!" nhưng chưa bao giờ dám nói nữa.

Đêm 30 Tết 76 và 77, tôi cũng không còn phải canh lửa và nước cho nồi bánh tét to đùng đến gần tận giao thừa nữa. Thịt tìm đâu ra. Nếp tìm đâu ra. Tiền vừa bị đổi, ai cũng gần như vô sản như nhau. Bán chút ít vàng hoặc đồ đạc trong nhà để lén lút mua chút thịt, nếp, lá, v.v. gói vài đòn bánh tét cho có hương vị Tết là sang cả lắm rồi. (Gabriel García Márquez mô tả thời kỳ ông trải qua như "Time of Cholera" chẳng có gì đáng để bàn so với thời kỳ những năm sau 75. Nếu các bạn trẻ

muốn biết nó như thế nào nên tìm đọc "The Gulag Archipelago" của nhà văn Nga đoạt Nobel Aleksandr Solzhenitsyn được dịch ra tiếng Việt trước 75 "Quần đảo ngục tù").

Đạp xe đến nhà nàng vừa ngâm nga bài hát càng thăm thía và ngâm ngùi hơn trong không khí ảm đạm u buồn của những đêm 30 Tết 76, 77 đó. Lòng mình đang Tết nhưng Trời như chưa sắp Tết dù hoa mai cũng trở nụ đơm bông.

Phong tục cũng vẫn như xưa. Nhà nàng đã cổng đóng then cài từ khi trời vừa xập tối. Nàng trong cổng sắt. Tôi bên ngoài cổng. Nắm tay nhau và cảm ơn Trời Phật một năm cũ đầy sóng gió sắp qua. Chúc nhau không phải thầy ai trong gia đình phải khăn gói vào trại. Chúc nhau ai đã phải đi sẽ về trong năm mới. Chúc nhau nhiều sức khỏe không bệnh tật (vì bệnh dính vào người nhưng không tìm đâu ra thuốc) và may mắn. Chẳng còn dám chúc nhau gì khác. Không học hành tấn tới. Không phát đạt tài lộc. Không mọi sự như ý. Im lặng để nghe và hưởng không khí Tết trong một đêm trừ tịch tĩnh lặng. Rồi đạp xe về trước khi giờ giới nghiêm tới.

30 Tết 77, tôi đã nhận công việc dạy Toán ở trường Dự Bị Đại Học nhưng cũng không khác gì hơn đêm 30 Tết 76.

Hai đêm 30 Tết trong thời tình yêu của tôi. Thật lãng mạn phải không!

Chúc các bạn đang yêu sẽ có những đêm 30 Tết thật mơ và thật đẹp. ●

ĐỢI ĐẾN KHI NÀO?

Đất nước ta nhiều điều quái lạ
Âi Nam quan cửa ngõ sơn hà
Tướng hai nước họp bàn thân thiện
Ngoài biển đông Tàu cướp đảo Ta

Mang danh nhà nước công an trị
Suy cử ông trùm giữ chức to
Chính trị khéo chơi trò đánh đĩ
Dân tình ta thán, sống âu lo

Công an truy sát người trên phố
Đánh chết dân lành lúc tạm giam
Biến ngục tù thành lò giết mổ
Khổ đau lên đỉnh điểm không kham

Ngôi cổ tự tường xiêu mái đổ
Đám công an đội lột côn đồ
Phá chùa chiền hóa thành bình địa
Chiếm đất vàng dâng lũ ác nô

Đưa về nhà chờ bằng xe máy
Quần xác người trong chiếc chiếu thô
Thấy thảm cảnh mà lòng quặn lại
Ôi thiên đường trong cõi hư vô !

Đổi đời sao vận nước lao đao
Biết đến năm nao Cọng sản nhào ?
Đất khách ưu tư tóc điểm bạc
Quê người một thoáng ngỡ chiêm bao...

Đến khi nào bão tan mưa tạnh ?
Đám quỷ ma thôi hết lộng hành
Thoát xích xiềng, muôn dân hạnh phúc
Quê hương mình lại đẹp như tranh

Lý Hiểu
VA 09/2016

ĐÔNG SANG...

Đông sang...em một bóng hồng
Gió đông em vẫn khuê phòng hay sao?
Đêm đông gợi nhớ thuở nào..
Mời anh em rót rượu vào dung nhan

Phan Khâm
(Maryland)



TẠ ƠN

Tạ ơn Trời cho tôi hồn thơ
Giữa chốn bao la vô bến bờ
Tôi biết tôi còn thơ để sống
Cảnh đời dù xám vẫn như mơ.

Tạ ơn người cho tôi tình thương
Tôi dệt thành thơ đẹp lạ thường
Ngang trái bao năm sum họp lại
Vàng trắng dù lạnh vẫn tơ vương.

Tạ ơn đời cho tôi no ấm
Ngày tháng yên lành nhớ cố hương
Tôi gửi tình tôi về quê mẹ
Mong ngày dân Việt thoát tai ương.

Tạ ơn văn hữu mến yêu tôi
Tình cảm Hoa Đô đẹp tuyệt vời
Chung sức chung lòng xây dựng lại
Vòng hoa nhân ái xin trao người.

Đăng Nguyên
Mùa Lễ Tạ Ơn 2016

Tết gần đến ở Việt Nam đang xôn xao chuẩn bị những gì?

VĂN QUANG
viết từ Sài Gòn

Khi tôi viết bài này đã là tháng 12-2016 rồi, Lễ Giáng Sinh đang đến và Tết Dương Lịch rất gần và Tết Truyền Thống VN gọi là Tết Âm Lịch (hay năm na là Tết Ta) cũng còn hơn 1 tháng nữa thôi. Không khí chuẩn bị đang sôi động, các báo đều xôn xao nhiều đề tài về Tết. Nhất là mấy ông ở tòa soạn đang tất bật kiểm bài, kiểm hình làm báo Tết. Hồi này người Việt thường xem báo trên các trang mạng, rất ít người mua báo hàng ngày như xưa, chỉ có nhà hàng, khách sạn mua vài tờ báo lớn cho khách xem thôi. Báo hàng ngày đều khó bán nên chỉ chờ dịp mới bán được nhiều. Người VN thường có thói quen mua một tờ báo Tết để trên bàn cho khách đến thăm đọc và cả nhà cùng đọc nhưng thật ra bây giờ rất nhiều người có Iphone, Ipad đọc chỗ nào cũng được, nhất là khi phải chờ tàu xe. Tờ báo Tết được dùng như một sản phẩm trang trí thôi.

Có một chuyện mỉa mai nhất là chuyện các quan quen không cấm gia đình bà con anh em không được nhận quà.

Tại sao ở VN lại chưa có việc cấm thân nhân nhận quà

Nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn 2.647 người và thu thập dữ liệu ở 10 tỉnh, thành; 5 bộ, ngành. Kết quả cho thấy gần 70% số doanh nghiệp và cán bộ, công chức (CBCC) biết rõ việc tặng/nhận quà có mục đích chủ yếu là giúp giải quyết công việc, cảm nhận chung là thành trào lưu, thông lệ, thậm chí là “luật chơi”. “CBCC tặng quà cho cấp trên để thể hiện sự biết điều” (theo báo cáo).

Báo cáo chỉ rõ Luật Phòng chống tham nhũng quy định CBCC, viên chức không được nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác từ tổ chức hoặc cá nhân có liên quan tới công việc của mình. Tuy vậy, các quy định này không áp dụng với bất cứ thành viên nào trong gia đình của CBCC. Ở Mỹ, Hàn Quốc, Singapore..., các lãnh đạo, cán bộ ngoài việc không được trực tiếp nhận quà còn phải ngăn không cho vợ/chồng, họ hàng thân thích nhận quà.

Bà Vũ Kim Hạnh, Chủ tịch Hiệp hội Hàng Việt Nam chất lượng cao, dẫn chứng CBCC ở Singapore nhận quà trị giá hơn 50 USD là phải nộp nhà nước, nếu muốn giữ lại thì phải trả tiền, ở Mỹ

là 375 USD. “Mới đây, báo chí phản ánh Tổng thống Obama hết nhiệm kỳ sẽ nộp lại quà tặng trị giá 1,5 triệu USD đưa vào bảo tàng. Chuyện đó ở Việt Nam chúng ta ít khi nghe thấy.

Bà Hạnh nói: “Phòng chống tham nhũng nhưng khi kiểm tra lại phát hiện “đúng quy trình”. Chúng tôi làm việc nhiều với các doanh nghiệp, hỏi họ mong mỗi được hỗ trợ gì từ nhà nước thì họ đều nói xin cán bộ đừng nhũng nhiễu nữa”

Ông Nguyễn Văn Thanh, Phó Tổng Thanh Tra Chính Phủ (TTCP), khẳng định xung đột lợi ích là một chế định được phổ biến rộng rãi ở nhiều quốc gia nhưng Việt Nam chưa có vấn đề này”.

- Tại sao ở VN lại chưa có việc cấm thân nhân nhận quà. Chỉ cấm Cán Bộ, viên chức không được nhận quà thôi? Phải chăng đây là “cánh cửa mở ra” cho vợ con anh em mình nhận quà thay mình? Vậy thì chuyện cấm cũng như không. Anh nào cũng có thể mang đến cho “bà nhà” nhận quà, càng nhiều càng tốt. Tất nhiên “bà nhà” sẽ có danh sách đưa cho “ông nhà” để chiêm chước, ru ái cho những anh chịu khó mang quà Tết đến nhà. Việc này ở VN đã thành “luật chơi” vẫn tồn tại từ xưa đến nay, có gì đổi mới đâu. Người quyết định “cấm nhận quà” chỉ làm cho có tiếng là chống tham nhũng cho vui thôi. Đúng Tết là dịp rất vui cho gia đình con cái các quan còn doanh nghiệp phải tính toán lo cho bao nhiêu quan, bao nhiêu cái gọi là cơ quan, lỗ cũng phải lo

không thì chết không kịp ngáp. Anh dân đen cũng lo méo mặt kiếm món gì cúng lễ tổ tiên, cho con cái xum họp trong dịp Tết. Đúng là cái cảnh “ngoài tươi trong héo”. Tết Tây và Tết Ta ở VN là như thế.

Mùa cưới và chuyện đổi tiền mừng tuổi

Trước Tết lại còn là “mùa cưới”, con cháu họ hàng thường cưới vợ lấy chồng vào dịp này. Một ông giáo về hưu và cũng là họ hàng của tôi viết thư than rằng nhận được tới 21 cái thiệp cưới, toàn những cái của họ hàng gần, không đi không được. Mỗi cái tối thiểu cũng phải năm trăm ngàn đồng, đám nào làm tiệc ở nhà hàng 4-5 sao thì phải đi mừng 1 triệu đồng cho phải phép. Trong khi lương hưu của ông giáo chỉ có 3 triệu đồng VN một tháng thôi. Phải chạy vạy ngược xuôi, nhờ con cháu cũng chưa đủ tiền mừng. Lo sót vó lên đây các cụ ơi.

Lại còn vụ đổi tiền mừng tuổi.

Người VN thường có thông lệ “mừng tuổi” hay còn gọi là tiền “lì xì” cho con cháu vào dịp Tết. Nhiều người phải tìm nơi đổi tiền ngay từ bây giờ.

Tại một dịch vụ đổi tiền, anh Nam cho biết, mới rao nhận đổi tiền được 2 hôm đã có rất đông khách hàng có nhu cầu, dù phải 2 tháng nữa mới đến tết Nguyên đán. "Hầu hết khách đều đổi đủ các loại tiền lẻ 1.000, 2.000, 5.000 đồng để đi chùa và tiền polymer mệnh giá lớn hơn để mừng tuổi dịp Tết Dương và để dành luôn tới Tết Âm lịch". Bên cạnh tiền Việt, đại lý này cũng nhận đổi tiền

đô mới với giá 30.000 đồng/tờ 1 USD, 60.000 đồng/tờ 2 USD. Với một số tờ 2 USD quý, hiếm như tờ 2 đô năm 1917 được chủ dịch vụ rao "bán chứ không đổi" với giá hàng triệu đồng.

Chuyện Tết nhất ở VN còn lắm chuyện buồn vui lẫn lộn. Vậy ai vui, ai buồn trong dịp Tết này? Câu trả lời ai cũng biết: Quan lớn thì vui dân thì buồn. Chuyện này đã thành chuyện cổ tích rồi.

Các quan rục rịch đến chúc Tết và tặng quà nhau nhưng vừa bị cấm

Không được đến chúc Tết Thủ Tướng và các quan trên

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn Phòng chính phủ (VPCP) Mai Tiến Dũng cho biết khi Quốc hội bầu Thủ tướng, phê chuẩn các thành viên Chính phủ, thừa lệnh Thủ tướng ông đã ký ngay văn bản yêu cầu các địa phương, Bộ, ngành không đến tặng hoa chúc mừng Thủ tướng, các Phó thủ tướng và Bộ trưởng.

"Khi ban hành văn bản trên, họ cũng thoải mái vì nếu không đến thì bán khoán, đến thì xếp hàng đến bao giờ"... "Tôi là người địa phương tôi biết, mỗi lần Tết đến là lo lắm. Nên việc có công bố như vậy là rất phần khởi cho các địa phương từ xa xôi. Đây cũng là một cách để thực hiện Chính phủ liêm chính"

- Tết này qua Tết khác, biếu xén thành thói quen không dễ bỏ. Không ít người mất ngủ nếu chưa quà cáp chúc Tết nhà sếp, sợ sếp "không vui", lo cho con đường quan lộ của mình trắc trở rồi lo cho địa phương mình có thể bị cắt bớt hỗ trợ từ trung ương...

Tại sao ông CNVPCP lại lo lắng như thế? Bởi cái tục lệ ở VN đã ăn sâu bén rễ

trong các quan ròi kể cả các ông trong đứng đầu các bộ trong chính phủ. Hãy cứ nói các vị rất "liêm chính" nhưng liệu các quan bà ở nhà có liêm chính không? Muốn biết thì phải hỏi các cậu tài xế, các cô gái phải hầu hạ các quan bà sẽ biết ngay. Vẫn còn có "cánh cửa mở" cho các quan mà. Việc gì phải lo.

Đây là chuyện quan và dân. Còn chuyện ngoài đường đối với các nhà buôn và doanh nghiệp cũng chộn rộn lắm rồi.

Tất bật lo hàng bán Tết

Các doanh nghiệp chuẩn bị số hàng hóa tăng thêm 15% đến 20% so với kế hoạch TP Sài Gòn giao, tăng 25%- 45% so với kết quả thực hiện Tết Bính Thân 2016.

Sở Công Thương TP Sài Gòn đã kiểm tra, khảo sát các doanh nghiệp (DN) ở Thành phố và một số tỉnh, ghi nhận tình hình chuẩn bị hàng Tết năm nay cao hơn năm ngoái khoảng 15%-30%. Các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi tại địa phương đã xây dựng kế hoạch chuẩn bị nguồn hàng hóa phục vụ Tết với số lượng tăng 2-3 lần so với tháng thường. Các DN bán lẻ cho biết đang tích cực huy động nhiều kênh phân phối để đưa hàng đến tay người tiêu dùng nhanh nhất.

Mới bắt đầu qua tháng 11 âm lịch nhưng các siêu thị, trung tâm thương mại, chợ sỉ tại TP Sài Gòn đã bày bán hàng Tết. Hiện diện nhiều nhất trên quầy kệ siêu thị, sạp chợ là bánh kẹo, mứt, nước giải khát, thực phẩm công nghệ, giỏ quà tặng... mẫu Xuân. Sôi động, chiếm nhiều diện tích nhất là các mặt hàng bánh kẹo.

Đến nay, thông điệp chính mà các hệ thống siêu thị đưa ra là ổn định giá, bảo đảm chất lượng kèm khuyến mãi “khủng” trong mùa Tết. Các DN đang thi nhau khoe hàng tốt giá rẻ cứ như cuộc cạnh tranh không ngừng.

Nhìn bề ngoài cứ như VN đang phát triển rầm rộ lắm, nhưng thật ra đó chỉ là cái vỏ, còn cái ruột thì nát bét ra rồi và còn đó một nỗi lo hàng giả.

Hàng giả, hàng nhái đánh lừa người dân

Trong buổi làm việc về vấn đề kiểm soát hàng gian, hàng giả vừa diễn ra TP. Sài Gòn, ông Trần Hùng, Phó Chánh văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả cho biết, thời gian gần đây, tình hình buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái và hàng kém chất lượng diễn biến ngày càng phức tạp và tinh vi.

Lĩnh vực được phát hiện nhiều nhất là mỹ phẩm và thực phẩm chức năng với quy mô lớn. Đáng lưu ý là việc quảng cáo quá phạm vi chuyên môn để đánh lừa người tiêu dùng.

Ông Hùng cho biết thêm, cuối năm là dịp mà các đối tượng xấu lợi dụng nhu cầu tiêu thụ của người dân để tuồn hàng gian, hàng giả ra thị trường, gây nhiều nguy hại cho người tiêu dùng. Đặc biệt, lượng hàng gian, hàng giả nhiều nhất cả nước hiện nay tập trung ở TP. Sài Gòn và Hà Nội.

Theo ông Lê Văn Giang, Cục phó cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Bộ Y tế, trong 9 tháng đầu năm 2016, các đoàn liên ngành Trung ương và 63 tỉnh

thành đã tổ chức kiểm tra 345.106 cơ sở đã phát hiện 56.978 cơ sở vi phạm về an toàn thực phẩm, chiếm 16,51%; đã xử lý 13.307 cơ sở (chiếm 23,35% số cơ sở vi phạm), trong đó phạt tiền 8.920 cơ sở với số tiền phạt hơn 26 tỷ đồng.

Riêng kết quả xử lý vi phạm tại Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế), từ đầu năm đến ngày 22/11, đã phát hiện, xử lý 86 cơ sở vi phạm, tổng số tiền phạt hơn 5,5 tỷ đồng. Thu hồi 16 Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm; tạm dừng lưu thông 18 lô sản phẩm vi phạm..

Đối với các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh buôn bán, thứ trưởng kêu gọi phải tuân thủ qui định của pháp luật. Đồng thời, khuyến cáo người tiêu dùng hãy sáng suốt lựa chọn sản phẩm.

- Quả thật đây là điều bất lực của cơ quan nhà nước không kiểm soát nổi hàng giả hàng nhái, chưa kể còn có nơi nhân viên kiểm soát “đi đêm” với bọn buôn bán bất lương, hoặc công bố hàng nhái là hàng thật, cụ thể như đã nói ở trên có tới 16 Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm; tạm dừng lưu thông 18 lô sản phẩm vi phạm. Vì thế người dân chẳng biết đường nào mà “sáng suốt” lựa chọn.

Kiểm tra, kiểm soát và khuyên dân cái kiểu này như đổ hết trách nhiệm cho người dân, “Ông đã nói rồi: sáng suốt mà lựa chọn”, sống chết mặc bay. Người dân VN phải nhớ lấy câu này khi đi sắm Tết.

Văn Quang

Ngày 06 Tháng 12-2016

THĂM HỎI

Em về bên ấy nước sâu nông
Vội vã làm chi chuyện lấy chồng
Bụi trúc vườn xưa...khô héo đọt
Cây đa bên cũ...mỏi mòn trông
Cành mai trước ngõ lười ra nụ
Nhánh mận sau nhà biếng trở bông
Gởi gió ngàn đưa lời nhắn hỏi
Em về bên ấy... nước sâu, nông?.

Motthoi

Aug.19TH.2015

RƯỢU THẦN NÔNG

Họa
Rượu hồng cất tự gạo Thần nông
Tặng bạn đông lân báo...có chồng
Cá nước mất tằm thoi ngóng đọt
Chim trời khuất bóng hết chờ trông
Thương hoa nhà cạnh vừa ra nụ
Hận khách phương xa sớm hái bông
Chẳng được đẹp duyên vì xấu phận
Đong sầu ngàn chén rượu Thần nông

Lý Hiểu

VA, 09/2015

TỰ SỰ

Năm tháng trôi đi, quá nửa đời
Quý thời gian ấy đã dần vơi
Niềm đau thân phận còn quay quắt
Nỗi nhớ quê hương khó chuyển dời
Nuối tiếc những ngày quân ngũ nhỉ ?
Ngậm ngùi mấy nẻo chiến trường ơi !
Phương xa lại một mùa đông đến
Giá lạnh giăng vây bốn phía trời

Nguyễn Kinh Bắc

Mùa đông 2016

LẠNH MỘT PHƯƠNG TRỜI

(bài họa)

Thân như chiếc lá dạt sông đời
Bao nhánh chia mà nhớ chẳng vơi
Nỗi nước muôn chiều ôi sóng cuộn
Tình quê trăm mối hã không đời
Chưa tròn ước vọng ngày xuân ấy
Đã nặng lưu đày núi thẳm ơi!
Dịch thủy đầu nao hề gió lạnh (*)
Sao ta nghe buốt một phương trời!

Nguyễn Vô Cùng

(*) Ý thơ Dịch Thủy Ca
*Phong tiêu tiêu hề, Dịch thủy hàn,
Tráng sĩ nhất khứ hề, bất phục hoàn.*
(Kinh Kha)
*(Gió hiu hiu thổi qua sông Dịch lạnh,
Tráng sĩ một đi không trở lại)*

TẾT NÀO MÌNH GẶP LẠI?

NGUYỄN LÂN

Cả nhà quây quần bên bàn ăn. Đêm Ba Mươi thật êm đềm, ấm cúng. Tấm khăn ren trải bàn trắng càng làm nổi những món ăn đặc thù ngày Tết... nào bún mọc, chân giò hầm măng, giò thủ, miến xào cua, hạnh nhân, chả giò, cuốn ăn cặp với dấm bỗng bên cạnh hơn chục bát bún thang thơm tất những sợi vàng mỏng trứng chiên, giò lụa thái chỉ, thịt lợn nạc xé phay nổi trên nền bún trắng muốt, đĩa bánh chưng dền xanh mát màu cẩm thạch to đầy trông đậm đà nằm giữa bàn... đặc thù của dân Hà Nội trước 54. Đúng là một gia đình Bắc Kỳ chạy Cộng Sản. Và đêm nay, đêm Ba mươi tại thủ đô Sài Gòn hoa lệ.

Hoàng ngồi lặng trong cánh đoàn tụ mỗi năm chỉ có một lần vào đêm Ba Mươi rạng sáng Mồng Một. Có bà, có mẹ, có cậu nuôi, có anh chị em, có các cháu như những Tết năm xưa nhưng sao chàng vẫn thấy trống vắng. Chàng đương nghĩ tới Vân Kiều, cô cựa nữ sinh và là người yêu của chàng vừa chia tay chiều nay. Hai người chưa chính thức thành hôn nhưng hai bên gia đình đã mặc nhiên chấp nhận. Sáng mai, Hoàng sẽ sang chúc Tết mẹ người yêu và nàng sẽ theo chàng về chúc thọ bà và chúc Tết cả nhà. Chỉ có đêm nay xa vắng mà sao Hoàng bồn chồn lo lắng thế? Có cái gì báo trước một sự việc không lường sắp xảy tới? Không, có gì

đâu! Cậu Tân vẫn châm chọc chị Thủy, anh Sơn vẫn vui vẻ nói bô láo những chuyện trong trí tưởng tượng, em Vân vẫn liếc mắt tình tứ với hôn phu, chàng nhạc sĩ có giọng ngọt ngào đậm ấm. Tối nay cậu em rê tương lai Ngu Ý sẽ ca nhiều bài để tặng gia đình vợ và để đánh dấu một đêm trừ tịch, đêm đầu tiên bước vào gia đình này.

Hoàng lại nhớ ánh mắt Vân Kiều chiều nay, một chiều tà u tịch trước lối rẽ vào nhà nàng. Đôi mắt huyền mở rộng hơn trong bóng tà hôn buồn bã như trao lời vĩnh biệt.

Hoàng kêu lên: “Em! Em làm anh lo! Sáng mai quăng 9 giờ anh tới mừng tuổi má rồi chúng mình về đặng anh chúc thọ bà và mừng tuổi mẹ anh. Từ mai trở đi, mình sẽ không xa nhau nữa! Đừng nhìn anh như thế!”

Anh mắt nào nùng thoảng tia vui nhưng trong không gian thoảng tiếng thở dài.

Bóng Vân Kiều mờ dần trong ngõ... Hoàng nhắm mắt lại tưởng như khuôn mặt thanh tú, đôi mắt huyền như mơ ẩn sau hàng mi cong đậm, đôi môi hồng hé nụ hàm tiếu mà nhiều lần chàng vẫn đắm đuối đặt lên nụ hôn nồng ấm. Hoàng thấy mình hạnh phúc quá. Cái gì đến với chàng cũng toàn bích như ý. Thế sao vẫn tiềm ẩn một nỗi lo âu trong con người chàng?

Giọng mẹ rí rót: “Con sao thế? Đã ăn chậm mà còn thù người buông đũa như mất hồn vậy?”

Hoàng giật mình, thú nhận: “Con đang nghĩ tới Vân Kiều. Ban chiều đưa về sao cặp mắt em thấy buồn quá, mẹ à”.

Mẹ giục già: “Ăn đi. Ngày mai đến đón em”.

Bỗng... ầm... một tiếng nổ dữ dội không xa. Rồi... ầm ầm... tiếng bom rơi...

Cậu Tân đứng bật dậy nói như ra lệnh: “Việt Cộng tấn công! Các anh các chị về nhà ngay thu xếp đêm nay lên Sài Gòn. Chúng nó tiến chiếm Gia Định. Tôi lo vài việc rồi về đón bà và mẹ đêm nay. Minh sẽ tụ họp tại căn nhà trống ba tầng của mẹ tại Trần Quý Cáp. Thôi, giải tán!”

Cả nhà xôn xao. Anh Sơn giữ cậu Tân lại giọng lo lắng: “Cậu biết VC ra tay đêm nay?”

Cậu Tân lắc đầu: “Tình báo bên mình đã cho hay chúng sẽ tấn công Gia Định nhưng không biết lúc nào. Không ngờ đúng đêm Giao Thừa!”

Tạch... tạch... ùng... ùng... véo véo...

Trẻ con đang chơi rút bắt, quăng cả bài, ôm lấy bố mẹ. Cu Út, con chị Thủy sợ quá, khóc thét. Các anh, các chị vội vã ôm hôn bà ngoại và mẹ, tay bồng tay dắt đám con cái ra khỏi nhà.

Hoàng nói với cậu Tân: “Cháu ở lại với bà và mẹ chờ cậu!”

Cậu Tân giọng gắt: “Anh lên Sài Gòn trước đi, thu xếp nhà cửa phòng ốc để bà, mẹ lên có chỗ nghỉ ngơi đêm nay. Tôi đi chừng nửa tiếng sẽ về ngay mà”.

Hoàng không dám cãi lời, vội vã ra khỏi nhà. Nhưng thay vì lên ngã cầu

Bông phía bắc hướng Sài Gòn Hoàng hồi hả lái xe về phía nam hướng nhà Vân Kiều. Trên đường xe cộ tấp nập xô bồ hỗn loạn, người bộ hành giằng giạt nhau đi. Tiếng la hét, tiếng rên rĩ... Không thể chen lấn được nữa, Phong đành bỏ xe tại góc đường Ngô Tùng Châu, đầu đường nhà Vân Kiều. Khu này đang bị VC tấn công. Tiếng súng càng lúc càng to, càng gần xen lẫn tiếng bom dội vang vọng xé màng tai. Quân đội ta đang trả đũa, không quân thả bom đúng tiêu điểm. Đây, Ngã Năm Bình Hòa, vùng tử địa của tàn quân Việt Cộng. Nhưng đau lòng thay, bao nhiêu mái nhà tan nát, những vách tường tan hoang vì bom đạn, người dân gục ngã trên vũng máu đào! Xác bọn chiến binh Cộng Sản xấp ngửa đó đây, mặt mũi bê bết bùn và máu, thân xác tả tơi. Nhìn những khuôn mặt trẻ măng của bọn du kích Việt Cộng mà Hoàng không khỏi ngậm ngùi. Những đứa con nít này hy sinh cho ai, cho lý tưởng gì?. Chúng còn trẻ quá, 15, 16, tuổi đương lớn. Chúng đã hy sinh cho một lũ bán nước, cho một chủ nghĩa phi nhân bản. Thật vô lý! Thật tội nghiệp!

Nhớ tới người yêu Hoàng mạnh dạn dẫn mình trong lửa đạn, tránh những mảnh bom tan vụn trên đầu rơi rơi vào vũng nước còn xèo xèo bốc khói bên cạnh. Có vật gì đu đưa trên đầu... thì ra... trên một cành cây lớn còn vắt vẻo cánh tay trần nuột nà đầm máu của ai đó, một người con gái nào chết không toàn thân. Mùi khói thuốc súng khét lẹt, bụi mịt mù nguyên cả vùng Hoàng đương lao đến nhà Vân Kiều. Quanh

chàng là một bãi chiến trường còn lại... cây cối gãy đổ ngổn ngang, xác người rải rác, những mái nhà thủng lỗ, những vữa tường loang lỗ bề từng mảng, những mảnh đất bị cây nát, những chiếc xe hơi rúm ró, những chiếc xe đạp cong queo. Mùi chiến tranh lợm giọng đau thương.

Nhà nàng kia... nhà đây sao mái như lệch hẳn, như muốn sụp. Hoàng dướm chạy tới nhưng tiếng đạn vèo bên tai khiến chàng phải nằm rạp, úp mặt xuống đất rồi trườn mình bò đi. Trông nhà không xa mà thật khó khăn tới gần. Thời gian như ngưng trôi. Tim chàng như lửa đốt. Cả gia đình ra sao dưới mái bị tróc nóc?

Bước qua xác một chiến binh Việt Cộng, né tránh những mảnh bom rơi, nép mình trước hàng đậu nhà Vân Kiều, chàng trườn mình lách những bụi cây bò dần vào bên trong nhà. Một cảnh tượng hỗn độn tan tác ngay trước mắt. Bàn ghế gãy đổ, chậu kiềng tan tành, vật dụng trong tủ kính bể rơi nát bấy, tranh ảnh tung toé trên sàn đá hoa đây đó bị xối tung.

Hoàng hét to: “Vân Kiều! Vân Kiều!”

Âm ì tiếng bom, vì vút tiếng đạn trả lời.

Xác Ba nàng nằm xấp ngay sau lưng chiếc tràng kỷ gỗ gụ, máu còn rịn rỉ trên lưng. Mẹ nàng co quúi ngay bên cạnh, máu đã bầm đầy đặc quanh đường đi của viên đạn xuyên qua trán. Trước cửa bếp, anh Phong chết đứng, lưng tựa vào tủ lạnh kẹt cứng bởi vách tường màu hồng kẻ bên, tay còn cầm chai rượu mùi, cổ anh nơi lỗ đạn chọc thủng khô đặc máu đen. Còn nàng, Vân Kiều đâu, Vân Kiều, Vân Kiều ơi?!

Hoàng khựng lại trước cửa phòng ngủ. Nàng đây, bất động trên nệm chăn

trắng toát loang lỗ máu đào. Hoàng chồm tới, ôm đầu Vân Kiều áp vào ngực. Người nàng chưa lạnh hẳn dù tim đã ngưng, môi đã tái, cặp mắt còn mở rộng... như chờ đón thu lại hình ảnh của Hoàng.

Hoàng hoa mắt... chàng thấy nàng đứng ngay trước mặt, cười mỉm y như thảng trước nàng diễn vở Vân Muội của thi sĩ Vũ Hoàng Chương kỷ niệm Tết Mậu Thân sắp đến cho trường Gia Long – thi kịch liêu trai – mà vai Vân Muội là một oan hồn xuất hiện. Nàng đã diễn thật xuất sắc đắm mình trong những câu thơ nào nùng mà chính tác giả cũng phải xúc động:

“Em đã chết, thôi rồi, Vân Muội

Còn nói chi rằng nổi tiền duyên

Đành thôi ngàn kiếp ly uyên

Luân hồi đây vẫn còn nguyên hận tình”.

Hoàng dang rộng tay chồm tới... nàng vẫn còn đó cho cặp mắt chàng nhưng không có trong vòng tay chàng. Bàn tay ai mạnh mẽ giữ cứng chàng lại: “Cô ấy đã đi rồi!”.

Hoàng tỉnh hẳn ngỡ ngác nhìn những người lính cứu hỏa đang thu dọn vũng tử địa vừa vào tới.

Tết nào mình gặp lại nhau?

Không có ai đáp lại. Câu trả lời là một cái Tết bi thảm, sầu thương không riêng cho chàng mà cho toàn dân miền Nam nước Việt, Tết Mậu Thân, cái Tết vô cùng đau đớn không bao giờ quên!

NGUYỄN LÂN

Virginia, một ngày đầu Thu 2016

ĐỜI SỐNG CÓ ĐẠO LÝ QUA CA DAO

Quan hệ cha mẹ, anh em, bạn bè.

Nguyễn Văn Nhiệm (tiếp theo)

Cha mẹ

Sau mỗi quan hệ vua tôi, thầy trò, mỗi quan hệ gia đình như cha mẹ, vợ chồng, anh em còn được coi trọng hơn vì chúng hợp với lẽ Đạo, nguyên lý âm dương, do đó ca dao nói về mỗi quan hệ này cũng rất phong phú.

Trước hết công ơn cha mẹ thật là lớn lao, nhiều như những vì sao trên trời không thể đếm cho hết:

*“Trên trời có bấy nhiêu sao
Công ơn cha mẹ cũng bao nhiêu lần.”*

Công cha, nghĩa mẹ như núi cao, như biển rộng mênh mông, như nước trong nguồn lai láng, cho nên bổn phận làm con là phải lo tròn chữ hiếu, đó là cái Đạo làm con đối với cha mẹ:

*“Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ, ghi lòng con ơi.”*

Cù lao chín chữ có ý nói công lao khó nhọc của cha mẹ bao gồm sanh đẻ, nuôi dưỡng, vỗ về, dạy bảo, trông nom, giữ gìn, nâng đỡ...

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*

*Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.”*

*“Công cha nghĩa mẹ cao dày
Cưu mang trứng nước những ngày còn thơ
Nuôi con khó nhọc đến giờ
Trưởng thành con phải biết thờ song thân.”*

Cha mẹ hướng dẫn các con đi đúng hướng để nên người:

*“Thuyền không bánh lái thuyền quày
Con không cha mẹ, ai bày con nên.”*

Cha mẹ dạy các con kiến thức, sự khéo tay, khéo cư xử, nói chung là sự khôn khéo:

*“Mẹ dạy thì con khéo
Bố dạy thì con khôn.”*

Cái khéo thiên về nghệ thuật, năng khiếu tiềm tàng ở nội tâm thuộc vòng trong, mà các bà mẹ có khả năng khêu gợi cho các con rèn luyện, tập tành. Còn cái khôn thiên về lý trí thuộc vòng ngoài, là cái nổi trội ở người cha, vì ngày xưa phần nhiều đàn ông được đi học trở thành nhà Nho, trong khi đàn bà rất ít được như vậy. Hai câu ca dao sau đây cũng có thể phụ họa thêm ý trên:

*“Đàn ông xây nhà,
Đàn bà xây hạnh phúc.”*

Xây nhà thuộc về kỹ thuật cũng như lý trí ở vòng ngoài, còn xây dựng hạnh phúc là cả một nghệ thuật, đòi hỏi sự khéo léo của đàn bà, người vợ, các bà

mẹ hiền. Phối hợp cả khôn với khéo thành chữ kép khôn khéo, là đặc trưng của *văn hóa lưỡng hợp* trong tiếng Việt.

Truyền thống văn hóa Việt trọng đạo lý, lễ nghĩa (*Tiên học lễ, hậu học văn*), cho nên cha mẹ chú trọng hướng dẫn đạo đức, luân lý để các con trở thành những trai lành, gái tốt ở đời:

*“Đã sinh ra giống ở đời
Trai thì trung hiếu đôi vai cho tròn
Gái thì trinh tĩn lòng son
Sớm hôm gìn giữ kéo còn chút sai
Trai lành gái tốt ra ngoài
Khuyên con trong bấy nhiêu lời cho
chuyên.”*

Cha mẹ chẳng khác nào những vì sao soi đường cho con trẻ đi vào đời sống tâm linh:

*“Cha mẹ là những vì sao
Soi đường con trẻ bước vào Thiên môn.”*

Đây là đường lối giáo dục gia đình theo Đạo Việt với cứu cánh vừa thành công vừa thành nhân. Công đức của cha mẹ cao quý biết bao, cho nên hình ảnh của cha mẹ trong lòng của các con cũng ví như hình ảnh các vị Phật từ bi:

*“Cha già là Phật Thích Ca
Mẹ già đích thị Phật Bà Quan Âm.”*

Nhất là người mẹ với tình thương con bao la, ngọt ngào:

*“Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp một, như đường mía lau.”*

Mẹ là ánh sáng dịu dàng dẫn bước con đi:

*“Mẹ già như ánh trăng khuya
Dịu dàng soi tỏ bước đi con hiền.”*

Bởi vậy, nếu chẳng may cha mẹ qua

đời sớm thì các con sẽ bơ vơ, không nơi nương tựa, nhất là mất mẹ:

*“Con không cha như nhà không nóc
Con không mẹ, con khóc tối ngày.”*

*“Cha chết sớm ăn cơm với cá
Mẹ chết sớm lột lá mà nằm.”*

Khi mẹ đã già, con cái rất sợ mồ côi mẹ:

*“Mẹ già như trái chín cây
Gió đưa trái rụng, con rày mồ côi.”*

Những ai mất mẹ mới thấy thấm thía và hồi tiếc:

*“Mẹ còn chẳng biết là may
Mẹ mất mới tiếc những ngày làm con.”*

Nếu cha mẹ đều còn sống thì đối với các con thật là hạnh phúc:

*“Còn cha còn mẹ là hơn
Không cha không mẹ như đèn không dây.”*

Cha mẹ còn thì không có gì đẹp đẽ và quý báu cho bằng:

*“Mẹ còn là cả trời hoa
Cha còn là cả một tòa kim cương.”*

Cho nên các con mong cầu cho cha mẹ sống lâu:

*“Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.”*

*“Lâm râm khẩn vái Phật Trời
Xin cho cha mẹ sống đời với con.”*

Cha mẹ còn sống là điều may mắn, cho nên con cái phải hết lòng hiếu kính:

*“Thờ cha kính mẹ hết lòng
Ấy là chữ hiếu dạy trong luân thường...”*

...hết lòng phụng dưỡng cha mẹ lúc về già:

*“Em thì đi cấy ruộng bông
Anh đi cắt lúa để chung một nhà*

*Đem về phụng dưỡng mẹ cha
Muôn đời tiếng hiếu người ta còn truyền.”*

“Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi
Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già.”
“Khó nghèo củi núi, rau non
Nuôi cha, nuôi mẹ cho tròn nghĩa con.”

Khi cha mẹ còn sống mà các con không lo phụng dưỡng thì sau này sẽ hối tiếc:

“Ngó lên nhan tất đèn mờ
Muốn nuôi cha mẹ, bây giờ còn đâu?”
“Bây giờ muốn đáp ơn cao
Thì cha mẹ đã không bao giờ còn.”

Đến lúc đó con cái không những hối tiếc, mà còn bị phê phán mỗi khi làm giỗ thịnh soạn:

“Sống thì cơm chẳng cho ăn
Chết thì xôi thịt, làm văn tế ruồi.”
“Mắt mẹ mắt cha thật là khó kiếm
Chỉ đạo vợ chồng chẳng hiếm chi nơi
Trâu dê lúc chết tế ruồi
Sao bằng lúc sống ngọt bùi là hơn.”

Hiếu kính đối với cha mẹ là Đạo làm con, là thể hiện cụ thể qua việc phụng dưỡng hết lòng, theo luật nhân quả, đó là tấm gương để con cái noi theo và Đạo hiếu sẽ là một dòng sông có đạo lý liên tục:

“Nếu mình hiếu với mẹ cha
Thì con cũng hiếu với ta khác gì
Nếu mình ăn ở vô nghì
Đừng mong con hiếu làm gì hoài công.”

Trong dòng sông có đạo lý đó, những ai có nuôi con thì biết ngay công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ:
“Nuôi trẻ mới biết thương già
Nuôi con mới biết mẹ cha nuôi mình.”

Cha mẹ nuôi nấng, dạy dỗ các con đến tuổi lớn khôn, thành gia thất, đến

lúc tuổi già chỉ có ước mong là có cháu để ẵm bồng:

“Đưa con vui đạo phu tông
Đợi mong chút cháu vui trong tuổi già.”

Anh em

Quan hệ đạo đức, luân lý xưa giữa anh em là kính nhường nhau (đễ):

“Chữ dễ nghĩa là nhường
Nhường anh, nhường chị, lại nhường bề trên.”

Anh em là những người cùng chung huyết thống, cũng như chân tay trong một cơ thể. Quan hệ đó đã được ghi rõ qua ca dao, truyền mãi về sau:

“Anh em một khí huyết phân
Cũng như người có tay chân khác gì
Ai ơi lấy đây mà suy
Có câu đường lệ trong thi để truyền.”

Anh em cùng chung cha mẹ sinh ra, cùng sống chung dưới một nhà, nên phải thương yêu, hòa thuận với nhau cho cha mẹ vui lòng:

“Anh em nào phải người xa
Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân
Yêu nhau như thể tay chân
Anh em hòa thuận hai thân vui vầy.”

Về phương diện huyết thống, nếu so sánh với vợ chồng, thì quan hệ anh em gần hơn:

“Anh em như chân, như tay
Vợ chồng như áo, cởi ngay tức thì.”

Quan hệ anh em trong họ hàng:
“Con cô, con cậu thì xa
Con chú, con bác thật là anh em.”

Dù xa, dù gần, dù đắng cay thế nào cũng vẫn là tình anh em:
“Đắng cay vẫn thể ruột rà

Dù xa xa lắm, vẫn là anh em.”

Chọn ưu tiên dòng họ hay anh em là tùy nơi, tùy việc:

“Đi việc làng, giữ lấy họ

Đi việc họ, giữ lấy anh em.”

Anh em cùng tổ, cùng họ, nên quý mến nhau:

“Anh em chín họ, mười đời

Hai đảng cùng tổ, chẳng rời nhau ra.”

Anh em thương nhau:

“Anh em một họ, một nhà

Thương nhau chân thật, đường xa cũng gần”

Anh em xum họp một nhà, chung sức cày cấy làm ăn, làm vui lòng cha mẹ:

“Ai về đơi với em cùng

Thân em nay bắc, mai đông một mình

Chi bằng ruộng tốt đồng xanh

Vui cha, vui mẹ, vui anh em nhà.”

Trong đại gia đình gồm đông con, đông rể, đông dâu, nếu có đoàn kết thì sẽ làm được công việc phi thường:

“Năm trai, năm gái là mười

Năm dâu, năm rể là đôi mươi tròn

Hai bên phụ mẫu song toàn

Rồi ra kéo được trâu vàng Hồ Tây.”

Tục truyền ở Hồ Tây có trâu vàng của Nguyễn Minh Không. Gia đình có năm trai, năm, gái với năm dâu, năm rể thì có thể kéo được trâu vàng lên.

Anh em nâng đỡ nhau:

“Anh em như chân như tay

Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.”

Chớ nên vì tiền mà mất tình nghĩa anh em: *“Anh em thật thậm là hiền
Chỉ một đồng tiền làm mất lòng nhau.”*

Thật ra, con người có tình nghĩa mới đáng quý, chứ không nhất thiết cần

cứ vào họ hàng:

*“Người đừng có nghĩa thì đãi người đừng
Anh em bất nghĩa thì đừng anh em.”*

Từ đó tình huynh đệ có thể được mở rộng ra cùng khắp, mà không bị giới hạn trong phạm vi nhỏ hẹp họ hàng:

“Anh em bốn bể là nhà

Người đừng khác họ vẫn là anh em.”

Bạn bè

Trong xã hội xưa, tình bằng hữu rất được quan tâm, lo làm sao để được lòng nhau:

“Chữ rằng bằng hữu chi giao

Tôi đây mình đó, biết làm sao dặng

lòng.” Ăn ở làm sao để có bạn bè:

“Nước trong không cá

Hẹp bụng không có bạn bè.”

Muốn kết thân bạn hữu, nhưng nhìn thấy thói đời cũng phải đắn đo:

“Giàu sang bạn hữu đầy nhà

Đến khi nghèo khó chẳng ma nào nhìn.”

“Giàu sang lắm bạn lắm bè

Đến khi hoạn nạn chẳng hề thấy ai.”

“Hèn mà làm bạn với sang

Kẻ ngồi người đứng có ngang nhau bao giờ.”

*“Làm bạn với kẻ gian, mất cả quang
lấn gánh.”*

Cho nên, muốn có bạn hiền cũng cần phải chọn bạn mà chơi:

“Chọn bạn mà chơi, chọn nơi mà ở.”

“Thế thường gàn mực thì đen

Anh em bằng hữu phải nên chọn người.”

“Tìm bạn tìm kẻ Nho gia

Những người cờ bạc trắng hoa chớ gần.”

Tuy chọn lựa như vậy, nhưng đó chỉ mới căn cứ vào danh nghĩa, hiện tượng bên ngoài, còn bản chất, tính tình thì

phải có thời gian ở gần lâu với nhau mới rõ:

*“Thức khuya mới biết đêm dài
Ở lâu mới biết là người có nhân.”*

Bạn bè là những người thông cảm, hiểu biết, sống lâu dài có nhau:

*“Bạn bè là nghĩa tương tri
Sao cho sau trước vẹn bề mới yên.”*

Bạn bè là những người có tình cảm thân yêu, gắn bó với nhau:

*“Bạn bè là nghĩa tương thân
Khó khăn thuận lợi ân cần có nhau
Bạn bè là nghĩa trước sau
Tuổi thơ cho đến bạc đầu không phai.”*

Trong hệ thống luân lý xưa, quan hệ bạn bè, cũng như quan hệ chồng vợ đều được xây dựng trên tình nghĩa bền vững:

*“Bạn nghèo thuở trước chớ quên
Vợ cùng kham khổ, chẳng nên phụ tình.”*

Lưu Bình, Dương Lễ là học trò thời xưa, là tấm gương về tình bạn thương yêu, giúp đỡ nhau thành đạt:

*“Bóng ai thấp thoáng cửa đình
Hình như Dương Lễ, Lưu Bình đến chơi.”*

Do tin tưởng nơi tình nghĩa trước sau như vậy, cho nên người ta rút ra một kinh nghiệm:

“Bạn cũ bạn tốt, rượu cũ rượu ngon.”

Muốn cho tình bằng hữu bền vững thì cần phải có sự đối xử công bằng với nhau: *“Khôn ngoan giữa đám bạn bè
Đừng cho ai lận, chớ hề lận ai.”*

Đã là bạn bè thì năng lui tới, không nệ xa gần:

*“Thương nhau mây núi cũng trèo
Mây sông cũng lội, mây đèo cũng qua*

*Hướng gì bè bạn chúng ta
Nhà thì sát vách chẳng là tới lui.”*

Nếu là bạn trai gái với nhau thì cần giữ ý tứ:

*“Thương nhau thì biết ý nhau
Miếng trầu, miếng thuốc, miếng cau
Bạn bè thương nhau chớ vội ngồi kể
Phụ mẫu hay được khó bề tới lui.”*

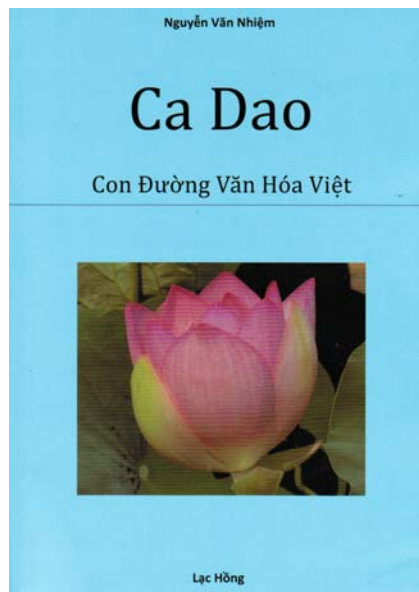
Mặc dầu đã có chọn bạn mà chơi, nhưng mỗi người mỗi vẻ, khéo vụng khác nhau:

*“Cũng thì bạn gái với nhau
Gánh nước một bầu, đôi đũa đôi trong-
Đôi mô khéo múc thì trong
Đôi mô vụng múc, những rong cùng bùn.”*

Cho nên câu: *Xem bạn biết người* thật ra cũng chỉ có nghĩa tương đối thôi.

(còn tiếp)

Nguyễn Văn Nhiệm



TẠ ƠN MẸ

(Viết thay lời những người con gốc Việt gửi đến các bà mẹ Hoa Kỳ đã dày công dưỡng dục)

Tạ ơn Mẹ, người không cùng huyết thống
Tóc mẹ vàng, da mẹ trắng như mây
Mẹ vớt con từ vực thẳm lưu đày
Nuôi con lớn bằng tình thương máu mủ

Tạ ơn Mẹ vì con mà lam lũ
Ngày qua ngày trong xưởng máy, nhà kho
Làm thêm giờ cho con được ấm no
Đêm lại thức dạy con từng tiếng Mỹ

Khác ngôn ngữ như ngăn thành, cách lữ
Mẹ dỗ con bằng ánh mắt, vòng tay
Mẹ gốc Âu, con gốc Á, khổ thay
Con là nợ, vì đâu mà mẹ gánh!

Mẹ biết con từ quê hương bất hạnh
Có lũ người hung ác tựa sài lang
Nuốt miền Nam bằng nanh vuốt bạo tàn
Đưa cả nước trở lại thời trung cổ

Cũng từ đó con như chim mất tổ
Tuổi còn thơ đã bỏ mẹ, lìa cha
Xuống thuyền đi trong nước mắt nhạt nhòa
Đem tính mạng gửi trên đầu ngọn sóng

Nhờ ơn Mẹ như trời cao biển rộng
Con mới còn sống sót đến ngày nay
Được nên người trên đất nước thứ hai
Niềm hạnh diện cho cả hai dân tộc

Trong hồn con mẹ rạng ngời ánh đuốc
Sáng bập bùng soi mỗi bước con đi
Lời Mẹ hiền con sẽ mãi còn ghi:
“Là dân Mỹ, nhưng đừng quên gốc Việt!”

Dâng lên Mẹ đóa hồng tươi thắm thiết
Chứa tình con từng cánh đỏ yêu thương
Mai con về qui hôn đất quê hương
Càng nhớ đến ngàn công ơn của Mẹ.

Vũ Đình Trường

THANK YOU, MOTHER!

(To American adoptive mothers who heartily fostered children of Vietnamese origin)

Thank you, my white-skinned golden-haired mother
Who are not of the same bloodline as me or the other
But you fished me out of the abyss a refugee errant,
Adopted and fostered me with the love of a parent.

Thank you for having taken such painstaking jobs
Days after days in warehouses and workshops,
Toiled and moiled extra hours to make me undeterred,
And stayed up late to teach me each English word.

Pushing language difference as a bad
barrier aside,
You soothed me with your look warm
and arms wide.
You are an Westerner and I an
Easterner, how rare,
I was such a heavy debt, you
volunteered to bear!

You knew well that I came from that
unhappy land
Where there were many a ferocious and
fiendish band
Who invaded the South and confined
people to cages,
Brought the whole nation back to the
Middle Ages.

Since then I had become a homeless
nestling in qualm
In childhood to leave Dad and separate
from Mom,
I got into the fleeing boat with hot tears
dripping wet
Risking my life entrusted to wave crests
full of threat.

Thanks to your high-sky and vast-ocean
love, my fay,
That I could survive until I can achieve
success today
And become a dignified human in this
second home,
A pride for both our peoples under the
azure dome.

You are so shining in my soul the
glittering torchlight
To enlighten each of my steps
scintillating in the night.
Your virtuous advice I will always
remember of course:
“Be American but don’t forget your
Vietnamese source!”

I respectfully offer you this fresh
gorgeous bright rose
Suffused with my affection in each red
petal to enclose.
On my repatriation kneeling to kiss my
native soil soon
I will bear in mind thousandfold your
precious boon.

Translation by
Thanh-Thanh
www.Thanh-Thanh.com

TẠP CHÍ CỎ THƠM
Có bán tại
WASHINGTON MUSIC
EDEN CENTER
6795 WILSON BLVD. #26
FALLS CHURCH, VA 22044
TEL. (703) 538-4979

Thánh Thomas Aquinas

(1225 – 1274)

và Nền Triết Học Kinh Viện

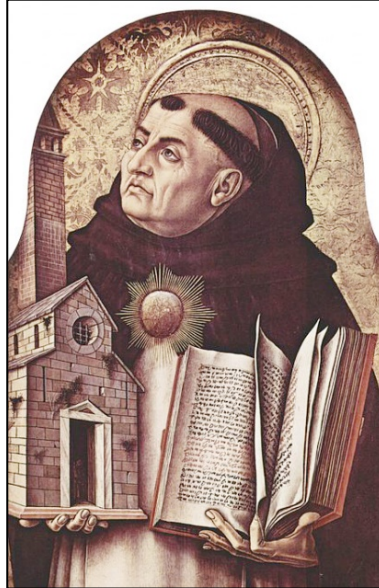
Phạm Văn Tuấn

I/ Các Trung Tâm Trí Thức của thời Trung Cổ.

Vào thời Trung Cổ, các trung tâm trí thức tại châu Âu là các Nhà Thờ (the church) với các bộ môn như Y Khoa, Triết Học, Giáo Dục, công việc viết và in ra các sách học, công việc đào tạo các nhà ngoại giao... Nhà Thờ đã giữ các nhiệm vụ quan trọng và nhiều công việc phụ khác. Các trường đại học đầu tiên cũng là các cơ sở của nhà thờ do các tu sĩ điều hành và tham dự là các học viên của các dòng tu.

Các kiến thức, các tư tưởng, các điều giảng dạy đều từ các dòng tu này, dĩ nhiên là phải dạy theo quan điểm của Thiên Chúa Giáo.

Các học giả tu sĩ của thời Trung Cổ không phải là đã sinh sống trong các tháp ngà, bị cô lập với các ảnh hưởng bên ngoài mà trái lại, họ đã đi làm việc tại nhiều địa phương, tham dự vào các cộng đồng rộng lớn. Các tu sĩ này là những người đã viết ra sách, chịu cực nhọc để chép tay các bản thảo, để lưu



trữ và truyền bá các kiến thức cũng như các tư tưởng của họ.

Dĩ nhiên là các tu sĩ hay học giả của thời Trung Cổ đã tiếp xúc với các quan niệm ở bên ngoài thế giới Thiên Chúa Giáo. Các kiến thức quan trọng còn được lưu truyền cho tới thời gian đó là các sách vở cổ điển của các học giả La Mã (Rome) và đặc biệt Hy Lạp (Greece). Đây là những gì còn lưu lại của các nền văn

minh lớn lao. Phẩm chất và giá trị của các tư tưởng Hy Lạp và La Mã thì được coi là hiển nhiên mà các học giả thời Trung Cổ cần phải chấp nhận. Các nhà triết học như Aristotle chẳng hạn, đã cắt nghĩa về thế giới và vũ trụ, nhưng các nhà triết học Hy Lạp và La Mã đã không dẫn chứng gì tới Thượng Đế hay Thiên Chúa (the Christian God). Các học giả Hồi Giáo như Averroes và Avicenna khi diễn giảng về các lời dạy của Aristotle cũng không đề cập tới Thiên Chúa. Như vậy các tu sĩ (churchmen) của thời

Trung Cổ đã trình bày thế nào về các ý tưởng này.

Nền triết học của Aristotle đã diễn tả bằng các hình thức liên quan tới biến động (flux) và tính phù du (transience), bằng hình thức (forms) và sự vật (matter), bằng hành động (act) và tiềm năng (potentiality), bằng chuyển động (movement) và thay đổi (change), tất cả đã đưa tới quan niệm về thực thể (being) và không hiện hữu (going out of existence). Nếu nền triết học này áp dụng vào thế giới hiện có thì theo tinh thần của thời Trung Cổ, thứ triết học đó không thể áp dụng với một Thượng Đế vĩnh cửu và không thay đổi (an unchanging, eternal God).

Đã có các câu hỏi liên quan tới cách tiếp cận của Aristotle. Aristotle và các học giả Hồi Giáo đã nói về thế giới đúng như họ đã quan sát thấy. Như vậy sự nhận biết của các giác quan (senses) thì được đánh giá cao. Cách tiếp cận này đã không thích hợp với các ý tưởng mới của thời Trung Cổ theo đó, các giác quan không được coi trọng vì đã làm sai lệch các yếu tố tinh thần.

Bởi vì các học giả cổ điển và Hồi Giáo đã mô tả thế giới đúng như họ nhìn thấy, điều này không đúng theo các quan điểm của Thiên Chúa Giáo. Làm sao một nhà triết học có thể hòa hợp hay tổng hợp các kiến thức nhận biết về thế giới với các kiến thức đã được mô tả trong Thánh Kinh (the Bible). Đây là các vấn đề mà các tu sĩ thời Trung Cổ phải tìm ra một giải pháp.

III/ Nền Triết Học Kinh Viện (Scholasticism).

Đây là một hệ thống triết học nhấn mạnh vào cách dùng lý trí (reason) để

khảo sát các vấn đề triết học và thần học (theology), đặc biệt là các nhà triết học kinh viện (scholastics) đã cố gắng chứng minh sự thực (the truth) của các giáo điều Thiên Chúa Giáo (Christian doctrine), đồng thời tìm cách hòa giải các quan niệm trái ngược trong bộ môn Thần Học Thiên Chúa Giáo (Christian theology).

Nền triết học kinh viện tạo ra được các ảnh hưởng lớn mạnh nhất từ năm 1,000 tới năm 1,400, đặc biệt trong các năm 1,200. Phần lớn các nhà triết học kinh viện (scholastics) đã giảng dạy tại các trường học và đại học của miền Tây của châu Âu. Các nhà triết học này đã làm phát triển một phương pháp khảo cứu các câu hỏi triết học và thần học. Phương pháp của họ có tên gọi là “câu hỏi được tranh luận” (the disputed question).

Đầu tiên, người thầy giáo đặt ra một vấn đề (a problem) rồi các học viên liệt kê các lý luận bênh vực hay chống đối để tìm ra một giải pháp nào đó cho vấn đề. Sau đó các học viên đứng tại một vị trí của vấn đề rồi cuối cùng họ đã cứu xét mọi mặt của vấn đề. Dùng phương pháp này, người thầy và các học viên đã cố gắng đạt tới được một cách giải quyết cân bằng (a balanced solution).

Trong quyển sách có tên là “Sách của các Vấn Đề” (Books of Sentences), các nhà triết học kinh viện đã phân tích các câu hỏi thần học và triết học. Cuốn sách này đã chứa đựng các lời dẫn chứng hay tóm tắt của các giáo điều (dogma) được ghi lại trong Thánh Kinh (the Bible), hay từ các tác phẩm của các nhà văn Thiên Chúa Giáo từ thời đại ban đầu tới các công trình của các

nhà văn Trung Cổ. Khi các lời dẫn chứng hay tóm tắt tương phản với Thánh Kinh, người biên tập cuốn sách đã cố gắng dàn xếp sự tương phản bằng các lời bình luận riêng của ông ta căn cứ vào lý trí (reason). Vào giữa thế kỷ 12, bốn cuốn sách “Các Vấn Đề” (the Four Books of Sentences) của Peter Lombard đã trở nên sách giáo khoa căn bản về thần học.

Các nhà triết học kinh viện đã huấn luyện các học viên cứu xét mọi mặt của các vấn đề theo luận lý và thuần lý (logically and rationally), và dùng các lời biện hộ vừa ngắn gọn, vừa rõ ràng, nhưng các nhà phê bình cho rằng trường phái kinh viện đã đặt nặng về hình thức cho nên mang tính giả tạo (artificial) và không uyển chuyển (inflexible). Các nhà phê bình cũng cho rằng phương pháp kinh viện dẫn tới sự chấp nhận rằng mọi vấn đề đều có thể giải quyết bằng lý luận (reasoning).

Bộ môn triết học kinh viện bắt nguồn từ các năm 1,000 trong các trường học của các nhà thờ và các tu viện. Các cuốn sách viết về Luận Lý (logic) của nhà triết học Cổ Hy Lạp Aristotle đã gây nên ảnh hưởng rất quan trọng vào nền triết học kinh viện. Aristotle đã dùng luận lý để chứng minh sự hiện hữu của Thượng Đế (the existence of God), cách tiếp cận này đã hấp dẫn được rất nhiều nhà triết học kinh viện, đặc biệt là ông Peter Abelard.

Nền triết học kinh viện đã đạt tới đỉnh cao nhất vào các năm 1,200 tại các đại học của miền tây của châu Âu. Nhiều tác phẩm của Aristotle trước kia không được các nhà triết học Trung Cổ biết tới, nay được phiên dịch sang tiếng La Tinh. Các học giả nhờ vậy đã có thể khảo sát triết học căn cứ vào kinh

nghiệm (experience) và lý trí (reason) trong khi trước kia, họ chỉ suy luận căn cứ vào Thánh Kinh và các bản văn của các nhà thần học Thiên Chúa Giáo.

Các nhà triết học kinh viện đã cố gắng làm hòa hợp nền triết học của Aristotle với đạo Thiên Chúa và họ cũng áp dụng triết lý này vào các vấn đề thần học. Các nhà triết học kinh viện chính thuộc thời đại các năm 1,200 gồm có Thánh Albertus Magnus, Alexander of Hales, Thánh Thomas Aquinas, Roger Bacon, Thánh Bona Venture và Robert Grosseteste.

Thánh Thomas Aquinas là nhà triết học kinh viện quan trọng nhất, đã làm phát triển một nền triết học mà ông ta cho rằng chỉ bằng lý trí (reason), nền triết học này có thể đưa tới các sự thật căn bản (basic truths) về Thượng Đế và linh hồn (God and the soul). Nhưng Thánh Aquinas lại tin rằng con người còn cần tới thứ mặc khải siêu nhiên (divine revelation) để đạt được và khai triển kiến thức đó.

Vào các năm 1300, các nhà triết học kinh viện là John Duns Scotus và William of Ockham đã bác bỏ tư tưởng của Thánh Aquinas nói về lý trí. Hai nhà triết học này tin tưởng rằng các hành động và mục đích của Thượng Đế thì không thể đoán trước được (unpredictable) và phải học hỏi qua mặc khải.

Các trường đại học Tin Lành cũng chấp nhận nhiều phương pháp của nền triết học kinh viện nhưng từ năm 1600, trường phái Kinh Viện đã mất dần ảnh hưởng tại nhiều trường đại học. Vài quan điểm của trường phái này đã được Giáo Hoàng Leo 13 cứu xét lại vào năm 1879 và cho tới ngày nay,

nhiều nhà tư tưởng Cơ Đốc Giáo (Roman Catholic thinkers) vẫn còn dùng tới nền triết học Kinh Viện.

III/ Tiểu sử của Thánh Thomas Aquinas.

Thánh Thomas Aquinas (1225-1274) đôi khi được gọi là Tiến Sĩ Thiên Thần (The Angelic Doctor) hay Hoàng Tử của các nhà triết học Kinh Viện (the Prince of Scholastics). Thánh Thomas Aquinas là một nhà triết học và thần học người Ý mà các công trình của ông được coi là quan trọng nhất trong nền triết học Kinh Viện (Scholastic philosophy) và ông ta cũng là một trong các nhà thần học hàng đầu của Giáo Hội Cơ Đốc La Mã.

Ông Aquinas sinh ra từ một gia đình quý phái tại Roccasecca, gần Aquino, nước Ý, và được giáo dục trong tu viện Benedictine (Biển Đức) tại Monte Cassino. Tại nơi này, ông chú của ông là cha bề trên (abbot) nên gia đình của ông hy vọng rằng sau này ông sẽ kế tục con đường tu hành nhưng trước khi ông học hành xong, tu viện đã là chiến trường giữa các đạo quân của Giáo Hoàng và của Hoàng Đế. Vì vậy, ông Aquinas đã chuyển sang theo học tại trường đại học Naples.

Vào năm 1243 khi người cha qua đời, ông Aquinas là một sinh viên bậc cử nhân. Bà mẹ của ông không muốn ông đi tu nên đã lưu giữ ông trong lâu đài của gia đình trong hơn một năm nhưng rồi bà mẹ đã không thể ngăn cản ước muốn của ông là muốn trở thành một tu sĩ. Tại trường đại học Naples, ông Aquinas đã bị ảnh hưởng của một dòng tu mới rồi vào năm 1244, ông trở thành một sư huynh (friar) của dòng Dominican (Đa

Minh), một dòng tu nổi tiếng về dạy học và giảng đạo.

Vào năm 1248, ông Aquinas theo học nhà triết học Kinh Viện người Đức tên là Albertus Magnus tại thành phố Cologne. Vì ông là một người béo mập và ít nói nên các bạn bè đã gọi đùa ông là “con bò đực câm” (Dumb Ox), nhưng ông thầy Albertus Magnus đã tiên đoán rằng “*con bò đực này vào một ngày mai, sẽ kêu rống lên trên thế giới*”.

Ông Aquinas được thụ phong linh mục vào năm 1250 rồi bắt đầu dạy học tại thành phố Paris vào năm 1252. Các bài viết của ông được phổ biến 2 năm về sau, đây là các phần tóm tắt và khai triển các bài giảng dạy cho sinh viên. Tác phẩm chính của ông Aquinas là cuốn sách Scripta Super Libros Sententiarum (Writings on the Books of the Sentences = Viết về các Sách của Vấn Đề, 1256?) trong đó gồm các lời bình giảng liên quan tới tài liệu về các bí tích (sacraments) của Nhà Thờ và tài liệu này thuộc về tác phẩm Sententiarum Libri Quatuor (Four Books of Sentences) của ông Peter Lombard, một nhà thần học người Ý.

Vào năm 1256, ông Aquinas được cấp văn bằng Tiến Sĩ về Thần Học (Doctorate in Theology) và được bổ nhiệm làm Giáo Sư Triết Học tại Đại Học Paris. Năm 1259, Giáo Hoàng Alexander IV (trị vì 1254-1261) đã gọi ông Aquinas về Rome, tại nơi này ông Aquinas đã là cố vấn và giảng sư cho triều đình của Giáo Hoàng. Tới năm 1268, ông Aquinas trở về thành phố Paris rồi ngay sau đó, bị liên quan vào cuộc bút chiến với nhà triết học người Pháp tên là Siger de Brabant và các đệ tử của nhà triết học Hồi Giáo Averroes.

Vào thời đại của ông Aquinas, nền triết học của Thánh Augustine đã chế ngự tư tưởng phương Tây trong 2 thế kỷ thứ 4 và thứ 5. Thánh Augustine dạy rằng muốn tìm kiếm sự thực (the truth), mọi người phải lệ thuộc vào các kinh nghiệm giác quan (sense experience).

Vào khoảng đầu thế kỷ 13, các tác phẩm chính của Aristotle đã được chuyển dịch sang tiếng La Tinh, kèm theo là các lời bình luận của Averroes và của các học giả Hồi Giáo. Sức mạnh, sự trong sáng và thẩm quyền của các lời giảng dạy của Aristotle đã làm cho các kiến thức thực nghiệm (empirical knowledge) được phục hồi và làm thăng tiến một trường phái của các nhà triết học được gọi là các nhà tư tưởng theo Averroes (the Averroists). Dưới sự chủ trương của Siger de Brabant, các nhà tư tưởng theo Averroes đã xác nhận rằng triết học thì đối lập với mạc khải (revelation).

Trường phái của Averroes đã đe dọa nền đạo đức và sự tối thượng của các giáo điều Cơ Đốc La Mã và đã báo động các nhà tư tưởng chính thống (orthodox thinkers). Các nhà tư tưởng theo Averroes đã tin rằng không thể dùng các lời giảng dạy của Aristotle. Nhà triết học Albertus Magnus và các học giả khác đã cố gắng phản bác các lý luận của trường phái Averroes nhưng họ đều thất bại. Cuối cùng, Thomas Aquinas đã thành công.

Thomas Aquinas đã tìm cách hòa hợp nguyên tắc tinh thần (the human spiritual principal) của Thánh Augustine với kiến thức do giác quan mang lại của trường phái Averroes, ông đã nhấn mạnh rằng các sự thật của niềm tin (faith) và của các kinh nghiệm do giác

quan (sense experience) như Aristotle đã từng trình bày, thì thích hợp với nhau và bổ túc cho nhau. Ông Aquinas quan niệm rằng sự bí ẩn về nhập thể (incarnation) chỉ có thể hiểu biết qua mạc khải (revelation) trong khi kiến thức về các sự vật (material things) có thể đạt được qua kinh nghiệm, còn về sự hiện hữu của Thượng Đế (God) thì phải do cả hai.

Ông Aquinas cho rằng mọi kiến thức bắt nguồn từ cảm nhận nhưng các yếu tố cảm nhận có thể là không nói ra được (intelligible) mà phải do hành động của tri thức, sự việc này dẫn tới các thực thể không vật chất (immaterial realities) như linh hồn của con người (human soul), các thiên thần (angels) và Thượng Đế (God). Để thấu hiểu được các sự thực cao siêu mà tôn giáo quan tâm tới, cần phải có sự mạc khải (revelation).

Thomas Aquinas đã xác định vị trí của ông qua tác phẩm *De Unitate Intellectus Contra Averroistas* (1270), được dịch là *The Trinity and the Unicity of the Intellect* (Chúa Ba Ngôi và tính đồng nhất của tri năng). Công trình này đã phản bác lại các kẻ chống đối về tư tưởng và đây là những người bị Nhà Thờ Cơ Đốc La Mã lên án.

Vào năm 1272, Thomas Aquinas rời thành phố Paris để tới thành phố Naples, tại nơi đây ông đã tổ chức một trường học mới thuộc dòng tu Dominican. Vào tháng 3 năm 1274, trong khi đi tham dự Công Đồng Lyon (the Council of Lyon) là nơi tổ chức do lệnh của Giáo Hoàng Gregory 10, Thomas Aquinas bị đau ốm. Ông qua đời vào ngày 7 tháng 3 năm 1274 tại tu viện Cistercian của thành phố Fossanova.

Thomas Aquinas được “phong thánh” bởi Giáo Hoàng John 12 vào năm 1323 và được công nhận là vị “Tiền Sĩ của Nhà Thờ Cơ Đốc” (Doctor of the Church) bởi Giáo Hoàng Pius V vào năm 1567.

IV/ Các thành quả và ảnh hưởng của Thánh Thomas Aquinas.

Thánh Thomas Aquinas là nhà thần học và triết học đã thành công hơn rất nhiều nhà tư tưởng khác, ông đã xếp đặt kiến thức của thời đại của ông để phục vụ cho đức tin của ông. Ông đã cố gắng làm hòa hợp đức tin với trí thức, đã tạo nên sự tổng hợp triết học bằng cách dùng các tác phẩm và các lời giảng dạy của Aristotle và các nhà hiền triết khác, gồm có Thánh Augustine và các học giả của Nhà Thờ Cơ Đốc (the Catholic Church), của nhiều học giả Hồi Giáo kể cả Averroes, Avicenna, của các nhà tư tưởng Do Thái như Maimonides và Solomon ben Yehuda ibn Gabirol cũng như của các nhà triết học đi trước thuộc trường phái kinh viện. Thánh Thomas Aquinas đã làm tổng hợp các tư tưởng triết học để cho thích hợp với Thánh Kinh và các giáo điều của đạo Cơ Đốc La Mã (Roman Catholic).

Thánh Thomas Aquinas đã làm việc liên tục trong 30 năm trường với tư cách là tu sĩ Dominican (Đa Minh), ông đã viết ra các loại sách: khảo sát về thần học, các tác phẩm triết học tổng quát, bình luận về nhiều sách trong Thánh Kinh, bình luận về các tác phẩm của Aristotle.

Vào thời đại của Thánh Thomas Aquinas, nền triết học Thiên Chúa Giáo đã dạy mọi người rằng con người gồm có hai phần, đó là một linh hồn duy lý (a rational soul) và một thể xác vật chất không có sức mạnh (a powerless, material body). Quan niệm này bắt nguồn từ nhà triết học Plato người Hy Lạp, và còn được lưu truyền cho tới thời Trung Cổ nhờ các bài viết của Thánh Augustine.

Thánh Thomas Aquinas đi theo một đường lối khác, đó là dùng các tư tưởng của nhà triết học Aristotle theo đó, con người là một kết hợp của linh hồn và thể xác (body and soul). Ngoài ra, các người dân theo Thiên Chúa Giáo vào thời Trung Cổ còn tin tưởng rằng sau khi con người chết đi, linh hồn không chết và thân thể sau này có thể được sống lại. Nếu một thân thể là vật chất và không hoàn hảo, thì thân thể này không thể sống lại nhưng nếu thì thân thể đó có một linh hồn thì sự phục sinh (resurrection) sẽ được dễ dàng hơn.

Thánh Thomas Aquinas đã coi trọng thân thể hơn là các triết gia của thời đại trước, như vậy các nhận biết của giác quan đã được chấp nhận để cứu xét các vấn đề, nhận định này thích hợp với thời đại mới bởi vì vào thời kỳ đó, kiến thức của con người được căn cứ vào các nhận biết của giác quan. Như vậy Thánh Thomas Aquinas đã kết hợp linh hồn và thể xác, kiến thức của con người với sự mạc khải Thiên Chúa và từ nay, niềm tin và lý trí không còn bị coi là hai sức đối lập mà đã được phân biệt rõ ràng: niềm tin từ sự mạc khải và niềm tin liên quan tới

các sự thật thần linh (divine truths), còn lý trí (reason) liên hệ tới các kinh nghiệm của con người (human experience) và sự chứng minh (demonstration).

Theo Thánh Thomas Aquinas, niềm tin và lý trí không phải là tách rời nhau: lý trí yểm trợ cho niềm tin và sự mặc khải và Thánh Aquinas đã nói rằng: *“không có thứ nào tồn tại trong tri thức trừ khi đầu tiên đã được tồn tại trong các giác quan”* (nothing exists in the intellect unless first in the senses). Sau đó, sự liên hệ giữa niềm tin (faith) và lý trí (reason) đã được Thánh Aquinas trình bày trong thái độ đối với sự hiện hữu của Thượng Đế (the existence of God).

Trong cuốn sách “Tóm Tắt Khảo Sát về Thần Học” (Summa Theologica), Thánh Thomas Aquinas đã chứng minh 5 lần rằng Thượng Đế thì có thật (God’s existence). Cả 5 chứng minh này đều bắt đầu bằng tác dụng của Thượng Đế đối với thế giới cảm nhận (the sensible world) mà chúng ta có thể nhận biết. Chứng minh đầu tiên bắt đầu bằng quan niệm rằng mọi thứ trên thế gian đều bị tác dụng bởi một thứ khác, đây là một chuỗi luật nhân quả (cause and effect) và Thượng Đế phải là nguyên do (the cause) của tất cả các biến chuyển.

Thánh Thomas Aquinas đã đưa mọi người từ thế giới của các giác quan tới thế giới của Thượng Đế (the world of God). Ông cũng đặt nặng lý trí bởi vì chúng ta dùng lý trí để xét đoán (judgement) rồi đưa tới các hành động tốt hơn hay là xấu hơn. Lý trí đã cho chúng ta khả năng xét đoán và như

vậy, chúng ta được chọn lựa để hành động, được tự do để tránh làm các việc ác, nhưng Thánh Aquinas còn nói rằng chúng ta còn cần tới các hồng ân (grace) của Thượng Đế. Vài đức tính có thể thực hiện do cách chọn lựa đơn giản căn cứ vào đạo đức, chẳng hạn như sự thận trọng (prudence), còn niềm tin (faith), hy vọng (hope) và lòng từ thiện là do từ hồng ân của Thượng Đế. Như vậy theo Thánh Aquinas, con người khi sinh sống, cần phải phối hợp cả các đức tính do bản năng (human qualities) với các đức tính thần linh (divine qualities).

Thánh Thomas Aquinas cũng khuyến khích các học giả khác làm các công việc bổ túc cho ông, chẳng hạn như ông nhờ người bạn cùng tu là ông William of Moerbeke chuyển dịch các tác phẩm của Aristotle từ nguyên bản bằng tiếng Hy Lạp sang tiếng La Tinh, là ngôn ngữ của nhà thờ Cơ Đốc, nhờ vậy các cuốn sách dịch này đã được nhiều học giả thời Trung Cổ xử dụng dễ dàng.

Thánh Thomas Aquinas là một tác giả rất phong phú bởi vì ông đã viết ra vào khoảng 80 tác phẩm. Hai tác phẩm quan trọng nhất của ông là cuốn Summa Contra Gentiles (1261-64) (On the Truth of the Catholic Faith = Về sự Thực của Niềm Tin Cơ Đốc), đây là cuốn sách để khuyến dụ các nhà trí thức Hồi Giáo về sự Thật của Thiên Chúa Giáo.

Tác phẩm thứ hai có tên là Summa Theologica (Summary Treatise of the Theology, 1265-73 = Tóm Tắt Khảo Sát về Thần Học), bộ sách này gồm 3

cuốn: Về Thượng Đế (on God), Đời Sống Đạo Đức của Con Người (the moral life of man) và Chúa Kitô (Christ), cuốn thứ ba này chưa được viết xong. Bộ sách Summa Theologica đã được xuất bản nhiều lần bằng tiếng La Tinh và bằng các ngôn ngữ địa phương.

Các thành quả của Thánh Thomas Aquinas thì rất to lớn, các công trình của ông là một trong vài đỉnh cao của Lịch Sử Triết Học. Sau Thánh Thomas Aquinas, các nhà triết học phương Tây thường đã đi theo nền triết học Thomism của ông, nhất là vào cuối thế kỷ 19. Trong Thông Điệp Aeterni Patris (Of the Eternal Father, 1879 = Về Chúa Cha Vĩnh Cửu), Đức Giáo Hoàng Leo 13 đã khuyên mọi người rằng nền triết học của Thánh Thomas Aquinas phải là căn bản giáo huấn trong tất cả các trường học Cơ Đốc La Mã (in all Roman Catholic schools).

Các tác phẩm của Thánh Thomas Aquinas rất phong phú trong khi đó sự mới lạ của các tư tưởng của ông cũng rất đáng kể. Thánh Aquinas đã mang lại sự thay đổi trong tư tưởng Thiên Chúa Giáo, làm biến đổi quan điểm của nhân loại, làm thay đổi sự liên hệ giữa tinh thần với thế giới, thể xác và linh hồn, niềm tin và lý trí.

Bằng cách dùng các tư tưởng của Aristotle, Thánh Thomas Aquinas đã hợp thức hóa thứ tư tưởng cổ điển khiến cho các học giả đương thời phải chấp nhận, đồng thời ông nuôi dưỡng nền học vấn và văn chương cổ điển mà nếu không, hai thứ này có thể bị thất lạc.

Thánh Thomas Aquinas đã đánh giá cao lý trí (reason) khiến cho ảnh hưởng của ông đã tồn tại được lâu dài. Vài học giả cho rằng ông Aquinas là người đi trước Thời Đại Khai Sáng của nước Pháp (the French Enlightenment), Thời Đại Lý Trí (the Age of Reason) của thế kỷ 18, và trước cả Thời Đại Phục Hưng (the Renaissance). Thời đại sau này căn cứ vào chủ nghĩa nhân bản (humanism) với sự chú trọng vào các kinh nghiệm của con người, vào sự hiển nhiên về khoa học đối với các giác quan (the senses) và vào sự nhận thức về mỹ thuật của cơ thể con người. Sự phối hợp các nhận thức của con người với tư tưởng thần học, với nền học vấn cổ điển, đã được diễn tả rõ ràng trong các sách của Thánh Thomas Aquinas, nhờ vậy Thời Kỳ Phục Hưng và thế giới hiện đại sau này đã phát triển bằng các bước tiến quan trọng.

Vào năm 1950, trong Thông Điệp Humani Generis (Of the Human Race = Về Loài Người), Đức Giáo Hoàng Pius 12 xác nhận rằng nền triết lý Thomism là đường lối hướng dẫn chắc chắn nhất để đi tới các giáo điều của đạo Thiên Chúa La Mã.

Ngày nay, nền triết học của Thánh Thomas Aquinas vẫn còn là trường phái dẫn đầu trong các tư tưởng hiện đại. Trong số các nhà tư tưởng theo đường lối của Thánh Thomas Aquinas có hai nhà triết học người Pháp là các ông Jacques Maritain và Etienne Gilson./.

Phạm Văn Tuấn.
(Virginia)

SĨ PHU VIỆT NAM ĐỜI XƯA VÀ NAY

Hải Bằng.HDB

Người nào chỉ biết khóc thối hoặc cười thối, không phải là trí thức.

(LS Nguyễn Mạnh Tường)

Vai trò Sĩ phu Việt đời trước thật là cao quý và quan trọng, vì họ là tinh hoa của xã hội, là người hướng đạo tiên phong của xã hội, làm gương sáng trong nhiệm vụ gìn giữ, bảo vệ sơn hà, xã tắc theo đúng tinh thần Nho Giáo:

Tận trung báo quốc (lấy cái chết để báo đáp đất nước)

Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách (đất nước hưng vong, kẻ tầm thường cũng phải có trách nhiệm)

Vai trò sĩ phu Việt đời nay cũng vẫn mang những truyền thống cao quý đó, nhưng một số những *cơ chế quản lý xã hội bất bình thường* đã làm vai trò lãnh đạo của kẻ sĩ Việt bị mất phẩm chất.

Lê Quý Đôn (1726-1784) viết: *có năm đại họa mất nước, tan gia đình là:*

1. Trẻ không kính già
2. Trò không trọng thầy
3. Bình kiêu, tướng thoái
4. Tham những tràn lan
5. Sĩ phu ngoảnh mặt

Quan niệm về Kẻ Sĩ như thế nào?

Sĩ là gì? -Kẻ Sĩ là người xuất thân từ khoa bảng. Đó là lớp người được đào tạo để trị nước, an dân. Học là cơ sở để trở thành Kẻ Sĩ. Kẻ Sĩ có đầy đủ những đức tính Nhân, Trí, Dũng. Mục tiêu phục vụ của Kẻ Sĩ là Chân-Thiện-

Mỹ mà thực tiễn là Giúp Đời, làm cho cuộc sống của người dân trong sạch, có đạo đức, và tươi đẹp.

Kẻ Sĩ là hiện thân của người Quân Tử mà Khổng Tử đã viết: “Có thể đem vận mệnh quốc gia mà giao phó cho họ. Dầu có gặp nguy hiểm đến tính mạng thì họ cũng không dao động.”

Trong thi văn, cụ Nguyễn Công Trứ (1778-1858) là một Nhà Nho đã đề cao vai trò của Kẻ Sĩ rõ nét nhất. Ông viết:

Tước hữu ngũ, Sĩ cư kỳ liệt

Dân hữu tứ, Sĩ vi chi tiên

Có giang san thì Sĩ đã có tên

Từ Chu, Hán, vốn Sĩ này là quý

Suốt cuộc đời của Nguyễn Công Trứ là gương sáng của Kẻ Sĩ: tận tụy phục vụ cho lợi ích của nhân quần, xã hội với tinh thần công, minh, chính, trực.

Chính từ quan niệm rất cao đẹp về Kẻ Sĩ kể trên mà từ trước đến nay đất nước Việt ta vẫn luôn luôn sản sinh những con người đã sống đúng với tinh thần của Kẻ Sĩ.

Sở học của Kẻ Sĩ ngày trước bao gồm đủ cả thiên văn, địa lý, dịch lý, tướng số, văn học, lý luận, số học, và đạo đức chính trị dựa vào học thuyết của Khổng Mạnh mà mẫu người của thời đại là Quân Tử.

Quân tử là gì? Không có một từ ngữ nào của Tây Phương dịch đúng ý nghĩa từ quân tử.

Những từ như true *gentleman*, *superior man*, hay *man-at-his best*, chỉ diễn đạt được một phần hình ảnh của người quân tử.

Khổng Tử, khi mô tả về người quân tử, đã đưa ra nhiều dẫn dụ về phẩm

chất tương phản cụ thể giữa *tiểu nhân* và *quân tử* như:

Quân tử hoà nhi bất đồng.

Tiểu nhân đồng nhi bất hòa.

(Quân tử hòa mà không đồng; kẻ tiểu nhân đồng mà không hòa).

Quân tử khoan hòa mà không kiêu căng.

Kẻ tiểu nhân kiêu căng mà chẳng khoan hòa.

Quân tử chi giao đạm nhược như thủy.

Tiểu nhân chi giao đầm như mật.

(Lòng người quân tử giao thiệp trong như nước) [ai cũng thấy được]

Lòng kẻ tiểu nhân giao thiệp kín đặc như mật).

Nhưng không phải Kẻ Sĩ nào học sách thánh hiền đề trở thành người quân tử cả. Có nhiều kẻ Sĩ giả nhân, giả nghĩa, đời gọi là *ngụy quân tử*.

Nước ta trong suốt thời gian lập quốc từ thời Nhà Đinh (968-1009), Lê, Lý, Trần Lê, đến thời Nhà Nguyễn (1802-1955), tinh thần Nho Giáo, Phật Giáo, đã là nòng cốt để tạo nên những bậc Sĩ anh hùng, hào kiệt tên tuổi còn để lại đến ngày nay như Ngô Quyền, Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn (Hưng Đạo Vương), Trần Quang Khải, Lê Văn Hưu, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Ngô Sĩ Liên, Nguyễn Bình Khiêm, Đào Duy Từ, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Du, Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát, Nguyễn Trường Tộ, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Nguyễn Hải Thần, ...

Điểm đặc thù trong quá trình tranh đấu của nước ta chống ngoại xâm đặc biệt chống Trung Quốc xâm lược, hầu hết các chiến sĩ đều là những thi sĩ.

Cổ thi sĩ Trần Quốc Thái (CA) viết trong Lời Mở trong thi phẩm *Bài Thơ Trên Cát* của ông:

Tự phân tích bản thân tôi, tôi khám phá ra một điều rất kỳ thú: cái hồn thi nhân tạo ra cái thần chiến sĩ ... Hầu hết các đại thi hào của dân tộc ta, điển hình là hai thời vàng son – Lý và Trần – đều là những chiến sĩ anh hùng kiêm thi sĩ. Thừa hưởng di thống của tiền nhân, hấp thụ khí thiêng của sông núi, con cháu đời này sang đời khác đều là chiến sĩ kiêm thi sĩ.

Thi sĩ Trần Quốc Thái đã ra người thiên cổ, nhưng những lời thơ khảng khái của ông còn đây trong bài “Bức Thư Không Gửi”:

Cha ơi,

Con sẽ về dựng cờ cho lá cây rừng mở hội
Chặt xích xiềng cho toàn dân vùng lên
hỏi tội

Loài Cộng nô quên gốc cội Tiên Rồng

Trước tham vọng xâm lăng của Nhà
Tống, Trung Quốc, Thi sĩ Chiến Sĩ Lý
Thường Kiệt viết lên bốn câu thơ bất hủ:

Nam quốc sơn hà Nam Đế cư

(*Đất nước Nam ta Nam Đế ngự*)

Tiết nhiên định mệnh tại Thiên Thu

(*Tuyệt nhiên số đã định nơi Trời*)

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?

(*Có sao nghịch tặc qua xâm phạm?*)

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

(*Nhất định ném mùi thất bại thôi*)

Trong cuộc kháng chiến chống quân nhà Nguyên (Mông Cổ), Kẻ Sĩ Trần Bình Trọng khảng khái trả lời Thoát Hoan: “Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm Vương đất Bắc.”

Kẻ Sĩ Cận Đại

Trong giai đoạn đất nước lâm nguy sắp sửa rời vào tay thực dân Pháp, nhiều sĩ

phu đã vùng lên kháng Pháp như Nguyễn Công Trứ, Trương Định, Thiên Hộ Vương, Đoàn Hữu Trưng, Thủ Khoa Huân, Đặng Như Mai, Tôn Thất Thuyết, Vua Hàm Nghi, Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Bội Châu, Vua Duy Tân, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Thị Giang, Lý Đông A, Nguyễn Hải Thần, ...

Họ là những Kẻ Sĩ mạnh dạn đứng lên xướng nghĩa hay ứng nghĩa, lãnh đạo những phong trào chống thực dân Pháp, tiếp nối ngọn lửa đấu tranh của dân tộc Việt từ ngàn xưa cho đến khi giành được độc lập, tự chủ mới thôi.

Nhóm lãnh đạo của Đảng Cộng Sản như Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Phạm văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, v.v. có thể coi là Kẻ Sĩ không?

Câu trả lời là “Không” bởi vì nhóm CS này đã mắc vào một phẩm tính đại kị của Kẻ Sĩ là “lừa dối” hay “trí trá” có nghĩa là họ chủ trương sử dụng mọi phương tiện dù có đê hèn hay dã man đến đâu để họ đạt được mục đích. Đó đó là phương châm hành động mà họ đã dạy cho tất cả các đảng viên: “Mục đích biện minh phương tiện”.

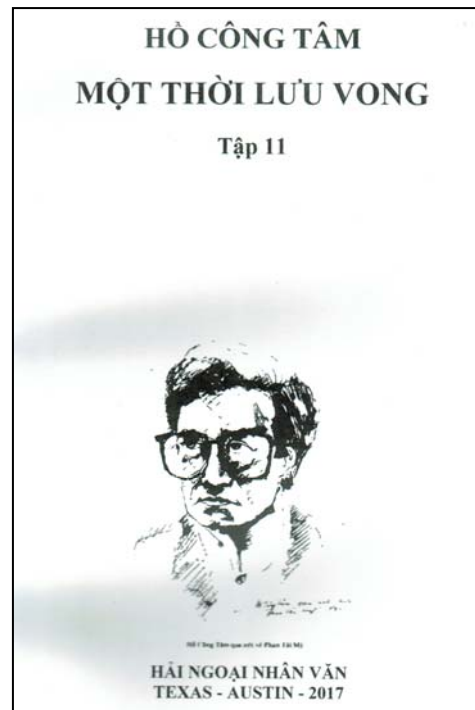
Tóm gọn, những chính sách của Đảng CSVN đưa ra đều đã và đang thảm bại và càng ngày càng đưa đất nước đến chỗ tan rã về mọi mặt.

Đảng CS Trung Quốc và đất nước TQ cũng thế: đang đứng trước một sự tan rã không thể tránh được khiến lãnh tụ Tập Cận Bình đã lập đi lập lại câu hỏi: “Tôi còn biết làm gì bây giờ?” trong bài nói chuyện nội bộ mới đây được lọt ra ngoài đảng trên *Tạp Chí Tiền Tiêu* ở Hồng Kông, số ra Tháng 4/2013. Trong

GỎI CỔ NHÂN

*Cứ lẳng lẳng đi chẳng một lời
Để buồn và nhớ mãi không vơi
Câu thơ trang nhã khi trao đôi
Giọng nói thanh tao lúc gọi mời
Nâng tách trà thơm mơ cặp bến
Nhấp ly rượu đắng mộng ra khơi
Người ơi kỷ niệm còn sao xuyên
Day dứt trong tâm đến trọn đời
December 1st 2016*

Hồ Công Tâm



Tập đã nêu ra những hiện tượng (Đổi Mới) của Khrushchev, Gorbachev (Nga) và khuyến khích thượng tôn pháp luật ở TQ hiện nay. Những sự kiện này có phải là những chỉ dấu cho thấy rằng CSTQ sẽ phải có sự thay đổi lớn để tránh mô sự thay đổi như ở Tunisia, Lybia, và Syria hiện nay?

Kẻ Sĩ Thời Nay

Kẻ Sĩ Việt khoa bảng thời nay nhiều lắm nhưng bị phân hoá khiến cho một số không ít đã đứng bên ngoài dòng chính của thời cuộc.

Mặt khác, một số vẫn còn mang nặng tính cục bộ, địa phương, bè phái, và những tư tưởng lỗi thời khiến cho những nỗ lực đất tranh cho quê hương sớm thoát khỏi ách Cộng Sản bị trì trệ. Từ đó, cộng đồng Việt ở hải ngoại chưa có một tiếng nói thống nhất, chưa có lãnh tụ.

Một lý do khác nữa là quá trình xây dựng cộng đồng Việt còn quá non trẻ. Có lẽ chúng ta còn phải chờ cho lớp trẻ, lớp thế hệ thứ ba hay thứ tư đứng ra lãnh đạo mới đủ điều kiện (kiến thức, địa vị, và tài chính) để có thể có sức mạnh đáng kể.

Tuy nhiên, trước sự lãnh đạo hèn kém và tàn bạo của các Đảng Cộng Sản, nhiều Kẻ Sĩ của thời đại ở trong nước đã can đảm đứng lên lên tiếng chống chế độ kể từ những ngày Đảng CSVN mới tiếp thu Miền Bắc, 1954.

Nhóm nhân vật rất đông đứng lên chống chế độ rất sớm là *Kỹ Sư Hồ Đắc Liên (con của ông Hồ Đắc Diễm), Học Giả Đào Duy Anh, Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường, Triết Gia Trần Đức Thảo, Nhà Văn, Nhà Báo Phan Khôi,*

Nhà Thơ Trần Dần, Nhà thơ Phùng Quán, nhà văn Bùi Quang Đoài, nhà văn Minh Hoàng (Vũ Tuyên Hoàng), nhà văn Phùng Cung (viết “Con Ngựa Già của Chúa Trịnh”), nhà giáo Trần Lê Văn (viết “Bức Thư Gửi Người Bạ Cũ”), kịch tác gia Hoàng Tích Linh (em nhà văn Hoàng Tích Chu, viết vở: “Xem Mặt Vợ”), nhà soạn ca khúc kiêm họa sĩ Văn Cao (viết bài “Đàn Chim Việt”, “Tiến Quân Ca”, “Không Quân Việt Nam”, “Hải Quân VN”), nhà nghị luận Trần Duy (viết bài: “Những Người Khổng Lồ”), kịch tác gia kiêm trước tác gia Hoàng Cầm (viết: kịch thơ “Viễn Khách”, sách dịch “Một Nghìn Đêm Lễ”), nhà văn kiêm nhà thơ Hữu Loan (viết: “Màu Tím Hoa Sim (thơ), “Cũng Những Thần Nịnh Hót”, Lộn Sòng”, họa sĩ Sĩ Ngọc (Hà Nội, viết bài “Làm Cho Hoa Nở Bốn Mùa” nhằm đả kích Trường Chinh), nhà soạn giả kiêm đạo diễn Chu Ngọc (Vĩnh Yên, viết “Chúng Ta Gắng Nuôi Con” nhằm chế diễu cái thói xấu đương thời.); Kịch tác gia kiêm nghệ sĩ Như Mai (Hà Nội, viết “Tiếng Trống Hạ Hối” và “Thi Sĩ Máy” chế riễu chính sách chỉ huy văn học của Đảng CS.); nhà biên soạn từ điển Đào Duy Anh (Thanh Hoá, viết bài “Muốn Phát Triển Học Thuật” nhằm chỉ trích chủ nghĩa giáo điều và tôn sùng lãnh tụ và đề cao tự do sáng tác.); nhà triết học Trần Đức Thảo (Hà Nội, viết bài “Nội Dung Xã Hội và Hình Thức Tự Do” phê phán chính sách Cải cách Ruộng Đất” và đề quyết rằng bịnh giáo điều, quan liêu, bè phái, và sung bái cá nhân là căn nguyên làm xã hội trì trệ.” Luật sư Nguyễn Mạnh Tường (Hà Nội, viết bài

“*Những Sai Lầm Trong Chính Sách Cải Cách Ruộng Đất (CCRĐ)*” mạnh dạn lên án chính sách CCRĐ của Mao Trạch Đông là đã man và ông nêu câu: “*Người nào chỉ biết khóc thối, hoặc cười thối, không phải là trí thức*” và “*Kẻ thù số một của trí thức là bọn chụp mũ.*” [xem *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc, Mặt Trận Bảo Vệ Tự Văn Hóa, Nhà In Lion Press, 3018 S Akron CT, Denver, CO 80231*]

Cuộc Đấu Tranh của Trí Thức trong Nước Hiện Nay

Tiếp nối truyền thống đấu tranh của các nhà trí thức thời 1954 ở miền Bắc, hiện nay, sau 1975, trí thức ở VN đã khởi sự đấu tranh chống ách CS càng ngày càng mạnh và càng ngày càng đông mặc dầu nhà nước CS đã sử dụng công an và côn đồ đàn áp và bỏ tù rất dã man.

Không kể “nhóm kháng chiến cũ”, một số các nhà đấu tranh thuộc đủ thành phần xã hội (nhà thơ, nhạc sĩ, luật sư, nhà văn, nghệ sĩ, v.v):

Trần Huỳnh Duy Thức, Đoàn Huy Chương, Nguyễn Phương Uyên, Nguyễn Hoàng Quốc Hùng, Đỗ Thị Minh Hạnh, Đinh Nhật Uy, Đinh Nguyên Kha, Phan Ngọc Tuấn, Võ Minh Trí, Nguyễn Ngọc Cương, Lê Thăng Long, Lê Công Định, Tạ Phong Tần, Phan Thanh Hải, Nguyễn Hữu Cầu, Vũ Đình Thụy, Phan Văn Bàn, Bùi Thúc Nhu, Nguyễn Đình Văn Long, Trần Tư, Lê Văn Tính, Bùi Đăng Thủy, Nguyễn Tuấn Nam, Đoàn Văn Diên, Đoàn Hữu Chương, Phạm Minh Hoàng, Trần Nam Phương, Dương Văn Sỹ,

Việt Khang, Trần Vũ Anh Bình, v.v. cộng thêm vụ tù nổi dậy ở Xuân Lộc (30/6/130).

Cuộc Đấu Tranh Giữa Chính và Tà Bao Giờ Kết Thúc?

Chủ thuyết Cộng sản hình thành từ giấc mơ của Karl Marx và được thực hành bởi Lenin.

Trước những bức xúc của thời đại về nô lệ, bóc lột, và bất công, ... Marx biện thuyết quy cho chế độ tư bản và quyền tư hữu như là thủ phạm và ông đưa ra chủ nghĩa vô sản với quyền làm chủ tập thể và khẩu hiệu “làm theo khả năng, hưởng theo nhu cầu” như là chủ nghĩa tiến bộ nhất của nhân loại. Và ông hô hào: “Vô sản! Đoàn kết lại!”. Chủ thuyết đó đã đáp đúng ước mơ nên đã được đông đảo các tầng lớp xã hội say mê hưởng ứng và tưởng như thiên đường CS sẽ là một hiện thực và họ đã sẵn lòng tôn thờ các lãnh tụ CS và nhắm mắt tin tưởng vào những giáo điều của các lãnh tụ.

Liên Xô và các nước Đông Âu là những nước đã sớm ra khỏi giấc mơ này vào thập niên 1990.

Nay chế độ CS chỉ còn tồn tại tại Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba, và Bắc Hàn vì các nước này còn cố chấp tin vào những giáo điều nghịch lý lẽ và dựa vào đó để bảo vệ lợi ích và sự tồn tại của Đảng.

Nhưng chế độ CS đang thực sự giãy chết vì sức ép của mặt trận kinh tế (mất thị trường), tiền tệ (mất giá), chính trị (chống chế độ) và ngoại giao (mất đồng minh).

*

Nhớ Sài Gòn quay quắt lạ!

BÁ NGUYỄN

Những ngày Tết tôi nhớ Sài Gòn quay quắt lạ!

Nhớ những ngày phụ Má gói bánh tét, làm mứt gừng nóng cả bàn tay. Nhớ những ngày phụ vợ gọt vỏ từng trái quất. Nhớ ngắt bỏ từng chiếc lá cây mai trước ngõ hai tuần trước ngày mừng một đê mai ra hoa vào đúng ngày Tết. Nhớ những đêm đi chợ hoa Nguyễn Huệ. Nhớ chợ Tết Bến Thành sáng trưng đèn đuốc với gian hàng kem đánh răng ông chà-và đen Hynos và trăm gian hàng bánh mứt hoa quả đủ thứ đủ loại tây ta tàu nhật ấn và cả ả rập nữa. Nhớ con đường Trần Bình Trọng với mười hàng bánh mứt mỗi dịp Tết về đủ phục vụ dân chúng tong vùng. Nhớ cả nhà chen chúc nhau trên một xe xích lô máy đi xem Đại Nhạc Hội đầu năm mà Ba tôi đã cố chu toàn dù kính tế năm trước đó không mấy khả quan.

Nhớ những sáng 30 Tết đạp xe lên làng trồng mai trên đường đi Thủ Đức. Anh chủ vườn trẻ đã chọn sẵn một cây hay nhánh mai đẹp nhất. Gật đầu đồng ý, anh cura và phụ tôi cột vào ba-ga sau xe. Lưng áo đầm mồ hôi nhưng lòng tôi đã Tết.

Có năm bận việc đến trễ gần 12 giờ trưa, anh bảo tưởng tôi đã đi (những năm lúc đó, câu mọi người chúc nhau

ngày Tết: "Thương Lộ Bình An", "Tết năm sau không còn thấy nhau nữa", "Sớm nhận được giấy gọi phỏng vấn", v.v.) và không đến nữa nên đã bán cho người khác. Anh dẫn tôi đi một vòng quanh vườn. Cuối cùng anh bảo:"em chỉ còn cây mai lớn nhất này. Các nhánh ngang lớn em đã cắt bán hết rồi. Còn nhánh giữa, nếu anh chịu, em cắt phần ngọn cho anh." Cây mai cao sừng sững. Đầu ngọn còn cao hơn các cây cau kê bên. Tôi vất vả đạp xe chở cây mai về nhà. Gắng không để cây mai nặng kéo ngã chiếc xe đạp cuộc trong suốt đoạn đường trên mười cây số. Đã cắt bỏ một khúc phần gốc, cây mai vẫn còn cao hơn tường phòng khách với trần cao gần 4m. Cây chiếm trọn chiều ngang của bức tường chính. Hoa mai nở rực nhuộm vàng căn phòng khách những ngày Tết cuối cùng của chúng tôi tại Sài Gòn.

Nhớ những sáng mừng Một trời tự nhiên chớm lạnh và yên tĩnh. Im ắng. Nhẹ nhõm và man mát. Chậm rãi. Thu thả. Những buổi sáng trong lành và đẹp nhất ở Sài Gòn. Nhớ những mừng Ba Tết Thầy. Tôi đã chúc Tết thầy Sum, cô Đoan Trang, thầy Mạch Tứ Hải, thầy Nguyễn Bá Kim, thầy Hậu, cô Thiên Hương v.v. trong khu cư xá Thầy Cô Petrus Ký đường Trần Bình Trọng ngay phía sau trường. Chúc Tết cô Phụng và thầy Nguyễn Thanh Liêm ở nhà Thầy

Cô trong khuôn viên trường bên đường Nguyễn Hoàng. Đến nhà thầy Lê trọng Phòng trong khu cư xá Chí Hòa (?), thầy Lê Thanh Liêm ở chung cư Nguyễn Kim, thầy Vũ Đình Lưu cư xá Lữ Gia, thầy Lê Đại Đường đường Phan Đình Phùng và bao nhiêu Thầy Cô khác để chúc Thầy Cô sức khỏe dồi dào mới mong trị được những "nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò" này.

Nhớ mừng Năm tung hoành khắp Sài Gòn chúc Tết bạn bè ngày càng đông đúc của tôi: từ Petrus Ký, đến tòa soạn báo Thiếu Nhi, Đại Học Khoa Học Toán, Giáo Dục Toán Vạn Hạnh, Trung Tâm Sinh Ngữ ĐH Sư Phạm, Dự Bị Đại Học, và cuối cùng XN 611. Gần nhất Tín (B5), Huỳnh Hữu Chí, Trần Tam. Xa hơn một chút Nguyễn Thanh Hùng khu bán cây cảnh Nguyễn Trãi, Đức (Petrus Ký) và Tiến (Vạn Hạnh - GD Toán) ở bên xe Petrus Ký. Qua cầu chữ Y là nhà Việt Thảo và anh Ba Thêm (XN 611). Khúc Hiếu Hiệp đường Nguyễn Hoàng gần trường Petrus Ký để ngắm hoa anh đào Nhật gia đình bạn cắt đem từ Đà Lạt về mỗi dịp Tết. Điền ở Nguyễn Thiện Thuật. Căn, Quới, Lợi (XN 611), và chục đứa khác ở trong khu chung cư Nguyễn Thiện Thuật và Bàn Cờ. Thái Minh Đường (KH Toán) ở một hẻm đường Trần Quốc Toản. Võ Minh Phụng gần trường Chu văn An và sau này tận Thủ Thiêm. Anh Hy và Chị Vân ngay trong khuôn viên trường Dự Bị Đại Học. Lên khu cư xá Chí Hòa thăm Mai Việt Kinh Luân, Hoàng Xuân

TA THẤY EM

*Ta thấy em về trong dáng hoa
Ta mơ em đến ánh trăng ngà
Có lần gặp em không điem hẹn
Có nghĩa là... hương thấp thoáng xa...*

NƯỚC MẮT EM

*Nước mắt em lùa mây chìm ngọn sóng
Ánh nắng tàn rớt hạt bụi hư không
Môi em khô như mùa đông rạo lẹ
Con đường tình dài mãi biệt
ngàn thông...*

VA, Noel 2015
tặng P.Th

Bùi Thanh Tiên

Thành, Lê Thái Quảng. Phạm Kim Ngoan hẻm đường Phan Đình Phùng đối diện trường Rạng Đông. Thế nào cũng gặp Đoàn Danh Hồng ở nhà Ngoan. Bùi Trọng Kim (tôi đã nghe giọng hát Khánh Ly qua những Ca Khúc Da Vàng lần đầu tiên ở nhà Kim năm lớp 8 (đệ Ngũ) và nhiều thứ lần đầu tiên trong đời tôi biết cũng tại/bởi/vì/do Kim) trên đường Trương Minh Giảng. Tiếp tục trên đường Trương Minh Giảng, qua cầu là nhà của Long Hương cả sân và nhà không dưới 30m chiều dài. Rẽ phải là nhà Nguyễn Ngọc Sơn. Nếu trong năm tôi quên một lần ghé thăm (dù Sơn đã đi

XUÂN TRÊN ĐẤT KHÁCH

Lại một Xuân về trên đất khách
Tết buồn, Tết nhớ, Tết tha hương!
Ngày xanh như lá thu vàng rụng,
Trở giấc đêm về mộng viễn phương.

Cổ quận vời xa nghìn vạn dặm,
Vời trông đăm đăm góc quê nhà.
Nhìn ra trắng xóa trời băng tuyết
Rượu đổ tràn ly ta với ta!

Xôn xao tiếng gió đêm trừ tịch
Lả ngọn đào xuân lay giấc Xuân.
Lửa ấm sao nghe lòng buốt giá
Giao thừa năm cũ vẫn băng khuâng...

Bao giờ trở lại quê xưa nhỉ?
Chợt lắng tâm tư sầu gợi sầu
Đất khách, quê người Xuân lữ thứ
Se lòng trần trở giấc chiêm bao.

Rót riêng một chén mừng kim cổ
Ta chúc tâm bồi một chén này!
Em ở phương trời xa tít đó
Mộng thăm thao thức cánh chim bay?

HOÀNG SONG LIÊM

(Virginia)

du học từ 72) thế nào cũng nhận tiếng trách của Ba Má Sơn: con làm gì mà lâu quá không ghé thăm hai Bác. Tiếp đến là nhà Cô Chú Nhật Tiến (báo Thiếu Nhi) gần cổng xe lửa số 6. Qua Yên Đỗ bên

kia Hai Bà Trưng là nhà Uyển Diễm. Qua cầu Bông và trường Lê văn Duyệt nhà chị Huệ, Phi, và Ngọc Bích. Trở lại bến Bạch Đằng, tôi chúc Tết Oanh (Petrus Ký). Qua Cầu Hàng, đến khu Khánh Hội nhà Phạm Mẫn Trí. Tít mù tận cùng đường Tùng Thiện Vương, Xóm Chiếu nhà của bạn nhỏ con nhưng luôn ngồi bàn cuối cùng từ lớp 6 đến lớp 12 và sau này một Bác Sĩ Trường Khoa Bệnh viện Chợ Rẫy Nguyễn văn Bền. Còn bao nhiêu bạn ở Phú Lâm, Thủ Đức, Ngã Tư Bảy Hiền, Ngã Năm Chuồng Chó, Ngã Ba Chú Ía, v.v. đôi lần hứng chí đến chúc bạn vài câu mừng tuổi mới.

30 năm tôi sống và lớn lên ở Sài Gòn. Xa Sài Gòn đã hơn 30 năm. Đàm Hà Phú viết: "Sài Gòn là một mảnh đất lạ kỳ. Nó lạ kỳ đến nỗi người ta nhớ về nó khi đang ở trong lòng nó. Vậy đó". Hơn 30 năm qua tôi vẫn chưa quên Sài Gòn. Vẫn còn buột miệng: "Chiều nay lấy xe dạo một vòng Sài Gòn" như bao chiều tôi đã dạo Sài Gòn không có điểm đến. Chỉ muốn đi dưới những hàng cây làm vòm che mát. Để thấy những trái sao quay như bông vụ khắp trời. Để nghe tiếng me rơi dọc đường Pasteur. Chỉ để bớt nhớ và ghi thêm một chút mới của Sài Gòn. Nhớ Sài Gòn quay quắt lạ!

BÁ NGUYỄN

(Virginia)



Chiêm Bao

Phương em nắng sớm lung linh
Muôn đời tình vẫn đẹp tình tri âm
Trao ai, lời gió thì thầm
Giật mình tình giấc tiếc thầm
chiêm bao!
Gieo vắn thả bến thanh tao
Hỡi Người Đại Lão viết sao hết tình ...
Nhân gian còn lắm điều linh !
Nên Thơ viết chữ bất bình mang mang
...

Vài dòng thả gió lang thang
Chiêm Bao ngẩn ngùi !
Bút Loang Mực Sầu ...
Chị ơi, Đòi vẫn biển dâu
Cùng chung Đại Nguyên Địa Cầu
Bình An
Chị giờ xa cách muôn vàn
Nhớ Người! Đại Lão Trùng Quang!
Nhớ Người !

Chiêm Bao tỉnh giấc ngậm ngùi
Bâng khuâng quán tạm ! Ý Đòi Hư Vô
...

Tuệ Nga Tiểu Lão
(Seattle)

Tình Xuân Với Huế

Ta đã về đây Huế, Huế ơi!
Ngày đi xa xứ nghẹn bao lời
Tịnh Tâm hồ cũ, sen đua nở
Bảo Quốc chùa xưa, sứ lạng rơi
Ngắm cảnh hoa tàn sầu mấy thuở
Nhìn dòng nước chảy, nhớ bao thời
Tình xuân ta để quên cùng Huế
Lặng ngắm hoàng hôn một khoảng trời

Kiều Anh

Đi Giữa Đường Hoa

Đi giữa đường hoa, giữa gió ngàn
Sầu lên chót vót tận không gian
Hoa tàn mấy cánh rơi rơi tả
Tình chết bao lần khiến dở dang
Vẫn nhớ vô vàn ngày tháng cũ
Còn thương vạn thuở ánh trăng vàng
Chao ôi! Vạn nẻo đường ly biệt
Mấy độ chia xa, mấy lỡ làng.

Kiều Anh
(Minnesota)

CHIẾC BÁNH CHƯNG NGÀY TẾT

Ỡ Nguyên

Yến Linh vừa hoàn tất xong chiếc bánh chưng cuối cùng. Nàng đứng dậy, giang hai tay sang hai bên làm một động tác thể dục, vận qua vận lại và thờ ra một cách khoan khoái, những khớp xương trên thân thể kêu răng rắc nghe sao đã tai làm nàng cảm thấy thực thoải mái. Nàng rất hài lòng và cảm thấy vui vui trước những chiếc bánh chưng vuông vắn đầy đặn vừa gói xong. Vừa xếp bánh vào nồi nấu, Yến Linh vừa khe khẽ hát ...*"Xuân vừa về trên bãi cỏ non ..."*

Đã có đến gần 30 năm qua đi, kể từ ngày bà cụ mẹ chồng nàng qua đời. Năm nào cũng vậy hễ mỗi độ Tết đến, nhớ đến cụ, Yến Linh không thể bỏ qua được cỗ tục. Nàng thích làm công việc bận rộn này là để tưởng niệm đến người mẹ chồng hiền đức của nàng đồng thời muốn gìn giữ truyền thống này để không bị mai một.

Nhớ lại hồi mới đến định cư tại tiểu bang New Mexico, thành phố nàng ở chưa có nhiều người Việt định cư nên thức ăn Á Đông có vẻ hiếm hoi chứ đừng nói gì đến bánh chưng hay những món ăn thuần túy khác của người Việt Nam. Thế là Tết năm đó, hai mẹ con hăm hở mua sắm đầy đủ vật liệu để chuẩn bị cho việc thử thách đầu tiên gói bánh chưng trên đất Mỹ. Nào là gạo nếp, đậu xanh, thịt heo, lá chuối, giầy nylon v.v... nàng tìm mua đầy đủ. Sở dĩ nàng nói lần đầu tiên là vì từ khi về làm dâu với cụ đã qua 12, 13 năm, ngay từ hồi còn ở Việt Nam, nhưng cả hai mẹ con chưa từng gói bánh

chưng bao giờ. Toàn là đi mua về ăn. Nói cho đúng hồi nhỏ lúc ở ngoài Bắc, Yến Linh đã được xem người ta gói bánh chưng và đã từng ngồi canh nồi bánh chưng thâu đêm với mấy chị lớn tuổi nên chỉ biết có thể còn việc gói bánh nàng chưa từng thử bao giờ, hoàn toàn mù tịt, chịu thua.

Bấy giờ chân ướt chân ráo ở nơi xứ lạ quê người tìm đâu ra bánh chưng mà mua, họa chăng phải nhờ ai đó mua hộ



từ Cali đem về. Gia đình nhà nàng lúc đó khá đông người, cả thầy 8 người lớn bé, nếu phải đi mua bánh chưng để ăn ba ngày Tết chắc chắn cũng tốn kém, ngoài ra còn muốn biếu xén một số bạn bè để đáp lễ nên ý định gói bánh chưng cụ đề nghị rất hợp lý. Thấy hai mẹ con sửa soạn gói bánh, ông xã của nàng cũng hăm hở đóng cho một cái khuôn bằng gỗ hình vuông, bề ngang cỡ một gang tay chiều cao độ 3 cm để mọi chiếc bánh được gói đều đặn giống nhau. Trước ngày nấu bánh, Yến Linh phụ giúp mẹ chồng nàng rửa lá chuối, ngâm gạo nếp,

ngâm đậu xanh, ướp thịt heo. Cụ nói đừng mua thịt heo nạc quá bánh sẽ bị khô nên nàng phải kiểm mua loại thịt heo vai có nạc có mỡ. Cụ còn dặn phải cho thực nhiều tiêu sọ vào thịt để nhân bánh ngậy mùi. Cụ bình phẩm những ai gói bánh chưng mà pha phẩm xanh vào gạo sẽ làm mất thẩm mỹ của chiếc bánh cũng như làm mất vị thơm ngon tự nhiên của mùi lá.

Yến Linh học hỏi từ mẹ chồng rất nhanh cách thức gói bánh. Chẳng mấy chốc nàng đã tự gói lấy một cách thành thạo. Gói xong đậu vào đáy, nàng phụ cụ xếp bánh vào một thùng sắt tây, đặt lên ba viên gạch làm bếp nấu, kê ở hàng hiên sau nhà vì lúc đó chưa có bếp ga rời như bây giờ, mà nấu bánh bằng bếp ga trong nhà rất nguy hiểm, phải nấu liên tục tới 7, 8 tiếng đồng hồ, nước sôi sẽ tràn ra bếp, do đó ý kiến nấu bánh ngoài trời của cụ rất hay đúng ý với ông con trai. Chẳng biết cụ tích tụ cây khô và gỗ vụn từ hồi nào, nhưng năm nào cũng có đủ củi để hoàn tất việc nấu bánh.

Thời tiết ở New Mexico cũng giống như ở miền Đông Hoa Kỳ nên về mùa đông trời rất lạnh, nhất là những ngày có gió nổi lên lạnh cóng chân tay, vậy mà cụ mẹ chồng của Yến Linh cứ một mình mãi mê, kiên nhẫn canh chừng nồi bánh chưng không muốn nhờ đến con cháu. Khoác vào chiếc áo măng tô, khăn len bịt kín cổ, cụ chạy ra chạy vào để châm thêm nước vào nồi bánh đang sôi sùng sục hoặc cho thêm củi vào bếp để lửa luôn cháy đều. Thấy cụ hăng say làm những động tác này mà thương, mà mến phục. Do sự quan tâm và chịu khó của cụ nên mỗi năm nhà Yến Linh đều có bánh chưng xanh để bày biện trên bàn thờ tổ

tiên trong ba ngày Tết cũng như có quà Tết biếu mấy người thân quen. Con cháu lại có dịp ăn bánh chưng mệt nghỉ, nhất là đem rán lên ăn với dưa ghém hay thịt kho tàu ngon khỏi chê. Khen tới khen lui làm cụ cũng vui lây cùng con cháu.

Những lúc gần gũi với mẹ chồng của mình như thế, Yến Linh cảm thấy ấm áp trong tình thương yêu giữa mẹ chồng và nàng dâu là nàng. Những năm làm dâu gần gũi bên cụ, nàng cảm nhận được nơi cụ một tình thương chân thật của người mẹ dành cho đứa con gái chứ không phải con dâu. Cụ quả là một người mẹ chồng tuyệt vời. Đáp lại, nàng cũng thương mẹ chồng nàng khác nào mẹ ruột. Hàng ngày, mỗi buổi chiều đi làm về, thấy cụ lúi thủi trong bếp lo cơm nước cho con cháu Yến Linh thực ái ngại, trong lòng dâng lên một niềm kính mến và biết ơn vô bờ bến. Vào những dịp này, Yến Linh thường trao đổi với cụ những câu chuyện về thời sự, chuyện cộng đồng hay chuyện bên nhà do đó mà tình thân thiết giữa hai mẹ con càng khăng khít hơn. Cụ tiếng Anh không biết một chữ, có coi TV thì cũng như vẹt nghe sấm, do đó sự có mặt của con cháu mỗi độ chiều về hay những ngày cuối tuần làm cụ vui mừng trông thấy.

Ngày tháng qua mau, không ai có thể cưỡng lại được định luật của tạo hóa như người đời thường nói: "*Mẹ già như chuối chín cây, gió lay mẹ rụng con thời mở cõi...*" để rồi cụ bà Tổng Hới, mẹ chồng của Yến Linh đã vĩnh viễn ra đi. Cụ qui Phật vào ngày 29 tháng 3 năm 1987. Vẫn biết cuộc đời phải có sinh có tử, hợp tan là lẽ thường nhưng không hiểu sao đối với Yến Linh, hình ảnh người mẹ chồng thân quý của nàng vẫn luôn luôn tiềm ẩn trong trí nhớ của mình

dường như không bao giờ phai nhạt. Nhất là vào mỗi dịp cuối năm hình ảnh nấu bánh chưng này lại khơi lên kỷ niệm sâu đậm giữa hai người.

Cũng do học được kinh nghiệm nấu bánh chưng của cụ mẹ chồng nên hàng năm Yên Linh coi việc nấu bánh chưng như một thú vui không thể thiếu được khi thấy thiên hạ rộn rịp sửa soạn đón Xuân. Những chiếc bánh chưng xanh bóng mượt và vuông vắn theo khuôn thước được Yên Linh cẩn thận lau sạch nước rồi gói bọc thêm một lượt giấy bóng phía ngoài cho sạch sẽ trước khi bày lên bàn thờ gia tiên. Theo tập tục mà lúc sinh thời mẹ chồng nàng thường làm, bây giờ hai vợ chồng nàng cũng có bánh chưng để làm quà biếu mấy người bà con thân quen và bạn bè gọi là cây nhà lá vườn, của ít tình nhiều nên ai nhận được bánh đều khen ngợi, làm nàng cảm thấy vui trong lòng.

Cũng bởi cái tính cẩn thận vốn dĩ, nên Yên Linh muốn tự tay mình gói lấy bánh chưng dù biết rằng mất thì giờ nhưng chắc chắn là vừa ý. Đặc điểm của chiếc bánh chưng ngon là đậm đà, thơm mùi lá và thịt phải nêm nếm muối tiêu cho vừa vặn kéo bánh bị nhạt nhẽo hoặc quá mặn. Muốn bánh chưng được dẻo ngon nên gói vừa tay, gói chặt quá bánh sẽ bị thất cổ bông trông chiếc bánh méo mó không đẹp mắt. Khi bánh chín, vớt ra, rửa sơ phía ngoài rồi đem nén để bánh được chặt và dẻo hơn. Cuối cùng để bánh cho khô lá rồi mới tô điểm cho chiếc bánh có duyên hơn bằng cách dán lên trên một nhãn hiệu đỏ có chữ Tàu (chữ Lộc) cho có vẻ Tết, sau đó mới buộc một lớp dây đỏ chung quanh. Đúng là một nghệ thuật nấu ăn truyền thống của các cụ để lại, chúng ta những kẻ hậu sinh

theo đó mà học hỏi và duy trì. Nói chung, khi đã biết gói bánh chưng một lần rồi thì sau này việc gói bánh cũng không có gì khó khăn diệu vợi hay cầu kỳ mà còn là một thú vui đặc biệt. Cứ từ tốn sắp đặt từng giai đoạn là đầu vào đó. Cục nhất là việc rửa lá và lau lá, do đó nên làm việc này trước tiên để không cảm thấy ngại. Cũng nên cắt giấy, và giấy bạc (foil) sẵn để khi cần là có ngay. Khi mọi thứ đã sẵn sàng chỉ phải ngồi xuống mà gói đầu có gì là lâu lắt. Lúc nào bắt đầu gói, vặn nhạc yêu thích lên nghe, điều đó sẽ giúp quên giờ giấc và việc hoàn tất đương nhiên sẽ rất nhanh chóng không thể ngờ. Điều quan trọng là phải kiên nhẫn và thích vào bếp nấu ăn, kể đến ông xã cũng phải đồng ý để phụ giúp những việc nặng như đi mua bình gas, tiếp nước vào nồi nấu, vớt bánh và rửa nồi mới là đáng kể.

Ngoài trời tuyết lất phất bay. Cái giá lạnh ở miền Đông - Maryland như gọi cho Yên Linh nhớ đến thời tiết se sắt của những ngày vào đông nơi miền sa mạc New Mexico ngày nào với hình ảnh người mẹ già lom khom bụng từng thau nước đổ vào nồi bánh chưng. Tự nhiên một nỗi nhớ bằng khung chợt đến... Yên Linh nhìn lên bàn thờ gia tiên nghi ngút khói hương, se se khẩn nguyện: *"Mẹ ơi, thế là đã gần 30 mùa Xuân qua đi, vẫn bánh chưng xanh cúc vàng đại đóa để đón Giao Thừa nhưng bóng dáng mẹ vẫn mãi xa hằng xa !"*

Ỡ Nguyễn

Maryland, Xuân Bính Thân – 2016

HƯƠNG VỊ MÙA XUÂN

+++

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Gần đến Tết bỗng dung Lài bị bệnh! Trong khi nàng nằm trên giường, thì mọi thứ trong nhà chắc sẽ lộn tung phèo lên!

Mấy tháng gần đây, từ khi Lài ngồi im lìm trước máy vi tính theo dõi tin tức mấy đứa trẻ bị một tay súng điên cuồng sát hại. Liên tiếp sau đó nàng theo dõi tin này hàng ngày một cách tỉ mỉ. Lài khóc nhiều lần, ngồi thừ người rầu rĩ nhìn hình những đứa trẻ ngây thơ, vô tội, gương mặt chúng xinh đẹp như những thiên thần mà số phận sao nghiệt ngã... Tội nghiệp cho gia đình chúng phải đón mừng ngày lễ tết một cách đau lòng khi thiếu vắng người con yêu...

Rồi Lài lo sợ cho hai đứa con của mình cũng đang đi học trong trường mẫu giáo gần nhà... Trời ơi, sao thế giới bây giờ đây hiểm ác, cầu trời cho đừng có sự việc gì xấu xa xảy đến ở đây...

Từ những tin tức, cho đến những sự việc xảy ra chung quanh trong cuộc sống khiến Lài cảm thấy buồn, lo, bất an... Vừa vui được những buồn phiền, thì gặp những ngày khí hậu thay đổi, trong một ngày mắc mưa gặp lạnh gần Tết, Lài ngã bệnh. Có lẽ nàng bị Flu tấn công!

Đầu tiên Lài cảm thấy đau nhức cả mình mẩy, sau đó là nhức đầu choáng

váng, và tiếp theo là ho liên tục! Không hiểu có đúng là Flu hay bệnh gì? Nhưng dù sao thì cũng phải uống thuốc, nằm nghỉ trước đã.

Gì chứ thuốc thì Lài có mua sẵn mấy vỉ cát trong tủ, đủ loại... bởi vì đời này khoa học tinh vi qua máy vi tính, thiên hạ cứ rộn lên những tin đồn, từ năm 2000 với Ngày Tận Thế, rồi mảnh thiên hà vỡ ra tung vào trái đất, rồi động đất, sóng thần, trái đất tối đen...v.v... phải trữ thức ăn ít nhất cho cả tháng!!! Gian thương cũng góp phần lớn thổi phồng những tin “vịt” đó để bán buôn ăn tiền... thiên hạ thì khối người tin, lo dự trữ thuốc thang, chặn gói mừng mền, lều trại, thức ăn nước uống.

Nhiều gia đình lo xa hơn, tìm vào nơi rừng sâu cát nhà, trồng rẫy, nuôi gà, bò, heo...nghĩ rằng những nơi đó an toàn, thực phẩm thiên nhiên... ai ngờ thiên tai chưa xảy ra, mà bị bọn ăn cướp trần lột hay thú dữ làm phiền!

Cứ qua một đợt “tiên đoán” sai, thì những thứ thực phẩm quá hạn ở quốc gia được cho là giàu nhất thế giới lại bị vứt đi, rồi họ lại tiếp tục tung ra những tin đồn khác để trục lợi!

Dĩ nhiên Lài đâu có tin những điều đó vớ vẩn đó, nhưng nàng cũng hơi lo... vì thiên tai thì không thể biết trước được, nên Lài trữ ít thuốc thang, nước và thức ăn như mì gói và thịt hộp, đem để ngoài nhà kho, trên xe phòng hồ...

Trước khi uống thuốc, nàng còn cẩn thận dặn ông chồng nổi tiếng “vô tư”, chẳng biết làm cái gì của mình:

- Em bị bệnh, uống thuốc này sẽ làm cho ngủ... vậy anh nhớ chiều đi đón con lúc năm giờ, không được đến trễ nhà trường sẽ đóng cửa, rồi tự mà lo nấu ăn cho ba cha con nhé.

Ngô, chồng của Lài cũng may là thường xuyên làm việc tại nhà trong máy vi tính, vì anh lãnh làm thuê cho một văn phòng người bạn, nên công việc du di, không gò bó. Thế nhưng anh không hề biết chuyện nhà, vì Lài bao thầu hết.

Lài lên giường khi thuốc bắt đầu ngấm, hai mắt sụp xuống... Nàng ngủ vùi một giấc cho đến gần năm giờ chiều mới thức giấc. Lắng nghe nhà ngoài im ắng, không biết chồng đang làm gì? đã đi đón con về và nấu ăn chưa? Nghĩ dặn chồng như thế lúc sáng, thì khi thức dậy, ít ra cũng có miếng cháo trắng mà ăn.

Tính của Lài hồi nào tới giờ thường hay lo xa. Trong nhà ngoài công việc đi chụp ảnh nghệ thuật theo hẹn cho người ta để sinh sống, nàng còn làm hết mọi thứ, từ nấu cơm, rửa chén, dọn dẹp.... đúng là một tay tháo vát, chồng Lài quả may mắn khi có người vợ đảm đang.

Đang tính cất tiếng gọi chồng, thì Lài thấy Ngô hốt hải đi vào:

- Em ơi, trường con ở đâu vậy? Tên gì?

Lài chán ngán khi nghe tiếng chồng hối hả... Ông có bao giờ biết con cái học hành nơi đâu. Đúng là quá vô tư... Lài nói tên trường và chỉ đường. Cũng may mà ngôi trường ở ngay góc hai con đường lớn, nên Ngô hiểu ngay...

Ngô đi rồi, dù đầu còn choáng váng, nhưng nàng cũng ráng ngồi dậy mò ra bếp. Bếp núc lạnh tanh, con cái chưa về... Chẳng biết cha tụi nó có làm được việc hay không!

Lài không thể ở đó mà tiếp tục lo vì còn mệt. Trở về phòng, nàng lên giường ngủ tiếp khi chất thuốc vẫn tung hoành trong cơ thể.

Bây giờ tới Lài mở mắt ra khi nghe tiếng hai đứa con lao xao...

- Mẹ dậy ăn cơm...

- Mẹ ơi...

Hai đứa đang đứng bên giường cùng cha nó nhìn Lài chăm chú...

- Em bớt chút nào chưa? Dậy ăn cháo cá...

Lài ngạc nhiên, cất giọng mệt nhọc:

- Cháo cá?

- Phải, anh mua ngoài tiệm...

À, ra thế...

- Hai đứa nhỏ ăn gì chưa?

Ngô cười toét:

- Em đừng lo, anh chở hai đứa đi ăn Hamburger, tụi nó thích lắm...

- Thôi được rồi... vậy anh coi bài vở cho con, rồi kêu tụi nó đi tắm, xong 9 giờ bắt đi ngủ... em không ăn đâu, còn

buồn ngủ lắm... Mai anh nhớ thức tụi nó dậy lúc bây giờ, cho ăn sáng rồi thay đồ đưa đi học...

Nói xong Lài lại chìm vào giấc ngủ. Cũng may là thằng Bin và con Tí đã biết tự tắm lấy, nếu không chắc cha nó quây tung, nước non sẽ bắn cùng nhà!

Kỳ này Lài bị Flu ngày càng nặng, không tài nào ngồi dậy được, giọng nói yếu hẳn đi... Nhưng cũng cố gắng:

- Anh tập đi chợ nấu ăn, đừng có mua thức ăn ngoài nhà hàng không tốt! mất thì giờ...

- Anh không biết nấu...

- Anh thông minh mà, mấy món gà luộc, trứng luộc, rau luộc ai mà làm không được, dễ lắm...

Ngô nghe vợ tăng bốc, hỏi tới:

- Luộc làm sao?

- Bắc nước lên cho sôi, rồi bỏ con gà vào luộc năm phút, tắt lửa đập nắp đợi một tiếng sau thì nó chín... viết xuống giấy cho nhớ...

Dù vợ dặn chồng như vậy, nhưng Ngô cũng ngại không làm, mà cuối cùng cha con ăn cơm với trứng luộc bị bở tùm lum, vì bỏ trứng vào luộc khi nước đang sôi! Cơm thì có nồi cơm điện cũng giúp phần nào, vì Lài dặn nước trên gạo nửa inch.

- Luộc trứng thì bỏ vào nồi khi còn nước lạnh, nó mới không nứt!

- Vậy sao? bao lâu mới chín?

- Luộc mười phút, để trong nồi thêm mười phút nữa là chín, sau đó ngâm vào nước lạnh cho dễ lột vỏ.

- Hèn gì anh để nguội lột khó quá chừng... phải lấy cái muỗng múc ra...

- Bộ ăn trứng vịt lộn sao chứ!

Hôm sau Lài muốn ăn cháo gà, khuyến khích chồng nấu, lấy nước gà nấu với cơm nguội, cho chút muối là xong. Thấy Ngô cứ đực mặt ra, Lài nhăn mặt:

- Sao anh không lên Internet mà tìm, nó bày tùm lum...

Nhìn vợ mệt nhọc nằm vật xuống thờ đốc, Ngô chạnh lòng... ra bàn máy, vừa đánh hai chữ cháo gà thì quá trời thông tin về món này.

Ngô bấm qua phân hình ảnh, những tô cháo, những miếng thịt gà vàng thơm hiện ra đầy trang hấp dẫn quá... Đang có “trách nhiệm” và đói bụng, Ngô bèn tìm xem ở đâu bày nấu dễ nhất thì làm theo... Thấy có một tên viết như sau:

- “Tớ là con trai chưa bao giờ nấu ăn, nhưng mẹ tớ bị ốm nặng, tớ bèn tìm tòi cách nấu cháo gà cho mẹ, có đưa bạn chỉ cho cách rất dễ, và tớ đã làm thành công: mua gà ở siêu thị, cho con gà và 1 tô nhỏ cơm nguội vào nồi nước đang sôi luộc 10 phút, băm hai củ hành tím bỏ vào cho thơm, bỏ thêm 1 muỗng cà phê muối đập nắp lại để nửa tiếng, sau đó lôi con gà ra xé ít thịt bỏ lên tô cháo gà, bỏ hành ngò rắc tiêu lên trên là xong, thế là ai cũng nói tớ có hiếu với mẹ đấy...”

“Mày có hiếu với mẹ thì tao cũng sẽ có hiếu với...vợ!... Ngô làm bầm và coi tiếp... Có người bày nấu cháo gà thì phải có chút gừng cho thơm và ấm

bụng. Nghe cũng có lý. Ngô đọc một số thông tin bày cách nấu cháo gà, sau đó tự nhủ:

- Dễ quá, hình như cũng hơi giống cách vợ chỉ cho mình... Để thử nấu xem sao.

Thế là Ngô quyết tâm vào bếp. Chắc chắn sẽ ngon... cho vợ lác mắt luôn!

Lấy một cái nồi trung bình đổ nước vào, rồi bỏ muối vào trước cho khỏi quên. Con gà thì Ngô cắt bỏ hết những lớp mỡ và da, cái này bắt chước vợ vì đôi khi tạt vào bếp, Ngô vẫn thấy vợ làm thế lúc trước, và chính Ngô cũng không thích ăn mỡ. Khi nước sôi, Ngô bỏ con gà vào, làm y như cách chỉ về trên net.

Trong lúc chờ đợi, Ngô còn chạy ra ngoài sân ngắt vài lá chanh non xắt nhuyễn. Nhớ lại ngày xưa mẹ hay nói:

- “Con gà cục tác lá chanh”... ăn thịt gà thì phải thêm lá chanh, chấm nước mắm gừng mới đúng điệu, thơm ngon...

Vớt con gà ra chặt làm hai, Ngô xé thịt bỏ vào nồi cháo một nửa, còn một nửa kia thì cha con sẽ ăn cơm gà luộc chấm mắm gừng tối nay.

Thức ăn làm xong, Ngô xách xe chạy ra trường đón con về... Coi bộ anh chàng đã thành thạo, nhớ giờ đi đón con rồi...

Tối hôm đó, khi Lài ngồi dậy để ăn cháo gà, nàng thoáng ngửi thấy mùi thơm lá chanh thoang thoang... thì ra Ngô cũng biết cho vào tô cháo vài sợi lá chanh cho màu mè, đẹp mắt.

- Chắc ngon... nhưng miệng em đắng quá... để mai xem sao...

Còn “chắc”... ngon quá đi chứ! cho vợ biết tài. Hồi nào tới giờ vợ cứ chê Ngô là vụng về... Thật ra thì Ngô không vụng đâu, chỉ làm biếng thôi!

Lài cứ in trí chồng hay bày bừa, vụng về bếp núc nên việc gì cũng tự làm hết... Hôm nay nhìn tô cháo hấp dẫn, dù đắng miệng nhưng Lài cũng nghĩ là ngon... Xưa nay, “may be” Lài đã nghĩ sai về Ngô...

Còn Ngô, khi nấu được nồi cháo gà ngon, Ngô nghĩ nấu ăn có khó gì đâu! Anh chàng lại có vẻ hứng thú trong việc này... dù sao cha con cũng được no bụng... Trẻ còn hơn không!

Đa số các người nấu bếp nổi danh trên thế giới có rất nhiều đàn ông... Thế là Ngô bắt đầu chia giờ giấc sao cho thuận lợi để làm, khi vợ hết bệnh bắt buộc phục chồng sát đất!

Sáng phải dậy sớm cho con ăn “cereal” và uống sữa. Máy thứ này không cần nấu nên rất dễ, sau đó thay quần áo cho chúng và chở con đến trường.

Trở về nhà, lấy thuốc cho vợ uống, Lài cũng chưa bớt nóng và bắt đầu ho nhiều, chắc phải đưa đi bác sĩ để lấy toa mua thuốc ho có trụ sinh uống trong bảy ngày mới hết. Bạn bè đã từng bị nên họ nói cho Ngô biết, thuốc ho đó cũng giống như thuốc Flu, là làm cho bệnh nhân ngủ li bì...

Cho dù Lài có thức và muốn giúp, thì Ngô cũng không ưng, vì sợ nàng ho vào thức ăn, lây cho cả nhà.

- Tốt hơn hết là em cứ nghĩ ở trong phòng, muốn ăn gì thì cho biết, anh sẽ nấu...

Ngô nói với vẻ tự tin, từ đây đã có máy computer giúp chỉ cách làm đồ ăn, không sợ như lúc ban đầu nữa! Không cần hỏi cách nấu, mà bung thức ăn vào cho vợ là mới hay! Lài sẽ phục lắm.

Thế là từ món cháo gà, Ngô đã biết làm thịt nạc heo kho tiêu để ăn với cháo trắng. Trong “net” bày thịt ướp với hành hương (hành tím) kho mới thơm. Mấy đĩa nhỏ ăn miếng thịt kho tiêu phê bình:

- Thịt này ba nấu ngon hơn má.

- Thiệt không?

- Yes... mai ba nướng thịt barbecue nha...

Ngô gãi đầu:

- Không được đâu!

- Sao không... con thích... con thích...

Lũ con nhao lên... Rửa chén bát xong, Ngô lại ngồi vào máy tìm công thức món Barbecue. Ướp thịt kiểu Việt Nam thì nhiều kê quá, có vẻ khó khăn. Thế là Ngô có ý định mua sườn bò Đại Hàn về cắt miếng ra nướng, cha con cùng cạp đôi món... Ở mấy chợ Đại Hàn có bán loại sốt để nướng thịt rất ngon, mua một chai khoảng bảy, tám đồng là dư. Về ướp vào thịt một đêm, hôm sau nướng trên than hồng ngon hết biết.

Bữa cơm thịt nướng thành công hơn dự tưởng, lại không mất công như ướp thịt nướng kiểu Việt. Dù biết Lài không có hứng thú ăn uống lúc này, nhưng Ngô cũng vào phòng hỏi:

- Em ăn cháo hay ăn thịt sườn nướng?

- Anh nướng thịt hả?

- Ngon lắm, ăn thử không?

- Thôi, bữa nào lành rồi ăn... em chỉ muốn ngủ...

- Dậy mà ăn tô cháo hành tây rồi ngủ, cho có sức mà mau lành...

- Cháo hành tây có gì trong đó nữa không?

- Anh nấu cháo thịt heo, cho nhiều hành tây sống vào... người ta nói ăn tốt lắm...

Ăn tô cháo xong, Lài thấy kể ra thì Ngô cũng không đến nổi tẻ lắm trong việc nấu nướng. Đã thế, thấy Lài ráng ăn hết mấy miếng hành, Ngô ra vẻ hiểu biết:

- Em biết không, muốn cho cháo ngọt, thì thịt heo băm phải nêm tiêu muối xào qua trước với hành phi cho thơm, sau đó đổ nước rồi cho cơm nguội hay gạo vào, khi nước sôi thì tắt bếp đi, để vài tiếng cơm nở ra nhuyễn, ăn ngon lắm... để qua đêm còn ngon hơn!

Lài khen:

- Mới mấy ngày mà anh có vẻ tiên bộ, nhuyễn bết núc quá há... có điều...

Thấy Lài ngừng lại, Ngô hỏi:

- Sao? Em muốn gì?

- Gần Tết rồi, em tính làm ít bánh chung... nhưng giờ bệnh sao làm được!

- Mình mua lo gì.

- Thôi! Bánh mua họ làm to quá, mà không biết họ có sạch sẽ không...em không thích...

- Rồi sao...

Lài nằm xuống, mắt bắt đầu nhú lại:

- Bệnh vậy làm sao nấu bánh hờ trời!

Nói xong nàng quay mặt vào trong ngủ... Ngô bưng cái tô đi ra, chưa biết ý Lài muốn cái gì! Đón Tết ra sao?

Ngồi vào bàn máy, Ngô lại bám vào mục nấu nướng, rồi tự nhiên đánh ra hai chữ “bánh chưng”... Ôi thôi, cả bao nhiêu là chiếc bánh xinh tươi hiện ra, khéo léo hết sức!

Xem nào, bánh chưng thì phải có nếp, đậu xanh, thịt ba rọi, hành tím, tiêu đường nước mắm, lá chuối, dây cột... Thề thôi! Xem cách người ta bày cho làm bằng hình, và cả video tường tận từng chi tiết... Không dung Ngô thấy dễ dàng quá, và muốn làm cho Lài có một ngạc nhiên lớn, phải ngăn người ra mà phục ông chồng “siêu đẳng” này...

Thực ra thì Ngô chưa dám làm một mình, mà phải rủ rê thêm vợ chồng Tiến, là chủ nhân của văn phòng làm thuê cùng tham gia. Hai vợ chồng họ hẹn Ngô một buổi tối trước Tết vài ngày, sẽ đem thức ăn tối và đưa con đến chơi với mấy đứa nhỏ con Ngô.

Người bạn cung cấp cho Ngô thêm nếp, đậu xanh để ngâm nước trước. Riêng phần thịt heo, thì bà bạn đã ướp sẵn một thau rất lớn, hành tiêu thơm phức bung đến sau... Ngô lo phân rửa lá chuối, lau khô và giã cột. Sau khi cùng nhau gói bánh xong, Ngô sẽ là người canh nồi bánh chưng. Nấu ở nhà Ngô vì có nồi lớn...

Họ dự tính là sẽ nấu bánh trên bếp khoảng 11 tiếng đồng hồ.

Đoàn quân làm bánh phải giữ im lặng, không muốn ồn ào vì dành cho Lài một

ngạc nhiên... Mấy đứa nhỏ kéo nhau vào phòng đóng cửa êm ru trong đó với cái Pizza to đùng và cuộn phim trẻ em hấp dẫn.

Sau khi ăn xong hộp cơm tấm, Ngô dọn rửa sạch sẽ trên bàn để bọn họ bắt đầu gói bánh.

Cả ba người, chưa ai từng gói bánh chưng trước đây bao giờ cả! Thề nên dù đã có ba cái khung gỗ vừa vừa để hỗ trợ cho cái bánh được vuông vức, nhưng những cái đầu tiên thì không thể nào nhìn đẹp và chặt cho được...

Từ từ sau đó, Ngô là người chứng tỏ khéo tay nhứt trong bọn, vì đã gói nhanh lại đẹp và chặt... Vợ của Tiến cũng không thua... những cái bánh ban đầu sau đó được họ mở ra làm lại, nếp và thịt bên trong chắc cũng hơi lẫn lộn một tý!

- Không sao, rồi cũng nuốt vô bụng hết!

Vợ chồng Tiến an ủi, cũng có lý.

Tối hôm đó Ngô vừa làm thuê vừa canh đồ thêm nước vào nồi bánh, lâu lâu chạy vào phòng nhìn vợ thêm thiệp trên giường, mong sao cho mấy chục cái bánh làm lần này thật ngon, để còn lên mặt với vợ.

Khi bánh chín cũng là lúc hai trẻ đến giờ đi học. Ngô vớt bánh ra sắp ngay ngắn trên miếng ván kê sẵn ở góc bếp, rồi lấy một miếng gỗ khác nặng đè lên trên.

Xong rồi, dù oải và buồn ngủ, Ngô cũng phải chờ con đến trường rồi mới về nhà ngủ được. Quả thật là mệt! May mà được làm việc ở nhà.

Sương trắng ngập trời

Một buổi sáng đi làm. Con đường bỗng ngập sương dày đặc. Tôi lái xe xuyên qua sương mù và tự nhiên muốn hạ kính xe xuống để sương ùa vào, muốn hít thở sâu vào lồng ngực cái lạnh đầu ngày của sương sớm ban mai.

Lấn vào cái mong manh sương khói ấy tôi bất chợt nhận ra hình như tình yêu đang ngập tràn quanh mình...

Cảm ơn buổi sáng tinh khiết với triệu triệu tí tí hạt sương li ti mát rượi đang chạm bám trên tóc trên da.

Và cảm ơn tình yêu đã nhìn thấy tôi.

*Tự nhiên sương trắng ngập trời
Không gian tĩnh lặng đón mời tình khôi
Một giọt sương quý động môi
Soi vào anh thấy nghìn tôi trong nàng.*

Ý Anh

Trích từ tập thơ *Tự Nhiên* sẽ xuất bản

Lài thức giấc khi nghe có mùi thơm của lá chuối bốc lên trong nhà... Thứ mùi gì mà quyến rũ nồng nàn quá. Lài ngồi lên, thấy hơi chóng mặt vì mấy hôm nay nằm ngủ quá nhiều... Hình như đêm qua nàng đã bớt ho thì phải!

Ho hay không mà cũng chẳng biết! Nhớ lại vài lần trước, chưa bao giờ Lài

bệnh nặng như lần này. Và cho dù có bệnh đi chăng nữa, thì Lài cũng chẳng bao giờ nhờ đến chồng giúp một tay, mà cứ cố gắng tự làm hết sức mình...

Coi nào, lần này hình như Lài nằm trên giường đã hơn một tuần rồi! Biết vậy là nhờ có cái đồng hồ ngày tháng để chỉnh in hình trước mắt, chứ Lài có nhớ gì đâu! Nàng ngủ mê mết, chỉ dậy khi chồng bưng cháo vào bắt ngồi lên ăn...

- Chắc là cha con nhà nó “khỏe” lắm, không ai lo ăn uống, dọn dẹp... lại còn phải phục vụ cho mình, tội nghiệp quá!

Lài chóng tay đứng lên, hơi chao đảo một chút lúc đầu nhưng rồi cũng yên... Chắc hai đứa nhỏ đã đi học. Qua phòng “family room”, không thấy Ngô ngủ trong đó, chẳng biết đi đâu rồi.

Từ ngày bị bệnh, nhất là ho nặng, sau được bác sĩ cho biết là nhiễm trùng đường hô hấp, cần phải đề phòng lây lan... Lài không còn muốn cho ai ở lâu trong phòng mình, nhất là hai đứa nhỏ. Chỉ cần đứng ở cửa “say hi” là đủ!

Riêng Ngô, mỗi khi vô đưa cháo hay thuốc cho vợ uống, thì Lài bắt phải dùng đồ che miệng lại, vì Lài sợ khi nàng ho, vi trùng bay tứ tung...

Cái mùi thơm bay mạnh hơn khi Lài ra bếp, và nàng nhìn thấy ngay một hàng bánh chưng đang được nén trên hai miếng gỗ dài! Mắt Lài sáng lên, nghĩ đến Tết sắp đến, cùng miếng bánh chưng được cắt ra miếng mại xanh biếc, quện lẫn đậu xanh và miếng thịt heo nhuyển như lấm tẩm tiêu đen trong đó mà thèm...

- Ai đã làm mấy cái bánh này vậy ta? Chẳng lẽ chồng mình! vô lý!

Nhưng rồi lúc đó Lài thấy trên bếp ngỗng ngang nồi to nồi nhỏ, những lá và dây nhợ còn dư được cuộn lại để một góc, trong bồn rửa chén thì sạch sẽ chứ không tùm lum đủ thứ dơ bẩn như Lài nghĩ... Ngô đang nằm trên cái ghế xếp gần đó ngủ khá thoải mái. Tại sao lại ngủ ở đây mà không vào giường...?

Kéo chiếc ghế ngồi xuống vì Lài không thể đứng lâu, tiếng động làm cho Ngô giật mình thức giấc...

- Sao anh không ngủ trong giường mà ra đây ngủ?

- Anh muốn ngửi mùi lá chuối, thơm quá...

- Em cũng vậy, mùi bánh chưng bay toả thơm cả nhà? Bộ anh làm hả?

- Còn ai vào đây! nhưng có vợ chồng anh chị Tiến giúp nữa. Mỗi gia đình được tám cái. Ngon hết xẩy con cào cào! Để anh lấy cho em một nhỏ cái ăn thử... Đói bụng không?

Nghe chồng hỏi, Lài chợt thấy cơn cào trong bụng... Mấy lâu nay ăn toàn cháo, hôm nay hình như Lài bắt đầu thèm ăn đôi chút... Ngô lấy một cái nhỏ giống bánh ú mở ra đem đến cho Lài, bánh còn nóng và nếp nhìn thấy rền... Ăn chiếc bánh, Lài cảm thấy ngon thật sự, chứ không phải nói để khuyến khích tài nấu nướng của chồng...

- Em thấy anh có khiếu nấu ăn ngon... vợ chồng anh Tiến biết làm bánh chưng hả?

- Không, cũng tìm tòi trên Net và làm theo thôi...

Lài ăn hết chiếc bánh, khen ngon luôn miệng. Ăn xong cái bánh, Lài hỏi:

- Anh biết làm mức gừng không? Họ nói họ ăn mức gừng uống trà nóng cũng tốt lắm...

Ngô giật mình... Thiệt ra thì Ngô đã biết mách của nấu nướng. Món nào cũng có bày trên Net, sợ gì..., nhưng mất thì giờ quá, vì cực và phải dọn rửa... mùa thuê lại đến rồi... mấy hôm nay nhiều việc, nhưng vì Lài bệnh nên cố phải làm, vừa việc nhà vừa việc sở... Nhưng Ngô đã nghĩ ra cách.

- OK, anh bận lắm, nhưng sẽ có mức gừng cho em ăn Tết...

Đưa vợ trở vào phòng, nghe Lài nói thêm:

- Chắc vài ngày nữa em sẽ khoẻ lại... nhưng từ nay anh giữ nhiệm vụ nấu ăn nhé, vì mấy nhỏ thích anh nấu hơn em... mà em cũng thấy vậy nữa!

“Trời đất”... Ngô than nhỏ trong lòng! Vì bận, chàng đang tính chạy ra chợ “Sprouts” mua ít mức gừng, mức dứa, mức thơm cho cả nhà ăn Tết, vì những loại mức này ở Mỹ làm, ít ngọt, an toàn thực phẩm cho xong... Lần này tuy được khen, nhưng Ngô nhún nhường:

- Ồ... chuyện nhỏ, để em hết bệnh và qua mùa thuê hãy tính... trong nhà em là vua bếp mà!!!

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

VỤ ÁN NGHỆ SĨ XIỆC TÊN HAN

TỘI PHẠM CỦA HAN

Một nghệ sĩ xiếc Trung Hoa tên là Han, trong một màn biểu diễn thông thường, đã phóng một trong những con dao lớn cắt đứt mạch máu chính ở cổ của người vợ trước sự kinh ngạc của tất cả khán giả. Người vợ của nghệ sĩ xiếc chết tại chỗ. Han bị bắt ngay.

Sự kiện xảy ra tại hiện trường trước sự hiện diện của ông Giám Đốc nhà hát, người phụ tá cho Han, người giới thiệu chương trình và hơn 300 khán giả. Ngoài ra, còn có một cảnh sát viên đứng sau sân khấu. Mặc dầu có sự chứng kiến của tất cả các nhân chứng ấy, vẫn có sự bí ẩn vì không biết có phải là vụ giết người có chủ tâm hay chỉ là một tai nạn.

Màn biểu diễn của Han diễn tiến như sau: vợ Han đứng trước một tấm gỗ kích thước như cánh cửa với khoảng cách gần 4 yards, Han phải ném những con dao lớn, mỗi con cách nhau 2 inches chung quanh thân thể người vợ. Cứ mỗi lần con dao rời khỏi tay, Han hét lên một tiếng để gây thêm phần hào hứng cho cuộc biểu diễn.

LỜI KHAI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG.

Ông Dự Thẩm hỏi cung các nhân chứng sau:

Ông Giám Đốc nhà hát.

“Nhân chứng có thấy đó là một màn trình diễn rất khó không?”

“Không, thưa Ngài Dự Thẩm, không có gì khó khăn đối với người biểu diễn có kinh nghiệm. Nhưng biểu diễn màn đó cho đúng cách, người trình diễn cần có thần kinh thật vững vàng và phải tập trung tư tưởng trọn vẹn.”

“Tôi hiểu. Nếu sự việc xảy ra như một tai nạn, loại tai nạn này thật hiếm thấy xảy ra có phải thế không?”

“Quả đúng như vậy, thưa Ngài. Nếu những tai nạn có thể xảy ra giống như vậy, tôi sẽ không bao giờ chấp nhận cho biểu diễn màn đó trong nhà hát của tôi.”

“Vậy thì nhân chứng có coi sự việc xảy ra được thực hiện với sự cố ý?”

“Không, thưa Ngài, tôi không nghĩ như thế. Và đây là lý do: một hành động như vậy trong màn biểu diễn với khoảng cách 12 feet không những đòi hỏi tài nghệ mà còn phải có trực giác hoàn hảo. Sự thực tất cả chúng tôi đều nghĩ không có một lỗi lầm nào trong màn trình diễn này. Nhưng sau khi sự việc xảy ra, tôi phải thừa nhận lỗi lầm có thể xảy ra trong bất cứ trường hợp nào.”

“Vậy thời nhân chứng nghĩ thế nào. Đó là lỗi lầm hay có chủ tâm?”

“Tôi không thể trả lời một cách đơn giản được, thưa Ngài.”

Ông Dự Thẩm cảm thấy khó xử. Đây rõ ràng là một vụ cố sát dù cho đó là một kẻ sát nhân hay kẻ giết người có dự mưu đi chăng nữa cũng khó có thể nói ra cho hết mọi chuyện được. Nếu là

kẻ sát nhân thì quả thật là một kẻ rất tài giỏi, ông Dự Thẩm nghĩ như vậy.

Người phụ tá cho Han.

Tiếp đến, ông Dự Thẩm cho đòi người phụ tá Trung Hoa đã làm việc với Han trong nhiều năm để chấp cung.

“Cách cư xử bình thường của Han ra sao?” Ông Dự Thẩm hỏi.

“Han lúc nào cũng rất chừng chạc, thưa Ngài; Han không đánh bạc, không rượu chè hay chạy theo đàn bà. Ngoài ra, năm vừa qua, Han theo Ky Tô Giáo. Đang sự học Anh Văn và những lúc rảnh rỗi dường như làm ra vẻ chăm chú đọc những sưu tầm về những bài thuyết giáo, Kinh Thánh hoặc những sách thuộc vấn đề đó.”

“Thế còn vợ Han ra sao?”

“Bà ta cũng vậy, rất đứng đắn, thưa Ngài. Như Ngài đã rõ những diễn viên xiếc sống nay đây mai đó không phải luôn luôn là những người có đức hạnh nhất. Bà Han là một phụ nữ nhỏ nhắn và xinh đẹp. Có một số đàn ông thường đưa ra những đề nghị với bà, nhưng bà không hề mảy may để ý tới các loại chuyện như thế.”

“Và tính tình của cặp vợ chồng đó ra sao?”

“Thưa Ngài, luôn luôn tử tế và hòa nhã. Họ rất tốt với tất cả bạn hữu và những người quen thuộc và không bao giờ cãi nhau với ai cả. Nhưng...” Người phụ tá bỗng ngưng và suy nghĩ một lúc rồi tiếp tục.

“Thưa Ngài, tôi sợ rằng khai với Ngài điều này e có thể hại cho Han. Phải thành thật mà nói, cặp vợ chồng này hiền lành và có lòng vị tha nhưng

mà lạ thay cuộc chung sống giữa hai người thật đau khổ...”

“Tại sao vậy?”

“Tôi không rõ, thưa Ngài.”

“Phải chăng nhân chứng biết tình trạng của cặp vợ chồng này mới đây?”

“Không, thưa Ngài. Cách đây khoảng hai năm, bà Han có thai. Đứa trẻ đẻ non và khoảng chừng ba ngày thì chết. Sự việc đó đánh dấu sự thay đổi quan hệ giữa hai người. Họ bắt đầu cãi vã với nhau về những chuyện rất nhỏ nhặt, và lúc đó mặt Han thường trở nên tái mét. Han chấm dứt cuộc cãi nhau bằng cách đột ngột giữ thái độ nín lặng. Han chưa bao giờ nổi giận hoặc có cử chỉ gì thô bạo đối với vợ. Tôi cho rằng hành vi đó đi trái với những nguyên tắc của Han. Nhưng mà, thưa Ngài, khi nhìn Han, Ngài có thể thấy sự tức giận khủng khiếp trong đôi mắt của Han! Đôi khi làm ta khiếp sợ.”

“Có một ngày, nhìn thấy sự bất hạnh giữa cặp vợ chồng đó, tôi hỏi Han tại sao không xin ly thân. Rồi Han kể cho tôi nghe Han không có lý do gì để xin ly dị cả, cho dù tình yêu đối với vợ đã chết. Thực tình, nàng cũng cảm thấy và dần dần không còn thương yêu tôi nữa. Han đã tự kể tất cả cho tôi nghe như vậy. Tôi nghĩ rằng lý do thúc đẩy Han bắt đầu đọc Kinh Thánh và những thuyết giáo sưu tầm được chỉ muốn làm dịu đi sự hung bạo trong trái tim và kìm hãm sự căm ghét vợ, mà thực ra cũng chẳng có lý do gì để ghét bỏ vợ cả. Bà Han là một người đàn bà đáng thương hại. Bà ta chung sống với Han gần ba năm và đi theo Han biểu diễn khắp mọi nơi. Nếu bà ta vì lý do gì bỏ Han và trở về nhà, tôi không nghĩ bà Han sẽ dễ dàng làm lại cuộc đời. Hỏi

có người đàn ông nào có thể tin tưởng một người đàn bà sống lang thang suốt gần ba năm như vậy? Tôi đoán chừng đó là lý do tại sao bà Han phải ở lại với Han, dù hai người chung sống với nhau thật khổ sở.”

“Vậy nhân chứng thực tình nghĩ sao về vụ giết người này?”

“Ngài muốn nói, thưa ông Dự Thảm, tôi nghĩ đó là là một tai nạn hay thực hiện với chủ tâm?”

“Đúng như vậy.”

“Được ạ, thưa Ngài, tôi đã từng suy nghĩ vụ đó qua mọi khía cạnh từ ngày xảy ra tại sân khấu. Tôi càng nghĩ nhiều bao nhiêu, tôi càng khó hiểu bấy nhiêu. Tôi đã kể chuyện đó với người giới thiệu chương trình và người này cũng nói là không thể hiểu được việc gì đã xảy ra.”

“Tốt lắm. Nhưng hãy kể cho tôi điều này: ngay đúng lúc sự việc xảy ra tại sân khấu, nhân chứng có thấy điều gì làm nhân chứng thắc mắc tự hỏi không biết có phải là một tai nạn hay thực hiện với sự cố ý?”

“Thưa Ngài, có, đúng như vậy. Tôi đã nghĩ... Tôi đã nghĩ, ‘Han mất trí rồi và đã giết vợ’ ”

“Với sự cố ý, nhân chứng muốn nói như vậy?”

“Đúng, thưa Ngài. Tuy nhiên người giới thiệu chương trình nói là ông ta đã nghĩ, ‘Han đã lỡ tuột tay’ ”

“Đúng, nhưng người giới thiệu chương trình đã không hiểu rõ các mối quan hệ giữa cặp vợ chồng đó như nhân chứng đã kể cho tôi nghe.”

“Có thể như thế, thưa Ngài. Nhưng sau khi sự việc xảy ra, tôi ngạc nhiên tự hỏi không biết có phải vì tôi hiểu rõ

tất cả các mối quan hệ đó mà tôi đã nghĩ, ‘Han đã giết vợ’ ”

“Phản ứng của Han ra sao vào lúc đó?”

“Han la lên, ‘Ha!’ Vừa nghe thấy tiếng la lúc đó, tôi ngược mắt lên và nhìn thấy máu ở cổ bà Han phun ra. Bà Han còn đứng được vài giây tại chỗ, rồi hai đầu gối như muốn quy xuống dưới sức nặng của thân thể và toàn thân bà đu đưa. Khi con dao rơi ra ngoài, bà Han ngã gục xuống sàn, co quắp, tất cả chỉ còn là một đồng thịt. Dĩ nhiên không một người nào trong chúng tôi có thể làm được việc gì cả, chúng tôi ngồi đấy quá khiếp sợ, chăm chăm nhìn bà Han.”

Còn về phần Han, tôi thực tình không tả được phản ứng của Han bởi vì tôi không nhìn anh ta. Chỉ khi ý nghĩ ‘Han hoàn toàn mất trí và đã giết vợ’, đập vào trí óc tôi, lúc bấy giờ tôi mới liếc nhìn Han. Mặt Han tái mét và hai mắt nhắm lại. Người quản lý sân khấu hạ màn. Mọi người xúm lại nâng cơ thể bà Han lên nhưng bà ta đã chết rồi. Han quy xuống, và cầu nguyện trong yên lặng một lúc khá lâu.”

“Han có tỏ vẻ bối rối không?”

“Vâng, thưa Ngài, Han khá bối rối.”

“Được lắm. Nếu tôi cần hỏi thêm nhân chứng điều gì, tôi sẽ mời nhân chứng sau.”

LỜI KHAI CỦA BỊ CÁO

Ông Dự Thảm cho người phụ tá về và bây giờ cho đòi bị cáo để chấp cung. Bộ mặt thông minh của Han trông xanh xao và mệt mỏi; có thể nhận thấy ngay bị cáo ở trong tình trạng suy nhược thần kinh.

“Tôi đã hỏi cung ông Giám Đốc nhà hát và ông phụ tá.” Ông Dự Thắm nói khi Han đã ngồi ở phòng dành riêng cho nhân chứng.

“Bây giờ tôi đề nghị hỏi cung bị cáo.” Han cúi đầu.

“Hãy kể cho tôi nghe,” Ông Dự Thắm nói, “Bất cứ lúc nào, bị cáo cũng yêu thương vợ có phải không?”

“Từ ngày kết hôn cho đến ngày đứa bé ra đời, tôi đã yêu vợ tôi với tất cả trái tim.”

“Thế tại sao khi đứa bé ra đời thì mọi việc lại thay đổi?”

“Bởi vì tôi biết đứa bé không phải là con của tôi.”

“Vậy bị cáo có biết ai là cha của đứa bé?”

“Tôi nắm được vấn đề rất rõ ràng. Tôi nghĩ đó là anh họ của vợ tôi.”

“Bị cáo biết đích thân người đó?”

“Người đó là bạn thân của tôi. Chính người đó đầu tiên đã gợi ý cho chúng tôi lấy nhau. Chính người đó đã thuyết phục tôi cưới nàng.”

“Tôi ước đoán sự quan hệ giữa hai người xảy ra trước đám cưới của bị cáo.”

“Thưa đúng. Đứa bé ra đời sau khi chúng tôi kết hôn được tám tháng.”

“Theo ông phụ tá, đứa bé bị đẻ non.”

“Đó là điều mà tôi đã kể với tất cả mọi người như vậy.”

“Đứa bé chết sau khi sanh được ít ngày, có phải vậy không? Lý do nào gây ra cái chết đó?”

“Đứa bé chết ngạt ở vú mẹ.”

“Có phải vợ bị cáo cố ý giết đứa bé?”

“Vợ tôi nói đó là một tai nạn.”

Ông Dự Thắm yên lặng chăm chú nhìn diện mạo của Han. Bị cáo ngừng đầu lên nhưng hai mắt nhìn xuống như

đợi câu hỏi tiếp theo. Ông Dự Thắm tiếp tục.

“Vợ bị cáo có thú nhận đã có sự quan hệ đó với người anh họ không?”

“Vợ tôi không thú nhận mà tôi cũng chẳng bao giờ hỏi vợ tôi về vấn đề đó. Cái chết của đứa bé tựa như một sự trừng phạt cho mọi điều và tôi quyết định sẽ tỏ ra cao thượng được chừng nào hay chừng ấy, nhưng...”

“Nhưng cuối cùng, bị cáo không thể tỏ ra cao thượng được, có phải vậy không?”

“Quả đúng như vậy. Tôi không thể không suy nghĩ về cái chết của đứa bé vì sự trừng phạt vẫn chưa đủ. Khi vợ tôi không ở cạnh tôi, tôi có khả năng suy xét thật bình tĩnh, nhưng vừa trông thấy vợ tôi, tựa như có một điều gì đó xảy ra trong nội tâm của tôi. Khi tôi nhìn thấy thân hình của vợ tôi, cơn giận dữ bắt đầu trở dậy.”

“Có bao giờ bị cáo nghĩ đến chuyện ly dị không?”

“Tôi thường nghĩ tôi phải xin ly dị, nhưng tôi không nói cho vợ tôi biết. Vợ tôi cũng hay nói nếu tôi bỏ vợ tôi thì vợ tôi cũng chẳng còn muốn sống nữa.”

“Vợ bị cáo có yêu bị cáo không?”

“Vợ tôi không yêu tôi.”

“Tại sao bà ta lại nói những điều như vậy?”

“Tôi nghĩ vợ tôi muốn nhắc đến những phương tiện vật chất để sinh sống. Nhà cửa của vợ tôi bị người anh cả làm tan nát, và vợ tôi hiểu rất rõ không có người đàn ông đứng đắn nào lại muốn cưới một người đàn bà từng là vợ của một người biểu diễn phóng dao sống lang thang như tôi. Ngoài ra, chân của vợ tôi quá nhỏ đối với vợ tôi để làm bất cứ công việc bình thường nào.”

“Thế mối quan hệ về thể xác ra sao?”
“Tôi tưởng cũng giống như phần đông các cặp vợ chồng khác.”

“Vợ bị cáo có ưa bị cáo chút nào không?”

“Tôi nghĩ vợ tôi thực tình không ưa tôi. Sự thật, tôi nghĩ vợ tôi vô cùng đau khổ phải chung sống với tôi như người vợ. Thậm chí cam chịu sự đau đớn, chịu đựng một cách thật kiên nhẫn hầu như không có người đàn ông nào tưởng tượng nổi. Vợ tôi thường quan sát tôi với đôi mắt lạnh lùng và độc ác, lúc đó tôi tưởng cuộc đời tôi tan vỡ ra từng mảnh. Vợ tôi không bao giờ biểu lộ chút thương cảm nào khi thấy tôi vật lộn với nỗi đớn đau tột độ để thoát ra khỏi cảnh khổ cực đi tìm một cuộc sống đích thực hơn, tốt đẹp hơn.”

“Tại sao bị cáo không quyết định dứt khoát hoặc sống xa vợ hay ngay cả bỏ vợ nếu thấy cần thiết?”

“Bởi vì tâm trí tôi đầy rẫy những tư tưởng đù loại.”

“Những tư tưởng gì vậy?”

“Tôi muốn cư xử với vợ tôi theo chiều hướng là không có một sự sai trái nào về phía tôi cả. Nhưng cuối cùng tôi cũng không thể thực hiện được.”

“Bị cáo không bao giờ nghĩ đến chuyện giết vợ?”

Han không trả lời và ông Dự Thảm nhắc lại. Sau một lúc khá lâu, Han trả lời, “Trước khi ý nghĩ giết vợ nảy ra trong đầu tôi, tôi thường nghĩ thật là một điều tốt nếu vợ tôi chết.”

“Được, vào trường hợp đó, nếu không có điều gì là trái luật cả, bị cáo có nghĩ phải giết vợ không?”

“Tôi không nghĩ tới những điều khoản ngăn cấm của luật pháp, thưa Ngài. Điều đó cũng không thể ngăn cản

được tôi. Đúng ra tôi quá yếu đuối. Vào lúc đó, tôi lại say mê mong muốn đi tìm một lối sống đích thực hơn.”

“Ấy thế mà bị cáo đã nghĩ đến giết vợ, có hay không, tôi muốn nói vào giai đoạn sau này?”

“Tôi không bao giờ có ý nghĩ giết vợ tôi. Nhưng đúng ra, đã có một lần, tôi đã nghĩ đến vấn đề đó.”

“Đã bao lâu, trước khi xảy ra biến cố đó?”

“Đêm hôm trước... Hay có lẽ ngay vào buổi sáng đó.”

“Bị cáo đã cãi nhau với vợ?”

“Thưa Ngài đúng như vậy.”

“Về vấn đề gì?”

“Về chuyện quá nhỏ nhặt không đáng nói ra.”

“Hãy cố gắng kể lại việc đó.”

“Đó là vấn đề ăn uống. Một đôi khi tôi hay cáu giận khi chưa ăn. Vâng, vào buổi tối đó, vợ tôi quá chậm chạp không sửa soạn kịp bữa ăn tối mà đáng lẽ phải làm xong rồi. Tôi rất tức giận.”

“Bị cáo có giận dữ hơn mọi lần không?”

“Thưa không, nhưng mà sau đó tôi hãy còn thấy bị kích động, đó là một điều khác thường. Tôi cho rằng vì tôi bối rối quá nhiều trong mấy tuần lễ vừa qua muốn tìm kiếm một cuộc sống tốt đẹp hơn cho bản thân tôi, và nhận ra rằng tôi không sao thực hiện được ý định đó. Tôi đi ngủ nhưng không sao chợp mắt được. Biết bao nỗi lo lắng và bối rối xâm nhập tâm trí tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy cho dù cố gắng xoay sở cách gì đi nữa, tôi cũng không bao giờ có thể thực hiện được những điều thực sự tôi mong muốn. Dù cố gắng vượt mọi trở ngại, tôi sẽ không bao giờ thoát được những cảnh đáng ghét trong đời sống

hiện tại của tôi. Tình trạng buồn và vô vọng của những chuyện xảy ra tựa hồ như có dính dấp tới cuộc hôn nhân của tôi. Tôi tuyệt vọng đi tìm một tia sáng lọt qua kẽ hở dẫn dắt tôi ra khỏi nơi tăm tối, nhưng ngay cả điều mong ước đó cũng dần dần tiêu tan. Hy vọng trốn chạy cuộc sống đáng ghét đó hãy còn le lói và lồi cuồn tôi, và tôi hiểu rằng nếu không sao thoát ra cảnh sống đó, thực tế tôi như người đã chết. Và rồi ý nghĩ đen tối dập dờn trong đầu óc tôi, nếu mà nàng chết! Phải chỉ nàng chết!

Tại sao tôi không giết nàng? Hậu quả về hành động giết người như vậy chẳng có nghĩa lý gì đối với tôi cả. Không còn nghi ngờ gì nữa tôi sẽ vào tù, nhưng mà đời sống trong nhà giam chắc cũng không đến nỗi tồi tệ, có thể còn khá hơn cuộc sống hiện nay của tôi. Và không hiểu sao tôi vẫn có cảm tưởng giết vợ tôi cũng chẳng giải quyết được việc gì cả. Mà né tránh không giải quyết được vấn đề giữa hai chúng tôi cũng chẳng khác gì như cuộc tự sát. Tôi chịu đau đớn từng ngày kể từ khi đưa trẻ sơ sinh chết, tôi tự nhủ; không còn con đường nào để vượt thoát ra cảnh sống đó. Cuộc đời đích thực của tôi: cam chịu đau khổ.

Tâm trí tôi cứ chạy theo những con đường đó, tôi gần như quên hết duyên cớ của sự đau khổ trong lòng tôi. Quá kiệt sức, tôi nằm đấy nhưng không sao ngủ được. Tôi rơi vào tình trạng hoàn toàn như u mê, và tâm trí tôi bị dày vò trở nên tê liệt, ý nghĩ giết vợ tôi mờ nhạt dần. Rồi cảm giác trống rỗng buồn tẻ xâm chiếm tâm hồn tôi, đưa tôi vào cơn ác mộng. Tôi đã nghĩ tới mọi giải pháp hay nhất để đi tìm cuộc sống tốt đẹp hơn, và nhận ra rằng tôi quá nhu

nhược không sao đạt được mục đích đó. Khi trời rạng đông, tôi nhìn thấy vợ tôi, cũng như tôi, không ngủ được...”

“Khi bị cáo thức dậy, hai người có cư xử với nhau một cách bình thường không?”

“Chúng tôi không nói với nhau một lời.”

“Nhưng mà tại sao bị cáo không nghĩ tới phải rời xa vợ, khi sự việc xảy ra như thế?”

“Ngài muốn nói, thưa ông Dự Thẩm, đó là cách giải quyết vấn đề của tôi? Không, không, như vậy cũng như lần trốn chẳng giải quyết được việc gì cả giữa chúng tôi. Như tôi đã từng thưa với Ngài là tôi đã xác định phải cư xử với vợ tôi làm sao không có một sự sai trái nào về phía tôi cả.”

Han nhìn chăm chăm ông Dự Thẩm, thấy ông gật đầu như ra hiệu cho Han tiếp tục nói.

“Hôm sau tôi kiệt lực và thần kinh tôi căng thẳng trở nên lộn xộn. Tôi cảm thấy đau đớn đến cực độ để cố giữ cho được bình thần, và vừa bận quần áo xong, tôi rời khỏi nhà rồi đi lang thang vào vùng vắng vẻ của thị trấn. Suy nghĩ liên miên đeo đuổi tôi như nhắc nhở tôi phải làm một cái gì để giải quyết cuộc đời của tôi, nhưng ý nghĩ giết vợ tôi không còn trong đầu óc tôi nữa. Sự thật có sự ngăn cách giữa ý tưởng sát nhân đêm hôm trước và bất cứ quyết định hiện tại nào để phạm trọng tội! Quả thật, tôi cũng không bao giờ nghĩ tới cuộc biểu diễn vào tối hôm đó. Nếu tôi đã nghĩ tới, tôi chắc chắn quyết định bỏ mục phóng dao. Có hàng tá mục biểu diễn khác để thay thế.

Vâng, vào buổi biểu diễn tối hôm đó, và cuối cùng đến lượt tôi xuất hiện trên sân khấu. Tôi không có một tí chút linh

cảm nào báo hiệu sẽ có một sự bất bình thường xảy ra. Như thường lệ tôi chứng minh cho khán giả thấy những con dao sắc bén của tôi có thể cắt giấy ra từng mảnh vụn và phóng một vài con dao trên tấm gỗ. Ngay lúc đó, vợ tôi xuất hiện tô son trát phấn kỹ càng và bận bộ áo Trung Hoa trau chuốt; sau khi cúi đầu chào khán giả với nụ cười thật duyên dáng, vợ tôi ra đứng trước tấm bảng gỗ. Tôi rút ra một trong những con dao và đứng xa vợ tôi vào một vị trí đã định sẵn.

Đó mới là lúc mắt chúng tôi nhìn nhau lần đầu tiên từ đêm hôm trước. Ngay lập tức tôi hiểu có một sự rủi ro khi chọn lựa tiết mục đặc biệt này trong màn biểu diễn tối nay! Rõ ràng tôi phải làm chủ bộ thần kinh, nhưng sự mệt nhọc cùng cực đã thấm vào tận xương tủy ngăn cản tôi làm việc đó. Tôi nhận thấy không còn có thể tin cậy chính cánh tay của tôi nữa. Tôi cố trấn tĩnh và nhắm mắt lại trong khoảnh khắc, tôi cảm thấy toàn thân tôi run rẩy.

Thời điểm trình diễn bắt đầu! Tôi nhắm phóng con dao đầu tiên ở trên đầu vợ tôi; con dao cắm trúng mục tiêu, cao hơn đầu đúng một inch như thường lệ. Vợ tôi giơ hai cánh tay lên và tôi sửa soạn phóng hai con dao kế tiếp, mỗi con ở dưới mỗi cánh tay. Con dao vừa rời khỏi những ngón tay của tôi, tôi có cảm giác tựa hồ như có cái gì đó như muốn giữ con dao đó lại; tôi không còn có khả năng xác định được mục tiêu chính xác nữa. Bây giờ thực ra chỉ còn là vấn đề may rủi nếu con dao trúng điểm đã định, mỗi một cử động của tôi trở nên thận trọng và ngưng ngập.

Tôi phóng một con dao phía bên trái cổ của vợ tôi và tôi sắp sửa ném con dao khác vào bên phải thì tôi nhìn thấy trong đôi mắt của vợ tôi, sự biểu lộ tình cảm kỳ lạ như bất thần sợ hãi sắp có chuyện gì xảy ra! Phải chăng vợ tôi có linh tính con dao này, chỉ trong vài giây đồng hồ nữa thôi, sẽ găm vào cổ họng của vợ tôi? Tôi cảm thấy choáng váng tựa như muốn ngất. Ráng sức phóng con dao ra khỏi tay, cố nhắm sao cho trúng đích.”

Ông Dự Thảm yên lặng chăm chú nhìn Han.

“Ngay lúc đó, bỗng một ý nghĩ xuất hiện trong đầu tôi, 'tôi đã giết nàng' ” Han nói một cách đột ngột.

“Có sự cố ý, bị cáo muốn nói như vậy có phải không?”

“Thưa đúng. Bất thần tôi cảm thấy đã hành động với sự cố ý.”

“Sau đó, tôi biết bị cáo quý xuống bên xác vợ và cầu nguyện trong yên lặng.”

“Đúng như vậy, thưa Ngài. Đó chỉ là mưu mẹo chột nẩy ra trong đầu óc tôi do sự thôi thúc của tình thế lúc bấy giờ. Tôi nhận thấy mọi người biết tôi là con chiên ngoan đạo, cho nên tôi giả bộ cầu kinh, thật ra tôi đang tính toán kỹ lưỡng chọn một thái độ nào đó cho hợp lý.”

“Như vậy, bị cáo hoàn toàn tin tưởng tất cả những điều gì đã thực hiện đều có chủ tâm?”

“Thưa đúng. Nhưng tôi lại nhận thức ngay tôi có thể nêu ra chuyện đó như một tai nạn.”

“Thế tại sao bị cáo lại nghĩ đã thực hiện với chủ tâm?”

“Thưa tôi mất tất cả khả năng xét đoán.”

“Bị cáo có nghĩ rằng bị cáo đã thành công làm cho mọi người có cảm tưởng đó chỉ là một tai nạn hay không?”

“Thưa đúng, sau này mỗi khi nghĩ tới việc đó còn làm tôi rùng mình. Tôi giả bộ thuyết phục mọi người là tôi kiệt sức vì quá đau buồn nhưng nếu một người thật tinh ý có thể nhận thấy ngay tôi đang diễn xuất đó thôi. Vâng, đứng ra vào tối hôm đó, tôi đã nhận thấy không có lập luận nào vững chắc cả thì tại sao tôi lại không được tha bổng? Tôi tự nhủ thầm một cách bình tĩnh bởi vì chẳng có chút bằng chứng xác đáng nào bất lợi cho tôi cả. Chắc chắn nhiều người đều biết tôi đau khổ biết chừng nào khi tôi phải chung sống hòa thuận với vợ tôi, nhưng nếu tôi cứ khẳng định một mực nói đó chỉ là một tai nạn, không một ai có thể chứng minh ngược lại điều đó. Nhìn lại mọi việc đã xảy ra, tôi thấy cái chết của vợ tôi có thể giải thích rất hợp lý giống như một tai nạn vậy.

Và rồi thì một câu hỏi kỳ lạ thâm nhập tâm trí tôi: Tại sao chính tôi cũng tin chuyện này *không* phải là một tai nạn? Đêm hôm trước, tôi đã nghĩ tới việc giết vợ tôi, không biết có phải chính ý nghĩ đó là duyên cớ khiến tôi có hành động với chủ tâm chẳng? Dần dần tôi nhận xét ra rằng chính tôi cũng không hiểu thực sự việc gì đã xảy ra? Khi đó, tôi cảm thấy thật sung sướng không thể tưởng tượng được, tôi muốn hét lên cho vỡ tung buồng phổi.”

“Bởi vì bị cáo đã xem vụ đó như một tai nạn?”

“Thưa không, tôi không thể nói như vậy được: vì tôi không còn ý tưởng nào là tôi có chủ tâm hay không. Do đó, tôi quyết tâm tìm con đường tốt nhất để

được tha tội là nên thú hết mọi tội lỗi. Thay vì nói đó là một tai nạn để tự lừa dối mình và những người khác thì tại sao tôi đã không thành thật nói rằng tôi đã không biết việc gì đã xảy ra. Mà sự thật, tôi có thể tự bào chữa là tôi không ‘có tội’ mà cũng chẳng ‘vô tội’.”

LỜI NÓI CUỐI CÙNG

Han ngưng nói. Ông Dự Thảm giữ im lặng một hồi lâu, trước khi nói một cách nhẹ nhàng và cẩn nhắc:

“Tôi tin những điều mà bị cáo khai với tôi là sự thật. Còn một câu hỏi nữa thôi: bị cáo không cảm thấy tí chút đau buồn nào về cái chết của vợ bị cáo?”

“Không có chút nào cả! Ngay khi tôi ghét vợ tôi một cách cay đắng nhất trong quá khứ tôi cũng không bao giờ có thể tưởng tượng cảm thấy sung sướng như thế này khi nói tới cái chết của vợ tôi.”

“Thôi được,” Ông Dự Thảm nói. “Bị cáo có thể lui ra.”

Han yên lặng cúi đầu và rời khỏi phòng thẩm vấn.

Ông Dự Thảm, xúc động một cách kỳ lạ, với tay lấy quần bút và chậm rãi hạ bút xuống tập hồ sơ để trên bàn giấy, phê, “Vô tội”.

NGUYỄN VĂN THÀNH

(Phòng dịch theo SHIGA NAOYA)
*The World of Law edited by Ephraim
London | The Law in Literature*

Trích trong tác phẩm
"Luật Pháp và Văn Học Nghệ Thuật"
của TP Nguyễn Văn Thành.

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

Từ đầm lầy Boresse đến chợ Bến Thành

Vào cuối thế kỷ 19, Sài Gòn đã trở thành một đô thị duyên dáng gồm những dinh thự tráng lệ, những đường phố đẹp mắt giữa hai hàng cây xanh che bóng mát, những khu buôn bán tấp nập muôn màu muôn vẻ... Đây chỉ là vài nét ngoạn mục của thành phố được tặng danh hiệu «Hòn ngọc Viễn Đông». Tuy nhiên, ngay bên cạnh những khu phố khang trang vẫn còn sót lại một vùng đất thấp lầy lội. Đời sống người dân tại đây thật khó khăn, điều kiện vệ sinh rất kém, lại phát sinh nhiều tệ đoan xã hội. Người Pháp gọi khu phố ấy là «đầm lầy Boresse». Sang đầu thế kỷ 20, vùng bùn lầy nước đọng này lại là chiếc nôi ra đời của chợ Bến Thành, ngôi chợ to nhất Đông Dương thời ấy. Ngày nay ta có thể phỏng định vị trí của đầm lầy Boresse là khu vực giới hạn bởi các đường: Gia Long, Nguyễn Trung Trực, Công Lý, Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Thái Học.

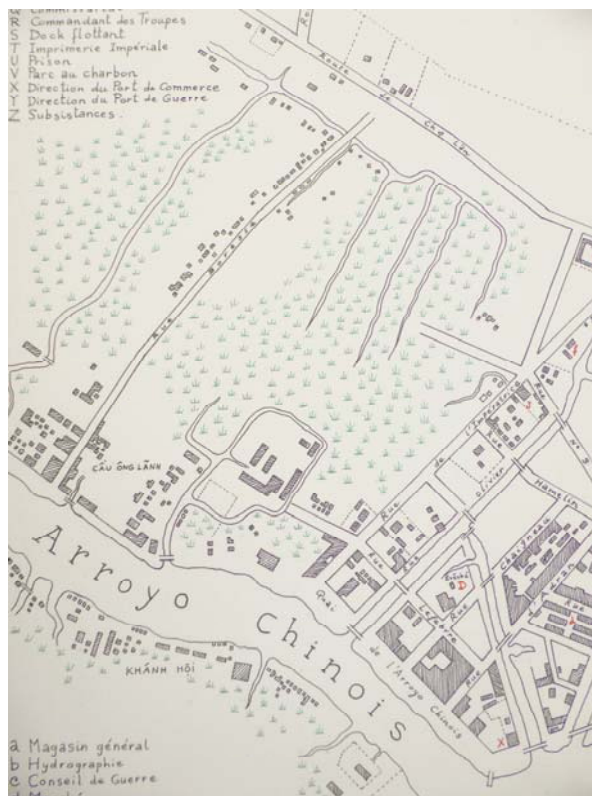
Chúng ta cùng nhìn lại sự chuyển mình của đầm lầy Boresse từ thủa hầy còn là một làng quê tĩnh mịch cho đến ngày ra đời của khu phố nhộn nhịp chung quanh

chợ Bến Thành.

Vài dòng lịch sử

Đầm lầy Boresse là một phần đất của làng Long Hưng. Theo địa bạ triều Nguyễn, làng Long Hưng ở xứ

Cầu Quan. Còn theo Trương Vĩnh Ký (Souvenirs historiques sur Saigon et



ses environs, 1885), dưới thời vua Minh Mạng, từ đường Công Lý ngày nay đến chợ Cầu Ông Lãnh là địa phận của làng Long Hưng, nhà cửa chen chúc dọc theo đường ven rạch Bến Nghé. Đường Yersin hiện nay là con đường đất gập ghềnh vào thời đó, dân nô lệ người Lào đã được phóng thích đến vùng này sinh sống trong những túp lều xây dọc hai bên đường, họ sản xuất những chiếc gàu làm bằng lá dừa nước.

Trên bản đồ Thành phố Sài Gòn năm 1867, ta thấy một đầm lầy chiếm hết vùng đất nằm giữa rạch Bến Nghé và đường Gouvernement (Đường Gia Long ngày nay), hướng Tây giáp Cầu Kho, hướng Đông giáp đường Impératrice (Công Lý). Một con đường nằm song song với rạch Cầu Ông Lãnh, từ bờ rạch Bến Nghé lên tới đường Gouvernement, trước người Pháp gọi là «route de Cau-ong-lanh» sau cho đổi tên là «Bourses», và có lẽ từ tên đường này người Pháp gọi cả vùng đầm lầy bên cạnh là «marais Bourses». Người dân Sài Gòn thời ấy cũng theo đó gọi vùng ao lầy này là Bờ-rệt. Tại đây có rạch Cầu Quan, ăn thông với các rạch Cầu Kho và Cầu Ông Lãnh. Trong quyển Gia Định Phong Cảnh Vịnh (1882), Trương Vĩnh Ký chú thích: «Cầu Quan là xóm ở Cầu Kho giáp ra Chợ Đũi, có rạch có cầu, chỗ nhà quan ở nhiều nên kêu là Cầu Quan». Cũng theo ông (Souvenirs historiques... 1885) trên đầu đường Bourses có chiếc Cầu Quan. Căn cứ vào hai chi tiết này và xem

lại bản đồ Sài Gòn 1880, nếu so sánh với bản đồ ngày nay, ta có thể nhận ra: 1) Đầu đường Bourses lên tới tận đường La Grandière (Gia Long). 2) Một rạch nước nối tiếp với rạch Cầu Kho, băng ngang đường Bourses, chảy qua giữa hai đường La Grandière (Gia Long) và Espagne (Lê Thánh Tôn). Ta phỏng đoán vị trí chiếc Cầu Quan có lẽ ở khoảng đường Nguyễn Phi, đoạn nằm giữa đường Gia Long và Lê Thánh Tôn. Rạch Cầu Quan đã bị lấp bằng, vùng Cầu Quan thu hẹp lại trong khu vực đường Yersin vì tên vùng Cầu Quan cũ bị thay thế bởi tên Chợ Đũi, để chỉ khu vực quanh nhà thờ Huyện Sĩ qua đến đường Phạm Ngũ Lão và đại lộ Trần Hưng Đạo (Trường tiểu học Phan Văn Trị trên đại lộ Trần Hưng Đạo trước kia là École des jeunes filles de Chợ Đũi).

Việc sửa sang đầm lầy Bourses được bắt đầu từ khu vực gần rạch Bến Nghé. Năm 1877, hai con đường chạy song song với bờ rạch được hoàn tất là đường số 1 (Nguyễn Công Trứ) dẫn đến lò heo và đường số 3 (Nguyễn Văn Sâm) dẫn đến kho dầu. Vào khoảng năm 1880, phần còn lại của đầm lầy Bourses được vây quanh bởi hào nước dọc theo các đường: La Grandière (Gia Long), Némésis (Phó Đức Chính, Thủ khoa Huân), Dayot (Nguyễn Văn Sâm) và Bourses (Yersin). Từ trong đầm lầy, hào nước theo một ngả cạnh kho dầu chảy thông ra rạch Cầu Ông Lãnh.

Vào khoảng năm 1890, trong khu Bourses vẫn còn nhiều đường đất đắp cao, cắt nhau khá đều đặn, chạy ngang

dọc, chia khu đầm lầy ra thành từng xóm nhỏ. Những chỗ trũng ngập nước chỉ sâu một vài mét. Mỗi xóm là một khu nhà sàn mái lá xây trên cọc gỗ. Từ trong xóm, mỗi căn chòi có cầu ván đi thông ra ngoài đường, có khi hai hay ba tấm ván nối nhau nếu vũng sinh quá rộng. Người qua cầu nếu lỡ bước hụt chân sẽ rơi xuống vũng sinh bùn lầy với rong rêu, ếch nhái... Ban ngày các khu xóm tòi tàn ấy vắng ngắt như một ngôi làng bỏ hoang, nhưng khi đêm về cảnh vật tung bừng như hội chợ. Hàng ngàn đèn lồng bằng giấy đủ màu treo khắp mọi nhà, ánh đèn phản chiếu trên mặt nước thật ngoạn mục làm ta quên đi nơi đây là một khu xóm nghèo bản thiu. Dọc theo lề các đường đất hàng trăm lò lửa được nhóm lên. Đây là những cái bếp lộ thiên, nơi chiên, xào, nấu, nướng đủ loại thức ăn, món nhậu. Khách hàng gấp ăn hoặc chỉ cần bóc tay lửa vào miệng khi món ăn còn nóng. Trên đường người đi đông vô kể, trong đám đông đó có những thủy thủ đã từng đi khắp năm châu bốn biển, có cả lính tráng đủ các binh chủng, và người thường dân thuộc đủ các nghề nghiệp. Họ chen nhau đi giữa những hàng cháo, hủ tiếu, bánh mứt, rượu trà, thuốc lá... Lẫn trong đám người qua lại, có cả những cô gái buôn hương bán phấn thuộc đủ mọi quốc tịch. Không khí càng thêm ồn ào vì tiếng rao mời khách mua hàng, tiếng người gọi nhau, các chú lính thủy say sưa vừa đi vừa hát. Bên ngoài xóm nhà sàn, dọc theo hành lang một

dãy nhà, những cô gái mặt hoa da phấn đang ngồi gẩy đàn đờn khách dưới chuỗi đèn lồng xếp bằng giấy hồng.

Công cuộc chinh trang đầm lầy Boresse

Sau khi Pháp chiếm Sài Gòn, nhiều người dân bỏ nhà cửa lánh sang vùng khác lập nghiệp. Năm 1862, đô đốc Bonard ra nghị định cho bán đấu giá các đất đai bỏ trống. Sở Địa chánh lập bản đồ và chia đất thành từng lô. Ngoại trừ dải đất cao ráo nằm ven rạch Bến Nghé, khu Boresse là vùng đất ẩm thấp nên ít hấp dẫn người mua, mà người mua phần nhiều là bọn đầu cơ muốn làm giàu nhanh chóng. Tuy vậy vùng sinh lầy nước đọng hôi thối này lại là nơi nương náu của những người cùng khổ. Họ cất căn chòi sống tạm đến đâu hay đó, chỉ dọn nhà đi khi người chủ đất xuất hiện đòi đất lại.

Phần nhiều người mua đất chẳng muốn nhọc công sửa sang đất đai cho tốn kém, vì họ hy vọng chính quyền sẽ mở mang khu vực, họ đợi lúc giá đất tăng cao để bán lại. Phía chính quyền lại tin tưởng rằng các tư nhân mua đất để làm nơi kinh doanh, sẽ biến đầm lầy Boresse thành một khu phố thương mại, nhưng không ngờ bị bọn đầu cơ lợi dụng. Cứ thế sau nhiều năm tình trạng khu Boresse không có thay đổi nào đáng kể.

Để giải quyết bế tắc, chính quyền thành phố ban hành một số giải pháp, trong đó có cách mua bán thỏa thuận giữa đôi bên, tức là đất được bán rẻ nhưng người mua phải tuân theo một

số điều khoản như: trong thời hạn nhất định (một hoặc hai năm) người mua phải đắp nền cao cho đất được khô ráo, phải xây loại nhà gạch lợp ngói, phải chấp thuận cho dân nghèo đang chiếm đất bất hợp pháp có thời gian sáu tháng để dọn đi, và khi xây cất xong sở Kiêu lộ sẽ đến kiểm soát công trình. Trường hợp cụ thể là việc mua đất của ông Hui Bon Hoa (Chú Hòa). Vào năm 1896, ông mua 12 lô đất. Ít lâu sau ông yêu cầu chính quyền gia hạn thời gian lấp đất là 3 năm thay vì chỉ 2 năm như đã quy định, vì theo ông lượng đất cần thiết lên tới 70.000 mét khối nên ông cần thêm thời gian để lấp hết những thửa đất ấy.

Một giải pháp khác nữa là chính quyền thành phố nhượng đất miễn phí cho các công chức có thâm niên hoặc những người có công trạng với nhà nước thuộc địa, người được nhượng đất phải chấp nhận các điều kiện tương tự như người mua đất nói trên.

Việc sửa sang đầm lầy Boresse bị trì trệ vì địa hình tại đây khá phức tạp, việc lấp bằng những vũng lầy đòi hỏi nhiều thời gian, phương tiện và tài chính. Trong lúc đó thành phố Sài Gòn còn nhiều công trình xây dựng ưu tiên khác cần phải được hoàn tất. Năm 1894, toàn quyền De Lanessan ký sắc lệnh yêu cầu thành phố Sài Gòn thực hiện nhiều dự án. Trước tiên là lập sở Cấp thủy, lo việc thu dẫn nước về Sài Gòn. Thứ nhì là xây một nhà hát. Thứ ba là xây tòa thị chính. Thứ tư là xây ngôi chợ trung

tâm. Thứ năm là làm cho đầm lầy Boresse được hợp vệ sinh, v. v. Như vậy ta thấy việc chỉnh trang đầm lầy Boresse được nhắc đến nhưng không là ưu tiên hàng đầu và cũng vì thế khu Boresse phát triển rất chậm, mất nửa thế kỷ mới theo kịp các khu phố lân cận. Năm 1900, dục sư Holbé, trong Hội đồng quản hạt (Hội đồng thuộc địa Nam kỳ), đã thốt lên: «Thật ngao ngán khi thấy vấn đề đầm lầy Boresse được nhắc lại mỗi năm và chẳng bao giờ đạt được kết quả. Tại trung tâm thành phố có một ổ hôi thối, là một mối nguy thường trực. Chính quyền chẳng muốn làm gì để cứu chữa tình trạng tệ hại này». Năm 1901, trong một cuộc họp của Hội đồng quản hạt, bác sĩ Dejean de la Bâtie đã phát biểu: «Khu Boresse được chỉnh trang chậm chạp vì thiếu ngân sách, và khi có đủ ngân sách thì Sở Công chánh dùng làm chi phí cho việc tu bổ các đường phố khác, không chăm lo gì tới đường sá trong khu Boresse».

Một trong những công trình lớn thực hiện đầu tiên trong khu Boresse là các đường xe lửa Sài Gòn - Chợ Lớn (1880) và Sài Gòn - Mỹ Tho (1881). Tại những nơi đặt đường sắt hoặc xây cơ xưởng hỏa xa, đất được nện chắc chắn để tránh bị sụt lún.

Việc lấp bằng đầm lầy trải qua nhiều giai đoạn. Biện pháp cấp bách lúc đầu là khai thông các ao nước còn tù đọng, đào mương dẫn nước chảy ra rạch Bến Nghé. Tiếp theo là việc đắp đất bằng phẳng, một mặt các chủ đất bị bắt buộc phải đắp

nền và xây công rãnh, mặt khác chính quyền thi hành việc san bằng toàn khu Boresse. Những hồ ao, lạch nước còn lại được lấp bởi đất cát chở về từ một đồng cát gần làng Bình Hưng Đông (Nay là Bình Hưng Hòa thuộc huyện Bình Chánh), cách xa khoảng 20 cây số, phương tiện chuyên chở cát là xe lửa chạy trên một nhánh của đường sắt Sài Gòn-Mỹ Tho. Công trình này tiến triển rất chậm (gần 30 năm) vì bị gián đoạn nhiều lần, nên gần đến ngày hoàn tất chợ Bến Thành, khu Boresse vẫn còn rải rác ao tù nước đọng.

Về phương diện giao thông, đường sá trong khu Boresse rất tồi. Đường đã được vạch từ lâu, chiều dài tổng cộng khoảng 6 cây số, mang tên những «danh nhân» hãnh hoai nhưng chỉ là những lối đi tạm bợ dùng trong suốt mấy thập niên. Mới đầu chỉ là loại đường đất, lè đường và công rãnh còn sơ sài, sau mỗi cơn mưa lớn nước tràn ngập, mặt đường sụp lún thành nhiều ổ gà nguy hiểm. Về sau Sở Công chánh lát đường bằng đá dăm, trước tiên là loại đá ong (đá đỏ Biên Hòa) nhưng tình trạng không mấy cải tiến nên thay thế bằng đá granit (đá xanh) bền bỉ hơn. Tuy nhiên, về mùa nắng không khí càng ngột ngạt khi bụi đường bốc lên, nên người ta cần đến xe nước, loại xe bò chở chiếc thùng tô-nô to tương đi tưới ướt mặt đường. Đến khoảng 1920, khi đường phố được tráng nhựa và xây công rãnh thì những phiến toái lúc xưa mới chấm dứt.

Sài Gòn bước sang thế kỷ 20. Những túp lều lụp xụp ngày càng hiếm dần, được thay thế bằng những ngôi nhà tường gạch mái ngói. Nhiều người nôn nao muốn được chứng kiến viễn ảnh một góc đô thị trù phú phát sinh từ chốn bùn lầy. Từ lâu người ta đã nghe nói tới kế hoạch tái thiết, dời đổi khu chợ và nhà ga xe lửa, đồng thời với việc mở một đại lộ làm cửa ngõ đi thẳng vào Chợ Lớn. Nhưng không biết khi nào các công trình xây dựng ấy mới bắt đầu. Dư luận càng xôn xao khi giá nhà đất tăng vọt. Nhiều người mua miếng đất lầy lội chưa được bao lâu nay đem bán lại với giá gấp mười. Những người hải lòng không kém là các chủ thợ hồ, thợ đắp đất, nhà thầu cung cấp vật liệu rải đường, các ông chường khế... Trái lại cũng có người bồn chồn lo lắng, e sợ việc xây dựng bị trì hoãn, họ là các nhà đầu tư chứng khoán hoặc một số nhà thầu khác.

1901: Đường còn nhiều ổ gà nên hầu như xe cộ không lưu thông được. Phân nửa số đường chưa rải đá. Nhiều đường thiếu cống thoát nước.

1904: Dự án xây công ngầm dọc đường phố và lấp bằng đầm lầy Boresse.

1905: Chương trình cung cấp nước uống.

1907: Nghị định của thống đốc Rodier và dự án của Hội đồng thành phố: 1) Xây nền nhà ga xe lửa Xuyên Đông Dương trên diện tích bằng 10 hec-ta. 2) Mở đại lộ Sài Gòn - Chợ Lớn

rộng 40 mét, theo đường thẳng nối liền Sài Gòn với vùng Chợ Quán. 3) Lắp bằng đầm lầy Boresse, xây dựng công ngầm cho nước mưa và nước đã sử dụng đổ ra rạch Bến Nghé. 4) Phát triển đường xe tramway và xây ngôi chợ trung tâm (Halles centrales).

1910: Việc chỉnh trang khu Boresse cũng là một dịp phá bỏ nhiều nhà ổ chuột.

1911: Sửa sang khu vực đường Bourdais (Calmette), xây nền nhà ga. Nhà thầu xây dựng là Công ty xáng đào kênh (Société des dragages)

1912: Phần nền nhà ga đã hoàn tất. Công trình này gắn liền với việc chấn chỉnh hệ thống hỏa xa Sài Gòn – Khánh Hòa.

1913: Sửa sang khu vực đường Némésis (Phó Đức Chính), xây nền chợ mới. Nhà thầu Champestève.

1915: Sửa sang khu vực các đường Boresse (Yersin) và Marchaisse (Ký Con). Nhà thầu Mayeur.

1916: Xây đại lộ Sài Gòn-Chợ Lớn (nay là đại lộ Trần Hưng Đạo). Nhà thầu Phạm Thị Vân.

1917: Sửa sang đại lộ Abattoir (Nguyễn Thái Học). Nhà thầu Phạm Thị Vân.

Các nẻo đường trong khu Boresse

Xin kể sơ qua các đường trong khu Boresse trước ngày xây chợ Bến Thành, theo thứ tự từ Đông sang Tây và từ rạch Bến Nghé đi lên phía Bắc.

Đường Némésis (Phó Đức Chính)

Xưa là đường số 30. Némésis là tên của chiếc soái hạm do Đô đốc Rigault de Genouilly chỉ huy đến đánh chiếm Sài Gòn vào năm 1859. Đường Némésis chạy từ bờ rạch Bến Nghé tới đường La Grandière (Gia Long).

Đường này được xem là ngõ ra vào trực tiếp từ rạch Bến Nghé tới chợ mới Bến Thành. Ngày xưa bề ngang đường được mở rộng tới 60 mét vì chính quyền Pháp dự định đào một con kinh giữa trục đường, rộng 20 mét, liên lạc với rạch Bến Nghé cho thuyền bè chuyên chở hàng hóa. Đó là lý do khiến nhiều người đầu tư đất đai tại đây. Nhưng kế hoạch đào kinh không được thực hiện, nhiều chủ đất trông đợi mãi vẫn chưa thấy đầm lầy Boresse thay đổi gì, như trường hợp ông Dussutour mua 2 lô đất tại góc Némésis – Dayot (Phó Đức Chính - Nguyễn Văn Sâm) vào năm 1869. Sau khi ông mất (1886) các con ông thừa kế mảnh đất chẳng giá trị bao nhiêu.

Vào những năm 1884-1887 nhiều lô đất được chính quyền nhượng cho các công chức (Hoa tiêu, nhân viên sở thuế, giám thị trại giam...) hoặc bán cho tư nhân. Chú Hòa làm chủ nhiều lô đất nằm giữa các ngã tư Dayot (Nguyễn Văn Sâm) và Hamelin (Hồ Văn Ngà). Khoảng 1912, trên lô đất ngày nay còn thấy ngôi biệt thự của Chú Hòa (đã trở thành Bảo tàng Mỹ thuật) có một Sở cầm đồ. Thời ấy tiền cho vay tại đây ít

nhất bằng một phần ba giá trị của đồ cầm cố. Tiền lời là 2 phần trăm mỗi tháng. Nếu quá 10 tháng không được chuộc lại, đồ cầm cố sẽ bị đem bán đấu giá.

Trong hơn 30 năm (1881-1912), đường Némésis bị cắt ngang bởi khu đất dài khoảng 400 mét, rộng khoảng 150 mét dùng làm bãi đậu, nhà kho và cơ xưởng của xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho. Từ trên cao nhìn xuống khu đất ấy hơi giống hình con thoi, dọc theo bìa phía Bắc và phía Nam là hai đường bên dành riêng cho sở hỏa xa. Trục đường xe lửa Mỹ Tho năm xưa chính là đại lộ Hàm Nghi ngày nay, kéo dài qua tới đường Phạm Hồng Thái, còn dấu vết của đường bên phía Nam là đường Lê Công Kiều, đường bên phía Bắc là khúc đường Huỳnh Thúc Kháng nằm sau bệnh viện Đô thành.

Qua khỏi kho bãi của sở hỏa xa là đến khu đất giáp với đường Espagne (Lê Thánh Tôn), đất một nửa của tư nhân, một nửa của nhà nước, sau này đất ấy dùng làm nền xây chợ Bến Thành.

Năm 1889, tại khu vực này đất còn ẩm thấp, đường sá chưa hoàn bị. Các đại diện chủ nhà đất người Pháp gửi thư thỉnh nguyện đến thị trưởng Sài Gòn xin mở đường Némésis cho xe cộ lưu thông, xin nối dài đường Espagne, đồng thời xin xây công rãnh vì họ nhận thấy nền và nhà ở của họ bị đe dọa hư hại do nước chảy tràn xuống từ khu «đường trên đi Chợ Lớn» (nay là đường Võ Tánh). Vì nước đọng thường xuyên thành vũng lầy bẩn thỉu nên các chủ đất

lo ngại phải để cho đất trở thành hoang phế nếu chính quyền không lo việc chỉnh trang như đã dự định từ lâu.

Khoảng năm 1896, gần bên ngã tư Némésis - La Grandière (Thủ Khoa Huân - Gia Long) có xưởng sản xuất xà-bông của ông Devise, trước làm chủ một tiệm hớt tóc trên đường Rigault de Genouilly (đại lộ Nguyễn Huệ) vào những năm 1880.

Đường Némésis chấm dứt tại đường La Grandière, nơi ngã tư bắt đầu đường Poulo Condore. Năm 1919, một đoạn của đường Némésis hợp với đường Poulo Condore trở thành đường Aviateur Garros (nay là đường Thủ khoa Huân).

Đường Bourdais (Bác sĩ Calmette)

Xưa là đường số 32. Bourdais là tên của Đại tá Hải quân bị tử trận lúc tiến đánh Mỹ Tho vào năm 1861. Đường Bourdais đi từ bờ rạch Bến Nghé đến đường La Grandière. Theo bản đồ năm 1867, tại vị trí của đường Bourdais có một rạch nước đổ ra rạch Bến Nghé, rạch ấy phân nhánh chảy vào khu đầm lầy lên đến tận đường Nguyễn Văn Sâm ngày nay.

Từ ngã tư đường Hamelin đến đường Batavia là dãy phố cho thuê của Chú Hỏa. Năm 1887, đốc phủ sứ Huỳnh Tịnh Của được chính quyền nhượng mảnh đất tại góc đường Bourdais và Batavia (đầu đường Calmette phía Trần Hưng Đạo) để xây nhà ở. Ít lâu sau đất ấy về tay Chú Hỏa, biến thành dãy phố

cho thuê, nhưng cuối cùng đất bị trưng dụng khi Sở Công chánh mở đại lộ Sài Gòn - Chợ Lớn. Miếng đất này nằm tại đầu đại lộ Trần Hưng Đạo ngày nay, ngay phía trước vũ trường Văn Cảnh và nhà buôn máy may Sinco dạo trước.

Năm 1899, tại góc đường Bourdais-Espagne có miếng đất của luật sư Crémazy. Cũng vào năm đó, gần đây, ông Na Manica, người Ấn, nộp đơn xin giấy phép xây lại chùa Bà Đen (chùa Bà Mariamman), đến nay chùa này vẫn còn trên đường Trương Định.

Năm 1912, đường này có một rạp hát bội (ngày nay là đoạn nằm giữa hai đường Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Văn Sâm).

Đường Marchaisse (Ký Con)

Xưa là đường số 34. Marchaisse là trung tá bị tử trận gần Tây Ninh vào năm 1866. Trong nhiều năm tên đường này bị viết sai là Marchaise. Đường này bắt đầu từ rạch Bến Nghé tới đường Boresse.

Theo bản đồ 1896, đường tramway đi Chợ Lớn theo ngã «đường trên» (Võ Tánh-Nguyễn Trãi), khởi hành từ ga gần Cột cờ Thủ Ngũ, chạy dọc theo rạch Bến Nghé, qua ga tại đầu đường Némésis, rồi tiếp tục theo đường Marchaisse, vượt qua đường Boresse đến ga Chợ Đũi. Năm 1912, trên đường này cũng có một rạp hát bội.

Đường Boresse (Bác sĩ Yersin)

Xưa là đường số 4, được xem là đường xưa nhất trong khu vực, xây dựng

nhằm mục đích xúc tiến việc tháo nước tù đọng trong đầm lầy. Boresse là tên của một đại úy hải quân, từng giữ chức thanh tra bản xứ sự vụ tại Nam Kỳ, giám đốc Sở Cảnh sát và Sở Nội an (Service civil) vào các năm 1863-1865. Đường Boresse bắt đầu từ bờ rạch Bến Nghé tới đường La Grandière (Gia Long).

Một trong những kiến trúc lâu đời nhất trên đường Boresse là chợ Cầu Ông Lãnh nằm tại đầu đường bên bờ rạch Bến Nghé. Gần bên ngã tư đường Lefebvre có bót cảnh sát, thành lập vào năm 1865. Xa hơn một chút, tại ngã ba đường Dayot là cổng vào kho dầu lửa. Thời ấy kho này chứa trữ lượng dầu đủ dùng trong 2 năm cho toàn cõi Nam Kỳ (Vị trí của kho dầu là Ty Cảnh sát Quốc gia Quận 2, trước 1975). Vào năm 1886, sau hai trận hỏa hoạn trong khu vực, kho dầu bị đe dọa bốc cháy bất cứ lúc nào. Nhận thấy các nhà kho không còn đủ chỗ chứa nhiên liệu như trước và trở nên kém an toàn vì khu đất chung quanh thấm đầy dầu do sự cháy rỉ lâu ngày, tháng 11 năm 1894, thống đốc Fourès chỉ thị dời kho dầu về Đồn Nam (khu cầu Tân Thuận ngày nay).

Tuy thuộc khu vực bình dân, nhưng đường Boresse khá nhộn nhịp vì là chốn ăn chơi, có rạp hát, nhà hàng, quán rượu, đặc biệt là có nhiều nhà chứa mà gái mại dâm thuộc đủ các quốc tịch. Đây là nơi tập trung những thanh lâu lúc trước ở rải rác trên các đường Lefebvre, Dayot, Batavia bên phía đường Mac Mahon. Nguyên vào năm

1891, nhiều người Pháp cư ngụ tại các đường vừa nói trên đã nhiều lần nộp đơn khiếu nại lên chính quyền, phản kháng việc mở các nhà chứa tại các đường phố nơi họ cư ngụ. Vì thế thị trưởng Cuniac ra sắc lệnh, kể từ ngày 15-8-1891, các nhà chứa trên đường Lefebvre, Dayot và Batavia sẽ được dời về đường Boresse, trên đoạn phố giữa các đường Lefebvre và Batavia. Các tú bà không thi hành đúng sắc luật này sẽ bị rút môn bài và các gái mại dâm sẽ được đưa đến các nhà chứa khác.

Những hoạt động nghề nghiệp khác trên đường Boresse: Năm 1890, nhiều người làm nghề bán rong, xay lúa, cho thuê xe tay chở hàng, vài nhà thuốc đông y, vài tiệm nước. Năm 1910, vài nhà hàng, tiệm giải khát trong có mấy tiệm của người Nhật.

Trong quyển Nam Kỳ Phong Tục Nhơn Vật Diễn Ca, Nguyễn Liên Phong đã phác họa đường Boresse vào đầu thế kỷ 20 như sau:

Khởi bót lên ngay Cầu Quan,
Bên phía tay hữu luôn hàng thanh lâu
Nhựt Bồn điếm đều ở lầu
Trướng phòng sạch sẽ rước hầu khách sang
An Nam phố thấp ở tràn
Tối ra kéo níu dọc ngang cùng đường
...
Phía đường trước cửa kho dầu
Có hai rạp hát hai đầu la vang
...
Tốt thay một xóm Cầu Quan
Ăn chơi đờn địch lịch sang nhiều nhà.

Đại lộ Abattoir (Nguyễn Thái Học)

Nguyên đại lộ này xây bên trên kinh Lò heo, đào đắp lại từ rạch Cầu Ông Lãnh xa xưa. Bản đồ năm 1893 cho ta thấy một con kinh ngắn từ rạch Bến Nghé chảy giữa trục đại lộ Abattoir, vào tận bến dành cho ghe thuyền chở súc vật đến cung cấp cho lò sát sinh tức lò heo (Người dân còn gọi là Công ty heo). Lò heo được xây dựng vào năm 1866, thuở ấy chỉ là một tòa nhà thô sơ, nền lát gạch, mái lợp ngói. Theo sắc luật của Toàn quyền De Lanessan tháng 11-1894, đại lộ Abattoir, kể cả Công ty heo, là một phần ranh giới phía Tây Nam của Thành phố Sài Gòn.

Theo niên giám 1910, đại lộ Abattoir chỉ dài 180 mét, bắt đầu từ bờ rạch Bến Nghé tới đường Lefebvre. Trên phần đường còn lại xe cộ chưa lưu thông được. Vào năm này, các đường Amiral Courbet, Hamelin và Dayot đều dừng lại tại đường Boresse, điều này chứng tỏ rằng đường lộ trong khu vực nằm giữa Boresse và Abattoir chưa được sửa sang.

Đường Lefebvre (Nguyễn Công Trứ)

Xưa là đường số 1. Lefebvre là tên của vị giám mục thuộc Hội Truyền giáo Paris, hoạt động truyền giáo từ miền Trung vào miền Nam trong giai đoạn 1835-1864. Đường Lefebvre được xây dựng hoàn tất vào năm 1877, đi từ đường Adran (Võ Di Nguy tại Chợ cũ) tới đại lộ Abattoir. Ta có thể xem đường này là ranh giới phía Nam của khu

Boresse trước khi xuống tới bờ rạch Bến Nghé.

Hoạt động nghề nghiệp tiêu biểu trên đường Lefebvre những năm 1900-1912: Nhiều hãng thầu xây dựng, quán cơm rẻ tiền, tiệm tạp hóa nhỏ và khá nhiều đại lý bán lẻ thuốc phiện.

Đường Dayot (Nguyễn Văn Sâm)

Xưa là đường số 3. Dayot, thường bị viết sai là d' Ayot, là tên của viên đại úy hải quân đã theo phò vua Gia Long vào những năm 1789-1795. Đường Dayot được xây dựng hoàn tất vào năm 1877, đi từ đường Mac-Mahon tới trước cửa kho dầu trên đường Boresse. Vào những năm 1885-1887, dọc bên đường này có nhiều lô đất được chính quyền nhượng lại cho những người Pháp (nhân viên sở thuế, kho bạc, kiểm lâm, thầu khoán, hoặc công chức đã về hưu nhưng có ý định lập nghiệp vĩnh viễn tại Nam Kỳ). Là đất nhượng miễn phí thật, nhưng người thừa hưởng phải đối phó nhiều khó khăn khi bắt đầu khai thác vì mặt đất nằm ở mực rất thấp so với mặt đường, việc đắp đất được xem là tốn kém và mất nhiều thời gian. Vào thập niên 1910, gần đầu đường phía Mac-Mahon có dãy cư xá dành cho nhân viên cảnh sát người Pháp.

Sinh hoạt nghề nghiệp trên đường này: Năm 1890, nhiều quán nước, nhà xay lúa, và khá nhiều nhà cho thuê xe ngựa, xe kéo, xe tay chõ hàng. Năm 1900-1910, nhiều tiệm tạp hóa, vài tiệm

nữ trang hạng bình dân, lò rèn, tiệm đóng móng ngựa...

Đường Hamelin (Hồ Văn Ngà)

Xưa là đường số 7. Hamelin là tên của một viên đô đốc, giữ chức bộ trưởng bộ Hải quân Pháp dưới thời hoàng đế Napoléon III. Đường này bắt đầu từ đại lộ Charner tới đường Abattoir, bị kho xưởng hỏa xa cắt làm hai đoạn. Đoạn bên phía đại lộ Charner thường được gọi là Hamelin số 1 nằm trong khu vực buôn bán trù phú (nay là đường Huỳnh Thúc Kháng). Đoạn bên phía đường Boresse là Hamelin số 2 (còn được gọi là đường Hamelin nối dài, nay là đường Hồ Văn Ngà), nơi hoạt động thương mại hãy còn yếu kém, dọc bên đường phần nhiều là nhà ở.

Vào năm 1897-1898, Chú Hỏa được giấy phép xây cất các dãy phố nằm dọc theo đường Hamelin, giáp với đường Bourdais và Batavia, bên cạnh bãi đất kho xưởng xe lửa.

Theo một báo cáo của bác sĩ Dumas, trường hợp bệnh dịch hạch được khai báo lần đầu tiên tại Sài Gòn vào tháng 1-1906, phát xuất từ trong khu Boresse, chính xác là tại đường Hamelin. Bệnh nhân là một người Ấn, từ nơi đây truyền nhiễm bệnh sang thành phố Chợ Lớn.

Đường Batavia (sau 1900 là Amiral Courbet)

Batavia là thủ đô của Đông Ấn thuộc Hòa Lan, nay là thủ đô Jakarta của nước

Indonesia. Xưa đường Batavia nằm thẳng hàng với đại lộ Bonard, đi từ đường Mac-Mahon (Công Lý) đến đường Némésis (Phó Đức Chính), sau được nối dài tới đại lộ Abattoir. Sau năm 1900 đổi tên là Amiral Courbet.

Bãi đất của cơ xưởng hỏa xa cắt đường Batavia làm hai đoạn. Khoảng năm 1900, bên cạnh phía Bắc của xưởng hỏa xa có kho tàng vật (phú-de), nơi nhà cầm quyền tạm giữ xe cộ đậu trái phép và đồ vật bị tịch thu (nay ở khoảng đầu đường Huỳnh Thúc Kháng phía sau bót cảnh sát Lê Văn Ken cũ). Gần đây, tại góc đường Némésis là kho hàng và xưởng của Sở Lục lộ (Vị trí tại đầu đại lộ Lê Lợi, cạnh cửa Nam của chợ Bến Thành).

Sau khi xây chợ Bến Thành và nhà ga, đường Batavia/Amiral Courbet mất hút giữa phố xá và nhà cửa mới xây. Ngày nay tuy đường này đã biến mất nhưng chúng ta có thể hình dung không gian cũ của nó, chỉ cần vạch một đường thẳng bắt đầu từ đường Công Lý đi xuyên qua rạp chiếu bóng Vĩnh Lợi hoặc bệnh viện Đô thành và kéo dài đến giữa sân trường tiểu học Phan Văn Trị trên đại lộ Trần Hưng Đạo.

Tương tự như đường Hamelin, phần nằm trong khu Boresse của đường Batavia/Amiral Courbet chưa có hoạt động thương mại nào đáng kể.

Đường Espagne (Lê Thánh Tôn)

Xưa là đường Isabelle II, danh hiệu của nữ hoàng nước Tây Ban Nha vào

thời kỳ Pháp đánh chiếm Sài Gòn. Sau đường đổi tên là Espagne để kỷ niệm liên quân Pháp-Tây Ban Nha đã tham dự các trận đánh tại Đà Nẵng và Sài Gòn trong hai năm 1858-1859. Một phần của đường này nằm trong vùng phía Bắc của đầm lầy Boresse. Vì là vùng chuyển tiếp đi lên khu phố cao ráo, nên khá đông dân cư sinh sống, trong đó có nhiều tiểu công chức. Tuy thế vào năm 1900, khúc đường từ Némésis đến Boresse còn rất tồi tệ. Xưa rạch Cầu Quan chảy tới khu vực này nối dài qua đến đoạn ở giữa các đường Thủ Khoa Huân và Nguyễn Trung Trực ngày nay.

Ngày chào đời của chợ Bến Thành

Ngôi chợ trên đường Charner được xây vào khoảng năm 1870 bằng sườn gỗ mái ngói đã quá cũ kỹ và trở nên xấu xí giữa một thành phố ngày càng mỹ miều tráng lệ. Vào năm 1894, Ủy ban Quản trị thành phố Sài Gòn (Commission municipale) đã hội họp bầu cử chấp thuận việc tái thiết ngôi chợ này.

Năm 1901, Hội đồng thành phố biểu quyết chấp thuận việc xây lại một ngôi chợ khác hiện đại hơn, xứng đáng với thành phố Sài Gòn của thế kỷ 20. Địa điểm xây chợ mới đang trong vòng bàn cãi. Có người đưa ra đề nghị là nên chọn khu vực quanh các đường Lefebvre, Bourdais và Marchaisse (Nguyễn Công Trứ, Calmette, Ký Con, tức là gần khu Dân Sinh ngày nay).

Năm 1908, thống đốc Nam Kỳ Gourbeil tuyên bố rằng vấn đề tái thiết ngôi chợ đang được giải quyết. Hội đồng Thành phố ước lượng ngân khoản cần có để xây chợ là 450.000 đồng bạc Đông Dương. Ngôi chợ sẽ tọa lạc trong đầm lầy Boresse, trên trục đường Némésis (Phó Đức Chính), phần đất nằm giữa đường Espagne và kho xưởng hỏa xa Sài Gòn-Mỹ Tho.

Việc lựa chọn vị trí xây chợ cạnh ngã tư Némésis-Espagne có nhiều điểm thuận lợi vì nơi đây chính quyền còn nhiều lô đất trống chưa nhượng hoặc bán cho tư nhân, hơn nữa gần bên còn mấy thửa đất rộng thuộc tài sản của thành phố như kho bãi hỏa xa, kho xưởng vật liệu thành phố... Ngoài ra nhiều tư nhân còn hiến tặng đất đai cho chính quyền, như trường hợp ông Ippolito, giám đốc một hãng xe vận tải trên đại lộ Charner, đã tặng miếng đất để xây lên cánh phía Tây chợ Bến Thành. Nhưng nếu cần, chính quyền vẫn phải trưng dụng đất hay nhà cửa của dân chúng sống quanh đó.

Địa điểm đã được lựa chọn, nhưng phải mất thêm 3 năm nữa (1911), đợi đến khi ngôi chợ cũ đã quá bệ rạc, có cơ sụp đổ, một phần chợ đành bị phá bỏ, nhiều người bán hàng không có mái che mưa nắng, thì lúc ấy công cuộc xây dựng chợ mới bắt đầu thật sự.

Ngày 29 tháng 1 năm 1913, lúc 8 giờ sáng, toàn quyền Albert Sarraut đã chủ tọa lễ đặt viên đá đầu tiên xây chợ mới. (Trước đó một ngày, ông cắt băng

khánh thành đường tramway Sài Gòn-Lái Thiêu). Buổi lễ diễn ra khá long trọng. Sau diễn văn của thị trưởng Cuniac là đáp từ của toàn quyền. Kết thúc buổi lễ, ông Sarraut nâng cốc champagne chúc mừng, xong lên xe đưa ông về hướng bến Francis Garnier (bến Bạch Đằng), quẹo qua đường Catinat rồi trở về dinh Norodom.

Ngôi chợ do hãng Brossard & Mopin xây dựng. Kinh phí xây dựng lên tới một triệu đồng quan Pháp (ước chừng 350 triệu Mỹ kim vào đầu năm 2017). Diện tích chợ khoảng 11.000 mét vuông, bên trong có 4 lối đi chính cắt nhau tại trung tâm. Bên trên cửa chính phía Nam có tháp vuông, 3 mặt tháp có đồng hồ, tiện lợi cho người đi ngang chợ xem giờ và cho cả hành khách đáp xe lửa vì nhà ga ở cách chợ khoảng một trăm mét.

Chợ nằm giữa một vùng rộng thênh thang, phía trước có công trường Eugène Cuniac, ba mặt còn lại có đường rộng liên lạc khắp các khu phố lân cận, đó là các đường: Schroeder (Phan Châu Trinh), Espagne (Lê Thánh Tôn), Viénot (Phan Bội Châu). Cùng lúc ấy, đại lộ Bonard được nối dài từ đường MacMahon đến công trường phía trước chợ. Nhiều cống thoát nước được xây bên dưới các con đường mới. Khu phố liền sau đó được cung cấp điện và nước.

Ban đầu ngôi chợ được người dân gọi là «Chợ mới» hoặc «Chợ mới Bến Thành», về sau thường gọi theo tên cũ

của ngôi chợ xây bên bờ sông lúc xưa: «Chợ Bến Thành».

Lễ khánh thành chợ mới được ăn mừng liên tiếp trong ba ngày vào cuối tháng 3 năm 1914. Dịp này là một biến cố hi hữu nên đông đảo người dân dù ở tỉnh xa cũng không bỏ lỡ cơ hội về Sài Gòn tham dự. Bên trong và cả bên ngoài chợ đều có những gian hàng trưng bày hàng hóa, thực phẩm đủ loại, có cả hội chợ từ thiện với các trò chơi trúng thưởng. Cuộc vui tổ chức lúc ban ngày có múa lân, biểu diễn võ thuật, diễu hành xe hoa, hòa tấu cổ nhạc, trình diễn quân nhạc Pháp. Buổi

tối có rước đèn, bắn pháo bông, trình diễn hát bội ngoài trời...

Ngày chào đời của chợ Bến Thành là giai đoạn kết thúc công cuộc khai khẩn đầm lầy Boresse. Một khu phố khang trang vừa thành hình không chỉ mở đường phát triển cho các ngành thương mại và kỹ nghệ mà còn là đầu cầu nối liền Sài Gòn với Chợ Lớn bằng con đường ngắn nhất và hiện đại nhất: đại lộ Sài Gòn-Chợ Lớn, tiền thân của đại lộ Trần Hưng Đạo ngày nay.

Mỹ Phước Nguyễn Thanh
(France)

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

PRINCIPAL BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

Cộng đồng Việt Nam tại Pháp Từ di trú hội nhập đến tư cách công dân

LÊ MỘNG NGUYỄN *

NÓI về cộng đồng Việt Nam tại Pháp dưới hình thức chung sống hòa hảo giữa các cộng đồng tôn giáo thuộc cộng đồng Việt Nam và giữa những tín đồ của mọi tôn giáo di trú tại Pháp, là cả một thử thách. Bởi vì gom góp tài liệu một cách chính xác về số người VN tại Pháp theo đạo Thiên chúa, Phật, Cao Đài, Hòa Hảo hay tôn giáo khác hoặc chi phụng thờ tổ tiên vân vân, là một chuyện rất khó, một việc không thể làm được. Bởi vì chúng ta sống tại Pháp và nước Pháp theo Hiến Pháp ngày 4 th. 10 năm 1958 “ là một Cộng Hòa lãnh thổ bất khả phân, thể tục (phi tôn giáo), dân chủ và xã hội. Nước Cộng Hòa bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật giữa các công dân không phân biệt căn nguyên (xuất xứ), *sắc tộc hay tôn giáo*. Nước Cộng Hòa tôn trọng tất cả mọi tín ngưỡng” (Điều thứ Nhất). Vì vậy, Tổ quốc của Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền 1789 chính thức công nhận tự do tôn giáo, nhưng không một tôn giáo nào được đề cao thành tôn giáo quốc gia, bởi vì sự hành đạo là một việc riêng tư, thuộc lương tâm của mỗi một cá nhân... Mọi ghi chép về tôn giáo hoặc tín ngưỡng trên Thẻ Căn Cước hay Thông Hành của một công dân đều cấm kỵ. Nhưng một cách tổng quát,

chúng ta nhận thấy đa số người Pháp nghiêng về Thiên Chúa giáo cũng như chúng ta biết rằng đồng bào VN tại Pháp phần đông theo đạo Phật.

Đàm luận về quyền lợi và bổn phận của cộng đồng VN nói chung và của mỗi một cộng đồng người Việt theo đạo Thiên Chúa hay đạo Phật, Cao Đài, Hòa Hảo vân vân, thật là khó, nhất là khi chúng ta có một lập trường không chấp nhận chủ nghĩa cộng đồng trong áp dụng tuyệt đối những hội nhập của đồng bào VN vào xã hội Pháp.

Sự hội nhập của những người di cư - định cư, cũng như sự hội nhập của toàn thể dân chúng Pháp vào xã hội Pháp (mà chúng ta không thể chia cách), được thực hiện chung quanh một dự án chính trị làm sáng rõ những giá trị được hiện thân bởi Cách Mạng Pháp (valeurs incarnées par la Révolution française) chung quanh một *quan niệm về tư cách công dân cá nhân*, chống đối lại tất cả việc hội nhập của từng mỗi cộng đồng riêng biệt. Chính sách này gọi là *chính sách đồng hóa* (politique d'assimilation) trong thập niên 70, mà ngày nay người ta gọi là *hội nhập* (intégration) - danh từ có đổi thay với thời gian nhưng ý nghĩa vẫn còn tồn tại - nó không bao hàm rằng những đặc trưng (spécificités) của những dân chúng phải hủy bỏ để được hòa nhập dần dần vào quốc dân Pháp. Tiếng Pháp

“acculturation” ám chỉ sự thể một cá nhân (chẳng hạn một kiều dân) phải cố gắng làm cho tự mình được thích hợp với văn hóa của nước người là nơi mình nương náu.

Chúng ta nên biết rằng chế độ dân chủ đặt nền tảng trên sự phân biệt giữa *riêng tư* là lãnh vực của tự do cá nhân và *cộng cộng* là chỗ thống nhất (*lieu d’unité*) của toàn công dân. Trong đời sống tư, mỗi một chúng ta có thể dùng ngôn ngữ quê quán, trung thành đối với một văn hóa đặc biệt hay tu hành theo tín ngưỡng của mình, *với điều kiện là các thích dụng này không làm nguy đến trật tự cộng cộng* (ta nên nhớ rằng Cộng Hòa Pháp là một Quốc Gia phi tôn giáo “*un État laïque*” có nghĩa là một Quốc gia trung lập về mặt tôn giáo nhưng có bản phận tôn trọng và bảo đảm tự do tín ngưỡng cho mọi cá nhân và tự do tôn giáo cho mọi tôn giáo).

Song chính sách này (phân biệt giữa riêng và cộng cộng) đưa đến xác nhận như sau: Nếu đặc tính của mỗi dân chúng định cư được giữ lại trong đời sống riêng tư... những cách cư xử của mỗi cá nhân phải phù hợp với trật tự của đời sống cộng cộng (nhập gia tùy tục). Thành thử (theo quan niệm này) và trên mặt định chế (cơ quan), *sự thừa nhận những “cộng đồng riêng biệt”* (Việt Nam, Miên, Lào hay Trung Hoa vân vân tại Pháp) đã được thành lập bởi di dân định cư, *là một vấn đề không thể có*. Chính sách đồng hóa không bao giờ ngăn cấm tình trạng văn hóa đa dạng

(multiculturalisme) trong phần sinh hoạt riêng tư và xã hội, nhưng chính sách này ngăn cấm sự biểu hiện văn hóa đa dạng trong đời sống cộng cộng. Chính sách này dựa trên sự phân biệt của triết gia Hegel giữa những đặc tính của con người sống riêng tư và *tính cách đại đồng của người công dân*. Về mặt này, đạo luật vừa mới được Quốc hội Cộng Hòa Pháp thông qua trong tháng 02-2004 : ra lệnh cấm học sinh các trường tiểu học, cao đẳng tiểu học và trung học (trong khung cảnh trường công), đeo những dấu hiệu hoặc với cách ăn mặc đã biểu lộ một cách rõ ràng sự phụ thuộc của mình vào một tôn giáo, là một bằng chứng minh mẫn của sự phân biệt nói trên. Nếu giữa các tín đồ VN của mọi tôn giáo trên đất Pháp có sự giao thiệp dễ dàng, hiện tình tốt đẹp này là do một phần lớn trong tính cách khoan dung cổ truyền của Phật giáo có thể xem như một triết lý hơn là một tôn giáo. Người ta còn nhớ rằng vị Thủ tướng đầu tiên do ông Bảo Đại bổ nhiệm năm 1954 (sau Hiệp định Genève tháng 7-1954) là một người công giáo (Ngô Đình Diệm), và ngay chính cựu hoàng (đi trú tại Pháp) cũng đã vào đạo Thiên chúa năm 1988. Hơn nữa, người đàn bà đầu tiên (sau này trở thành Nam Phương Hoàng hậu) mà ông đã cưới hỏi năm 1934, sinh trưởng trong một gia đình công giáo rất giàu có. Bằng hà ngày 31 tháng 07 năm 1997, cựu hoàng Bảo Đại đã được mai táng theo lễ tục của Thiên Chúa giáo tại Nhà thờ Saint Pierre de Chaillot. Sau đó, lễ cúng thất tuần ngày cựu hoàng tạ thế được tổ chức, với sự hiện diện của một số đồng bào VN ở Paris và lân cận, tại Chùa Phật Giáo nằm trong Bois de Vincennes. Trái lại,

Nguyễn Ánh (vua Gia Long trong tương lai, người sáng lập nhà Nguyễn) từ chối không theo đạo Thiên Chúa; ông đã nói như thế này với Mgr Pigneau de Béhaine: “ Tôi muốn giữ vững sự thờ phụng tổ tiên, bởi vì tôi xem sự phụng thờ này như là nền tảng của giáo dục Việt Nam “. Ta nên nhớ rằng năm 1704, Giáo Hoàng Clément XI cấm tín đồ công giáo tham dự vào những lễ nghi có tính cách thờ phụng tổ tiên... Ngày nay trái lại, đồng bào Phật tử (phụng thờ tổ tiên) lưu vong trên đất Pháp đã không ngần ngại tham dự lễ kỷ niệm ngày Tổng thống Ngô Đình Diệm cử hành mỗi năm ngày mùng 1 tháng 11 trong một nhà thờ Thiên Chúa giáo tại Paris.

Trong viễn thị này, việc hội nhập của người di trú được hoàn thành, không phải từ những nhu yếu (exigences) của một cộng đồng khép kín bắt buộc kẻ di dân phải suốt đời chịu đựng những giá trị, phong hóa và nguyên tắc, mà trái lại người di trú hội nhập phải có óc phán đoán về văn hóa của chính mình và văn hóa của nước bao dung, về lịch sử của tổ tiên nước mình và lịch sử của nước người, nơi mà đồng bào ta từ nay được ổn định và sinh sống. Như thế, kẻ di trú đã phải tự nêu nhiều câu hỏi, nhiều chất vấn trong tâm khảm giữa sự mê ảo (fascination) nước người và sự đoạn trường khi hướng về cố quận ... *Tư cách công dân* nảy nở từ sự tham dự vào một toàn thể (un ensemble) và tinh thần ái quốc cho đến hy sinh tận cùng nhưng không loại trừ việc phê phán nghiêm khắc. Gia nhập vào một xã hội không có

nghĩa là phải mất thái độ khoảng cách (distance). Không một lịch sử nào có thể xem là một toàn khối và văn hóa Pháp, phong tục Pháp không phải là một khối đá duy nhất. Cũng chính vì lý lẽ ấy mà mỗi kẻ di trú sống trên đất Pháp đều có ước vọng trở thành quốc dân Pháp (un national français). Nhưng có quốc tịch Pháp không phải là tự động (automatiquement) đi đến tư cách công dân.

Theo nhà triết học Hy Lạp ARISTOTE (384-322 trước JC), muốn có tư cách công dân, điều kiện sinh sống trong một nước và biện hộ trước Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình, vẫn chưa đủ. Vì mọi người ngoại quốc cũng được quyền như thế. Người công dân chính thức (loại trừ đàn bà, trẻ con và những kẻ bị tước đoạt tất cả hoặc một phần công quyền vì tội nặng) là người giữ một quan chức (fonction publique) : hoặc thống trị (gouverner) hoặc làm thành viên trong Tòa Án hoặc tham dự vào Hội đồng Nhân dân. Tư cách công dân có nghĩa là tham dự một cách tích cực vào công việc nhà nước. *Người công dân không những bị cai trị mà còn nắm cả quyền cai trị.* Trong bức thư ngỏ gửi giới truyền thông Việt ngữ tại Pháp ngày 24 th. 5-2003, BS Trần Quang Lộc, Bí thư Toàn quốc Trung ương Đảng UMP (là Đảng nắm chính quyền hiện nay tại Pháp) đã nhấn mạnh : *Những cuộc biểu tình, hội thảo là cần thiết, nhưng chưa đủ. Những thành công cá nhân rất cần thiết, nhưng cũng chưa đủ. Chính sức mạnh của lá phiếu mới quyết định vị trí của cộng đồng. Đây là bốn phận và bốn phận sẽ tạo ra quyền lợi.*

Nghe như thế tôi bồi hồi tưởng nhớ tới hơn hai triệu đồng bào rải rác khắp năm châu trên xứ người mà trong đó hơn

hai trăm nghìn người Việt Nam đã di cư và định cư tại Pháp... nhất là từ ngày 30 tháng tư năm 1975 (biến cố dân tộc). Nhưng thật ra, muốn hiểu tường tận vấn đề này dấn dng mật thiết đến tương lai đất nước, ta phải cần theo dõi diễn tiến lịch sử và chính trị của di dân VN, trước khi vạch lại hiện tượng định cư, từ di trú-hội nhập cho đến tư cách công dân (mà trong phần mở đầu ta đã cho nhiều định nghĩa) của một số đồng bào chúng ta trên đất Pháp dưới khía cạnh xã hội học và văn hóa.

I. Diễn tiến lịch sử và chính trị của định cư việt nam tại pháp

Nói một cách tổng quát và vì lý do những dây thắt chặt trong quá khứ giữa đế quốc thuộc địa Pháp và các nước trong cựu Đông Pháp, nước Pháp là một xứ sở rất tiện lợi cho di dân VN, Miên, Lào và Trung Hoa. Bởi vì các dân chủng Thái Lan, Mã Lai, Ấn Độ Dương, Phi Luật Tân hoặc Tân Gia Ba phần lớn thích chọn các nước Mỹ và Úc châu. Cộng đồng Việt Nam hải ngoại rải rác trên 70 nước của địa cầu có thể (theo Lâm Thanh Liêm và LM Jean Maïs trong *Le Médecin du Vietnam*, số 35, tháng 5 & 6-1997) lên tới 2 300 000 người mà trong đó hơn 300 000 người Việt Nam chính tng, sinh sống tại các nước lân cận Á Châu.

Bắc Mỹ có nhiều dân Việt định cư nhất : 1 150 000 trong đó 1 triệu người ở Hoa Kỳ (là 1 cộng đồng VN vĩ đại ở hải ngoại, đông nhất, hoạt động tích cực nhất và hội nhập hoàn

hảo nhất trong xã hội Mỹ) và 150 000 ở Gia Nã Đại. Trong vùng Đại Dương Châu, đồng bào ta được tổng số 272 000 người phân chia khắp các nước Úc (160 000), Nouvelle Zélande (8 000) và Nouvelle Calédonie (4 000). Theo BS Trần Quang Lộc "... về phần hội nhập thì phải công nhận là cộng đồng VN tại Úc đã đi tiên phong và tạo thành quả rõ ràng hơn chúng ta (CĐVN tại Pháp) và ngang ngửa với cộng đồng VN tại Hoa Kỳ... Một tí dụ : « Người đặc cử Nghị viên Hội đồng thành phố gốc tỵ nạn đầu tiên cũng là một đồng bào ở Úc. Cộng đồng người VN tại Úc có tiếng nói trong những quyết định chính sách của chính phủ Úc... » (TQL).

Trong các nước Tây Âu, tương đối ít người Việt (400 000 thôi). Nên nhớ rằng trước khi Tường Bá Linh và chế độ Cộng Sản sụp đổ trong các nước thuộc về Trung và Đông Âu, chính phủ Hà Nội đã gửi 240 000 thanh niên lao động làm việc với mục đích củng cố tài sức công nhân và kỹ thuật của các quốc gia này thuộc gia đình chủ nghĩa xã hội trước cách mạng 1989-1991. Một số đông những thanh niên này đã từ chối không trở về VN cho nên hiện nay có gần 100 000 muốn di chuyển qua Pháp quốc, lợi dụng cơ hội việc áp dụng hiệp định Schengen cho nhiều nước trong Liên Hiệp Âu Châu (x. Lê Mộng Nguyên, "*L'espace Schengen et le droit d'asile des étrangers sur les territoires de la république Française*" v. *L'Appel de la nation*" số 24, ngày 20-01-1994).

Tổng số người Việt tại Pháp được bao nhiêu? Rất khó trả lời câu hỏi này vì trên mặt thống kê chính thức, người ta chỉ nói một cách tổng quát về di dân Đông Dương chứ không kê riêng biệt các chủng tộc

Lào, Miên hay Việt Nam. Hơn nữa, con số những người được vào quốc tịch Pháp bị xóa trên bản thống kê. Theo nhiều xã hội học gia (Lê Hữu Khóa, “*Les Vietnamiens en France, Insertion et Identité*”, L’Harmattan, Paris 1985; Christophe Longwiny et Christian Jelen, “*La famille, secret de l’intégration*”, Robert Laffont 1993), người Việt cư ngụ tại Pháp hiện giờ tính đến 200 000, trong lúc nhà kinh tế học Trần Văn Tông đưa ra một số rất lớn : 250 000.

Ta có thể nói là trên mặt tiến triển lịch sử, trong một thời kỳ thứ nhất từ 1914-1918 tới 1954 và trong một đợt đầu, có 50 000 người Việt phân đông quê quán Bắc kỳ, đã được chiêu mộ làm “lính-thợ” (soldats-ouvriers) để tham gia vào sức gắng chiến tranh của “Mẫu Quốc”, nhưng một khi hết chiến tranh, quyết định ở lại trên đất Pháp để làm việc trong công nghệ dệt (Lyon) hoặc kỹ nghệ xe hơi trong vùng ngoại ô Paris hoặc trong việc xây đắp đường tàu sắt ở miền Bắc nước Pháp. **Đợt thứ hai** (từ 1919 đến 1939) đặc biệt dành riêng cho khoảng 5 000 người trẻ tuổi muốn rèn luyện trí thức với trình độ đại học rất cao (tỉ dụ : Phan Châu Trinh, Nguyễn Mạnh Tường v.v.) và những người giữ một vai chính trị (như Hoàng đế Bảo Đại, khách uy thế của nước bảo hộ hơn là một kẻ di cư, Hồ Chí Minh, Nguyễn An Ninh là những nhà cách mạng chống Pháp trong tương lai). Hoàng Thái Tử và mấy năm sau trở thành Hoàng Đế Bảo Đại muốn học hỏi trong thời gian ông ở Pháp những

nguyên tắc dân chủ chính thể với ý định thiết lập trong tương lai Việt Nam một chế độ quân chủ lập hiến. Trong lúc những người (thuộc về gia đình trưởng giả đại điền chủ Nam kỳ hoặc nho giáo An Nam và Bắc kỳ) được xuất ngoại qua Pháp huấn luyện với trình độ Đại học vào những năm 1926-1927 (khoảng chừng 200) rất tỏ lòng khâm phục nước Pháp của Thế Kỷ Ánh Sáng và tôn trọng Nhân Quyền. Những nhà trí thức này (trong thời gian du học trên đất khách) sẽ thấm nhuần tư tưởng quảng đại về tự do và quyền tự quyết tự chủ của các dân tộc trên hoàn cầu. **Đợt thứ ba** của phong trào di cư bắt đầu với thế chiến thứ hai (1939), là lúc chính phủ thuộc địa Đông Dương tổng đạt qua “Mẫu Quốc” chừng 20 000 người Việt (phân đông quê quán Bắc kỳ) đăng làm việc với tư cách nhân công bản quốc (main-d’oeuvre indigène) và 8 000 khác làm tán binh (tirailleurs). Ông Lê Hữu Thọ, tác giả sách tự truyện “*Itinéraire d’un petit mandarin*” (Cuộc hành trình của một ông quan bé, L’Harmattan 1997), sinh năm 1919 tại Bắc kỳ và con nhà quan, đã làm sống lại ít nhiều hoàn cảnh của thời ấy (tôi xin trích tr. 4 của bìa) giới thiệu “... người trai trẻ nước Đông dương lúc 19 tuổi quyết định giã từ Việt Nam để qua Pháp. Nhưng, khi vừa đặt chân trên đất người, thì chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ làm đảo lộn số phận của anh. Biền cô này sẽ bó buộc anh phải chung sống với 20 000 đồng bào, phần lớn thuộc gốc nhà quê, để làm thông ngôn. Kỳ sự này là một bằng chứng mới lạ về thân phận của những người nhà quê VN, phải bỏ làng bỏ nước, nay chứng kiến một Pháp quốc bị chiếm lãnh và mất thể diện. Tự truyện này cũng

là một tán dương ca đầy hy vọng qua ý lực quyết thắng mạnh mẽ của Thọ và cũng qua sự thương mến nước Pháp do cô gái Madeleine làm tiêu biểu ; năng lực và ái tình đã cho người thanh niên VN được thâm nhập dễ dàng vào xã hội Pháp.”

Sau thời Pháp quốc bị Đức Quốc Xã (phát xít) chiếm đóng (chỉ vài tháng thôi sau khi những người Việt này đặt chân trên đất khách và sau khi Thỏa Hiệp Đình Chiến được ký, 4 500 được trở về cố quận, chỉ còn 13000 “lính-thợ” ở lại Pháp sau kết thúc thế chiến thứ hai. Một phần lớn được trở về quê quán ngay từ năm 1946 và phong trào này tiếp tục cho đến năm 1951, là năm mà người ta đếm chỉ có vòn vẹn 3 000 người Việt tại Pháp.

Theo thống kê của Sở An Ninh Đông Pháp vào tháng 7 năm 1945, người VN ở lại Pháp sau Đệ Nhị Thế Chiến, lên tới 27350. Một khi những “lính-thợ” đã trở về nước, số này còn lại khoảng 15 000 đầu năm 1950, trong đó có nhiều sinh viên (sinh trưởng gia đình giàu có) được phép xuất ngoại (tự túc tài chánh) trong thời gian Chiến Cuộc Việt Nam thứ nhất (1945-1954), để tránh khỏi tổng động viên do chính phủ ban hành. Họ trở về quê hương sau khi đậu bằng cấp Đại học Pháp. Một số ở lại, xin nhập quốc tịch Pháp và từ đó không còn tên trên thống kê biểu chính thức của Bộ Nội Vụ Pháp (vì vậy, tổng số người Việt ở Pháp năm 1962 chỉ có 6853).

Trong thời kỳ thứ hai từ 1954 đến 1975, nghĩa là từ chiến tranh VN thứ

hai (giữa miền Bắc cộng sản và Việt Nam Cộng Hòa miền Nam liên kết với Hoa Kỳ (Liên Bang Mỹ Quốc), mặc dầu tình trạng quốc tế tranh nghị, nước Pháp chấp nhận sự có mặt của sinh viên học bổng của VNCH hay của chính phủ Pháp, và ngay cả những sinh viên không học bổng tự chi phí xuất dương, nhất là sau cuộc tiến công cộng sản nhân dịp Tết Mậu Thân (1968). Nếu năm 1962, có 6 853 người Việt (như đã nói trên), năm 1975 (trước Sài Gòn thất thủ), đồng bào chúng ta trú ngụ tại Pháp lên đến 14 196, theo Bộ Nội Vụ.

Thời kỳ thứ ba (mà cũng là thời kỳ cuối) bắt đầu ngày 30 tháng 4 năm 1975 (thất thủ Sài Gòn), mà cũng là thời kỳ trong đó Pháp quốc đã đón nhận hơn 200 000 dân di cư phần lớn từ những nước miền Đông Nam Á. Phần chủ yếu trong tổng số này gồm những tị nạn rời bỏ các nước Miên, Lào và Việt Nam sau khi Cộng sản đặt quyền lực thống trị trong ba nước thuộc cựu Đông Pháp. Nói riêng về đồng bào chúng ta : và theo bản thống kê của “France-Terre d’asile” (Nước Pháp-Đất Nương Náu của Người Tị Nạn) : giữa 1975 và 1990 có đến 43 000 người Việt tị nạn (một phần ba của tổng số chung) phân phối trong thời gian qua nhiều giai đoạn : 7 600 giữa 1975 và 1977 ; 14 700 giữa 1978 và 1980 ; 23 000 người Việt di cư từ VN (trong đó có lẽ 20 700 được có tư cách tị nạn) giữa 1981 và 1990. Kể từ ngày Sài Gòn thất thủ cho đến năm 1983, phần lớn những người tị nạn này là những cựu thuyền nhân (boat people). Ngoài ra, những chuyến đi thực hiện theo “Chương Trình Tổ Chức Xuất Hành” (ODP) được chính phủ Hà Nội chấp thuận (từ tháng 7-1978 đến cuối năm 1980 và từ 1980 việc

xuất ngoại được thực hành theo chính sách đoàn tụ gia đình do chính phủ Pháp đề cao.

Từ 1991 đến 1994 : chỉ có 3 300 người Việt trên 3 700 tị nạn Đông Dương tại Pháp. Lý do ? Những chính sách hạn chế do cuộc thương nghị tại Genève 1989 quyết định với mục đích lựa chọn kỹ càng những kẻ đạt tới những trại tị nạn đặc biệt họ có thật hay không là “những người tị nạn chính xác”. Vì thế cho nên chỉ 8 phần 100 những người thỉnh cầu mà thôi mới được công nhận được tư cách tị nạn. Hiện giờ (chúng ta đã nói trên), tổng số đồng bào di cư và định cư tại Pháp vào khoảng 200 000 mà trong đó 45 000 tại vùng ngoại ô lân cận thủ đô và 18 000 ngay trong nội thành Paris (không gồm trong thống kê này những đồng bào đã được vào quốc tịch Pháp và Việt lai - Âu Á : Eurasiens). Nhưng vấn đề hội nhập xã hội Pháp có dính líu đến tất cả những người Việt di cư rồi định cư tại nước này và những người Việt có quốc tịch Pháp (Pháp gốc Việt) hiện sống trên đất người.

II. Phương diện xã hội học và văn hóa của di cư và định cư Việt nam tại pháp (Từ hội nhập đến tư cách công dân)

Trong cuộc thảo luận tiếp theo thuyết trình tại Hàn Lâm Viện Khoa Học Hải Ngoại Pháp (số 15, đường La Pérouse, Paris Quận 16) về “*Les naufragés de la liberté*” (Những Kẻ Trảm Luân của Tự Do), diễn giả Michel Tauriac trả lời như sau về một câu hỏi đến vấn đề đồng bào định cư

muốn hội nhập (intégration) xã hội Pháp : *Sự hội nhập xã hội của di cư định cư Việt Nam trên đất Pháp là một thành công lớn. Đôi khi ta có thể nói là có sự đồng hóa (assimilation), và như ông Tổng trưởng đã nhấn mạnh trước đây, sự thật là người Việt bị cầu xé giữa hai nền văn hóa. Họ có một chân trong mỗi nền văn hóa. Dầu sao họ cũng cảm thấy sung sướng trên đất Pháp. Trong tôi cũng có một phần người Việt Nam như quý vị đã biết. Người Việt không ở trên đất Pháp như mọi người khác ở đất xa lạ, như mọi người khác ở Hoa Kỳ, hay Úc, vân vân. Pháp quốc, đối với họ, là một chút như sự tiếp nối của quê hương xa xăm, dưới một hình thức khác. Sự hội nhập này đã thành công mặc dầu cái sợ, cái lo âu của họ có thể bị mất gốc rễ và sự lo ngại thấy con cái ngày mai sẽ thoát khỏi gia đình. Đó là một chuyện rất thường bởi vì con cái sẽ tự lấy tự do, con cái họ được sinh ở Pháp, chúng lập gia đình đôi khi với người Pháp, dù muốn dù không, bởi vì những kết hôn cha mẹ định trước vẫn còn, ở đây cũng như ở Việt Nam...* (V. Mondes et Cultures, Comptes Rendus Trimestriels des Séances de l'Académie des Sciences d'Outre-mer, Tome LIX - 3 - 4 - 1999, Tome - 1 - 2000, p. 300).

Nhà thuyết trình ở Viện Hàn Lâm hôm ấy nói rất đúng khi ông nhắc nhở đến sự thành công của người Việt trong sinh sống hòa hợp với xã hội Pháp. Vì chuyện đồng bào chúng ta (thế hệ thứ hai) hòa hợp với xã hội Pháp (theo Michel Tauriac) là một chuyện tự nhiên ! Trong thực tế, ta nên lấy một thái độ dè dặt hơn...

Muốn hiểu rõ sự thật, trước hết ta phải lấy hết sức định nghĩa chữ “hội nhập xã hội

Pháp” một cách sáng suốt, nhưng chuyện đó không phải là dễ. Theo Hội Đồng Tối Cao về Hội Nhập (Haut Conseil à l’Intégration) : Việc hội nhập (intégration) có thể nói là một đường lối trung bình giữa sự đồng hóa (assimilation) và sự xen nhập (insertion). Như thế có nghĩa là trong hội nhập, ta phải làm thế nào để những thành phần muôn mặt và khác nhau phải gia nhập tích cực vào cuộc xây dựng xã hội nước Pháp, nhưng cùng một lúc ta phải thừa nhận tất cả sinh hoạt của những đặc tính văn hóa, xã hội và luân lý và công nhận là một lẽ dĩ nhiên rằng toàn thể (xã hội Pháp) được phong phú thêm nhờ những biến hóa, những tính tình phức tạp ấy.

Câu hỏi quan trọng đã nêu lên : Đồng bào ta có cần phải dứt khoát với gốc rễ quê hương để hòa nhập xã hội nước người ? Như André Frossard đã viết : *“Câu trả lời rất đúng cho một câu hỏi rất đúng là một câu hỏi khác, và một vấn đề được giải quyết là một vấn đề đặt lên một cách sai lầm : điểm cuối của bất cứ bài diễn văn nào đáng chú ý là một chấm hỏi ”*... Như vậy, câu trả lời khôn khéo cho câu hỏi này sẽ là một câu hỏi khác : *Sự hội nhập của những kẻ tha hương nói chung và của người Việt nói riêng vào xã hội Pháp có cần đi đến sự công dân hóa bằng cách xin nhập quốc tịch Pháp ?* Trong một bài xã thuyết đăng trong “Le Việt-Nam au Présent”, tr. 194-207, th. 10-1992, nhà xã hội học Lê Hữu Khóa trích nhà văn Dương Thu Hương đã viết

trong một tự bạch : *“Dân tộc ta đã chết hàng triệu lần trong cái chết”*, đã cho vài lời chú giải như sau : *“Theo Dương Thu Hương, dân tộc Việt Nam biết rằng tha chết còn hơn sống. Và ngày nay, để học lại cách sống, họ phải học cách trọng lẽ phải và sự công bằng”*... và tiếp tục : Với hai chữ Sự Thật, Công Bằng, phải thêm hai chữ khác nữa để dành đặc biệt cho cộng đồng người Việt : Trung Tín và Khoan Dung. Lê Hữu Khóa nhấn mạnh vào chữ TRUNG TÍN (Loyauté) bởi vì chúng ta, người Việt Nam, chúng ta phải trung tín với nước Pháp đã chiêu đãi, đã cho chúng ta một cơ hội may mắn để làm lại cuộc đời, trong khung cảnh một Quốc Gia kính trọng pháp quyền và tự do cá nhân. Nhà xã hội học kể lại chuyện ông Tô Hữu, Phó Thủ Tướng và phụ trách văn phòng Thư ký Đảng Cộng sản, đã nói một cách trắng trợn, trong cuộc đàm luận về vấn đề cộng đồng VN nhập quốc tịch Pháp : (xin trích) *“Chữ ‘passeport’ dịch ra tiếng Việt bằng Hộ Chiếu. Nếu chúng ta chỉ giữ lại chữ cuối cùng ‘chiếu’, chữ này có nghĩa là ‘tám chiếu’, mà người ta có thể trải ra, cuộn lại, giữ gìn hoặc vứt bỏ”*. Tô Hữu muốn nói - từ cái tí dụ này và theo cách phỏng dịch nôm na của ông - rằng một khi người định cư được nhập quốc tịch của nước chiêu đãi, việc này chỉ tóm lại thành một tờ giấy. Đâu có gì quan trọng nếu sau này họ muốn thay đổi hay từ bỏ quốc tịch ? Và nhà xã hội học Pháp gốc Việt nổi giận : *“Chúng ta không chấp nhận cái thái độ gian lận này, chúng ta có bốn phận đối với quốc gia đã nòng hậu đón tiếp chúng ta, đã cho chúng ta đủ mọi cách để làm lại một cuộc đời mới. Chúng ta phải hành diện được nhập quốc*

tịch Pháp cũng như chúng ta hãnh diện là những công dân Việt Nam”. Tôi xin sửa lại, vì thật ra ông muốn nói : ... *cũng như chúng ta hãnh diện là những công dân Pháp gốc Việt !*

Cùng theo một quan niệm và nhân dịp nói đến Pháp quốc là một nước đã nồng nhiệt tiếp đón (tôi đã nhấn mạnh chuyện này tại Viện Hàn Lâm trong buổi họp ngày 03-03-2000) hàng ngàn “những kẻ trầm luân vì tự do”, tôi xin nhắc lại rằng lúc bấy giờ, trong những năm 1976 và kế tiếp, dưới thời các chính phủ Jacques Chirac và Raymond Barre, những kẻ tị nạn VN tại Pháp (sau khi Sài Gòn thất thủ) đã được chính quyền Pháp nâng đỡ tận cùng. Tôi còn nhớ hồi ấy, Tổng Thống Giscard d’Estaing đã ra chỉ thị cho công chức Hành Chánh phải làm cho thuận tiện (dễ dàng), đơn giản và mau chóng thủ tục gia nhập quốc tịch Pháp cho người tị nạn. Sau khi Bắc Việt thôn tính Nam Việt vào tháng tư 1975 và kế theo là thảm kịch của những người vượt biển (đi tìm tự do), đồng bào chúng ta có thể được quốc tịch Pháp trong một thời gian ngắn : 6 tháng, 9 tháng hoặc lâu nhất là một năm. Tôi đã giúp đỡ nhiều đồng bào trong việc làm thủ tục giấy tờ... và nhân dịp này muốn nói lên lòng biết ơn của người VN đối với chính quyền Pháp.

Sự hội nhập xã hội nước người của đồng bào VN là một thành công, bởi vì những kẻ cựu tị nạn đặt chân trên đất Pháp vào những năm giữa 1954 và 1975, toàn là sinh viên, trí thức hay làm thương mại, đã không

ngần ngại sấn vào những địa hạt chuyên môn và khoa học, cũng như những ngành y khoa - dược khoa, và yêu chuộng học thức trước tất cả, thể hệ này qua thể hệ khác. Trả lời một câu hỏi của tôi trong buổi đàm luận tại Hàn Lâm Viện Khoa Học Hải Ngoại chiều ngày 03-03-2000 về tổng số người Việt tại Pháp, nhà văn và ký giả Michel Tauriac cho biết : “... *Tôi có thể nói : vào khoảng 1 triệu người. Tại sao ? Hãy mở Minitel và tìm kiếm họ ‘Nguyễn’ - xem như một thứ ‘Dupont’ của Việt Nam - thì quý vị sẽ thấy họ này khắp mọi nơi ở Pháp, trong tất cả những thành thị, trong tất cả những quận huyện. Quý vị sẽ biết tại Pháp có chừng 4 000 bác sĩ y khoa Việt Nam và hơn 2 000 xi khoa y sĩ và dược sĩ, nhưng đối với dân Pháp, tất cả người Việt là người Tàu và tất cả đều là chủ cao lâu...*” Sử học gia Philippe Devillers hiện diện hôm ấy có thêm vào danh sách này những chuyên nghiệp điện tử, hoặc trong ngành “informatique” (có nhiều người Việt rất tài giỏi) và các nhà khảo cứu khoa học lừng danh... Tôi tin chắc là nhờ giáo lý của Khổng tử, hơn là Phật giáo và Đạo giáo, những cựu tị nạn nay định cư tại Pháp đã theo đuổi học hỏi và rèn luyện trí thức đến tận cùng... Phần đông đã thành công (nhất là trên mặt kinh tế) và đó là một cách trả ơn xứng đáng của người Việt cho Pháp quốc đã đón tiếp nồng hậu những kẻ “trầm luân của tự do”. Hơn nữa, tinh thần hỗ trợ gia đình đã thoa dịu những vết thương của đồng bào trú ngụ tại Pháp bị thất nghiệp trong những năm 1980. Thành thử, mặc dầu đời sống khó khăn, trong cộng đồng Việt Nam tại Pháp, không có người nào bị thân thuộc ruồng bỏ phải sống sót bên lề

đường... Trong những giai đoạn khủng hoảng, tất cả thị tộc thiết lập lại dưới mái nhà cùng dòng họ : thanh niên Việt thất nghiệp được cho ở trong nhà của cha mẹ, đến lượt cha mẹ già được sống êm dịu những ngày hưu trí trong nhà con cái, cháu chắt chứ không phải nương náu cô quạnh trong nhà dưỡng lão. Sự phụng thờ tổ tiên trên đất khách luôn đi đôi với sự tôn kính và biết ơn người lớn tuổi. Trong giao dịch, nếu (đôi lúc) có sự chống đối giữa những người định cư thuộc thế hệ thứ nhất thắm nhuần Nho giáo và những thanh thiếu niên thuộc thế hệ thứ hai (sinh tại Pháp) tôn trọng nhân quyền và thắm nhuần chủ nghĩa cá nhân Âu Tây, sự tương phản về tư tưởng này không bao giờ đưa đến đoạn tuyệt. Bởi vì các bộ lão Việt Nam cũng không quên bài học “Trung Dung” của Đạo Khổng, cho nên không phản đối trước thái độ rất tự do cá nhân của những người trẻ tuổi thuộc thế hệ thứ hai.

Trong bài diễn văn tiếp đón hân hoan nhà văn Hector Bianciotti vào Hàn Lâm Viện Pháp ngày 23-07-1997..., bà Jacqueline de Romilly đã nói với ông Hàn lâm mới được bầu : *Một ngày nào đó, đến trú ngụ tại Paris để phục vụ văn chương, ông đã không do dự sinh sống theo Pháp ngữ, suy tưởng và nằm mơ trong ngôn ngữ này. Ông có thể mượn câu sau của Supervielle áp dụng cho mình : Tôi làm tỉnh bằng tiếng Pháp.* Nota : Jules SUPERVIELLE :

Poète et romancier français (Montevideo 1884-1960 Paris) né en URUGUAY de parents d'origine basque... Đó là một tí dụ rất đẹp của hội nhập của kiều dân vào xã hội Pháp : Hector Bianciotti là một nhà văn gốc Argentine, di dân định cư tại Pháp từ hơn ba thập niên và được nhập quốc tịch Pháp năm 1981 ! Tác giả nhiều sách bằng Y Pha Nho, ông đã lựa chọn sáng tác bằng Pháp ngữ từ 1985 và được bầu vào Hàn Lâm Viện Pháp (ghế của André Frossard) năm 1997 : Đó là một danh dự tối cao của một kiều dân ở Pháp ! Đồng bào chúng ta có cần phải cắt đứt với nguồn gốc quê hương để hoàn toàn hội nhập xã hội nước người ? Tôi không trả lời được cho câu hỏi này (như đã nói trên). Nhưng đề tưởng nhớ tới nghìn vạn người vượt biên đã bỏ mình cho Tự Do, tôi xin trích mấy dòng sau này của Siegfried, với mục đích dâng tặng đồng bào định cư khắp năm châu, trong dịp đầu Xuân Nhâm Ngọ 2002 : “*Le premier immigré demeure, sa vie durant, un homme de son pays d'origine*” (Người kiều dân đầu tiên vẫn suốt đời là một người của quê hương xứ sở mình). Ghi chú.- André SIEDFRIED (1875-1959) : Economiste et sociologue français, Professeur à SC.PO (1911) et au Collège de France (1933) - Académie Française en 1944.

Lê Mộng Nguyên

*Pr-Docteur d'État en droit et science politique, lauréat de l'Université Paris I-Panthéon Sorbonne, membre de l'Académie des Sciences d'Outre – m

NÉT XUÂN PHỔ ĐÀ

Lê văn Trạch

Sự có mặt của ngôi chùa Việt Nam tại hải ngoại ngoài chức năng làm nơi nương tựa tâm linh, hoằng dương và bảo vệ chánh pháp của hàng Phật tử, còn là một trung tâm gìn giữ và truyền thừa văn hóa dân tộc.

Tết Nguyên Đán là một lễ hội quan trọng bậc nhất trong năm, thời điểm mà tất cả các nghi lễ và phong tục tập quán truyền thống được thể hiện để mọi người có cơ hội biểu lộ lòng thành của mình, đồng thời có cảm giác như được sống chan hòa với tổ tiên huyết thống.

Thấu hiểu ý nghĩa sâu xa và tầm mức quan trọng đó, chùa Phổ Đà thành phố Memphis tiểu bang Tennessee đã tổ chức đón Tết mừng Xuân, trong sự kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn giữa Đạo pháp và văn hóa dân tộc trên căn bản Pháp Tứ Trọng Ân và Đạo Lý Ân Nghĩa.

Một năm sinh hoạt và tu học được khép lại bằng những sự kiện nổi trội tạo ấn tượng tốt đẹp trong lòng người - cột mốc quan trọng qua 15 năm xây dựng và phát triển. Sự thành công đó ngoài nỗ lực của Chư Tăng Ni và Phật Tử, còn là sự độ trì của Già Lam thánh chúng, sự hỗ trợ của vong linh khuất mặt, cùng sự phò hộ của Đất Trời. Chùa đã thiết lễ Tất Niên bái tạ

tất cả, kết hợp với lễ tiễn Chư Thiên và thí thực cô hồn.

Buổi lễ diễn ra trong không khí thật trang nghiêm và cảm động. Chư Tăng Ni Phật tử cùng nhất tâm đánh lễ bày tỏ lòng tri ân - qua một năm bình yên với sự tu tập tinh chuyên có nhiều chuyển biến khích lệ.

Lễ tiễn Chư Thiên mà dân gian gọi là Đưa Ông Táo về Trời là một phong tục tốt đẹp có từ ngàn xưa... Hai mươi ba tháng Chạp các vị này về Thiên đình tường trình mọi sự việc trong năm và sẽ trở lại để tiếp tục công việc sau một tuần lễ.

Lễ đón Chư Thiên được diễn ra vào chiều 30 kết hợp với Sám Hối để rửa bỏ mọi tội lỗi, đồng thời cho tâm được thanh tịnh chuẩn bị đón chào năm mới.

Sau đó, chùa duy trì truyền thống tốt đẹp hằng năm bằng một tiệc trà thân mật để mọi người bày tỏ hết những tâm tình sâu lắng còn đọng lại sau một năm tu học... Những ưu tư, những băn khoăn về phương thức sinh hoạt, những bức xúc trong giao tiếp, quan hệ, cùng những gấn bó thân thương đã được trình bày một cách thực lòng, cởi mở.... qua

những nụ cười, những giọt nước mắt xúc động, cái ôm cảm thông...

Mọi người đều phấn chấn trong Đêm Trừ Tịch này, có điểm phúc ngồi bên nhau để được nghe và chia sẻ trong âm cúng Đạo Tình... Những việc tưởng đơn giản, nhưng không phải ai và ở đâu cũng có được...

Buổi tiệc trà được tiếp tục bằng tiết mục vui tươi ca hát rồi trở lại Chánh điện làm lễ đón Giao Thừa. Ba hồi chuông trống Bát Nhã khởi lên đánh dấu thời điểm linh thiêng nhất, khoảnh khắc giao mùa để chuyển qua một năm dài trước mặt. Những người hiện diện vinh dự được hái lộc đầu tiên, cùng trao cho nhau những lời chúc tụng.

Sáng Mồng Một trời xối mưa tầm tã nhưng không ngăn được dòng người tấp nập về chùa. Có những người ở thật xa, có những người lần đầu tiên đến, từ cháu bé mấy tháng tuổi đến bà cụ trên 80, tất cả với khuôn mặt rạng rỡ trong trang phục nhiều sắc màu tạo nên không khí tung bừng cho ngày hội...Chánh điện như họp lại bởi Phật tử ngồi san sát...

Sau nghi lễ Vía Đức Di Lặc, Thầy trụ trì thay mặt Chư Tăng Ni ban lời chúc Xuân với niềm mong ước mọi người luôn giữ Tâm được nhẹ nhàng, Thân được bình an, hàng tuần về chùa nuôi dưỡng chăm sóc hạt giống Bồ Đề ngày càng phát triển vững chắc.

Nét Xuân thực sự thể hiện khi mọi người tay bắt mặt mừng với nhau, chúc nhau những lời tốt đẹp nhất, hình như ai nấy đều quên đi những rối rắm đời thường, đang tận hưởng những phút



Hình ảnh tạo sự chú ý và gây xúc động nhất là các cháu nhỏ với áo dài truyền thống tung tăng, nhón chân hái lộc hoặc nhận bao lì xì. Sự kiện đơn giản này mang tính giáo dục cao và để lại trong lòng các cháu dấu ấn tốt đẹp về truyền thống dân tộc để sau này khi lớn lên chính các em nhỏ này sẽ là những người tiếp tục giữ vững nét văn hóa Việt Nam nơi xứ người.

Bên cạnh những vui chơi cho giới trẻ là bàn xin xăm trước bệ thờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Mỗi một người có nhu cầu cung kính quý xuống thành tâm cầu nguyện để có được quả tâm tốt, giúp họ củng cố niềm tin hoặc có phương cách bảo hộ

để cá nhân và gia đình an tâm trong cuộc sống.



Ngôi chùa trong dịp Tết có một cảnh quan thật trong lành và thanh tịnh, đến đây chúng ta tận hưởng mọi hương hoa của Đạo và Đời. Thầy Trụ Trì, Quý Sư Cô và Đại chúng đều chan hòa với nhau trong đậm nét tình yêu thương, chia sẻ và dung nạp năng lượng để chế tác hạnh phúc tạo sự an nhiên cho cả năm dài lặn lội với cuộc sống cũng là dịp nhận lấy mang về hạt giống an lạc để ương trồng, tưới tắm cho dù bốn mùa thay đổi ta luôn luôn có niềm hy vọng và nét Xuân trong lòng...

**"Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai"**
(Thiền sư Mãn Giác)

*Lê văn Trạch
(Chùa Phổ Đà, Memphis, TN)*

CHIẾC ÁO TÔI

chiếc áo tôi mẹ mang ngày tháng cũ
theo con đi từng góc biển chân trời
khi bão bùng hay gió rét mù khơi
con ấm áp trong chõ che tình mẹ

con khác chi chú gà con nhỏ bé
dưới cánh xò êm ái mẹ bao dung
lũ điều kia đành chịu đói tăng không
con lớn giữa bài ca dao mát rượi

ai lên ngàn ai rút mây về chẻ sợi
lá đùng đình tí mi việc chăm đan
để một thời thân thiết với dân gian
mưa nắng thủy chung ruộng đồng sát cánh

sẽ một ngày chẳng còn ai biết đến
áo đơn sơ như mộc mạc tình người
ước đem thân làm khô ráo cuộc đời
dáng quê kệch ai chê cười cũng mặc

con ở đây một phương trời xa lắc
mùa đông về bão tuyết lạnh lùng bay
áo tôi xưa hoài niệm mãi dăng đầy
trong tâm tưởng thiết tha hình bóng mẹ.

Nguyễn Vô Cùng

ĐẠI HỘI TRÙNG PHÙNG THẾ GIỚI LẦN THỨ VIII

Của Hội Ái Hữu

CỰU HỌC SINH TRUNG HỌC VĨ TRƯỜNG TOÀN

Tại nhà Hàng Harvest Moon, Falls Church VA, Oct. 22, 2016

Phát biểu của G.S. Phạm Trọng Lệ

Tôi rất lấy làm vinh dự được Ban Tổ Chức Đại Hội, qua lời mời của anh Đặng Quốc Trung, cựu học sinh VTT 1967-1974, cho tôi có vài lời phát biểu với tư cách là một cựu giáo sư VTT trong những năm 1965-1973, trước cử tọa gồm các cựu học sinh, cựu giáo sư, và thân hữu của trường, trong kỳ Đại Hội lần này, và cũng là dịp kỷ niệm 60 năm ngày trường thành lập. Từ ngày đầu khi mới thành hình, niên khoá 1955-1956, trường chỉ có 3 lớp đệ thất, nhận học sinh có điểm đậu kế tiếp bằng trúng tuyển vào Trung học Pétrus Ký; nhưng qua nhiều năm, trường mở rộng từ đệ nhất cấp lên đệ nhị cấp thành một trung học ưu tú với 40 lớp từ đệ thất đến đệ nhất.

Vài thí dụ: Ba năm liền, dưới sự hướng dẫn của ô. Hiệu trưởng Đỗ Hữu Nghĩa, với các g.s. như Đỗ Hữu Minh, Hà Văn Bửu và chúng tôi, Phạm Trọng Lệ, học sinh VTT trong 1970-1971-1972 trúng giải thưởng Hùng biện Anh ngữ toàn quốc do Hội Việt Mỹ và Bộ Giáo Dục tổ chức, hai lần giải nhất, một lần giải ba: Học sinh Võ Tá Chúc lãnh giải nhất Hùng biện năm 1970, và học sinh Trần Đình Hưng đoạt giải nhất

Hùng biện năm 1971. Hai học sinh này sau được học bổng sang học tại đại học công nghệ Massachusetts Institute of Technology thường gọi tắt là MIT, một trường nổi tiếng về khoa học và kỹ thuật. Một thí dụ nữa là học sinh Phạm Minh Tâm, VTT 1961-1968, người Việt Nam đầu tiên khi đang thụ huấn tại Trường bộ binh Thủ Đức, được chọn sang theo học tại trường võ bị lục quân West Point, tốt nghiệp khóa 1974, cùng khóa với David Petraeus, người sau này trở thành vị tướng 4 sao chỉ huy quân đội Mỹ và Đồng Minh tại chiến trường Afghanistan.

Tất cả những gương thành công trên, tuy tiêu biểu và có thể phiến diện, vì chỉ nhìn qua mắt một người dạy một môn học (Anh văn)—nhưng chúng tỏ thành quả xuất sắc của học sinh VTT đã làm rạng danh ngôi trường được mang tên vị danh sĩ Võ Trường Toản của đất Gia Định. Hơn nữa, ngôi trường tọa lạc ở số 11 Nguyễn Bình Khiêm, Saigon, lại có vị trí thích hợp kế bên Thảo Cầm Viên, Viện Khảo Cổ, và trường nữ trung học Trung Vương, để mỗi khi tan trường, những tà áo dài phát phơ sau xe

đạp hay xe vélosolux, một hình ảnh lãng mạn, rất có thể gây nguồn cảm hứng cho các chàng nam sinh, phản ánh qua những đoạn văn hay bài thơ trong nguyệt san VTT.

Xin có vài lời cùng các cựu học sinh VTT. Các anh nay đều là công dân Hoa Kỳ, sau những gian lao ban đầu—có người phải vượt biên, vượt biển—mạng sống có lúc treo trên sợi tóc—rồi những ngày tị nạn ở đảo, rồi khi sang bên này, thời gian đầu có người ngày đi làm, tối còn trau giồi thêm Anh ngữ; nhưng với ý chí sẵn có—ý chí sắt đá của những học sinh đã từng khổ công học thi vượt qua các cửa ải Tú Tài I, Tú Tài II, hay đã được huấn luyện trong các quân trường, nay dùng ý chí phấn đấu đã được tôi luyện, để thi vào, hay xin vào, những công tư sở Hoa Kỳ, có người làm việc chuyên môn, có người làm việc chân tay, trong thời tiết lạnh giá, rồi ai cũng từ từ tuân tự tiên thủ. Là công dân của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, các anh đã vượt qua những khó khăn, góp phần tham gia với hàng triệu người di cư tị nạn khắp nơi, trong hàng ngàn công việc khác nhau, các anh có thể tự hào là đã “trả ơn” xứ Mỹ đã mở rộng vòng tay đón nhận các anh và gia đình vào miền đất mới thành công dân mới trong cộng đồng mới.

Các anh có thể tự hào với sự góp công của người bạn đường, những năm đầu tuy chật vật nhưng rồi “thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn”—từ việc chăm sóc, theo dõi phiếu điểm của

con cái, từ tiểu học elementary school lên sơ trung middle school, rồi cao trung high school, từ các kỳ thi như PSAT, SAT, IB rồi khi các cô cậu lên đại học, vợ chồng lái xe thăm các con mang theo thực phẩm, rồi đều đặn ký check trả học phí, đôi khi còn ký check trả tiền phạt cô cậu lái xe quá tốc độ giới hạn. Tất cả những điều ti-mỉ trên là để nhắc đến công lao chia sẻ của những “unsung heroes”—anh hùng, hay đúng hơn, anh thư không được nhắc đến công lao—tôi tạm dùng từ ngữ này, để chỉ những “nàng dâu VTT”. Người Mỹ có câu: Đằng sau một người đàn ông thành công là một người đàn bà đảm đang. “Behind every successful man there is a woman”.

Nhưng câu này chưa hoàn toàn đúng: Đằng sau—hay phải nói *bên cạnh* -- một người đàn ông Mỹ gốc Việt là một người đàn bà tay cầm quạt phe phẩy cho ông chồng mát. Nhưng chiếc quạt ấy, nếu xếp lại, sẽ thành một chiếc “giáo quạt” nghĩa là thành một ngọn roi ngắn, một vật có thể “quạt cho một quạt bậy giờ,” nếu ông chồng sai quấy...Nhưng tôi tin chắc với truyền thống Á Đông của các bà mẹ nhân từ Việt Nam, chiếc giáo quạt, sau khi đã được xếp lại, chỉ để răn đe mà thôi.

Cám ơn Ban Tổ chức, toàn thể quý vị tham dự, và xin chúc Đại Hội thành công.

Phạm Trọng Lệ
(cựu GS. Võ Trường Toản)

VỀ CUỐN “TRÙNG TRÙNG DUYÊN KHỞI”

Kim-Vũ

Cuốn sách được bắt đầu vào tháng 3 năm 2016 và bản thảo đầu tiên hoàn tất ba tháng sau đó.

Duyên khởi là do những sự kiện bạo động diễn ra trong lãnh thổ do ISIS kiểm soát.

Suốt trong lịch sử triết học phương Tây, người ta đều có khuynh hướng cho rằng con người bao giờ cũng vươn tới những cái tốt lành trong suy nghĩ và hành động. Ngay cả trong thời Đức Quốc Xã hay thời Cộng Sản, con người cũng tự thuyết phục mình và thuyết phục người khác là việc mình làm hướng tới tiêu chuẩn chân thiện mỹ và đúng theo như lý.

ISIS làm trái ngược hẳn với quan niệm tưởng như vĩnh cửu đó. Phụ nữ bị coi như súc vật hay hàng hoá để mua bán. Di tích lịch sử bị tàn phá không thương tiếc. Người không phải Hồi giáo, và ngay cả những người Hồi giáo nhưng không theo cách nhìn của những người tự cho mình là chính giáo, bị hành hạ, thiêu sống, vv... Tất cả nhân danh Allah. Vậy mà có những thiếu nữ đã sẵn sàng từ bỏ đời sống yên lành ở phương Tây, tìm về cái xứ sở quái dị đó để nhận làm vợ những kẻ xả bỏ thân mình cho cái lý tưởng nằm ngoài sự



hiểu biết của những con người bình thường như chúng ta.

“TRÙNG TRÙNG DUYÊN KHỞI” ra đời, trong một thời gian ngắn đến nỗi chính tôi cũng phải ngạc nhiên.

Tóm tắt, tôi không hề nghĩ ra cái gì mới. Tôi chỉ tổng hợp những gì tôi thu nhận trong khoảng 40 năm, do sự tò mò tri thức mà thôi, và sự tu học rất ngắn, từ năm 2010, theo cách riêng của tôi.

Những tài liệu căn bản mà tôi dùng làm căn cứ là các kinh điển Nguyên Thủy cũng như Đại Thừa Phật Giáo và cuốn “ĐẠI THỪA BÁCH PHÁP MINH MÔN LUẬN” của Thế Thân (Vasubandhu), một luận sư, cũng là một vị Tổ Thiền, sống vào khoảng thế kỷ thứ bốn hoặc năm Tây Lịch. Ông đã nêu ra tất cả 100 pháp bao trùm toàn bộ hiện tượng giới, nhưng quan trọng nhất là nhân sinh giới, để giúp con người hiểu được chính mình và từ đó, có thể giải trừ phiền não và sống trong an lạc.

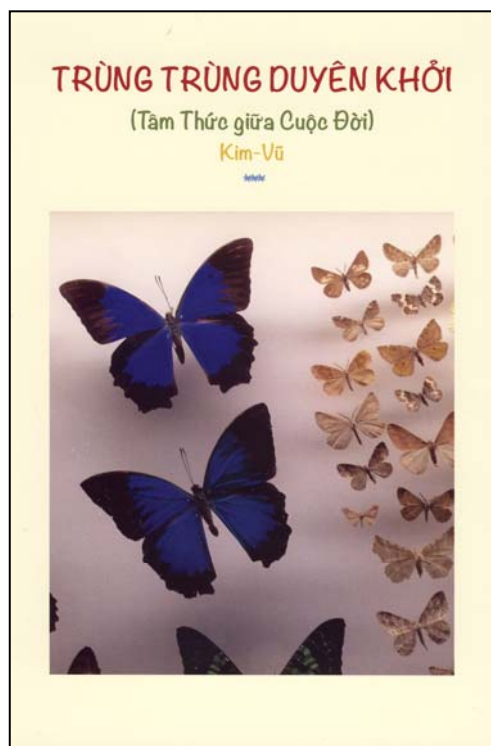
Con người nằm trong một của hai trạng thái tâm linh: MÊ, hay TỈNH. Mê là khi ta bị chi phối bởi mọi loại phiền não, và dĩ nhiên là do đó mà khổ. Cái khổ không tự đến từ bên ngoài mà do từ chính TÂM ta. Nhưng cũng do TÂM ta, mà ta có thể chế ngự phiền não để bước tới an vui tự tại. Thế Thân đã đào rất sâu vào các khía cạnh thiên hình vạn trạng của PHIÊN NÃO để giúp ta hiểu thấu và tránh xa.

Tôi cũng nêu ra nhận định khá “liều lĩnh” là toàn bộ nền triết học phương Tây cũng đều hướng tới những mặt này khác trong bách pháp của Thế Thân mà thôi. Nhưng mỗi triết gia chỉ đề cập tới một khía cạnh mà chưa nhìn thấy toàn bộ. Và nền khoa học phương Tây, cả cho đến mức độ cao vời nhất là lý thuyết dây, cũng đã xuất hiện chỗ này chỗ khác chỉ qua phương tiện độc nhất của bậc thánh nhân xưa là quán chiếu tự thân.

Cuối cùng, quan trọng nhất và cũng khó thuyết phục nhất, mọi thứ đều phát xuất từ TÂM chứ không hề từ VẬT, hoặc dùng một thuật ngữ khác là SẮC. Đây là xuất phát điểm then chốt, theo tôi, cho cái gọi là LÝ THUYẾT BAO TRÙM (the Theory of Everything hay TOE).

Cuốn sách quá mỏng mà muốn nói quá nhiều điều, nên dĩ nhiên là cần phải triển khai hoài. Nó có tác dụng như một cái “khung sườn” triết học. Mong quý độc giả góp ý thêm.

Liên lạc:
vumanhphat@gmail.com



NHỮNG CÁNH HOA MÀU HỒNG PHAI

Nguyễn Mây Thu

Màu xanh của cỏ là một thảm nhung êm, rơi lên trên ấy một vài cánh hoa màu hồng nhạt. Những cánh hoa nhẹ thưa lúc ban đầu với một vài hạt sương còn đọng, e dè, khép nép như tình mới, rồi thì vẫn rơi đều đặn để trở thành một chiếc áo dày. Chiếc áo màu hồng phai phai như áo cô dâu mà Diễm hằng ưa thích.

Khu vườn đó mỗi ngày, Diễm đã nhìn ngắm biết bao nhiêu lần. Chiếc áo làm bằng những cánh hoa màu hồng ấy nằm chết trên nền cỏ mượt, như cánh tay của người yêu dấu từ ngàn xưa trở về phả chút hương hơi để vỗ về, âu yếm, vuốt ve cho Diễm nghiêng vai thơm mái tóc, mà cũng là một nương náu chỡ che cho tâm hồn bé bỏng của Diễm chỉ như những sợi tơ mong manh dễ đứt. Từ buổi sáng tinh mơ, những giọt sương còn mỗi mê ngủ vùi trên phiến lá non, nụ hồng còn khép, bẽn lẽn, để rồi sẽ nở bung ra như một lời kêu mừng. Như tiếng thảng thốt của anh Duy gọi khi Diễm tới trước hiên nhà, đôi mắt sáng, nụ cười tươi và trái tim cùng đập nhịp reo vui. Vậy mà cũng có những mùa gió chướng để cho hoa tàn rụng. Sao vậy nhỉ?

Diễm cất tiếng gọi tên Duy nho nhỏ. Có biết vì sao đâu mà xa Duy. Duy thẳm lặng, Duy dịu dàng, và đôi khi Duy cũng muốn chơi trò mưa đựng tim để cho lòng mình đầy bão tố. Thách

thức làm chi Duy ơi, với tình yêu ngây ngô của Diễm. Còn nhớ một buổi tối nào đó le lói ánh đèn chiếu qua khung cửa sổ, dưới tàng cây mạn nhà ai thoang thoang hương hoa, những đóa hoa màu trắng. Tay Diễm đan trong từng ngón tay Duy, hơi thở Duy thơm nồng :

- Sao phải dạy «người ta» học tennis?
- Tại vì nể bạn mình nên phải dạy!
- Đâu ai bắt Duy phải dạy, «người ta» tự học chứ!

- «Người ta» nhờ thì mình dạy, có mất mát chi đâu!

- Ngó bộ «cô ấy» hớp hồn Duy rồi đó!

Rồi im lặng bủa vây, Diễm không muốn nói thêm một lời nào nữa, vẫn biết Duy trêu đùa nhưng sao cái gì như mũi kim châm chích tê tê trong lồng ngực, và buồn ngầy ngật. Diễm mang một cảm giác lâng lâng mơ hồ, cách gì rồi đây Diễm cũng xa Duy. Sao Duy không có tình mà hiểu để tận hưởng những tháng ngày còn có nhau trong tay Duy. Cho ngàn về sau nếu có nhớ thương cũng sẽ làm tô màu thêm trên kỷ niệm đẹp và êm đềm... Bây giờ Diễm đã ở bên ngoài thêm đời Duy rồi có thấy? Cách gì, đâu Duy có gọi kêu hay trở về, tiếc nhớ băng quơ, Diễm vẫn ở một nơi nào xa vắng...

Trên con dốc nghiêng nghiêng này, người ta trông, rào phía bên ngoài khu vườn đầy gai nhọn của một thứ hoa nhiều xót xa. Dưới kia là một khoảng sân tennis rộng. Diễm lặng lẽ đứng nhìn

những cánh hoa rơi rụng, nhìn họ vui đùa với nhau trong sân, ngoài nắng, dưới kia... lòng bất nghĩ tới một màu áo nào của Duy năm xưa đã trôi xa. Có mát mát làm chi đâu, hở Duy? Tình yêu như bóng mặt trời soi mỗi ngày, mà Duy thì lặng lẽ âm thầm như bóng đêm, khuất chìm và lẫn trốn, biệt biệt ở một phương trời nào kiếm tìm. Ở đây, mùa thu vẫn rơi mênh mang từng chiếc lá đỏ vàng, mùa đông vẫn ru xôn xao từng cơn gió ngời ngời tuyết trắng, mùa hạ vẫn êm đềm dịu dàng mùi hương lilas tím ngát và mùa xuân vẫn tươi vui rộn ràng khoe muôn sắc màu, đua chen biết bao loài hoa xinh thắm làm sao xuyên hồn người. Nhưng cũng ở đây, trên đôi mắt đã hằn sâu vết chân chim, đôi bàn tay đã hệt hững buông rời đôi bàn tay, Diễm mang theo cùng với tháng ngày dài một đời sống rất thờ ơ, cô liêu quanh quẩn. Kỷ niệm lại tràn về che kín tâm tư, làm sắt se lòng Diễm hơn bao giờ hết. Thương nhớ ơ hờ rồi hờn giận vu vơ. Chạnh nhớ tới kỷ niệm lần đầu gặp nhau, bài thơ Duy chép tặng vào năm mười bảy tuổi. Tuổi của thời mới lớn hồn nhiên vô tư nhiều mộng mơ, say đắm yêu đương lẫn hẹn hò...

«Trái tim cô đơn

Cho tôi chọn người yêu là nỗi buồn.

*Nỗi buồn nở những đóa hoa hạnh phúc,
hương bay dịu dàng.*

Trái tim cô đơn

*Giọt mưa đêm khuya và hoang vắng
xé chiều.*

Tôi đi hay là tôi đứng lại,

Cúi đầu rồi ngước mắt,

*Cầm tay rồi đứng lại nhìn, thiên đường
riêng tôi mưa bão.*

Trái tim cô đơn

Mùa xuân đang mang lá úa.

Vết chân nào qua đó khói sương.

Người đã đến hay người chưa đến ?

*Tôi ngoảnh trông đồng xanh phù sa
của mình.*

Còn lại đây trái tim cô đơn...»

Bài thơ Mười Bảy Tuổi của Ngọc Cẩm đó Duy. Thời gian tuy có phôi pha nhưng kỷ niệm nào của Diễm và Duy cũng là một điều trân quý, nó sẽ được nằm ở một nơi sâu kín gìn giữ mãi trong tim không thể xóa nhòa.

Những hạt nắng lung linh không ngừng rơi chiếu qua khung cửa sổ, tựa tay vào chiếc bàn thấp đặt trong gian phòng nhỏ, Diễm đưa mắt nhìn ra xa bên kia bờ tường cao, nhô lên một vài khóm cây lá bạc vừa mới chớm nụ trong mùa xuân, rồi sẽ vươn lên từ đó những chiếc lá xanh mịn màng. Diễm chợt nghĩ tới một đời trẻ thơ, cất tiếng khóc cười, lớn dần theo năm tháng, vui với đời, sầu với tình, rồi già cõi đi mà chết. Bắt đầu, trưởng thành, và chấm dứt. Ừ, thì dầu có chết cũng đành. Nhưng Duy ơi, những cánh hoa màu hồng phai dần có rơi, cũng sẽ chẳng bao giờ kết nối nên một chiếc áo, để riêng khoác lên trên đời Diễm. Một đời rục rờ, ngỡ ngàng như chiêm bao trong tình yêu Duy hắt dẫu.

Nguyễn Mây Thu

(Cournonterral, 04-01-2017)

A BRAND NEW DAY

Rest your head and close your eyes
Everything will be okay
For when you wake with the sweet sunrise
It will be a brand new day

Turn down the lights and pull me close
Feel only the beating of our hearts as we lay
For when you wake with the soft
morning breeze
It will be a brand new day

Relax your body and caress my soft hair
Let all of life's worries melt away
For when you wake with the warm
summer scent
It will be a brand new day

Fall fast asleep and dream with me
Whisper "I love you, I'm here to stay"
For when we wake in each other's arms
It will be a brand new day.

Author: **AENI**

NGÀY MỚI

Tựa đầu an giấc đi em
Chuyện đời rồi sẽ êm đềm trôi qua
Tình mơ thức giấc ngọc ngà
Một ngày mới sẽ cùng ta đón chờ.

Nằm đây trong ánh đèn mờ
Ôm sát nữa để chỉ nghe tim mình
Ban mai gió nhẹ mơn man
Lại một ngày mới vừa sang đây rồi.

Nghi đi, vuốt tóc em mềm
Đề bao phiền muộn tiêu tan khỏi hồn
Hương mùa hạ đánh thức anh
Lại một ngày mới chúng mình với nhau.

Ngủ ngon anh nhé, mơ nhiều
Thâm thì lời nhỏ, tình yêu mãi đầy
Rồi thức giấc trong vòng tay
Một ngày mới , lại một ngày cho ta.

THU LÊ phỏng dịch (8/22/12)



BỤI ĐƯỜNG PHỐ NÚI

Bút ký Ảnh

Phạm Bá

Trong hai tuần lễ cuối hè vừa qua, chúng tôi có việc gia đình phải trở lại thành phố



Albuquerque, thường được gọi là An Quốc Kinh, nơi đã cứu mang nhóm người tỵ nạn 75 chúng tôi đến định cư lập nghiệp ngay từ những ngày đầu được đặt chân lên miền Đất Hứa - Tháng Năm 1975.

An Quốc Kinh được mệnh danh là "Land of Enchantment" của tiểu bang New Mexico, nơi chưa một lần cư dân chúng tôi ở đây phải đối diện với những thảm họa của thiên nhiên trong suốt hơn 40 năm hòa nhập vào dòng chảy của nước Mỹ; nghe nói, cũng là nhờ rặng núi phía Đông trong đó có ngọn Sandia cao nhất, chặn gió ngăn bão đổ về thành phố nằm dưới thung lũng về mùa đông. Dù là một thành phố thuộc vùng sa mạc trên cùng một dải đất với Arizona, về mùa hè khí hậu tuy khô nhưng nhiệt độ chưa bao giờ lên đến "ba con số" như ở Arizona và về mùa đông lại là nơi trượt tuyết lý tưởng, ngay trên đỉnh ngọn Sandia, cách nhà chúng tôi không tới 5 dặm đường.

Trong địa dư, Sandia có tên đẹp như thế đấy nên sau này người ta lấy tên đặt cho một sòng bài nằm trên giao lộ bắc nam I-25 và đông tây I-40: *Sandia Casino*, một sòng bài có tầm cỡ và cũng là một tụ điểm của du khách thế giới vào Mùa Khinh Khí Cầu (Balloon Fiesta) vào tháng mười hàng năm. Casino Sandia hoành tráng nghênh ngang như thách đố nằm giữa vùng sa mạc nghèo nàn bên cạnh dòng Rio Grande có đôi khi cạn nước. Nhưng cũng chính nơi này đã "vùi dập" nhiều gia đình cư dân tỵ nạn có máu đỏ đen, trong đó phải nói tới một người tôi quen biết, sau nhiều ngày đêm "chiến đấu" không ăn không ngủ, anh ta gục chết ngay tại bàn sò phé. Ghê gớm thiệt!

Giới thiệu với bạn đọc bằng giọng "thờ than" đôi chút thể thôi, nhưng chúng tôi không sao quên được hàng tuần vào tối Thứ Sáu, mỗi khi trở về sòng bài chốn cũ, thường rủ nhau đi ăn "*All You Can Eat*" đồ biển nghêu sò cua ốc hến nấu theo kiểu Latin Nam Mỹ không chê nổi...mặc dù chúng tôi đã rời An Quốc Kinh từ hơn mười năm qua và đang sống với đại gia đình tại Maryland nơi nổi tiếng miền East Coast với blue crab - Ghẹ xanh. Ghẹ Maryland mẩy và ít tanh hơn "ghẹ An-Nam" ta... Tôi nói thật đấy! vài ngày trước khi trở lại

Albuquerque, chúng tôi đã làm một châu ghẹ xanh tưởng như muốn ngập



thờ. Nhưng khi đến Sandia vào chiều Thứ Sáu, chúng tôi không thể từ chối lời mời của bạn bè đánh chén một bữa đồ biển tại đây. Hết ý bạn ạ !

Nhưng các bạn ơi! Trong những chuyện bụi đường, tôi không thể không nhắc đến một sự kiện chính mình đã phải đối diện...Thực là một "thao tác thiếu văn hoá mất vệ sinh" của ai đó không thể tưởng tượng nổi khi bước vào Men's Room khá lịch sự... Ngay trong bồn tiểu đứng, "một đồng vàng khè" nằm chình ình trên tấm lưới...Tôi không tin vào mắt mình...Lúc ấy nhiều người bước vào, chửi thề tùm lum...quay ngoắt ra ngay. Tôi vội móc iphone bấm một pô để ghi dấu một "chứng tích lịch sử" trong chuyến đi. Sau chợt nhớ tới lời các cụ nói ngày xưa, nằm mơ thấy "phân" sẽ gặp nhiều may mắn, nay không phải là nằm mơ

mà là thấy sự thực, chắc hẳn phải may hơn... Do đó, tiếp nối bước chân níu kéo của bạn bè, tôi thử thời vận rủi may...Ai dè, có "dzái" cũng có linh...thần Indian Casino chiêu khách phương xa ngay cú hích đầu tiên...Như bạn thấy, một hình ảnh tuy "tội lỗi" nhưng "sun sướn làm sao"... Chẳng cần lý giải. Vì cũng chỉ là "bụi đường gió núi" mà thôi.

Sau mười ngày lo xong việc gia đình bên ngoại, chúng tôi vội bay lên Denver. Mặc dù Albuquerque là một thành phố thương mại của tiểu bang NM nằm sát ngay dưới Denver thuộc bang Colorado, nhưng chúng tôi chưa từng đặt chân tới đây dù cho có người thân mời mọc lên chơi nhiều lần. Vì người vùng sa mạc không mấy thích lên chơi "miền thượng du". Hơn nữa vào những ngày đông tháng giá, tuyết ở NM cũng chẳng thua gì tuyết ở Denver. Đó là điều nhiều người không hay biết. Đơn giản có thể thôi. Nhưng lần này, từ vùng đại dương sông nước East Coast, chúng tôi phải làm một chuyến cho biết, như các cụ



chúng ta hồi xưa đã dạy: "Đi cho biết đó biết đây; Ở nhà với "vợ" biết ngày nào khôn ..."

Nhưng thời gian lưu lại Denver quá ngắn, chỉ tròn hai ngày. Em gái tôi hướng dẫn chúng tôi qua một vài tỉnh lỵ nhỏ: Central City và Black Hawk City cuối cùng là vùng mỏ Idaho Springs.



Theo dấu bụi đường ...

Đọc theo xa lộ I-70 rẽ vào đường 119 Rd đến Central City với cư dân chưa tới một ngàn người và Black Hawk City với diện tích lãnh thổ chưa bằng 2 dặm vuông với dân số có hơn 100 người nhưng lại là hai nơi có nhiều Casino nhỏ nhỏ xinh xinh, trông chỉ như một tiệm ăn lớn. Nhưng cũng làm nhiều người sút đầu mẻ tai, các bạn ạ... Sinh hoạt cuối tuần ở đây cũng khá tấp nập, chừng 20 ngàn du khách đến đi mỗi ngày. Nhích lên phía trên là thành phố mỏ Idaho Springs với dân số chưa



đến 2000 là đã đến nhà máy đãi vàng *ARGO – Gold mine & Mill thuở xưa*, nay là một di tích lịch sử của Denver.

Cạnh nhà máy là một thác bạc khá cao với dòng nước nhỏ chảy đều xuống Water Mill phía dưới. Water Mill này

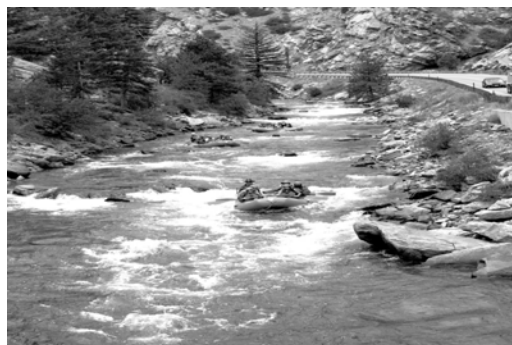
được dựng lên từ năm 1800 nay đã qua mấy trăm năm tro gan cùng tuế nguyệt như một chứng tích của kỹ nghệ đãi vàng ngày xưa.

Bây giờ xin mời bạn đọc cùng chúng tôi ghé Tiệm *Beaujo's Colorado Style Pizza* .- Gia đình em tôi lập nghiệp ở Denver đã mấy chục năm. Về mùa hè

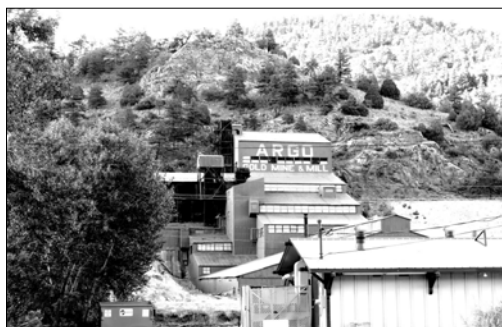


cả gia đình thường kéo nhau lên núi chơi cuối tuần nên biết rõ lịch sử và phẩm chất Pizza của tiệm bánh đã có một bề dày lịch sử (?). Dĩ nhiên tiệm rất ư là cổ lỗ sĩ, từ thời còn dân làm mỏ vào ăn, trong ngoài trông rất “đen đúa” như thiếu lau chùi sơn phết. Ấy vậy mà tiệm lại rất đông khách... Chúng tôi bốn người phải đứng chờ chừng 20 phút mới có bàn trống. Cô em dành phần khoản đãi chúng tôi một bữa Pizza thật “hoành tráng” mà có lẽ trong suốt hơn 40 năm sống trên đất Mỹ, tôi chưa từng chi trả như thế. Chiếc bánh loại Extra Large, tưởng là to lắm nhưng không ngờ quá nhỏ, mỏng re dù có rất nhiều toppings rắc lên trên mà những tên gọi tôi chưa từng được nghe nói đến... món nào cũng phải tính thêm tiền cho khách. Giá sau cùng tính ra là \$71us chưa kể tiền tip...Tất cả lên tới \$80. Chúng tôi ngẩn tò te... Chẳng thấy ngon hơn Pizza ở Costco hay Pizza Hut tí nào...Có lẽ mình thường ăn bánh xèo, ít khi ăn Pizza nên không biết thưởng thức. Rõ là quê một cục!

Trên đường trở về Denver, bất chợt chúng tôi gặp một đoàn Rafting chừng bốn năm chiếc bè nổi cao su đang lướt trên Clear Creek sát đường 119 Rd, mỗi bè do khoảng 6, 7 thanh niên đang hợp lực cùng nhau chèo lái chiếc bè đang lao trên dòng suối nông đầy đá, nước trong veo không một cọng rác.



Nhiều khi, bè vừa vượt qua một tảng đá lớn, bị hất tung lên gần như bị lật, chiếc bè như muốn quay ngang. Lúc này những tay thể thao gia lại phải gồng hai cánh tay lực lưỡng khéo léo lái cho bè phải theo xuôi dòng chảy xiết. Ngoạn mục quá ! Thú đam mê mà!... nhưng cũng nhiều rủi ro khi bè bị lật, khiến đầu dễ bị đập vào đá dù cho có đội mũ an toàn...Tôi chả dám rờ đến thứ này ! Mình đâu còn trẻ nữa...



“Quán Gió” bên đường...



Trời đã về chiều, sau bữa Pizza phổ núi, chúng tôi lại quay về Denver dù cách không bao xa. Bất chợt thấy một Quán Bên Đường cô đơn lặng lẽ một



mình, tôi muốn vào để coi xem họ bán thứ gì vì thấy chữ OPEN. Chú em tôi cứ để chúng tôi thoải mái ra vô. Chừng đến khi bước vào, thấy phòng lounge vắng khách chỉ có một bộ sa lông và cô bán hàng niềm nở bước ra chào đón chúng tôi, tôi mới giật nảy mình: thì ra đây không phải là Quán Ăn mà là "Quán... Gió". Lúc đó chú em mới giải

thích cho tôi nghe, đây là một trong nhiều Dispensary - Trạm Y Tế với dấu

Thập Tự Xanh treo ngoài cửa, cùng với biểu hiệu mái nhà *Green*...rất khác lạ. Nơi đây chính là trạm dừng chân của dân đi chơi núi ngày hè hay trượt tuyết về "nghỉ ngơi thư giãn"... Rõ ràng là mình, tuy là từ thủ đô tới nhưng ngỡ ngẩn quá chừng! Đâu hay biết, Colorado là tiểu bang được sử dụng *Green Leaf* tự do...

Bây giờ chú em tôi mới bắt đầu dẫn giải cho tôi biết dấu hiệu *Thập Tự Xanh* và hai chữ *Green Leaf* hoặc *Sweet Leaf* trên những tấm bảng quảng cáo khắp nơi trong thành phố. Mà hình như tôi chỉ bắt gặp ở những con đường ngoại ô ngập bụi đường gió núi như trong hình.

Đây là một quảng cáo khá rõ nét được đặt ngay nơi góc giao thông xa lộ I-25 North và I-25 South, với hàng chữ *Marijuana Centers* nhỏ xíu ngay phía dưới chỉ vào một Quán Bên Đường.





Trên cùng một con phố, lại thêm một “Quán Gió bên đường” nữa với hàng chữ MED 18+ và REC 21+. Tôi thật không hiểu gì hết ! Qua câu giải thích của chú em, tôi được rõ: Med 18+ có nghĩa là từ 18 tuổi trở lên được quyền vào quán mua *Green Leaf* để sử dụng nếu có toa của Bác Sĩ; còn REC 21+ có nghĩa là từ 21 tuổi trở lên được ra vào quán thư giãn tự do. Chữ Rec là chữ tắt của chữ Recreational. Mà tôi tạm dịch là thư giãn.

Dispensary với dấu *Thập Tự Xanh* là Trạm Y Tế hay Trung Tâm ...hiện diện ngay tại một khu buôn bán khá sầm



uất của Denver. Dưới hàng chữ *Sacred Seed* là hình tượng Phật đang ngồi “tham Thiền nhập Định”. Linh nghiệm quá đi thôi...

Thấy xe đậu đầy ngoài parking lots, chúng tôi mạnh dạn bước vào Quán. Hẳn nơi này nhiều người khi đến Denver đều đã đi qua.

Những điều người viết ghi nhận nơi đây chỉ là những thông tin để góp thêm sự tìm hiểu một vấn đề nhạy cảm trong một xứ tự do mà không phải là một quảng cáo hay là “vẽ đường cho hươu chạy”. Vì thực ra chẳng vẽ đường thì khi đói, hươu cũng biết phải tìm đường đi kiếm hoa trái mà ăn...

Tần ngần trước trung tâm, thấp thoáng thấy vài ba du khách nối tiếp ra vô, chúng tôi mạnh dạn bước vào lounge của trung tâm. Lounge là một phòng trống duy nhất chỉ có một sofa cũ nát đặt trước một tranh treo với vòng tròn 12 con Giáp Tây Phương; dưới là một pho tượng Phật đang ngồi Thiền cho ra vẻ đây là một trung tâm Yoga.

Cô quản lý chùng ngoài ba mươi tươi cười chào đón chúng tôi. Vì mình cũng hơi khờ một tí nên để cho an tâm, tôi tự giới thiệu mình là du khách từ tiểu bang xa tới vì được nghe nói những người bị Glaucoma Cao Áp Huyết Mắt, đái đường hay tâm bệnh ...v.v... có thể sử dụng loại *Green Leaf* này để chữa trị, cô ta vui vẻ trả lời và

cho chúng tôi thêm nhiều tài liệu về Sacred Seed này. Thực ra hỏi thế thôi. Chứ mục đích là chúng tôi muốn vào được đây để biết sinh hoạt sống của Trung Tâm ra sao. Điều mà Mít ta ít ai nghĩ tới..

Qua ngăn cửa kính, chúng tôi thấy có nhiều phòng nhỏ bên trong và cũng



có nhiều khách đang phì phèo... hàn huyên. Thấy chúng tôi, họ giơ tay chào rất thân thiện, chắc nghĩ là cùng fan. Sau khi trao đổi với cô quản lý, cô cho chúng tôi được chụp hình thoải mái, trừ việc không được quay phim và ghi âm. Cảm ơn cô đã cho chúng tôi đôi phút tìm hiểu về Trung Tâm. Khi chúng tôi sửa soạn ra cửa thì lại có một cặp, như là vợ chồng, tốt tướng, da dẻ hồng hào, độ trên 40, bước vào tươi cười với

chúng tôi. Họ mở cửa bước vào bên trong có lẽ là khách hàng thường xuyên. Còn khách mới như chúng tôi muốn vào bên trong, phải ghi danh và để lại căn cước. Thôi ! mình chả muốn như thế đâu ...

Khách ra vào trong giờ lunch hay dinner như thể ra vào một tiệm ăn. Vì đây là một sinh hoạt hợp pháp ở Colorado được chính phủ công nhận. Nhưng cũng cần ghi nhận thêm là, mua bán Green Leaf thì tự do nhưng không được trồng tỉa trong tư gia đâu nhé! Công việc trồng tỉa loài "*Hoa Lá Quý*" này lại là một dịch vụ khác, cũng như không ai được phép mang ra khỏi lãnh thổ Colorado nếu không muốn ngồi đếm lịch...Luật lệ Mỹ là thế! Chẳng nên đùa với lửa

Sau hai ngày vội vã thăm viếng Thành Phố Núi Denver, chúng tôi tính phải mua một vài thứ kỷ niệm cho con cháu. Vội ghé vào một tiệm bán đồ lưu niệm; chẳng có gì đặc biệt mà chỉ toàn là áo thun in hình phố núi Denver. Bất chợt lại nhìn thấy một mannequin đang mặc chiếc áo thun in hàng chữ "*KEEP CALM, You're JUST HIGH*". ...

Thôi! đành phải lắc đầu bỏ đi ... Bước ra tay không ...Ngước mặt nhìn trời *Xanh*: xin một lần được phủi tay để khỏi lấm "*Bụi Đường Phố Núi*"...

**Phạm Bá
2016**

CHIẾC CẦU ĐỊNH MỆNH

Phong Thu

Ông Môn, Chủ Tịch Xã, sáng sớm đã dẫn đến trường An Dân một người đàn bà lạ và giới thiệu:

“Hiệu Trường Nam, tôi đưa bà Kimberly Nguyễn đến đây gặp ông để bàn chuyện xây một cái cầu bắc qua sông cho học trò đi học.”

Ông Nam đang ngồi trước chông giấy tờ cao nghệu thấy khách vào thì lật đật đứng lên mời:

“Ô! Ông Chủ Tịch Môn. Ông đã đến rồi thì mời ngồi. Chào bà. Mời bà ngồi. Xin lỗi bà tên gì?”

Người đàn bà lạ mỉm cười thân thiện:

“Tôi tên Kimberly. Tôi đến để tặng nhà trường một khoảng tiền nhỏ xây cầu cho các em.”

Giọng ông Nam vui hẳn lên:

“Hôm nay mới hân hạnh được gặp bà. Tôi đã nhận được thư của bà cách đây ba tháng. Cảm ơn tấm lòng tốt của bà. Đó là ước nguyện của tất cả học sinh trường chúng ta và mọi người sống trong làng này.”

Bà Kimberly tươi cười và nhìn quanh. Văn phòng Ban Giám Hiệu vẫn như xưa, nghèo nàn, xơ xác. Ngoài ba cái bàn gỗ đã cũ mèn, ba cái tủ đựng trong góc nhà đựng hồ sơ, bốn chiếc ghế dài dành cho giáo viên ngồi và một cái ghế cho ông Hiệu Trường thì chẳng

có gì đáng giá. Ngôi trường là hai dãy nhà tranh vách đất xiêu vẹo với những hàng ghế bằng tre dành cho học trò ngồi. Bà Kimberly thở dài:

“Hơn hai mươi năm, người xưa không còn. Việt Nam đã có nhiều thay đổi. Nhiều nhà lầu, xe hơi mọc lên khắp hang cùng, ngõ hẻm. Chỉ có ngôi làng này vẫn nghèo nàn và ngôi trường này vẫn hoang tàn, xơ xác. Tôi đã trở về theo nguyện ước của một người. Có gì đâu mà phải cảm ơn.”

Ông Môn, Chủ Tịch Xã ngạc nhiên hỏi:

“Nguyện ước của một người. Ai vậy bà?”

Người đàn bà nhìn ông Môn thật lâu và hỏi:

“Ông là Nguyễn Văn Môn, học trò của thầy Huy phải không?”

Ông Môn đưa hai bàn tay chai sạm vuốt cằm. Ông không trả lời ngay mà hỏi ngược lại:

“Sao bà biết tôi là học trò của thầy Huy?”

Bà Kimberly chậm rãi nói:

“Chắc em đã quên tôi rồi phải không? Tôi là cô giáo Nhung của hai mươi năm về trước đây.”

Ông Môn nhìn người đàn bà một lúc lâu và sau đó hét to lên:

“Trời! Cô giáo Nhung đó sao. Em không nhận ra cô nữa. Bây giờ cô vừa mập, vừa sang trọng. Ôi trời ơi! Sao cô

còn nhớ chôn hoang vụ này mà trở về thăm chúng em.”

Ông Nam cũng đứng bật dậy. Hai mắt ông mở to đầy niềm vui:

“Em không ngờ gặp lại cô sau hai mươi năm xa cách. Cảm ơn cô còn nhớ đến cái làng nhỏ nghèo nàn và đám học trò lam lũ như chúng em.”

Bà Kimberly cảm động nói:

“Nam à! Cô đã đọc trên liên mạng và biết ngôi làng này từ khi cô rời xa quê hương cho đến nay vẫn chưa xây nổi một cây cầu cho các em đi học. Các em vẫn đu dây qua sông. Các em vẫn lội bì bõm trong những ngày dòng sông cạn nước. Và nhiều em đã té từ trên cao xuống chết để dòng nước cuốn trôi như những đám lục bình.”

Ông Nam nắm tay bà và ân cần nói:

“Thưa cô, sau cái chết của thầy Huy, em vẫn ao ước được bước theo con đường của thầy. Em và gia đình vẫn nhớ ơn cứu mạng của thầy cô. Nhất là mơ ước xây một chiếc cầu nhỏ bắc qua sông. Chúng em không ngờ, vị ân nhân đã gọi tiền xây cầu lại là cô.”

Bà Kimberly rung rung nước mắt:

“Cô trở về vì thấy hình của em trên mạng đang cố gắng giúp các em nhỏ qua sông. Nam à! Hình bóng của em thấp thoáng trong tâm trí cô nhắc cho cô nhớ đến cái chết của thầy Huy.”

Ông Nam xúc động nói:

“Cô à! Ai cũng biết thầy là vận động viên bơi lội. Thầy cứu rất nhiều học sinh và dân làng té xuống sông. Thầy bơi giỏi lắm. Nhưng vì sao thầy

chết? Nếu không cứu hai anh em của em thì thầy đâu có thiệt mạng. Chúng em rất đau lòng.”

“Việc cứu người là trách nhiệm của mọi người. Huống hồ chỉ các em là học trò của thầy cô. Các em đâu có lỗi gì. Hai mươi năm rồi. Bây giờ cô muốn nhắc lại câu chuyện bí ẩn về cái chết của thầy Huy. Cô biết ai đã giết thầy, nhưng không có bằng chứng. Và kẻ mà cô tình nghi giết thầy Huy hiện nay đang nắm giữ một chức vụ quan trọng trong Tỉnh.”

Ba chung trà nóng được rót ra trong ba cái tách bằng sành còn bốc khói. Ba cô trò gặp nhau tràn đầy tâm sự. Họ kể cho nhau nghe chuyện xóm làng, quê hương và những nỗi nhọc nhằn, khổ ải của kiếp làm người. Giọng bà Kimberly bùi ngùi khi nhắc đến chuyện ngày xưa...

Mùa hè năm 1995...

Căn nhà tập thể vắng lặng. Tất cả giáo viên đã về quê nghỉ hè hơn một tuần qua. Trong trường chỉ còn lại cô giáo Nhung. Cô vẫn còn một số công việc chưa giải quyết nên nán lại để lo cho xong. Nhung đã hứa với đám học trò sống bên kia bờ sông nhỏ rằng nàng sẽ thuyết phục ông Chủ Tịch Xã cho xây một chiếc cầu bắc qua con sông để các em đi học không còn phải lội nước đến trường. Con sông nhỏ cách trường tiểu học khoảng một cây số. Mùa nắng, dòng sông cạn dần và những đũa học

trò bé bỏng phải xắn quần lên tận háng để lội qua. Mùa mưa, nước từ trên những cánh rừng đại ngàn, xa xôi chảy ngược triền dốc đổ xuống ào ạt làm cho nước sông dâng cao. Những ngày bão tố, dòng nước như một con quái vật. Nó cuồng nộ, uốn mình cuốn trôi tất cả những nhánh cây khô mục nát và cả những cây lau sậy nằm dọc hai bên bờ. Đám học trò nghèo ham học đã phải lội bộ từ nhà đến trường dưới những cơn mưa tầm tã, hay những ngày nắng nóng rát cả da thịt. Những bóng dáng nhỏ nhoi, đáng yêu đó đập vào mắt nàng một niềm thương mến, xót xa. Tuổi thơ của nàng chìm ngập trong bom đạn. Nàng đã chứng kiến cảnh đạn bom cày nát xóm làng, tiếng súng, máu và nước mắt, chia ly và thù hận. Ngày nay, nhiều villa xinh xắn mọc lên cách xa ngôi trường làng chỉ hơn năm cây số. Nhưng tuyệt nhiên không ai quan tâm để ý đến những ngôi trường mục nát ở những vùng cao, vùng xa trên toàn quốc. Hàng ngày, báo chí vẫn nói về những đứa trẻ hiếu học phải đu dây để bay qua sông như biểu diễn xiếc để đến trường tìm con chữ. Nhiều em đã bị té xuống sông và bị nước cuốn đi chết chìm dưới dòng sông. Người ta sống dửng dưng, thản nhiên như chuyện thường tình ở thế kỷ “mac-ke-no”. Nàng về đây và chứng kiến cái đói thường xuyên hiện diện trong cuộc sống của đồng nghiệp của nàng và của người dân sống quanh nàng. Nàng mơ ước được xây một chiếc cầu nhỏ bắc qua sông để những con

chim non đôi rách, đáng thương của nàng mỗi ngày không còn chìm mình dưới dòng sông lạnh lẽo để đến trường. Nàng muốn thấy các em nam sinh được mặc những cái quần tươm tất, và các em gái mặc những bộ quần áo xinh xắn đến trường. Nàng vận động ông Hiệu Trưởng ủng hộ nàng viết văn thư xin kinh phí sửa lại trường học đã mục nát và xây một chiếc cầu. Nhưng ba năm rồi mọi việc vẫn rơi vào lãng quên. Nhiều phụ huynh học sinh thỉnh thoảng hỏi nàng thì nàng chỉ biết thở dài.

Mỗi buổi chiều, Nhung thường đi bộ dọc ra bờ sông để tâm hồn được khuây khoả đôi chút. Nhung lang thang một lúc trên những ngọn đồi đầy hoa mai dại và cuối cùng lạc vào quán Lạc Yên. Quán gần hồ sen nên thu hút nhiều khách vắng lại. Hôm nay, quán vắng vẻ vì cuối tuần công nhân đã đi về quê thăm nhà, hoặc đi ra tỉnh thành rong chơi. Quán dựng bằng tre nứa, mái lợp lá trung quân. Bên trong treo nhiều bức tranh sơn dầu đủ màu sắc trông hoang dã, thơ mộng như miền sơn cước. Nắng chiều đã tắt và mặt trăng tròn, to vành vạch đang nhô lên từ cánh rừng đen sậm xa xa. Nàng tìm một chiếc ghế trống và ngồi nhìn dòng nước ướt đẫm ánh trăng đang lăn tăn gợn sóng. Nàng gọi một ly nước chanh và phóng tầm mắt ra nhìn vào bóng đêm. Nhung uống từng ngụm nước chanh. Nàng cảm thấy khoan khoái và dễ chịu đôi chút. Cái nóng hừng hực của tháng sáu đã dịu lại. Uống hết ly nước chanh, nàng kéo cao cổ áo

bước ra khỏi quán. Bóng nàng nhỏ nhoi rơi trên lối đi ngoằn ngoèo mờ ảo dưới ánh trăng.

Khi nàng rẽ vào một con đường nhỏ hơn dẫn vào trường, một bóng đen lờ mờ theo sau nàng. Hấn đi thong thả im lặng rất lâu. Nhưng hơi sợ sệt vì nàng có linh cảm chuyện gì đó sẽ xảy ra. Tim nàng đập thật mạnh. Hai thái dương bồng bồng một luồng hơi nóng. Nàng cố bước đi thật nhanh như chạy và không dám quay đầu lại nhìn. Chiếc bóng chợt biến mất. Nhưng Sau đó lại hiện ra trước mặt nàng. Cái bóng của một người đàn ông tóc dài ngang vai, mái tóc đàng trước che gần hết nửa khuôn mặt. Hấn đứng giang hai chân ra chắn cả lối đi. Hấn khoanh tay và nhếch miệng cười. Nàng chỉ thấy nụ cười đầy bí hiểm của hấn ẩn chứa sự tức giận, thù hận và đầy ganh tị. Nàng đi thụt lùi lại và run run hỏi:

“Sao ông cản đường tôi? Ông muốn gì?”

Hấn hứ lên một tiếng và giọng nói của hấn như con hổ gầm lên nghe chất chúa:

“Cô làm bộ, làm tịch không biết tôi sao? Mươi Thọ đây. Tôi vừa mới vượt ngục về. Cô có nghe chuyện con trai tôi bị chết đuối dưới con sông kia không? Nó có tội gì mà phải chết oan vì phải lội suối đi học. Rồi bọn khốn đó còn bắt tôi nhốt tù vì tôi kiện chúng ra toà án Huyện vì chúng cướp đất của tôi. Tôi ở tù, vợ tôi bị đuổi khỏi công ty. Nhà bị san bằng. Bây

giờ cô về đây làm bộ cho xây cầu làm gì hả? Cô muốn lấy điểm cho mấy thằng khốn nạn của Tỉnh này sao?

Nàng run giọng:

“Tôi đâu có biết chuyện con ông chết chìm ở dưới sông. Tôi chỉ nghe thôi. Cũng chính vì không muốn các cháu chết chìm nữa nên tôi mới...”

Giọng hấn ngắt lời nàng:

“Tôi yêu cầu cô nên uỷ công trình xây dựng cây cầu ở dòng suối đó. Thứ nhất là nó kinh động làm vong linh con tôi tui hồ. Tại sao các học sinh khác có cầu để mỗi ngày đi học. Còn con gái tôi mỗi ngày phải cõi quần áo đội lên đầu rồi lội qua suối để đến trường. Nó bị nước cuốn trôi và chết. Bất công, quá bất công.”

Hấn nghiền răng ken két và hét lên thật lớn như tìm được đối tượng để trả thù đời. Hấn lù lù tiến về phía nàng. Nàng muốn chạy nhưng hai chân cứng như hai khúc gỗ. Toàn thân nàng toát mồ hôi vì sợ hãi. Hấn chồm tới nắm hai bờ vai nàng bằng đôi tay to lớn và bóp chặt. Nàng kêu lên:

“Ôi! Ông buông tôi ra. Buông tôi ra...”

Mặt hấn áp sát mặt nàng. Đôi mắt đầy đau thương oán hận loé lên tia sáng của sự đắc ý. Hấn muốn bóp nát ai đó dưới đôi bàn tay của hấn. Hấn nghĩ rằng nếu giết nàng thì vụ án có thể được người đời chú ý. Nàng cố vùng vẫy thì hai cánh tay của hấn như hai gọng kềm càng khoá chặt lại. Hai chân nàng bủn rủn. Bờ vai đau đớn tột cùng như bị ai nghiền nát. Nàng quy xuống. Đúng lúc

đó, một bóng đen cao lớn, thủ pháp nhanh nhẹn đã xuất hiện sau lưng hắn. Hắn chột rú lên một tiếng và ngã vật sang một bên. Bóng đen tung thêm một cú đấm và một cái đá cực mạnh khiến toàn thân nặng nề của hắn lăn tròn xuống bờ cỏ bên cạnh. Chiếc điện thoại di động vang lên tiếng kêu cấp cứu. Qua ánh sáng chớp chớp của chiếc điện thoại di động, nàng nhận ra khuôn mặt Huy, Hiệu Trưởng trường An Dân đang ngồi bên cạnh. Đôi mắt chàng đầy lo âu đang nhìn nàng chăm chú. Nàng ngất đi trong cánh tay chàng.

Khi nàng thức giấc thì bên ngoài đã có nhiều tiếng lao xao:

“Cô Nhung đã tỉnh rồi.”

“Ôi! Cái thằng cha Mười Thọ này. Ông ta muốn trả thù thì phải đi kiếm mấy ông cán bộ có chức quyền ăn cướp đất, cướp nhà của ông ta mà trả thù. Ai dờ đi hại cô giáo Nhung. Hết biết luôn. Đồ ngu như lợn.”

Một giọng nói khác:

“Kỳ này chắc ông ta ở tù rục xương.

Người đàn ông gầy gò trong chiếc áo lam xen vô:

“Hồi đó tôi tội nghiệp và thương ông ta. Còn bây giờ là hết thương nỗi rồi.”

Tiếng thở dài của một bệnh nhân gần bên vang lên bên tai Nhung:

“Con người bị dồn ép, bị áp bức lâu ngày thì sẽ trở thành một kẻ hung bạo. Ngày xưa ông ta hiền như cục đất”.

Nàng lắng nghe hết nhưng vẫn làm bộ nằm yên. Nàng mở mắt nhìn căn quanh phòng một màu vôi trắng muốt.

Trên chiếc bàn nàng đặt cạnh giường nàng là những cánh hoa dại được cắm đầy trong một bình hoa làm bằng vỏ cây. Những đĩa bánh ngọt còn thơm mùi đường cát và một ít cam, mít, ổi ai đó đem vào chắt đầy trên một cái đĩa bằng sành to lớn.

Nàng định tung chăn ngồi dậy. Nhưng đầu hơi choáng váng, hai vai còn đau chưa cử động được. Nàng lại nằm vật xuống. Có tiếng hắng giọng từ phòng bên cạnh và Huy xuất hiện. Chàng mỉm cười nhìn nàng và giọng chàng vang lên thật êm ái:

“Cô bị ngất và đã ngủ vùi hơn 20 tiếng đồng hồ.

Nàng hốt hoảng:

“Sao tôi ngủ lâu vậy. Còn học trò tôi thì sao?”

Huy phì cười:

“Cô hoảng sợ quá rồi quên sao? Bây giờ đang mùa nghỉ hè. Bạn bè đã về quê chơi hết. Còn cô không nhớ nhà sao? Cô ở đây làm chi cho khổ thân. May mắn là tôi trở lại trường tìm hồ sơ để họp với Sở Giáo Dục trong tuần tới nên mới cứu cô kịp. Nếu không thì cô đã gặp chuyện chẳng lành rồi.”

Nàng vỗ trán mấy cái như cố nhớ lại câu chuyện đêm qua. Nàng hoảng hốt hỏi:

“Ông ta có bị công an bắt không? Chắc chắn ông ta sẽ bị no đòn. Sao anh gọi công an làm chi vậy?”

Huy tròn mắt nhìn nàng:

“Cô còn thương hại cho hắn. Hắn định bóp cổ cho cô chết đó biết không? Rõ khờ quá đi!”

“Nhưng hắn có nỗi khổ riêng.”

“Dù cho có nỗi khổ riêng nhưng đâu phải tùy tiện hành hung người khác vô cớ. Nếu tôi không cứu cô kịp thì cô... cô... chết là cái chắc. Thật là ngốc... nghếch, ngớ ngẩn hết biết luôn.”

“Tôi... đâu có mượn anh cứu tôi”.

“Tôi nói như vậy để cảnh tỉnh cô. Cô tưởng ban đêm ở đây an toàn lắm hả? Trộm cướp đầy vì người ta đói khát, thiếu thốn. Chưa hết, nhiều người nuôi dưỡng thù hận người này người nọ đôi khi trút cơn điên lên đầu người vô tội. Cô mới về có mấy tháng đã không biết sợ là gì. Lần sau, có đi đâu thì gọi tôi một tiếng. Tôi sẽ đến đưa cô đi và đưa cô về. Nhưng cô nhìn xem, trường thì mục nát như ở ngoài đường. Đàn bà con gái ở một mình mà không biết sợ ai? Tôi khuyên cô nên xin chuyển về những nơi gần thành phố nhưng cô không chịu nghe lời.”

Nhưng đuối lý. Nhưng nghe cái cái giọng lên lớp thấy ghét quá nên cãi lại:

“Thầy kệ người ta. Mặc mớ gì anh. Nè đừng có tưởng giúp tôi rồi muốn sai xê sao cũng được”.

Nàng úp mặt vào tường và bịt tai lại không muốn nghe. Tiếng Huy lại oang oang vang lên:

“Tôi nói với cô đó. Cô đi về Sài Gòn sống đi. Đi bán trà đá, đi rửa bát đĩa trong nhà hàng vẫn còn sướng hơn làm cô giáo ở đây. Cô đừng có mớ

mộng hảo về chuyện xây trường học hay xây cái cầu gì đó cho đám học trò của cô. Không ai thèm nghe đâu. Chỉ hại thân thôi.”

Nhưng quay sang trợn mắt nhìn Huy rồi bĩu môi:

“Hừ! Anh là Hiệu Trưởng mà không có động viên tôi ở lại giúp trường. Anh nói năng giống cái đám người vô tri kia. Thật đáng xấu hổ. Anh nói sao giống cái ông điên đêm qua có khác gì đâu. Vậy mà kêu công an bắt ổng làm chi. Bắt luôn anh vào tù cho có bạn.”

Nhiều tiếng cười khúc khích vang đầy đó ngoài hành lang. Huy vội vàng đóng cửa phòng lại. Chàng nhìn mặt nàng đỏ ửng thì bật cười ha hả và cúi xuống gần tai nàng nói nhỏ:

“Chọc ghẹo một chút mà đã giận rồi. Tôi biết cô gan to bằng ông trời. Nhưng nếu cô bỏ đi thì tôi buồn lắm. Cô có biết không? Nhưng tôi sợ...”

Nàng lườm Huy và xen vào:

“Sợ... sợ... sợ. Sao anh phải sợ. Ai cũng sợ, cái gì cũng sợ. Đâu phải thời ma quỷ thành người đâu mà sợ.”

Huy nhỏ nhẹ:

“Cô nhìn tôi thì sẽ hiểu mọi chuyện. Tôi làm Hiệu Trưởng trường này đã hơn năm năm. Tôi là dân địa phương, sống ở đây nên biết rõ mọi chuyện. Chẳng có ai chú ý, quan tâm đến cái làng, xã này đâu. Tôi đấu tranh xin xỏ mãi mấy năm rồi đâu có kết quả gì. Quên nó đi.”

“Tôi sẽ tranh đấu tới cùng cho học trò tôi.”

“Bọn họ ù lì con hơn mấy con bò, con trâu. Cô nói chỉ tốn hơi. Tôi nghĩ cô nên trở lại Sài Gòn sống thì tốt hơn.”

Huy nói xong thì bỏ đi.

Nhung nằm viện được một tuần. Suốt thời gian đó, ngày nào Huy cũng đến thăm và tâm sự với nàng. Chàng tự tay nấu cơm và mang đến cho nàng. Kể từ biến cố đó, nàng rất biết ơn Huy. Thỉnh thoảng cả hai gặp nhau và đưa nhau đi tản bộ trên những ngọn đồi đầy gió.

Hai mùa hè lặng lẽ trôi qua, nàng không còn cảm thấy cô đơn trong cái làng bé nhỏ của miền sơn cước xa xôi. Nàng yêu mảnh trăng gầy soi sáng những cánh rừng xa xăm và yêu ngôi trường làng nghèo nàn gói trọn cuộc đời của đám học trò lam lũ, đáng yêu. Nàng và Huy đã yêu nhau. Chuyện tình cô giáo Nhung và thầy Huy đã trở thành một đề tài nóng bỏng mà nhiều người quan tâm. Mọi người mơ ước cả hai sẽ trở thành đôi lứa....

“Ai là cô giáo Nhung?”- Cái giọng nhừa nhựa của hắn vang lên hóng hách và trịch thượng. Hắn lại xuất hiện. Huy nhìn chăm chăm vào người đàn ông mập tròn như trái mít đang đứng chàng hảng trước cửa phòng Hiệu Trưởng. Mùi rượu, mùi mồ hôi quyện vào nhau bốc ra từ người ông ta bay lên nồng nặc. Sau chuyện cô giáo Nhung bị hành hung, hắn viện đủ có để làm quen và tiếp xúc với nàng. Nhung Nhung

thường tránh mặt. Nàng trốn vào trong để cho Huy tiếp chuyện với hắn. Mỗi lần đến trường tìm Nhung là hắn phải uống vài va xì. Huy đã quen thói côn đồ, vô học của hắn nên nhỏ nhẹ:

“Ông Năm Lát, ông muốn tìm cô giáo Nhung có chuyện gì?”

Hắn lè nhè:

“Cô ta đã làm đơn gửi lên Tỉnh Ủy xin xây cây cầu bắc qua con sông này. Dễ thôi! Nếu tối nay, cô Nhung chịu gặp tôi thì tôi sẽ ra tay giúp đỡ.”

Cả tỉnh này ai cũng biết tư cách của hắn. Hắn là con trai của Bí Thư Tỉnh Ủy, nên hắn được toàn quyền khai thác lâm sản, tàn phá toàn bộ rừng cao nguyên đem bán kiếm tiền xây nhà lầu sắm xe hơi và săn gái. Hắn xem luật pháp như cỏ rác và chẳng còn biết sợ ai. Tiền chi cho một bữa nhậu mà hắn khoản đãi tay chân, những quan chức trong tỉnh và bọn kiếm lâm bằng gấp mười lần xây một chiếc cầu nhỏ tại ngôi làng này. Huy biết hắn ngầm ghé cô giáo Nhung và nhiều lần cho người dò hỏi, mời mọc cô đến gặp hắn nhưng Nhung luôn từ chối.

Hắn lừ khừ bước vào văn phòng và tự kéo ghế ngồi phịch xuống. Chân trái hắn duỗi ra, chân phải vắt trên bàn. Hắn lên giọng kẻ cả:

“Anh là cái gì của cô giáo Nhung? Nghe người ta đồn anh là người tình của cô ta. Hứ! Anh là cái thá gì mà cô ta quý trọng hơn tôi hả? Anh chỉ là thằng Hiệu Trưởng quèn, nghèo rách mồng tơi thì làm sao bằng thằng này. Nè! Anh

nên tránh ra đi nhường cô Nhung cho tôi có được không? Nếu anh cản đường tôi thì anh chết chắc rồi đó. Biểu cô ta đến gặp tôi. Nếu không thì sau này đừng có hối hận.”

Huy biết rõ nếu làm cho hắn tức giận thì chẳng lợi lộc gì. Bởi hắn có thể làm bất cứ điều gì hắn muốn mà không ai có thể biết trước và ngăn cản. Huy tiếp tục nhỏ nhẹ:

“Ông say rồi. Ông nên về nghỉ đi. Đây là trường học, tôi sợ học trò thấy thì không tốt đâu.”

Hắn trợn mắt nhìn Huy:

“Anh dám nói tôi say hả? Tôi mới uống một tí thôi đâu có làm phiền gì ai. Mấy đứa học trò ở đây điều biết Năm Lát mà. Sợ gì chứ. Nói bao nhiêu đó anh cũng hiểu rồi. Tôi về đây. Nhung nhớ nhắn với cô Nhung tối nay, khoảng 7 tối đến quán Con Nai ở đầu làng gặp tôi.”

Chờ hắn ra về, Nhung mới mở cánh cửa phòng bên bước ra. Nàng run giọng nói:

“Tại sao hắn cứ tìm em hoài vậy? Hắn đang hăm dọa anh đó. Em thật là sợ cái tên đó.”

“Quyền lực của gia đình hắn rất mạnh. Hắn muốn gì là phải cướp đoạt cho bằng được. Nhung em đừng sợ. Hắn không dám làm gì chúng ta đâu. Hắn hẹn em tối nay 7 giờ gặp hắn ở quán Con Nai. Em có đi không?”

Nhung nhíu mày:

“Hắn là một tên bỉ ổi. Kệ cha hắn. Em không đi. đâu. Vì hắn đang đeo

đuôi em. Lỡ như vợ hắn hiểu làm thì em sẽ gặp điều không may.”

Mấy ngày sau, Nhung đi ngang quán Con Nai, nàng nghe cô bán rượu nói rằng Năm Lát uống rượu một mình đến nửa đêm. Hắn cứ hỏi rằng cô giáo Nhung đã đến chưa? Hắn thực sự say mê Nhung và dặn Nhung phải đề phòng vì vợ hắn ghen và dữ như sư tử Hà Đông.

Sau ba ngày mưa tầm tã, thì đến ngày thứ tư trời quang đảng hơn. Nhung vẫn còn mưa lâm râm. Học trò bên kia sông đã quen thời tiết thất thường ở đây nên vẫn đội những tấm "nylon" đu dây qua sông. Chúng cột chặt sách vở trong mình vì nước sông dâng khá cao và cuồn cuộn chảy. Huy và Nhung nhìn bóng các em co ro trong những chiếc áo mưa đang đứng lố nhố trên chiếc bè gỗ mỏng manh và đu mình trên sợi dây thừng để đến trường thật thương tâm. Từng em một đã an toàn vào bờ. Nhung Nam và Thanh, hai em học trò nhỏ còn rơi lại. Nam giúp em gái mình lên bè và nắm thật chặt sợi dây thừng để du qua sông. Nhung bỗng sợi dây đứt lia. Chiếc bè gỗ không điềm tựa trôi phăng phăng trên dòng nước. Hai em chơi với kêu cứu. Trong chớp mắt, chiếc bè đụng phải một khúc gỗ lớn và lật nhào. Cả hai rơi tòm xuống sông. Một dòng nước đục ngầu như con quái vật nhấn chìm hai em vào dòng xoáy siết và đẩy hai em càng lúc càng xa. Nhung và Huy sáng nào cũng đến đây trông chừng các em qua sông để không có ai bị chết

chìm. Khi nhìn thấy Nam và Thanh rơi xuống sông, cả hai đã cùng lao xuống sông. Huy là một vận động viên bơi lội cho nên chàng có kinh nghiệm cứu được hai em vào bờ. Riêng Nhung chẳng may bị vướng trong đám lục bình to lớn và bị nước cuốn đi xa hơn. Nàng rất bình tĩnh dù lạnh và thấm mệt. Huy biết rõ dòng sông này như lòng bàn tay vì chàng có tuổi thơ bơi lội trên con sông này. Chàng cũng đã trở thành Tac-Zan đu dây đi học từ thuở thiếu thời. Nhìn thấy tình trạng của Nhung, Huy biết nàng đang gặp nguy hiểm. Nếu bị lục bình đẩy đi xa một chút, nàng sẽ bị rơi vào dòng xoáy của con nước đang đổ vào một dòng sông lớn. Huy bơi thật nhanh và chàng đã tìm một khúc cây trôi gần đó để làm đòn bẩy. Nhung đám lục bình quá lớn, nặng nề đẩy Nhung càng xa hơn và đúng như dự đoán của Huy, Nhung đã rơi vào dòng xoáy của con nước. Huy cố bơi theo. Chàng đẩy khúc cây cho Nhung nắm và cố sức kéo nàng vào một tảng đá lớn đang chắn ngang dòng chảy.

Huy hét to:

“Cố lên Nhung, cố lên. Em không thể bị cuốn trôi theo đám lục bình.”

Nhung cố nhol người lên và bám chặt vào khúc gỗ. Đám lục bình bị kẹt lại. Nàng nhol người ra và bám theo thanh gỗ và bơi dần vào tảng đá. rồi nhanh chóng lội vào bờ. Khi nàng nhìn lại thì không còn thấy Huy. Nhung đảo mắt tìm Huy thì nàng đã thấy Năm Lát đang đứng sau lưng nàng tự bao giờ.

Hắn thấy nàng ướt loi nhoi, mặt tái xanh nên hỏi:

“Em có sao không? Có bị uống nước không? Để anh giúp cho.”

Hai hàm răng Nhung đánh bò cạp. Nàng nói:

“Tôi không sao. Cảm ơn ông. Ông có thấy anh Huy đâu không?”

“Tôi chẳng thấy gì cả. Chỉ thấy mấy đứa học trò vừa chạy vừa la lên cầu cứu nên tôi đến đây giúp. Chắc Huy đã về trường rồi. Mưa gió lạnh như thế này đâu có còn ai đứng chờ chúng ta. Về thôi em.”

Hắn sấn tới muốn nắm tay nàng. Nhung Nhung lùi lại và cương quyết nói:

“Ông đừng đến gần tôi. Hãy để tôi yên.”

Hắn cười một cách nham hiểm:

“Em biết tôi yêu em mà. Tại sao em cứ từ chối tôi hoài vậy.”

“Ông đừng có nói bậy. Ông đã có vợ con. Ông không nên có những hành động thiếu tôn trọng tôi.”

“Tôi có làm gì đâu. Tôi chỉ muốn ôm cô, hôn cô một chút xíu thôi mà.”

Hắn bước đến mỗi lúc một gần, Nhung lo lắng nhìn quanh. Mưa như trút nước. Đất trời mù mịt. Nàng vấp chân vào một cục đá và té xuống bờ sông đầy bùn đất. Hắn chồm tới. Cả thân hình hắn đè nặng trên cơ thể nàng. Mùi rượu nồng nặc làm nàng muốn nôn mửa. Bàn tay hắn đang di động trên cơ thể nàng. Nhung hét lên và khóc nức nở. Chợt ánh chớp lóe sáng. Nàng trông thấy từ bụi lau sậy gần bên, một bóng

đen cao lớn lao ra. Qua ánh chớp. Nàng nhận ra khuôn mặt Mười Thọ. Hai cánh tay hộ pháp của ông ta vung lên và Năm Lát bị đập thêm một cú văng xuống sông. Mười Thọ đỡ Nhung đứng lên và giục:

“Cô chạy đi! Chạy nhanh lên.”

Nhung chưa hết hoảng hồn. Nàng thở hắt hắt hỏi:

“Ông có thấy thầy Huy không?”

Mắt Mười Thọ sụp xuống. Ông ta lâm bâm:

“Về đi, đừng tìm vô ích”- Nói xong ông ta biến mất

Nhung nhìn lại thấy Năm Lát đang lồm cồm đi lên bờ. Nàng sợ hãi chạy như bay.

Trời bỗng nổi lên sấm chớp và mưa bỗng trở hạt nặng nề bao phủ đất trời. Nàng trở về trường và hy vọng Huy đang chờ nàng. Đến trường, nàng không thấy Huy đâu. Hỏi thăm các em học sinh thì ai cũng nói mưa gió lớn nên trời như sương mù chẳng thấy bóng dáng thầy trở về. Không ai dám ra khỏi lớp tìm thầy. Ai cũng hy vọng thầy đang ở đâu đó. Nhưng sốt ruột đi tìm cả ngày trong mưa nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng dáng Huy. Cả trường nhốn nháo và chính quyền địa phương bắt đầu huy động công an và mọi người đi dọc bờ sông tìm kiếm Huy. Đêm đó, cả khu tập thể giáo viên không ai ngủ được. Nhung ngồi chong đèn dầu nước mắt rơi như mưa, lòng nóng như lửa đốt. “*Huy à! Anh đang ở đâu? Sao anh không trở về để cho em mong ngóng thế*

này. Anh có mệnh hệ nào làm sao em sống nổi. Huy à! Em sợ lắm!”

Ba ngày sau, dưới dòng con sông lớn, một người dân chài đã tìm thấy xác một người đàn ông nổi lên giữa đám lục bình. Ông ta thông báo cho công an và chính quyền địa phương. Họ xác nhận đó là xác của Huy Theo cơ quan khám nghiệm và điều tra thì đầu Huy bị chấn thương nặng trước khi rơi xuống nước. Tại sao Huy bị chấn thương đầu? Xung quanh dòng sông nơi Nhung bị nước cuốn chỉ có một tảng đá lớn và Huy vẫn chưa trôi đến đó. Lúc Huy cứu nàng thì anh cũng đã bơi vào rất gần bờ. Vậy thì tại sao anh có thể chết chìm trong dòng nước không có dòng xoáy? Nhung nhớ lại khuôn mặt tròn vo và đôi môi thâm tím như miếng thịt trâu của Năm Lát nhìn nàng khi nàng vừa bơi vào bờ. Hắn nhìn bộ quần áo ướt nhem đang dán chặt vào da thịt nàng với vẻ thèm khát. Hắn có mặt bất ngờ như một tên trộm và tuyệt nhiên không thấy bóng dáng của Huy. Hắn đã có hành vi sàm sỡ đối với nàng. Rõ ràng nàng đã thấy Huy bơi vào bờ. Vậy mà giờ đây chàng đã trở thành một cái xác không hồn. Tại sao? Tại sao? Nhung gào lên và ngất đi...

Sau đám ma của Huy, Nhung đến dòng sông mỗi ngày nhìn dòng nước chảy. Nàng nhớ hai đứa học trò, Nam và Thanh được cứu sống đã tham dự đám ma Huy đã khóc thút thít và thì thầm cùng nàng:

“Cảm ơn thầy cô đã cứu mạng chúng em. Tại vì chúng em mà thầy Huy chết.”

Thanh cũng khóc méo máo:

“Cô à! Sợi dây có ai cắt đứt phân nửa trước khi chúng em qua sông.”

Nhưng có cảm giác lạnh cả sống lưng. Nàng hỏi:

“Sao em biết chuyện đó?”

“Ba em nói. Ba đã kiểm tra và phát hiện ra sợi dây đã có ai đó cố tình cắt...”

Tôi ôm hai em khóc nức nở. Ba ngày sau, gia đình Huy mở cửa mả cho chàng. Mọi người đã ra về, Nhưng đã ở lại rất lâu bên mộ Huy. Nàng khóc thật nhiều và từ già:

“Anh Huy à! Anh đột ngột bỏ em mà đi một mình vậy sao. Bây giờ trên cao nguyên cô quanh này chỉ còn lại một mình em. Không còn ai bảo bọc cho em. Không còn ai có thể thay thế hình bóng của anh trong tim em. Em không thể ở đây vì em sẽ buồn đến khô héo mà chết vì nhớ anh. Xin lỗi anh. Hôm nay là ngày cuối cùng em ra thăm anh. Em phải đi đây. Tạm biệt anh yêu.”...

...Bà Kimberly ngừng kể. Bà nhìn hai cậu học trò giờ đã trưởng thành đang ngồi gục đầu mắt đỏ hoe. Hiệu Trường Nam chợt nói:

“Em đã đoán ra người đã giết thầy Huy.”

Ông Môn cũng xen vào:

“Hắn chó còn ai. Hắn ghen tức khi biết cô yêu thầy và hắn đã giết thầy trước khi xô thầy xuống sông. Thằng khốn kiếp, độc ác. Vậy mà không ai tố cáo hắn. Hắn lại giàu sang, quyền thế hơn cả ngày xưa. Cô à! Em nhìn thấy quá nhiều bất công nên không còn tin ở trời Phật. Nếu có thì sao không trừng phạt bọn ác ôn.”

Bà Kimberly nói:

“Hắn có chủ mưu rõ ràng trong việc cắt sợi dây mà các em đu qua sông. Hắn biết rõ dòng sông rất nguy hiểm vào những ngày mưa dầm và thầy cô luôn đứng đón học trò về trường.”

Nam hỏi:

“Bây giờ tố cáo hắn được không cô?”

Bà lắc đầu:

“Chuyện đã xảy ra gần hai mươi năm rồi. Và lại, chúng ta không có chứng cứ. Ngay cả có nhân chứng cũng chưa chắc kết tội được hắn.”

Ông Môn chợt hỏi:

“Còn ông Mười Thọ thì sao? Ông ta có biết gì không?”

Bà Kimberly bùi ngùi nói:

“Kể từ ngày mưa gió đó. Cô không bao giờ còn gặp lại ông ta. Cô muốn cảm ơn ông ấy nhưng tìm mãi chẳng biết ông ta đang ở đâu. Rồi cô phải ra đi.”

Hiệu Trường Nam xen vào:

“Em có nghe ông ấy đã chết sau khi cô rời khỏi trường.”

“Tại sao?”

“Lúc đó em còn nhỏ quá! Nhưng nghe ba mẹ em nói rằng ông Năm Lát

nói ông Mười Thọ phạm pháp nên ra lệnh cho công an bắt giam. Sau đó thì nghe tin ông ta đã chết trong tù.”

Kimberly thở dài:

“Cô nghĩ ông Mười Thọ đã biết ai giết thầy Huy nên ông ấy nói câu cuối cùng bảo cô về đi. Đừng tìm kiếm vô ích. Thật đáng thương. Cô nghĩ vì cứu cô mà ông ta bị hại. Xã hội này là như vậy mà. Bây giờ cô muốn đi thăm mộ thầy Huy. Các em đi với cô có được không?”

“Vâng. Chúng em cùng đi với cô.”

Ngôi mộ Huy xây giữa cánh rừng đầy hoa mai dại. Mùa xuân sắp trở về nên mai thơm nức. Bà Kimberly sờ tay trên bia mộ. Nước mắt bà lại trào ra: *“Huy à! Em đã trở lại thăm anh đây. Không phải em quên anh mà vì em đã đi xa thật xa. Có muốn về thăm anh không dễ dàng gì. Đừng buồn em nhé! Ngày đó, anh và em mơ xây một chiếc cầu bắc qua dòng sông cho học trò mình có thể đến trường. Mơ ước đó em đã quyết tâm thực hiện vì đó là nguyện ước của anh. Em rất nhớ anh.”*

Bà Kimberly, Nam và Mon nhỏ cõ quanh ngôi mộ của Huy cho đến lúc mặt trời sắp lặn và cả ba bịn rịn chia tay nhau. Nam nắm tay bà:

“Tạm biệt cô. Cô đi bình an.”

Mon cũng bồi hồi nắm tay bà nói lời ly biệt:

“Học trò của cô đã già hết rồi đó cô. Chúng em cũng chẳng biết đi đâu nên chỉ bám ở đây mà sống. Cầu chúc cô

hạnh phúc. Lâu lâu có về nước thì nhớ thăm chúng em.”

Bà Kimberly từ giả:

“Xây cầu xong nhớ gửi thư cho cô biết. Cô luôn nhớ đến các em.”

Mấy tháng sau, bà Kimberly đọc một bản tin mới nhất đăng trên liên mạng. Bà đã thấy chiếc cầu của làng Ô Mai đã được xây xong tươm tất, xinh xắn. Những người dân quê giồng gánh trên vai những cái thúng nặng nề khoan thai đi bộ trên cầu sang sông. Những em học sinh không còn đu mình như Tac-zan để đi tìm con chữ. Lòng bà cảm giác rất nhẹ nhàng, an bình như trút được gánh nặng mà bà đeo mang trong tâm suốt hai mươi năm qua. Bà ghi vài dòng cảm tưởng trên trang liên mạng:

“Nếu cuộc đời là một dòng sông và tâm hồn chúng ta là một đáy vực, thì những chiếc cầu nhân ái sẽ nối liền bên bờ cho ta tìm đến hạnh phúc mà ta mãi mãi đi tìm. Tôi sống cho di nguyện của một người và tôi đã cố gắng thực hiện di nguyện đó. Vì chiếc cầu là tình yêu mà tôi đã hiến dâng cho Người đã khuất – Nguyễn Thường Huy – Người thầy giáo cao quý đã chết để bảo vệ chân lý và niềm tin là xây dựng một chiếc cầu cho mơ ước nhỏ nhoi của học trò mình.”/.

Phong Thu
(Maryland)

Gió Lùa

Ngọn gió lùa ma quỷ
Em háy mắt nhìn anh!
Vạt áo dài ích kỷ
Không cho gió lùa quanh

Phan Khâm

(Maryland)



Nhớ Thị Nghè

Mỗi lần nghĩ tới Tết quê hương
Lòng lại vấn vương nhớ Thị Nghè.
Giòng sông uốn khúc gần cứ xá
Thuyền bè hoa trái tấp nập qua.
Xa lộ Hàng Xanh xe chạy nhanh
Mang buổi Biên Hòa nguyên cả cảnh
Bày bán đầy đường trên phố chợ
Mượt mà bên hoa quất hoa chanh.
Vườn nhà ai có khóm trúc thưa
Mẹ già bên võng khê đu đưa
Bé thơ nằm ngủ hồn nhiên quá
Thoắt đã hơn bốn chục năm qua.

Ai về nhắn với Thị Nghè
Dù xa ngàn dặm tình quê vẫn gần.

Hồng Thủy

(Maryland)

Tình Tiểu Thuyết

Chuyện chúng mình là tiểu thuyết
Được thêu dệt bằng bướm và hoa
Bướm rục rờ muôn màu
Hoa ngát thơm tình ái

Tiểu thuyết sống trong mơ
Thơ mộng chuyện bông lai
Tiên nữ cùng anh tài
Đẹp đôi vai sánh vai

Tiểu thuyết là ảo tượng
Nên thật đầy mộng mơ
Tình yêu không hề chết
Đẹp mãi như bài thơ

Tiểu thuyết làm đê mê
Hạnh phúc ôi tràn trề
Trăm năm đầu bạc trắng
Cùng nhau giữ lời thề

Anh sống trong tiểu thuyết
Một ngày tình đam mê
Tình yêu nào thấy đến
Nói chi tới lời thề

Nói chi chuyện trăm năm
Trong ý hợp tương đầu
Tình yêu ngoài tầm với
Dù anh mãi nguyện cầu

Diễm Trân

(Virginia)

NGŨ YÊN NGHE EM

Tiểu Thu

Thơ đang đứng nhìn ra ngoài cửa sổ phòng khách, ngắm cây phong đại thụ ở góc vườn. Lá phong đang chuyển màu, đẹp rực rỡ như được dát vàng, lấp lánh trong nắng thu dịu dàng. Trời mây hôm nay se lạnh. Cái lạnh rất nhẹ nhàng của đầu mùa thu khiến Thơ da diết nhớ những cơn gió heo may, khi mùa Noel tung bùng đến nơi thành phố bé nhỏ miền Cao nguyên của những ngày thơ ấu. Những chiếc áo len đủ màu không ngăn được cái run rẩy dễ thương mỗi buổi sáng đến trường của các nữ sinh tung tăng trong cánh gió. Nhưng mùa thu bên quê nhà không có những chiếc lá nhuộm đỏ, vàng, nâu... như nơi đây. Mùa thu là mùa Thơ yêu nhất. Ngắm hoài, ngắm mãi không bao giờ chán những cánh rừng, những công viên được Tạo hóa tô lên những gam màu thật huy hoàng, trắng lợt và nắng cũng vàng hơn, trong hơn. Cả bầu trời cũng cao và xanh hơn...

Tiếng chuông điện thoại kéo Thơ về thực tại. Đầu giây bên kia tiếng cô cháu gái Lệ Thu:

-Di ơi, chúa nhật tuần rồi là đám giỗ cậu Cương ở trên chùa Linh Ứng. Sáng chúa nhật này mợ và các em sẽ đem tro của cậu lên Làng Cây Phong, nhờ Thầy rải trong rừng. Di có đi không?

Thơ vội trả lời:

-Tuần rồi đi đi Toronto nên không dự đám giỗ cậu. Chúa nhật này đi phải đi chớ sao không.

-Vậy sáng chúa nhật con đón Thu Thảo rồi chạy qua đón dì nha. Làng Cây Phong hơi xa nên mình phải đi thật sớm. Con đã hẹn với Mợ gặp nhau quãng mười giờ trên Làng Cây Phong rồi.

Đặt phone xuống bàn, Thơ thần thờ ngồi xuống chiếc sofa gần đó. Vậy là Cương ra đi đã tròn hai năm. Sự ra đi vĩnh viễn là một giải thoát cho Cương và cho gia đình. Những năm cuối cùng Cương không còn nhận ra ra bất cứ một người nào, ngay cả vợ con hay anh chị em.

Cương là con trai lớn của bà dì ruột kế mẹ Thơ. Cương và Thơ lại cùng tuổi. Thuở hai đứa còn rất nhỏ, độ sáu bảy tuổi gì đó, thì mẹ Thơ đã đem Cương về nuôi. Lúc đó dì của Thơ còn rất trẻ đã góa chồng. Một nách ba đứa con, buôn bán xuôi ngược rất cực khổ. Cương hiền lành, ít nói nên bị Thơ bắt nạt toi bời. Vậy mà lúc đánh nhau với trẻ con hàng xóm, Cương gan lì không bao giờ chịu thua. Mà dù có bị đòn đau cũng không bao giờ khóc. Trong khi mỗi lần bị đòn, roi chưa xuống tới... mộng là con nhỏ Thơ đã nhắm mắt nhắm mũi khóc la òm tòi!

Cương thích ở với gia đình Thơ hơn là về nhà mình. Lúc đó còn quá nhỏ nên Thơ không hiểu vì sao. Có lần dì nhấn

là sẽ qua đón Cương về, cậu nhỏ chun vô góc phòng nằm khóc thút thít. Lúc mẹ Thơ hứa sẽ giữ Cương lại, cậu ta mới chịu ra ăn cơm. Nhưng hai đứa cũng chỉ sống chung có hai năm là đi bắt Cương về lại nhà. Lúc này đi đã làm ăn khá khá. Đi kể khi về nhà, mấy tháng đầu Cương nhớ gia đình Thơ nên buồn lắm, chẳng thiết chơi đùa với trẻ con hàng xóm...

Vài năm sau, Di và mẹ Thơ đều lên vùng Tây nguyên làm ăn. Cương và Thơ lại ở gần nhau. Hai nhà chỉ cách nhau năm phút đi bộ. Lúc này cả hai đều lên trung học. Thơ đã có những cây si trồng trước trường và trước... cửa. Khi biết Cương là em họ của Thơ, có vài chàng đã làm quen và nhờ Cương làm... chim xanh. Đưa thư và đưa quà. Nhưng có đưa đi mà không bao giờ nhận được hồi âm. Nhiều lần Cương cũng trách Thơ sao vô tình, nhưng Thơ chỉ cười hi hi đánh trống lảng. Đến năm thi tú tài cả hai phải về Sài gòn. Mẹ Thơ mượn một căn nhà rộng rãi, kang trang ở đường Chí Hòa. Sau này nhà có thêm Sơn, con trai bà bạn thân của mẹ Thơ, cũng từ Tây nguyên xuống ở chung. Rồi thêm chị Bạch là cháu họ của ba Thơ từ Long Xuyên lên, đi làm trong phi trường Tân Sơn Nhất. Mẹ Thơ mượn một người bà con góa chồng dưới quê lên nấu ăn và trông nom cho đám nhỏ.

Chị Bạch có một ông bồ rất quái đản. Ông ta kiểm soát chị từng li từng tí. Bắt chị phải ăn mặc áo quần theo ý ông mỗi khi hai người hẹn hò đưa nhau

đi chơi. Khi ông ta đến, thấy cái áo không vừa mắt là bắt chị phải thay áo khác ngay. Thơ tức mình dùm chị. Nhưng khi nghe chị tâm sự thì cũng thông cảm "Thơ biết không, anh Mạnh là kỹ sư, bạn bè anh ấy toàn là nhà giàu, dân trí thức. Chị cũng lớn tuổi rồi (nếu Thơ nhớ không lầm thì năm ấy chị Bạch mới hăm lăm tuổi), được anh ấy thương là phúc cho chị lắm rồi. Chiều anh ấy một chút cũng đâu có sao!" Thơ thông cảm, nhưng cô Chín nấu ăn thì ghét anh chàng Mạnh ra mặt. Nhìn cái tướng đi tới đi lui, mặt vác hất lên trời, chân nện đôi giày da láng bóng lên sàn gạch, mà ngày nào cô Chín cũng lau sạch bóng, cô nhìn anh ta bằng cặp mắt lạnh tanh và sau khi hai người đi khỏi, cô buông một câu xanh dờn:

-Cái mặt thấy ghét! Thử đàn ông mặt gà mái khó khăn, ưa hồng nổi! Hồng biết con Bạch mê thằng chả cái chỗ nào. Lấy nó chỉ có khổ!

-Chị Bạch mê chỗ nào chỉ có trời biết! Tụi thằng Cương, thằng Sơn cười hô hô chọc cô Chín.

Sau này hai người cười nhau và nghe đâu chị Bạch không được hạnh phúc lắm. Chị sanh hai đứa con gái nên anh Mạnh ra ngoài đàn diu với người đàn bà khác. Ngẫm lại cô Chín tiên tri đúng quá.

Lúc này Cương đã trở thành một anh chàng điển trai, cao ráo, trắng trẻo, mũi cao như tây. Các em gái trong xóm mỗi lần đi ngang nhà đều cố ý bước chậm chậm, liếc mắt nhìn vào nhà.

Chẳng là Cương có thói quen chiều chiều đứng trong cửa nhìn ra ngoài sân. Thời tiết Sài Gòn nóng đỏ lửa nên nhà nào cũng thích mở rộng cửa cho thoáng mát. Trước nhà Thơ có một khoảng sân kha khá, bao bọc bằng một hàng rào sắt. Cô Chín trồng hoa dọc theo phía trong hàng rào, nên căn nhà trở nên xinh đẹp nhất xóm. Bạn của Thơ đến chơi đều trầm trồ khen ngợi. Chẳng có hoa gì quý, chỉ là bông mồng gà, bông móng tay, cúc vạn thọ và một cụm dạ lý hương trồng gần cửa ra vào. Ban đêm hoa tỏa mùi hương thơm ngát.

Trong số những cô bạn thân của Thơ, Vân Anh có cảm tình đặc biệt với Cương, mà hình như cu cậu cũng có tình ý với nàng. Vân Anh rất xinh, nụ cười tươi như hoa hàm tiếu. Thân hình mảnh mai nhưng cân đối. Mái tóc đen mun, óng ả phủ bờ vai thon mềm. Dĩ nhiên là Thơ xúi cả hai bên nên sau này Vân Anh và Cương yêu nhau khấn khít. Con nhà giàu lại xinh đẹp nên Vân Anh có khá nhiều cây si. Đặc biệt nhất là một anh trung úy được sĩ. Tuy đi lính, nhưng nhờ có bà bác là vợ một ông Trung Tướng nên anh ta được ở lại Sài Gòn, phục vụ trong bệnh viện quân y. Mẹ của Vân Anh và bà mẹ chàng này là bạn thân từ thời con gái. Bà ta đã ngắm Vân Anh từ lâu. Dĩ nhiên khi biết con trai si tình Vân Anh là bà mẹ mừng lắm, mở lời với bà bạn vàng ngay lập tức. Mẹ Vân Anh cũng đồng ý cấp kỳ. Vân Anh sợ quá mới nói cho mẹ biết là nàng đã có người yêu. Sau khi điều tra kỹ,

biết người yêu của con gái chỉ là một tên học trò trắng tay, bà đã phản đối kịch liệt và cấm không cho Vân Anh qua lại với Cương. Hai đứa buồn rầu khóc hết nước mắt. Kết quả là năm đó Cương thi rớt tú tài hai và con đường phải đi là tiến thẳng lên trường Bộ Binh Thủ Đức!

Với sự đồng lõa của Thơ, Vân Anh lên Thủ Đức thăm Cương được một lần rồi bật tâm luôn. Bà mẹ canh kỹ quá nên con bé đành bó tay. Thất tình, khi ra trường Cương chọn đi tác chiến ở vùng hai. Lăn lóc giữa lằn tên mũi đạn, năm bảy mươi hai Cương bị thương nặng và được giải ngũ. Sau ngày Cương đi lính được một năm thì Vân Anh đành vâng lời mẹ lên xe hoa với chàng được sĩ. Thơ cũng lập gia đình và theo chồng đi về miền Hậu Giang. Cương vẫn ở độc thân, không chịu lập gia đình, lấy cớ là... nghèo! Bà dì nói hoài không được nên cũng mặc kệ. Nhưng Thơ biết là Cương chưa quên được Vân Anh. Thịnh thoảng có dịp về Sài Gòn, Thơ cùng Vân Anh đi ăn với nhau. Lần nào Vân Anh cũng hỏi thăm tin tức của Cương. Khi biết Cương vẫn còn độc thân, Vân Anh không cầm được giọt lệ, tự trách là vì nàng mà cuộc đời của Cương mới bi thảm như vậy! Biết nói gì đây? Chỉ đành đổ thừa cho số mạng, Vân Anh ơi!

Năm bảy lăm, Thơ theo gia đình chồng chạy ra Tân Cảng, xuống chiếc tàu Đại Hàn đang sắp sửa nhổ neo và may mắn thoát qua được đảo Guam. Chỉ hai tuần sau là gia đình bé nhỏ của

Thơ đã đặt chân lên đất nước Canada thanh bình, thịnh vượng. Những ngày đầu gian khổ rồi cũng qua. Đến năm 80, nhờ người bà con Thơ được biết Cương đã lập gia đình với cô hàng xóm và hiện có hai con. Một trai, một gái. Vợ Cương buôn bán lau lách giỏi nên cuộc sống cũng không đến nỗi nào. Bất ngờ, khoảng năm tám mươi lăm, Thơ nhận được bức thư Cương gửi từ trại tị nạn Paulo bidong. Thì ra Cương đã vượt biên một mình. Không đem vợ con theo vì không đủ tiền đóng cho chủ ghe. Cả hai vợ chồng Thơ cùng đi làm nên đủ điều kiện bảo lãnh cho Cương qua Canada. Vậy mà cũng mất gần hai năm Cương mới qua tới, lý do Thơ và Cương không phải chị em ruột. Thôi, qua được là tốt lắm rồi. Tội nghiệp, qua đến nơi là Cương phải đối phó ngay với mùa đông khắc nghiệt của xứ Québec. Tuyết giá trắng trời, nhưng đã nói từ thuở bé, cậu ta là một tay gan dạ cùng mình, không hề lùi bước trước những khó khăn. Cương lặn xả đi làm. Công việc nặng nhọc gì cũng làm, miễn sao có đủ tiền để bảo lãnh vợ con. Trời cũng thương, nên chỉ hơn hai năm sau là chính phủ Canada cho phép vợ con Cương được xum họp với chồng. Hai đứa con của Cương thật xinh xắn đáng yêu. Liên, vợ Cương, không nghề nghiệp chuyên môn nên đi làm cho hãng may. Bất ngờ, chỉ vài năm sau Liên bỗng mắc chứng chóng mặt kinh niên. Đi khám và chữa trị khắp nơi vẫn không hết. Liên không đủ sức khỏe để đi làm. Tất cả gánh nặng

đề lên vai Cương. Anh chàng vốn ít nói bấy giờ càng lâm lì. Những buổi tiệc của đại gia đình, thường tổ chức tại nhà Thơ, mặc ai cười nói rộn ràng, Cương tìm một chỗ khuất ngồi, mặt đầy vẻ ưu tư. Nhiều lần Thơ ái ngại đến ngồi với Cương, nhưng anh chàng đều nói "chị cứ mặc em, đi tiếp khách đi". Mái tóc trên đầu Cương càng ngày càng muối nhiều hơn tiêu!

...Thời gian trôi, con người cũng già đi cùng năm tháng. Cương và Thơ đang tiến dần đến tuổi lục tuần. Trong thời gian này Cương mắc bệnh tiểu đường, có lẽ di truyền từ mẹ. Nhưng nhờ thuốc men đều đặn, kiêng cử chu đáo nên cũng không sao. Cho đến một hôm Thơ hết hồn khi nhận được cú phôn của Liên:

-Chị ơi, lúc sau này anh Cương có biểu hiện kỳ quặc lắm. Anh ấy cứ quên trước quên sau. Mới hôm qua nè, tụi em được mời đi ăn cưới ở phố tàu. Chị biết không anh ấy không nhớ đường, dù xưa nay đi cả trăm lần. Ảnh cứ lái lanh quanh cả tiếng rưỡi mới tới nhà hàng. Quê quá chừng. Bình thường là nửa tiếng thôi chị à. Em sợ quá!

Thơ an ủi cô em dâu chứ biết làm gì hơn. Vài tháng sau Liên lại gọi Thơ khóc bù lu bù loa, báo tin Cương đã bị sờ sa thải vì làm việc hư hỏng tùm lum. Thơ cũng rầu rĩ, bắt thằng Bình, con trai Cương, chở bố đi khám bác sĩ. Nhưng kết quả chẳng có gì. Cương trả lời trôi chảy mấy cái test bác sĩ đặt ra. Đành bó tay! Đến một ngày Liên báo tin Cương

bị cảnh sát bắt thì Thơ hoảng hốt thật sự. Nàng lật đật lái xe đến trụ sở cảnh sát mới biết rằng, Cương vào tiệm Costco, lấy mấy thứ hàng trên kệ rồi thân nhiên đi ra không trả tiền. Bảo vệ chặn lại, Cương nhất định nói trả tiền rồi, không chịu hoàn lại những món đang cầm. Bắt buộc họ phải gọi cảnh sát. Thơ phải giải thích một hồi, chịu trả tiền những món cậu em muốn mua. Sau cùng cảnh sát cũng thông cảm, thả Cương về với điều kiện người nhà phải trông chừng, không được để Cương ra đường một mình. Nhưng cậu ta cứ nhân cơ hội vợ nghỉ trưa trong phòng là lên mở cửa ra ngoài đi lang thang rất xa làm cả nhà đi tìm tảo tác. Những hôm trời mùa đông lạnh cắt da, Cương ghé vô tiệm cà phê, mua xong không có tiền trả bị nhân viên cầm cửa, từ đó về sau không được bước vào! Đến nước này, mọi người đồng ý đưa Cương vào nhà thương. Lúc Liên và các con ra về, dù bên ngoài tuyết rơi mù mịt mà Cương mặc áo nhà thương phong phanh, chân trần chạy ra theo vợ con để về nhà. Bảo vệ bắt lại và y tá phải cột Cương dính vào giường. Cậu ta chửi bác sĩ, chửi y tá ầm ĩ. Từ đó bác sĩ phải cho chích thuốc ngủ mới êm.

Thơ vào thăm em, thấy tình cảnh đó cũng phải rơi nước mắt. Cứ tự hỏi vì sao? vì sao nên nổi?! Từ một chàng thư sinh đẹp trai, hào hoa mà bây giờ thân hình tàn tạ, mặt mày ngơ ngác, vô hồn? Rồi từ từ sức khỏe Cương càng xấu đi. Chẳng còn phân biệt được gì nữa cả.

SỐ 77

Bóng Lẻ Chiều Đông

Mơ xưa viễn mộng bay xa
Tóc xanh hòa giọt sương sa chạnh lòng
Nắng chiều hiu hắt bên song
Trăm năm chẳng hẹn đôi dòng từ ly.

Trầm ngâm đôi phút tư duy
Mờ phai lay giữa tà huy dáng huyền
Tạ từ trâm gãy ước nguyện
Ngậm ngùi lẻ bạn chim quyên u hoài.

Mây bay lạc nẻo thôn Đoài
Tơ vương nghìn sợi giăng ngoài hiên xưa
Tờ thư thả gió nhẹ đưa
Tự tình ngọn gió đông vừa tàn phai .

Nhật màu hương sắc áo ai
Sương mờ lối mộng nghe dài nhớ thương
Trăng mơ thao thức canh trường
Miên man hoài vọng chân phương giấc đời.

Sầu nghiêng bóng lẻ chơi vơi
Niềm riêng tan loãng giữa trời hư vô .

Đỗ Thị Minh Giang

Rất nhiều lần cậu đi vào bất cứ phòng của bệnh nhân nào, thấy trống là thân nhiên leo lên nằm ngủ thoải mái hoặc ăn, uống hết những thứ cậu ta thấy trên bàn. Y tá bắt gặp phải dẫn về phòng. Bệnh Alzheimer đã lộ diện, không còn

161

nghe ngờ gì nữa. Chỉ có ăn và ngủ nên càng ngày Cương càng tăng ký khủng khiếp. Vì ở bệnh viện tốn tiền chính phủ nhiều quá nên họ yêu cầu đem Cương về nhà săn sóc. Mỗi ngày có y tá ở hẳn y viện gần nhà đến cho uống thuốc. Một hôm Thơ đến thăm, thấy mùi từ thân thể cậu em nồng nặc quá bèn hỏi lý do. Liên trả lời:

-Anh ấy mạnh lắm chị ơi. Mỗi lần em bắt anh đi tắm là như trận giặc. Em đang xịt nước, ông bắt thần nhảy ra khỏi bồn tắm, em yếu đâu có làm lại nổi. Chị biết không, 6 tháng rồi ông chưa gội đầu. Chắc là em sẽ cạo hết tóc cho anh chớ để như vậy dơ quá!

Thơ cũng đành lắc đầu ngao ngán. Đến khi Cương lên lấy chai thuốc Tylenol 500 viên uống sạch trong vòng chưa đầy 1 tháng (may mà thuốc dành cho trẻ em) thì Liên đầu hàng vô điều kiện. Cuối cùng, nhà thương cũng tìm được cho Cương vào ở luôn trong 1 trung tâm dành cho người già không còn khả năng tự chăm sóc. Có lẽ Cương là người trẻ nhất trong số những người thường trú nơi đây. Mỗi người có một phòng riêng. Bên ngoài dán hình chủ căn phòng. Bên trong thân nhân tự trang hoàng lấy nên cũng có vẻ ấm cúng, dù hiện tại Cương đâu còn khả năng thưởng thức xấu đẹp! Người nhà hoặc bạn bè thân thiết từ xưa đến thăm, mặc ai muốn hỏi gì hỏi, Cương chỉ trở mặt ra nhìn, gương mặt dửng dưng. Từ lâu, cậu ấy đã không còn khả năng chuyện trò nữa. Cương bây giờ trở thành một

người câm. Mỗi lần vào thăm thấy em như vậy, rồi nhìn những người già ngồi ngoài phòng khách hoặc trong phòng ăn đầu gục lên gục xuống, hoặc có người nhìn Thơ rồi nở nụ cười ngây ngô như trẻ thơ... lòng nàng lại rung lên một tình cảm xót thương vô tả. Một ngày nào đó mình cũng sẽ như thế này ư? Thơ không khỏi rùng mình, cảm giác bất an.

Đi ngang phòng khách, nhiều lần nhìn thấy một ông lão chắc cũng khoảng 80, tướng tá còn mạnh khỏe, nắm tay một bà lão gầy yếu hom hem ngồi trên xe lăn, gương mặt vô hồn. Thơ tò mò hỏi thì Liên kể:

-Ông đó thấy thương lắm chị ơi. Ông là chồng bà lão đó. Hai người lấy nhau từ năm bà 17 và ông 20 tuổi. Bây giờ ông 80 rồi mà vẫn khỏe mạnh. Bà ấy bị Alzheimer vào đây đã 6 năm. Sáu năm trời rờn rã, mỗi ngày ông đều vào từ sáng sớm. Cho bà ăn sáng xong rồi ngồi đó, cầm tay vợ như vậy cho tới giờ ăn trưa. Bà ăn rồi ông mới đi ăn. Sau đó trở vào tiếp tục ngồi cầm tay bà cho tới giờ ăn tối. Sau khi ăn xong, bà đi ngủ thì ông về nhà. Bất di bất dịch từ ngày này sang tháng khác, rờn rã 6 năm rồi đó chị.

Thơ kinh ngạc kêu lên, giọng đầy xúc cảm:

-Trời ơi, một cuộc tình đẹp long lanh như hạt kim cương. Đúng là đá mòn nhưng dạ không mòn. Một tình yêu vĩnh cửu đáng vinh danh.

Ở đây Cương được săn sóc tốt nên cũng ít bị bệnh lật vật trong suốt năm

năm liền. Nhưng do bệnh tiểu đường, mà Cương thì chỉ ăn và ngủ nên dần dần bị suy thận. Từ đó đâm ra đau ốm liên miên. Lần cuối cùng bị nhiễm trùng đường tiểu rất đau đớn. Do không nói được nên dù có đau mấy cũng chỉ biết rên rĩ rất tội nghiệp. Một tháng sau thì Cương đi dần vào trạng thái coma. Sau khi khám kỹ lưỡng, bác sĩ bảo gia đình nên lo hậu sự vì cậu ấy không còn nhiều thời gian để sống. Liên rước thầy trụ trì chùa Linh Ứng đến trung tâm đọc kinh cầu an cho chồng. Sau khi niệm kinh xong thầy gõ lên trán Cương ba cái rồi ra về. Lúc đó khoảng 6 giờ chiều, mọi người cảm thấy đói nên rủ nhau ra tiệm gần đó ăn tối, chỉ để một mình Liên ở lại canh chừng. Chưa xong bữa cơm thì có điện thoại của Liên báo tin Cương bỗng nhiên mở mắt. Mọi người mừng quá vội vàng quay trở lại trung tâm. Trời ơi, có thể nào là sự thật? Cương trước mắt Thơ là một người hoàn toàn tỉnh táo, không hề có chút biểu hiện gì của bệnh Alzheimer. Cương mở to mắt nhìn từng người đứng chung quanh giường. Đến phiên Thơ bước tới, hỏi em có nhận ra chị không? Cương nắm tay Thơ siết chặt, mắt nhìn Thơ chăm chú, môi mấp máy như muốn nói điều gì, hai giòng lệ từ từ lăn trên má. Thơ òa lên khóc rống. Trời ơi! trời ơi em tôi! Thơ chạy ra khỏi phòng khóc tức tưởi. Nàng nghe nói khi người bệnh "hồi dương" là lúc sắp phải chia tay. Sau khi nắm tay từng người thân hiện diện trong phòng, Cương mệt nhọc khép mắt lại.

Mọi người đứng xung quanh giường đọc cho Cương một thời kinh rồi mới ra về, mắt ai cũng đỏ hoe. Năm giờ sáng hôm sau thì Cương ra đi êm ái. Thơ buồn lắm, nhưng cũng mừng cho em được giải thoát khỏi số kiếp phải làm người bệnh hoạn triền miên...

...Gần như suốt đêm Thơ không ngủ được vì nhớ em. Nhớ đến khoảng đời êm đẹp chị em sống gần gũi khi xưa. Nhớ đến lúc em từ già cõi đời... Sáu giờ Thơ ra khỏi giường, ra ngoài bếp pha ly cà phê sáng. Rồi tắm, thay quần áo sẵn ngồi chờ hai cô cháu tới đón. Lệ Thu căn dặn rằng trên đó núi cao, mùa thu gió lạnh hơn ở thành phố, di nhớ mặc thật ấm. Thơ trang bị nào áo len dày, nón len, phu la len... để khỏi bị lạnh. Đúng 7 giờ rưỡi lên đường. Thơ nói:

-Suốt đêm không ngủ, bây giờ buồn ngủ quá. Chờng nào sắp tới nơi thì kêu dì dậy nghe.

Đường tốt xe chạy êm, ru Thơ vào giấc ngủ dễ dàng. Sắp tới ngã rẽ vào con đường dẫn lên Làng Cây Phong, Lệ Thu đánh thức Thơ dậy. Đưa mắt nhìn ra hai bên cửa xe. Ôi chao là đẹp. Thơ như ngợp đi giữa những màu lá hai bên đường và những núi đồi xung quanh được tô màu thật lộng lẫy. Xe bắt đầu lên dốc. Nhà cửa hai bên đường cũng đẹp tuy thưa thớt. Làng Cây Phong tọa lạc ở vùng núi thuộc miền đông thành phố Montréal. Là trung tâm tu học đầu tiên, theo pháp môn Làng Mai của Thầy Nhất Hạnh, ở Bắc Mỹ từ năm 1985. Có

ngôi thiền đường kang trang được xây dựng vào năm 1989. Mỗi năm Hội Phật Học Làng Cây Phong tổ chức nhiều khóa tu dài hạn và những ngày quán niệm cuối tuần. Tuy nghe tiếng từ những năm tháng đầu tiên, nhưng đây là lần đầu Thơ đặt chân lên đây. Con đường ngoằn ngoèo lên núi trải nhựa bằng phẳng, nhưng từ khúc quẹo vào thiền đường thì còn y nguyên đường đất rải đá. Mùa này vào được, nhưng mùa đông tuyết phủ dày, thiền đường phải đóng cửa cho đến mùa xuân. Xe lăn chậm chậm độ hơn 500 mét thì gặp ngôi thiền đường trắng tinh, nổi bật giữa màu lá thu muôn sắc. Liên và cháu Bình đã đến trước ít phút cùng với vài người bạn trong ban hộ niệm chùa Linh Ứng. Cũng là những người thân quen. Thơ tháp tùng theo mọi người lên chánh điện. Thầy đã bắt đầu khóa lễ. Thơ đưa mắt nhìn quanh. Thiền viện khác với nhà chùa. Trên bàn thờ chỉ có một tượng đức Phật Thích Ca nhỏ ngôi trông thật an nhiên tự tại. Một cái mõ, đĩa trái cây và hai bình hoa giản dị. Sự đơn sơ khiến Thơ cảm thấy thoải mái trong lòng. Nàng cố tập trung cầu nguyện. Cầu cho chúng sinh, cầu cho hương linh Cương...

Sau khóa lễ là bắt đầu phần rải tro trong rừng. Thầy cầm chiếc khánh nhỏ dẫn đường, theo sau là cháu Bình ôm hũ tro của bố. Liên đi ngay phía sau và tất cả những người tham dự nối tiếp đi hàng một. Vừa đi vừa lầm rầm niệm Phật. Con đường đất phủ đầy lá vàng. Hai bên là rừng phong. Lá vàng lấp lánh

trong nắng thu, như reo vui chào đón những khách từ xa đến thăm. Không khí trong lành, im ắng. Chỉ có tiếng khánh do Thầy hướng dẫn đánh lên thật khẽ khàng, tiếng vang rất xa mơ hồ như thực như hư càng làm cho khung cảnh trở nên huyền ảo.

Đi độ mười phút Thầy rẽ vào rừng. Mọi người cùng rẽ theo bước chân Thầy. Nơi đây chỉ có cây cối và vài tảng đá bằng phẳng khá lớn. Trên đó có những hũ tro do người đi rải tro xong bỏ lại. Bình bắt đầu đi sâu vào bên trong, vừa đi vừa bốc từng nắm tro rải xuống đất. Phía trước là một gò đất cây cối tương đối thưa thớt. Thầy và mọi người đứng tại chỗ đọc kinh, niệm hồng danh đức Phật cho đến khi Bình rải hết tro trong hũ. Thơ nhìn những nắm tro tàn của em, một phần rơi xuống đất, một phần nương theo cánh gió nhẹ nhàng bay xa mà lòng ngậm ngùi vô tả. Thế là xong một kiếp người. Thật đúng là vó câu qua cửa. Mới ngày nào hai chị em còn tung tăng đùa nghịch với lũ bạn trẻ thơ nơi quê nhà. Giờ tóc đã pha sương. Rồi kẻ ở người đi không bao giờ gặp lại. Có chăng là trong giấc mơ! Thơ nghe đôi mắt cay cay... nhưng cổ gượng không chảy nước mắt trước mặt mọi người.

Cương ơi, ngủ yên nghe em. Lời gió rì rào trong rừng phong sẽ ru giấc ngủ cho em tôi ngàn đời. Vĩnh biệt em...!

Tiểu Thu
Mùa Đông Montréal 2016

MÂY TRÔI PHƯƠNG NÀO

Trần Thị Hương Cau

Cúng thất cho mẹ xong, mấy anh em trong nhà mới nhẹ nhõm cả người để ngồi lại với nhau. Bốn đứa con ở bốn châu lục, lâu lâu đứa này mới bay sang thăm đứa kia, nên nhân đây cũng là cơ hội để họp mặt đủ các anh chị em. Hơn 30 năm trước, bố bảo lãnh cả nhà sang Đức nhưng công việc cứ vô tình đẩy mỗi người đi một hướng. Anh Khải sang Mỹ làm tiến sĩ rồi ở lại làm việc luôn bên ấy, chị Liên lấy chồng bên Úc, anh Sơn hằng đề cử sang khai thác dầu tận bên Dubai, chỉ còn Ngà ở lại Đức.

Trước khi mở chúc thư của mẹ, anh Khải quyền huynh thế phụ muốn tăng hắng mấy lời với các em. Bố mẹ mất rồi, còn có 4 anh em mà cứ để lỏng lẻo tình cốt nhục là điều rất uổng, bây giờ sức khoẻ còn cho phép, xe tàu gì cũng sẵn, nên cứ lên lịch ba năm họp mặt một lần. Thay phiên nhau đảm nhiệm chức chủ nhà, thứ tự Khải-Liên-Son-Ngà để không ai phải thiệt. Dĩ nhiên mọi người đều đồng ý cả hai tay hai chân.

Sang phần chúc thư. Chữ mẹ viết loằng ngoằng nhưng được cái ngắn gọn, dễ hiểu. Phần nào lo đám, phần nào cúng dường, phần nào cho con, mẹ đều ghi ra rõ ràng. Phần các con là hai chục

ngàn đồng, mẹ chia đều cho bốn con làm ai cũng rung rung ngõ ngang. Mẹ cả đời ki cốp, không sắm sửa phung phí cho bản thân bao giờ, tần tiện từng đồng từng cắc. Hai anh trai đều từ chối với lý do, không giàu hơn ai nhưng còn có công ăn việc làm đều đặn, cả hai đều muốn nhường phần lại cho hai chị em gái. Chị Liên cũng xua tay không nhận phần mình. Theo ý chị Liên, nên cho Ngà hết, chỉ có Ngà là xứng đáng vì Ngà vốn không đi làm gì cả và đã hầu hạ mẹ suốt những năm tháng cuối cùng. Ngà định thối thác nhưng bất chợt một ý tưởng chợt lóe lên trong đầu, ngoài 4 anh em mình, bố còn có thêm hai đứa con với dì Lý ở Việt Nam, sao mình lại không san sẻ bớt cho chúng, vì chắc mấy mẹ con dì ấy cũng chẳng dư dả. Các anh chị gạt gù tán thành vì dù gì máu đào cũng hơn nước lã. Thế là chị Liên với Ngà một công hai việc, đặt ngay vé về, vừa ăn Tết vừa trao tiền giúp đỡ cho hai cô em, sau hơn 10 năm không về lại quê hương, từ ngày bố mất.

Mười mấy năm trước bố mẹ ly thân, nhà cửa hai ông bà tạo dựng từ hai bàn tay trắng tại xứ người được mang bán và chia đôi sòng phẳng, rồi vội vã quay

đi. Không vội thì thể nào cũng vương vấn vì gần 40 trong âm ngoài êm, gần như không một lần to tiếng. Nhường nhịn và nhẫn nhục là hai đức tính làm nền cho một mái ấm bền vững, chứ tình yêu suông thì chưa đủ. Huống hồ bố mẹ lấy nhau không phải vì tình. Hai chữ tình yêu của thể hệ cha mẹ tuy lãng mạn nhưng không làm sao vượt qua được ước định của các bậc sinh thành. Lý do hết sức đơn giản là do hai nhà quen biết. Ông ngoại và ông nội vốn là bạn nối khố từ hồi còn đi học. Hai chục năm sau hai ông tình cờ gặp lại nhau tại Sài Gòn, con anh chưa vợ, con tôi chưa chồng, cả hai nhà nề nếp gia giáo, môn đăng hộ đối, thế là lấy. Mẹ hay rù rì với con gái, ngày cưới mẹ khóc sưng húp cả hai mắt vì ông ngoại bắt mẹ phải chia tay với người yêu của bà đang giải đấu hành quân trên 4 vùng chiến thuật. Phần bố là con trưởng, vừa ra sư phạm, đại đẳng khoa rồi tiểu đẳng khoa là sắp xếp của bậc cha mẹ, không có gì để bàn cãi.

Khóc hết nước mắt trong ngày cưới nhưng về làm dâu, làm vợ nhà người, mẹ lúc nào cũng tận tụy, kính trên nhường dưới với cả nhà chồng, tiếng thơm nức nở. Tháng tư đen năm 75 nước mất nhà tan, lương giáo viên ba đồng ba cọc còn không nuôi nổi chính bản thân, bố quyết lòng vượt biên. Đồi bông, cà rá, dây chuyền sính lễ ngày cưới cùng toàn bộ hồi môn, mẹ lấy ra bán sạch, dồn được bấy cây, đủ cho phần một mình bố lên tàu. Trời thương

sao mà đi một lần là thầu, tàu Đức vớt. Chính phủ Đức hết sức nhân đạo, chỉ 18 tháng sau là mẹ và 4 anh em Ngà được đi bảo lãnh sang đoàn tụ với bố liền. Qua đây thì tiếng tăm đâu mà dạy dỗ được ai, nên bố xin việc làm lắp ráp trong hãng xe hơi. Đang làm thầy sứt xuống làm thợ, ngày nào đi làm về tay chân mặt mũi cũng toàn dầu nhờn, bố buồn và ít nói hẳn đi, nhưng than thở, hối tiếc thì không. Thoát được địa ngục cộng sản, kiếm đủ tiền nuôi vợ con là may mắn hơn hàng mấy chục triệu người còn kẹt trong nước lắm rồi. Mẹ cũng vậy, làm nửa ngày nấu ăn trong vườn trê hụ hợ bố một tay. Nhà giàu không bằng hà tiện, dành dụm một hồi rồi cũng mua trả góp được căn nhà nhỏ và lo toan cho bốn con học hành tới nơi tới chốn.

Khi Ngà vào đại học cũng là lúc mẹ hết bận bịu, mẹ bắt đầu đi chùa nhiều hơn. Cuối tuần là mẹ ở riết bên chùa làm Phật sự. Mẹ nói, không phải để đọc kinh niệm Phật, vì ở nhà đọc cũng được nhưng mẹ qua chùa để làm công quả kiếm ít phước. Mẹ kể, bà nào muốn chúng tỏ tay khéo thì xin mời lên đóng vai chính, mẹ cứ yên phận tỳ nữ nhặt rau rửa chén là đủ thấy công thành viên mãn rồi, còn chăm chăm vào một lời khen chê, rồi sinh ra ty nạn, có khi lại tổn nghiệp. Năm mẹ có sinh nhật 60, con cái về đầy nhà chúc mừng. Bánh sinh nhật mẹ tự tay bắt hoa hồng phơn phớt bên dây leo đẹp lộng lẫy. Còn đang

nhâm nhi miếng bánh sầu riêng với lớp kem béo ngậy, thì mẹ ngần ngừ mấy giây rồi tuyên bố với các con, sắp tới nhà sẽ bán, mẹ và bố sẽ ly thân. Các con thì cứ há hốc nhưng chắc là bố mẹ đã trao đổi với nhau rất nhiều ngày tháng trước đó, nên bố vẫn im lặng, trầm ngâm, nhường mọi lời giải thích cho mẹ. Người đàn bà khi bước vào lứa tuổi 60 thì chuyện sinh lý coi như tắt ngấm nhưng ở người đàn ông vẫn còn sung mãn dồi dào. Vậy thì buông nhau ra để mỗi người được sống với nhu cầu thôi thúc của mình, chứ ràng buộc chỉ cho thêm phiền não. Anh em nhà Ngà đã quá trưởng thành nên chỉ cần ít câu giải thích là con cái đều thông cảm. Bố cũng đã về hưu nên quyết định sẽ về Việt Nam sống, còn mẹ sang ở với anh Sơn, được đâu mấy năm rồi anh thuyền chuyển đi Dubai, mẹ sang ở với Ngà.

Bố ở bên đó đầu cỡ 5, 6 năm gì đó thì một hôm có người gọi qua nhắn là bố bị tai nạn giao thông, khó lòng qua khỏi. Mấy mẹ con hấp tấp bay về cho kịp gặp nhau lần cuối. Gặp thì gặp nhưng nào có ích chi vì bố bị hôn mê bần bật. Bác sĩ nói vết thương xuất huyết trong đầu nặng quá, chắc trụ lại thêm vài ba ngày nữa thôi. Bên giường bệnh của bố, ngoài mẹ và bốn anh em Ngà, còn có người vợ nhỏ của bố và hai bé gái chừng 5, 3 tuổi chi đó. Bà vợ nhỏ của bố còn trẻ tuổi hơn cả Ngà nên mấy anh em cũng lúng túng không biết xưng hô như thế nào. Mẹ bảo, người ta có con

với bố rồi, thôi, cứ gọi là bằng dì, dì Lý. Dì Lý quê ở Mỹ Tho lên Sài Gòn kiếm việc, dì đi làm ôsin cho hai vợ chồng nhà chủ, rồi bố tới chơi với chủ nhà gặp dì Lý ra vào lúng liếng, phải lòng nhau, về sống với nhau tấp lự. Hai con bé Giàu và Sang lần lượt chào đời. Chắc đời dì Lý cũng cực lắm nên mới đặt hết hy vọng vào tên hai đứa con như vậy. Hai đứa nhỏ ốm trơ xương, thò lò mũi xanh nhưng dì Lý lại chải chuốt lẻo loet, cổ tay cổ chân tròn vun, phốp pháp, còn miệng thì nói liên tu không kịp đăm da non. Nhìn màu son đỏ loét trên môi dì, mắt tô nhũ kim tuyến, chải chuốt từng sợi lông mi trong hoàn cảnh bố đang hấp hối, tự dưng Ngà thấy ngán ngấm. Khi trang điểm để vào thăm chồng đang hôn mê trong bệnh viện, không biết dì ấy làm đẹp cho ai ngán ngấm đây? Hôn nhân giữa bố và dì Lý giống như một cuộc trao đổi, chứ trẻ trung lanh lẹ như dì Lý, việc gì lại bằng lòng về với một người đàn ông hơn mình gần 40 tuổi. Lúc rời bệnh viện để về khách sạn, chị Liên chẹp miệng, biết bố có con nhỏ như vậy, đem áo đầm giày dép của con gái chị cũng cỡ như Giàu và Sang về cho tụi nó, chứ tuần rồi chị phải mang ra cho Caritas mấy thùng áo quần cũ mà con chị mặc qua có một mùa là tụi nó lại lớn vùn vụt. Sợ mẹ biết, lúc ấy Ngà còn thì thầm, tối em với chị ghé chợ Bến Thành mua cho Giàu và Sang mỗi đứa mấy cái áo đầm, giày dép nữa, nhìn Giàu với Sang nhếch nhác, thấy

thương quá, dù gì cũng là em của mình, chị há. Đời sống bên này cái gì cũng thừa mứa, ngay cả lòng trắc ẩn.

Mười mấy năm rồi chắc Giàu và Sang cũng bước vào tuổi dậy thì, nhưng chắc chưa đũa nào đủ 18 tuổi cả. Hồi còn sống, cứ Tết là mẹ với anh chị em Ngà hùn nhau được năm, ba trăm nhờ người quen cầm về, gọi là lì xì cho mấy mẹ con đi Lý ăn Tết. Và cũng có lúc Sang hay Giàu ốm đau phải vào viện, nhà dột cột xiêu bất thành linh thì đi Lý lại sai Giàu hay Sang viết ít dòng xin mẹ và anh chị em bên này hỗ trợ thêm một mớ. Thường là vài dòng viết trên giấy học trò cụt ngắn, nhập đề trực khởi, chẳng cần lòng vòng hỏi han màu mè và thậm chí một tấm hình của hai đứa em khác mẹ, đi cũng chả buồn gửi kèm, nên chị em giờ có gặp nhau ngoài đường, chắc nhận không ra.

Tìm cho ra nhà đi Lý, chị Liên với Ngà tốn bộn tiền taxi vì thành phố hình như ngày càng tăng trưởng về cả diện tích lẫn dân cư từ các vùng quê kéo về Sài Gòn tìm công ăn việc làm, nhất là trong dịp Tết nhất rộn ràng ngập nghé trước ngõ. Hai chị em Liên và Ngà cứ như hai con ngáo ộp, ngơ ngác trong dòng người xe cộ ầm ĩ buốt óc, chen lấn chửi rủa nhau vì từng tắc đường. Ghê quá, có hơn 10 năm không về mà cứ ngỡ mình đứng giữa một nơi nào đó không phải là chốn cũ. Không phải vì văn minh hiện đại hơn mà vì xô bồ, chộp giựt, náo loạn hơn. Qua đường

cũng phải gọi xe ôm chứ trông vào đèn đỏ đèn xanh là tự sát. Chị Liên nắm chắc tay Ngà, lỡ phóng lao thì phải theo lao chứ lần sau có cho không, chị cũng nhất định không về. Không ai đại dột đang yên đang lành mà chui đầu vào chỗ nguy hiểm, bất an như vậy.

Nhà đi Lý nằm sâu trong một con hẻm tới ba lần xuyệt. Nhà cửa xập xệ trống hươ trống hoác chẳng có đồ đạc gì ra hồn, cũng không thấy bóng dáng Sang, Giàu lộ mặt ra chào khách. Chỉ có một mình đi Lý ở nhà nhưng đi bận luôn tay khi có khách đến ghi đề. Miệng đi hứa ngon ngọt là chỗ này tín nhiệm, nhà cái ở bên tận Thượng Hải vốn cả tỷ đô la nên không bao giờ có chuyện lừa đảo, tỷ lệ ăn cao vượt trội so với lô đề truyền thống của bà Năm bà Sáu nào đó chỉ là thứ nội địa... Hai chị em chẳng hiểu át giáp gì lô đề nhưng ngồi nhìn cái miệng của đi Lý xoén xoét cũng đủ no. Khi trời tối sập, khách vừa vãng thì một cái đầu đàn ông râu ria lờm chờm nhưng giọng lại the thé như đàn bà đút vào cửa gọi đi Lý qua gày sông cho đủ tay. *Đi Lý ừ ừ, qua liền qua liền, mụ nội, hôm qua đen quá, hôm nay phải gỡ chó, nhưng nhà chế đang có khách, tụi bây đợi chút.* Rồi đi thân nhiên quay sang hỏi thăm về gia đình và biết mẹ vừa mất, đi cũng nói dăm ba câu chia buồn. Chị Liên nôn nóng hỏi về hai đứa nhỏ thì đi giả lơ, đổi đề tài sang than vãn đời sống khó khăn, vật giá leo thang vùn vụt, nhất là vào dịp Tết. Chị

Liên hét kiên nhẫn, lại lôi Giàu và Sang ra hỏi lần nữa, di Lý âm ừ một lúc rồi cũng huých toẹt ra luôn, hai đứa nó cũng lớn bộn, ở bên này chẳng có công ăn việc làm gì nên di cho Giàu và Sang theo người ta sang Thái Lan bán sinh tố hồi ba tháng trước rồi! Chị Liên bàng hoàng mấy giây rồi cổ vót vát, di có địa chỉ của hai đứa nhỏ bên đó không? Di Lý phẩy tay như chuyện con ai chứ không phải con di, *úy trời, tìm chi cho mất công, tụi nó theo người ta khi ở chỗ này khi chỗ khác, chớ có nhà riêng đâu mà địa chỉ với lại địa đồ!!!*

Tới đó là mất dấu tích. Người mẹ mà còn không quan tâm tới con mình thì ai sẽ lặn lội đi tìm kiếm đây? Không khí trong phòng ngọt ngào bức bối tưởng chừng như có cái gì đang muốn bùng nổ trong lòng. Chị Liên nhìn Ngà và Ngà nhìn chị Liên, hai chị em cùng khốn khổ trước một tình huống mà không ai lường trước được, trong khi di Lý cứ rồn rảng gọi với sang hàng xóm mang qua mấy trái dứa cho di đãi khách. Chị Liên vụt đứng lên, kiên quyết kéo Ngà ra về ngay tức khắc trước cặp mắt trợn trừng đầy kinh ngạc của di Lý.

Bao nhiêu là dự định chất chiu mà chị Liên và Ngà đã bàn bạc suốt 15 tiếng đồng hồ trên máy bay phải làm gì với số tiền mẹ để lại để vun đắp cho hai cô em có một tương lai khá hơn. Với số vốn hai chục ngàn chắc mở được một tiệm tạp hóa, hay một shop bán áo

quần, hay một quán ăn... để Giàu và Sang có thể buôn bán sống qua ngày phút chốc tan thành mây khói. Chị Liên nghiêng rặng nguyên rủa di Lý, cũng tại mẹ chúng nó vừa mê bài bạc lại vừa mê lô đề nên mới mang con đi cầm cố chứ bán sinh tố thì bán tại VN cũng được chứ cần gì phải đẩy con sang tận Thái Lan, nơi mà hàng trăm ngàn cô gái Việt đang hành nghề bán thân nuôi miệng? Không cần phải là tiên tri cũng biết Giàu và Sang đang sống trong địa ngục trần gian chỉ vì trót làm con của một bà mẹ vô lương tâm như di Lý. Nhỡ ra, người mẹ có thể hy sinh tất cả vì con, có thể cho con cả cuộc sống của mình thì tại đây, di Lý lại xem con mình như món hàng mang cầm đi buôn bán...

Chị Liên và Ngà hòa vào dòng người đi xem chợ hoa nhộn nhịp muôn hồng ngàn tía khoe sắc lộng lẫy mà thấy lòng ngẩn ngơ buồn ngiên, không cảm nhận được một tí hương xuân nào nức như ngày hôm qua vừa bước xuống máy bay. Tim đứa nào cũng đau đớn như bị bàn tay vô hình nào bóp nghẹn. Thương Giàu và Sang quá, đời hai em rồi cũng như những bông hoa khoe sắc kia, chỉ cần qua một mùa Tết là tàn tạ rụng rơi. Ngà tự dưng thấy mắt mình nhòe ướt, bao nhiêu tiền cũng chẳng còn nghĩa lý gì, mình đến trễ rồi chị Liên ơi, không biết tìm Sang với Giàu ở đâu bây giờ nữa...

Trần thị Hương Cau
(Germany 2017)

THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH

(Để tưởng nhớ người yêu tuyệt vời, R.A.S. của tôi.)

Sài Gòn, 05-01-1970

Anh yêu,

Em vừa mới mua mấy bao thư và viết sẵn địa chỉ của em để có thể gửi cho anh nhanh chóng.

Rồi đây anh sẽ lại rời Sài Gòn về Hoa Kỳ. Lần này em sẽ không buồn lắm vì em biết anh sẽ quyết định mọi việc. Anh hứa sẽ trở lại Sài Gòn và đón em đi theo trong tương lai. Em sẵn sàng sống với anh mãi mãi. Em sẽ đợi anh. Anh yêu, anh biết như thế phải không?

Em hiểu anh yêu em như em yêu anh. Nếu chúng ta muốn sống với nhau, chúng ta sẽ thực hiện được. Em tin chắc như thế. Bởi vì em yêu anh và anh cũng yêu em. Chúng ta không muốn sống xa nhau.

Nghĩ như thế, nên lần này anh trở về Hoa Kỳ, em không buồn lắm. Dù em sẽ phải đợi lâu.

06-02-1970

Tối qua, đi làm về nhà, em lên lầu. Em thay quần áo, nằm dài trên giường ôm cái gối mà tưởng như đang ôm anh. Em thiếp ngủ cho đến khi người làm đánh thức em dậy ăn cơm. Em cảm thấy mệt mỏi và nhớ anh da diết. Em chỉ ăn một chút. Món ăn không ngon khi anh không có bên em. Một đêm buồn...

07-01-1970

Anh sẽ về Sài Gòn ngày 10 tháng 1 và sẽ rời đây ngày 16 hay 17. Em sẽ xin nghỉ 6 ngày, bắt đầu cùng ngày anh về đây. Em không muốn đi làm ngày anh rời Sài Gòn. Em không muốn người trong sở biết em buồn vì em vừa đi tiễn anh. Thường người ta nghĩ ông bỏ Mỹ về nước sẽ không trở lại với cô bỏ Việt Nam. Em không muốn ai nghĩ tội nghiệp cho em. Em tin những lời anh hứa hẹn. Nếu cưới em, em sẽ không để anh rời em nửa bước và đi đâu một mình. Lúc nào em cũng sẽ ở bên anh để không bao giờ buồn và cô đơn nữa. Anh có biết em yêu anh lắm không?

08-01-70

Anh có nhớ người bạn học thân nhất của em tên Kim, có chồng người Indonesian không? Họ vừa đến từ biệt em tối qua và rời Sài Gòn sáng nay. Kim hỏi về anh. Em nói với Kim tất cả những gì anh nói với em. Bạn em đồng ý hoàn toàn. Mỗi lần em nghĩ tới Kim, em rất phục cô bạn. Kim đã rất can đảm theo chồng về xứ lạ và là một xứ có nhiều hủ tục hơn cả Việt Nam và rất ít người Việt. Nhưng họ yêu nhau, có con và rất hạnh phúc. Đó thật sự là tình yêu.

Em tin rằng anh và em sẽ yêu thương nhau như họ yêu thương nhau vậy.

09-01-70

Chiều nay sau khi rời Vietnamese American Association (VAA), em đã đi đến tiệm may lấy bộ *pajamas* làm quà tặng anh. Em sẽ ôm bộ đồ ngủ này mỗi đêm để khi về Mỹ, anh mặc nó và sẽ cảm thấy hơi hường em và nhớ tới em.

Em chưa nói với anh rằng em đã đậu lớp VAA trước. Một học viên nói với em, lớp tới của em sẽ có thầy giáo Việt Nam. Ông ta nói tiếng Anh nhanh, nhưng chắc không giỏi bằng anh, người bạn trai của em. Lẽ dĩ nhiên rồi. Em nghe nói ông thầy này rất khó. Ông đã cho cả một lớp trượt. Em mong rằng ông ta sẽ không làm như thế với lớp em.

Em tự hỏi rằng, nếu anh không trở lại, anh không đem em về Mỹ, em học tiếng Anh để làm gì? Tiếng anh của em vừa đủ để làm việc của em bây giờ. Em không cần học tiếng Anh nữa nếu em không nghĩ tới anh, tới tương lai của chúng ta. Anh biết thế không, anh yêu?

Ngày mai anh sẽ trở lại Sài Gòn để từ biệt em trước khi anh về xứ. Chẳng còn bao ngày anh ở bên em trước khi anh đi và đi xa lắm. Em sẽ phải xa anh bao lâu nữa? Và bao lâu nữa chúng ta sẽ được sống bên nhau. Em sẽ cô đơn lắm nhưng em sẽ chờ anh. Em cầu nguyện...

Anh biết không, chữ ký của em nét cuối giống như chữ S, tên họ viết tắt của anh. Đó là định mệnh chăng? Em sẽ giữ chữ ký hiện tại cho đến khi

nào trở thành vợ của anh và không bao giờ xa anh.

Yêu anh,

D.

Sài Gòn, 23-01-970

Anh yêu,

Em mới nhận được thư anh sáng nay, em đọc đi đọc lại mấy lần. Thư anh làm ấm áp thân thể em. Buổi trưa trong sở, khi em nhắm mắt ngồi nghỉ tại ghế. Em mơ thấy anh ôm và hôn em. Em chợt tỉnh và cảm thấy như có hơi ấm của anh bên cạnh. Em nhớ anh thật nhiều. Anh yêu dấu, khi hiểu rằng anh đang ở xa, em càng nhớ anh hơn.

Hôm đưa tiễn anh tại phi trường, người bạn Việt Nam của anh đưa em về nhà. Em không thể ngủ trưa hôm đó. Em lấy ra tất cả hình ảnh anh chụp cho em và xem lại rồi để vào album. Tim em trống vắng và phòng của em cũng vậy. Em hiểu rằng nếu không có anh trong đời em sẽ không bao giờ vui nữa.

Từ khi anh đi, em cảm thấy mệt mỏi ở nhà, ăn không ngon, ngủ thật ít và chán nản làm việc sở. Em sợ sút cân nên phải uống thuốc bổ. Nhưng bây giờ em cảm thấy khỏe hơn rồi, có lẽ vì vừa nhận được thư anh.

Trong thư anh nói rằng, biết đâu khi xa anh, em sẽ có bạn trai mà không phải là anh. Đừng nói vậy, làm em buồn vì nghĩ rằng anh nghi ngờ em. Nhưng biết đâu anh cũng sẽ đổi ý hứa hẹn và muốn em có bồ nhỉ? Nếu anh không muốn những sự việc này làm cho nhau buồn thì không nên nhắc đến ở những thư

sau. Em muốn nhắc lại rằng, em sẽ không thay đổi và sẽ chờ anh. Không ai sẽ là "ông xã em" ngoài anh. Yêu anh và nhớ anh thật nhiều...

Anh yêu dấu

Một điện tín vừa đến em cách đây một giờ. Khi mới thấy nó, em lo lắng. em chưa bao giờ nhận được điện tín từ ai cả. Em lo có chuyện gì nguy hiểm xảy đến cho anh. Nhưng cảm ơn Thượng Đế. Không có gì nguy hiểm cho người yêu của em cả. Điện tín chỉ nói anh yêu em, nhớ em và sẽ gặp em một ngày thật gần. Anh thương em đến thế ư? Em vui lắm, không còn buồn, không còn cô đơn trong lúc này, nhưng vẫn nhớ anh, nhớ anh thật nhiều.

Anh biết không, ngoài bì thư, anh để sai số phòng làm việc của em nên cái điện tín trước khi tới em đã bị chuyển qua nhiều phòng khác cho vài cô có tên trùng với tên em. Rất may mắn em nhận được nó. Cảm ơn anh. Nhưng như vậy là cả sở biết em có người yêu rồi. Em rất sung sướng và hạnh diện vì anh.

Yêu anh.

D.

Sài Gòn, 26-01-1970

Anh yêu,

Em mới nhận được lá thư thứ hai của anh cách đây một giờ. Em nhớ anh lắm. Em muốn gửi anh tất cả những thư em đã viết cho anh như viết nhật ký, từ lúc anh rời Sài Gòn. Nhưng em đợi anh về tới Chicago, có địa chỉ nhất định, em sẽ gửi tất cả những thư em viết cho anh.

Anh sẽ hiểu em yêu anh, nhớ anh đến thế nào. Và, anh sẽ vui, không lo lắng về em nữa. Anh sẽ không buồn và cảm thấy khỏe người hơn phải không?

Hôm nay chắc anh đã tới Chicago nhỉ? Anh viết cho em ngay nhé. Tất cả mọi lá thư đều không quan trọng với em bằng những lá thư gửi cho em từ U.S. Bởi vì những lá thư đó cho em biết anh yêu em, nhớ em, anh đang làm gì cho chúng ta. Em chờ tin anh mỗi ngày.

Hôm nọ, Jane mời em đến tiệc Tết tại nhà cô ấy. Em nhận lời vì muốn tỏ lịch sự và thân thiết, nhưng em không chắc chắn sẽ đến dự hay không. Tiệc của họ ngày thứ sáu 30 tháng 2. Thứ bảy 31 tháng 2 sẽ là tiệc của sở em. Còn 9 ngày nữa là Tết. Sẽ có nhiều tiệc khắp mọi nơi.

Anh yêu dấu, anh biết lúc nào em nhớ anh nhất không? - Mỗi đêm trước khi tắt đèn đi ngủ, em để tấm khăn tay còn hơi hương dễ thương của anh trên ngực và ôm gồi tưởng tượng về anh và em khóc... Mỗi buổi sáng, trước khi đi làm em hôn tấm ảnh đẹp trai của anh để lấy sức lực cho một ngày đi làm. Đó là tất cả thói quen hiện tại của em.

Em chúc anh khỏe mạnh, may mắn và luôn luôn nhớ em. Viết cho em vài chữ mỗi ngày nhé.

Yêu anh và nhớ anh nhiều.

D.

Sài Gòn, 29-01-70

Anh yêu,

Cả ngày hôm qua, tại sở, em buồn vì không nhận được thư anh. Nhưng khi

về đến nhà em nhận được một cái. Em cảm thấy khỏe người và vui ngay. Trong thư anh nói rằng anh mong nhận được thư của em khi tới Chicago. Tội nghiệp anh! Em viết cho anh nhiều, nhưng chưa gửi đi cái nào vì muốn đợi khi nhận được thư anh viết từ Chicago rồi em sẽ gửi tất cả một lúc. Em xin lỗi đã làm anh buồn.

Đã 7 ngày rồi, từ khi anh viết cho em cái thư này. Không biết anh còn ở Chicago hay ở Washington bây giờ. Anh đã đi gặp ba mẹ anh chưa? Ông bà có khỏe không? Anh bảo em viết cho ba mẹ anh và nói với ông bà rằng em yêu anh thực tình. Nhưng em nghĩ rằng anh nên nói với ba mẹ anh về chúng ta trước, rồi em sẽ viết cho ông bà sau.

Tối qua mẹ em cũng đến thăm em. Em nói hết về chuyện chúng ta. Bà không có ý kiến gì, chỉ thờ dài và nói em phải suy nghĩ cẩn thận trước quyết định to lớn và quan trọng một lần nữa.

Em sẽ ở nhà không đi đâu xa trong những ngày nghỉ Tết. Em sẽ viết thư cho anh, đọc báo Tết và nghỉ ngơi. Ngày mừng một Tết em sẽ để tiền vào bao thư đỏ cho các con em. Em sẽ nói anh không quên chúng, anh vẫn yêu chúng và bao thư đỏ là của anh gửi từ U.S. lì xì chúng. Các con em sẽ vui mừng khi nghe vậy.

Nhà bưu điện Việt Nam sẽ đóng cửa trong ba ngày Tết. Em sẽ bắt đầu đợi thư anh từ ngày thứ tư. Em muốn nhận thư anh mỗi ngày. Thư anh là liều thuốc làm em khỏe trong những ngày chờ đợi anh. Anh rời Sài Gòn đã 10 ngày, em nhận được ba thư và một điện

tín của anh. Em rất sung sướng vì tin tưởng anh yêu em và nhớ em thật tình. Em mong thời gian trôi qua nhanh. Em sẽ kiên nhẫn chờ tin anh và mong rằng đó sẽ là tin vui cho chúng ta.

Em vẫn thường xuyên đi học tại VAA. Mất 15 phút cho em đi bộ từ sở đến lớp học, không khó khăn gì. Đôi khi em thích đi một mình như thế để tự do nghĩ tới anh và nhớ anh. Nếu không có anh trong đời, em sẽ không thích sống nữa.

Một nhân viên Mỹ vừa hỏi em: "Cô đang nhớ bồ đấy hả?" Vì em ngồi im lặng như pho tượng. Em trả lời: "Yes!"

Em đã làm hết việc trong ngày và ngồi viết thư cho anh đó. Sẽ gặp anh trong thư sau. Em luôn luôn yêu anh, nhớ anh và mong chúng ta sẽ được gặp lại nhau một ngày không xa.

Yêu anh.

D.

Sài Gòn, 01-02-1970

Anh yêu,

Em nhận được lá thư thứ năm và thứ sáu của anh sáng nay. Em rất vui mừng. Em không nghĩ rằng em xinh đẹp như anh nói. Nhưng em tin rằng anh yêu những gì về em.

Em vui mừng hơn, chúng ta đã qua một khó khăn. Em đồng ý, anh giữ sự ly thân nhẹ nhàng và thân thiện.

Bây giờ em lại đợi tin vui về việc làm của anh. Em mong rằng anh sẽ được trở lại Sài Gòn. Nhưng nếu anh có việc làm ở nước khác hoặc ở Washington, em sẽ đi theo anh, nếu anh

muốn. Hãy kiên nhẫn đợi một việc tốt và giữ gìn sức khỏe. Người ta không tin anh sẽ trở lại với em và sẽ không đưa em đi với anh. Nhưng em tin, không lâu, chúng ta được sống với nhau.

Thứ sáu tuần trước em đi dự một tiệc nhỏ của Jerry. Có vài người Việt bạn anh ở đó. Em muốn về sớm. Một ông nói rằng, nên đợi các khách khác về trước rồi hãy về sau họ. Ông ta rất lịch sự và đưa em về nhà 11 giờ đêm, sau cơn mưa cuối năm. Sài Gòn còn lạnh buổi sáng và buổi tối. Em phải mặc áo khoác dạ mỏng đi làm và mỗi khi ra ngoài ban đêm.

Như trong thư trước em nói, sở em đã có tiệc Tết tại tiệm bò bẫy món, Bar Ánh Hồng, gần nhà em. Tiệm rất đông thực khách từ vài tuần trước Tết. Em nhớ anh nhiều hơn ở bữa tiệc sở và ở nhà Jerry.

Cúc mời em đi một tiệc tối thứ tư, em từ chối. Tối qua cô ấy tới nhà năn nỉ và hứa sẽ đưa em về nhà sau tiệc. Em nể và nhận lời. Anh đừng lo, em sẽ cho mọi người trong tiệc biết rằng em là bạn gái lịch sự và đứng đắn của anh.

Em mong anh viết thư cho em nhiều hơn. Không có anh, không nhận được thư anh em lười ăn và không muốn cả đi làm nữa.

Yêu anh và yêu anh mãi.

D.

Sài Gòn, 04-02-1970

Anh yêu,

Thư này là thư thứ tư em viết cho anh. Có thể anh nhận được sấp thư thứ nhất của em rồi.

Khi em đi làm về đến nhà tối qua thì nhận được thư thứ bảy của anh. Em vui mừng anh có nói chuyện ôn hòa và giữ tình bạn trong việc ly thân. Em mong rằng mọi chuyện sẽ êm đẹp cho chúng ta.

Hôm nay là ngày cuối em đi làm trước khi nghỉ Tết, và em được về sớm. Em có bốn ngày nghỉ. Nếu anh có ở đây, chúng ta sẽ đi chơi ra ngoài thành phố nhỉ?

05-02-1970

Hôm nay là ngày mùng một Tết. Em ở nhà cả ngày. Em không đi đến nhà mẹ. Em không muốn mọi người nhìn thấy cảnh cô đơn của năm mẹ con em. Chúng không vui vì chúng không nhận được nhiều phong bao tiền Tết.

Nhưng chiều nay mẹ và chị em gái, em trai, em rể cùng con cái họ đến thăm mẹ con em. Các con em lại vui ngay vì được nhiều tiền mừng tuổi. Nhưng mẹ chúng thì chẳng được ai cho gì cả. Em chờ anh cho em đây nhé. À, em tìm thấy một bao thư đỏ với 100 đồng trong một bao thư lớn anh để lại nhà em và 5 phong bao tiền Tết em nhận được ở sở. Vậy, em cũng có 6 cái bao thư tiền mừng tuổi đây chứ.

Sau khi mọi người về, em đọc một truyện ngắn trong báo Tết. Em có thói quen trong dịp Tết chọn đọc một truyện đầu tiên hay và vui, mong được vui cả năm. Chuyện em đọc có cái đầu đề là

"Đôi Đồi" ... được dịch từ Hoa ngữ.
*"Một thiếu nữ thương một thư sinh trẻ.
Nhưng người thư sinh nghèo lắm. Cha mẹ thiếu nữ không cho phép cô cưới chàng thư sinh. Ngày chàng thư sinh lên kinh đô thi, cô thiếu nữ cũng đi theo. Vào kinh đô, hai người ở với nhau cho đến khi chàng thư sinh đậu Cao Học và trở thành quan lớn. Khi hai người trở về làng cũ gặp cha mẹ nàng, nàng nói với chàng để nàng đi trước. Khi chàng đến nhà nàng, thị tỳ ra nói rằng người con gái mà chàng yêu đã bệnh từ hai năm nay. Nàng chỉ nằm trên giường, không nói, không ăn gì suốt thời gian qua. Chàng ngạc nhiên lắm. Người con gái nào đã ở với chàng hai năm ở kinh đô? Khi chàng tới bên giường nàng, cầm tay nàng và gọi tên nàng. Người con gái nghe tiếng người yêu, nàng mở mắt và mỉm cười với chàng. Nàng không còn bệnh nữa. Cha mẹ nàng làm đám cưới cho hai kẻ yêu nhau. Nhưng chàng vẫn thắc mắc về chuyện lạ đó. Một người bạn của chàng giải thích rằng, vì vợ chàng yêu chàng quá nên linh hồn và thể xác của nàng tách rời ra hai phần, một phần đi theo chàng, phần xác ở lại nhà và chờ chàng..."*

Chuyện của chúng ta cũng một chút giống truyện Trung quốc đó. Buổi đầu chúng ta gặp khó khăn, nhưng cuối cùng chúng cũng sẽ vượt qua hết.

06-02-1970

Ngày mùng hai Tết. Các con em vừa đi Vũng Tàu với cha chúng sáng nay. Chỉ có em và người làm trong căn nhà

trống vắng. Em buồn và cô đơn hơn bao giờ hết.

Một cô bạn cùng sở vừa đến chúc Tết em. Em chụp hình và tặng cô ta một phong bao Tết đỏ.

Em cũng đến thăm hai người bạn trong xóm, Huyền và Thu mà anh biết. Họ cũng qua nhà em ngồi nói chuyện một lúc, khi họ đi khỏi em lại trở về với cô đơn và buồn như bây giờ.

Ngày mai em sẽ đi nhà thờ và cầu nguyện cho cái gia đình nhỏ bé của em được mọi sự an lành, cho chúng ta toại nguyện.

Ngày mốt em sẽ trở lại đi làm, em mong thư anh sẽ chờ em ở đó. Em ước gì có thể biết được khi nào chúng ta có thể gặp lại nhau. Em cần có anh hơn tất cả mọi điều khác.

Yêu anh,

D.

Sài Gòn, 09-02-1970

Anh yêu,

Hôm này là ngày đầu tiên mọi người trở lại sở sau 4 ngày nghỉ Tết. Em không bận việc lắm. Lá thư của anh mà em chờ đợi đã tới. Em vui mừng anh đã bắt đầu tiến hành mọi việc cần thiết để chúng ta có thể tự do chung sống. Nhưng thủ tục thì sẽ còn lâu. Phải chờ đợi vậy.

Anh nói rằng anh muốn bỏ việc ngoại giao, làm phóng viên báo chí trong cái xứ sở đầy chiến tranh này, để trở lại ngay với em. Anh không nên bỏ việc hiện tại. Em hãnh diện vì anh có chức vụ ngoại giao này. Em chỉ muốn anh là một công chức chân chỉ, hiền

lành bên em mà thôi. Anh đừng vội vàng quyết định. Rồi có thể anh ân hận mọi chuyện không được như ý muốn.

Anh phải giữ gìn sức khỏe. Nếu anh không phải dự tiệc hay tiếp tân thì ở nhà chỉ nên uống một ly rượu trước khi đi ngủ thôi. Anh cần sức khỏe để còn bay nữa vòng trái đất trở lại thăm em chứ?

Khi đánh máy thư cho em, em muốn anh viết tay vài hàng trên đầu thư, vài hàng cuối thư và đừng quên ký tên trước khi gửi thư cho em nhé. Thư anh đánh máy dễ đọc với em hơn, nhưng có vài hàng viết tay của anh em vẫn cảm thấy lời thư của anh nồng ấm hơn.

Hẹn gặp anh thư sau.

Yêu anh,

D.

Sài Gòn, 11-02-1970

Anh yêu,

Em hết buồn khi nhận được thư anh lúc 3 giờ chiều tại sở. Khi về nhà em lại nhận được hai cái nữa. Vậy là 11 thư anh viết cho em từ khi anh rời Sài Gòn. Cảm ơn anh. Thư anh là niềm hạnh phúc hiện tại của em.

Em đã viết cho anh 6 thư rồi đấy. Thư này là thứ 7. Tội nghiệp, anh tưởng rằng em sẽ quên anh trong một tháng ư? Em không dễ dàng đến thế đâu. Nếu em muốn thì em đã đi rất nhiều tiệc trong dịp Tết dù em bận rộn với gia đình. Nhưng em đã không đi một tiệc nào cả.

Em nghĩ tới anh hoài, nhất là ban đêm trước khi đi ngủ. Em đọc lại

những thư của anh hoài và khóc vì vui, vì buồn, vì cô đơn.

Em vẫn đi học Hội Việt Mỹ. Tối nay là lớp học đầu tiên sau Tết. Trong dịp Tết mẹ em có đến thăm em một lần. Em trai của em vẫn đến dạy các con em học. Em trai khác của em sẽ đi du học U.S. vào tháng tư. Ngày mai em sẽ đi gặp luật sư và hỏi về thủ tục lấy thông hành. Em nghe nói lấy thông hành để đi chơi thì khó, nhưng để đi gặp chồng thì rất dễ. Vâng, em chỉ muốn đi gặp anh như một người vợ. Chúng ta sẽ ở Washington nơi anh làm việc. Chúng ta sẽ có một gian nhà nhỏ, nhưng phải có cái bếp tiện nghi. Em sẽ nấu ăn cho anh mỗi ngày, không cần có người làm. Chúng ta không phải đi ăn tiệm hoài, nhưng khi có phim hay anh phải đưa em đi xem đấy nhé. Những ngày cuối tuần em cũng muốn anh đưa em đi thăm thú phong cảnh di tích lịch sử trong vùng hay các tiểu bang khác. Tình yêu sẽ làm chúng ta yêu đời và âm áp suốt mùa đông. Chúng ta sẽ tìm lại những mùa xuân đã mất. Chúng ta sẽ không hờn giận với những nắng mưa mùa hè, không cô đơn những mùa thu xám. Tuổi đời càng chồng chất, chúng ta sẽ càng thương yêu nhau hơn. Có đúng thế không, anh yêu? Hẹn anh thư sau. Hôn anh.

D.

(Còn tiếp)

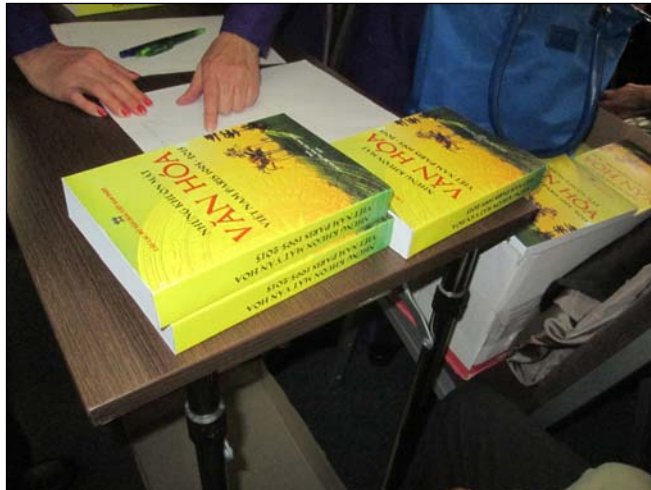
Dịch từ những lá thư Anh gửi cũ của
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

« NHỮNG KHUÔN MẶT VĂN HÓA VIỆT NAM PARIS, 1995-2015 »

Thay mặt Câu lạc bộ Văn hóa Việt Nam Paris, chúng tôi xin gửi đến quý bạn đọc lời chào quý mến.

Từ biến cố 75 đến nay đã hơn 41 năm đối với dòng lịch sử dân tộc quá ngắn ngủi, nhưng đối với đời người quả là một thời gian dài ! Sau biến cố đau thương ấy người Việt như đàn chim vỡ tổ bất chấp mọi hiểm nguy ào ạt bỏ nước ra đi theo dòng sử mệnh mang theo cả tâm tình quê hương đến xứ người. Cùng một hoàn cảnh, chúng tôi những người mang tâm hồn nghệ sĩ luôn hướng về Chân Thiện Mỹ, và ca ngợi những



gì tạo hóa đã ban cho con người nên đã chọn con đường phục vụ văn hóa. Đây là một hành trình rất gian nan ! Trong dòng lịch sử cận đại tiếp nối đến nay, người cộng sản đã nhiều lần tận diệt văn hóa qua những vụ án Nhân Văn Giai Phẩm cầm tù nhà văn, đốt sách báo, cấm văn hóa "đồi trụy", cấm nghe nhạc vàng ..vvv..Chọn con đường văn hóa là chúng tôi muốn góp chút sức nhỏ mọn để bảo tồn những cái hay cái đẹp mà con người đã nhân danh chủ nghĩa cấm những văn hóa khác với quan điểm của họ mà họ cho là 'văn hóa đồi trụy', và cố tìm cách hủy diệt'. Suốt mấy chục năm qua chúng tôi cùng bằng hữu khắp nơi đã cố gắng cho in lại một số sách cũ và giới thiệu những sáng tác mới. Nhiều khuôn mặt tác giả, nhiều tác phẩm đã trình làng tại Paris.

Là những người chủ trương và trách nhiệm việc thực hiện, chúng tôi xin có đôi lời giới thiệu tác phẩm « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris ». Nhưng trước đó, chúng tôi xin có đôi lời giới thiệu câu lạc bộ của chúng tôi.

1. « CÂU LẠC BỘ VĂN HÓA VIỆT NAM PARIS » đã được thành lập vào năm 1994 do một số nhân sĩ trí thức ở Paris, mà những vị sau đây đã tích cực góp công sức cho câu lạc bộ lúc ban đầu : nhà thơ GS bác sĩ Bằng Vân Trần Văn Bằng, nhà thơ Đỗ Bình, nữ sĩ giáo sư Minh Châu Thái Hạc Oanh, nữ sĩ giáo sư

Phạm Thị Nhung, nhà thơ bác sĩ Phương Du Nguyễn Bá Hậu và họa sĩ Nguyễn Đức Tăng.

Thành viên câu lạc bộ đa số thuộc giới trí thức văn nghệ sĩ, trong đó có một số người thuộc Văn Bút VN Hải Ngoại, hội thơ Ba Lê Thi Xã, văn nghệ sĩ tự do Paris... Xin trích lời phát biểu của nhà thơ Phương Du về Ba Lê Thi Xã đăng trên nguyệt san Á Châu và VN Forum : «**Ba Lê Thi Xã**, một hội thơ có khuynh hướng Đường Thi do hai cố thi sĩ Hương Bình Gs Cao Văn Chiểu và Hàm Thạch Gs Nguyễn Xuân Nhẫn sáng lập vào năm 1981... Thời gian sau, Nữ sĩ Minh Châu Gs Thái Hạc Oanh cùng với nhà thơ Phương Du là những cột trụ của Ba Lê Thi Xã. Hội quy tụ nhiều trí thức khoa bảng, như giáo sư đại học, bác sĩ, luật gia, học giả, dịch giả...vv...nhưng có tâm hồn thơ, nên có nhiều người đã thành danh trong làng thơ trước 75 và hiện nay. Thời gian trôi đi, nhiều người trong nhóm đã khuất như : nhà thơ Đào Trọng Đủ, nhà thơ Hương Bình Cao Văn Chiểu, nhà thơ Hàm Thạch Nguyễn Xuân Nhẫn, nhà thơ Bằng Vân Trần Văn Bằng, nhà thơ Đan Đức Nhân, nhà thơ Huỳnh Khắc Dụng, nhà thơ Lương Giang Phạm Trọng Nhân, nhà thơ Phương Linh Đỗ Quang Trị, nhà thơ Nguyễn Thường Xuân, nhà thơ Việt Hoài, nữ sĩ Liên Trang Phạm Thị Ngoạn (Ái nữ cụ Phạm Quỳnh), nữ sĩ Thanh Liên, Nhà thơ Song Thái Phạm Công Huyền, nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh, nhà thơ Vân Uyên Nguyễn Văn Ái, nhà thơ Hương Giang Thái Văn Kiểm. Những người còn sống như: nữ sĩ Quỳnh Liên Công Tăng Tôn Nữ Quỳnh Liên, nữ sĩ Phạm Thị Nhung, nhà thơ Khuê Trai Vũ Quốc Thúc, nhà thơ Phương Du Nguyễn Bá Hậu, nhà thơ Hoài Việt Nguyễn Văn Hương, nhà thơ Hồ Trọng Khôi, nhà thơ Đỗ Bình ...vv... Nhà thơ Đỗ Bình là người trẻ tuổi nhất đã bỏ ra nhiều công sức giúp ích rất đắc lực cho Ba Lê Thi Xã quy tụ những nhà văn nhà thơ hải ngoại....».

Do uy tín và với trách nhiệm bảo tồn, phát huy Văn Hóa Việt của những người chủ trương, nên CLB đã được sự hưởng ứng của nhiều tài năng không chỉ riêng ở Paris, mà cả thêm nhiều người ở nước Pháp, Châu Âu và Hoa Kỳ. Xin được kể tên những vị đã giúp cho vườn hoa văn hóa Việt nơi xứ người thêm rực rỡ, và làm cho câu lạc bộ có nhiều màu sắc và kéo dài sinh hoạt trên hai mươi năm : Nữ sĩ Phạm Thị Nhung, Nữ sĩ Thái Hạc Oanh, Nữ sĩ Vân Nương Trần Thị Vân Chung, Nữ sĩ Liên Trang Phạm Thị Ngoạn (ái nữ của cụ Phạm Quỳnh) Nữ sĩ Chân Phương Lê Mỹ, Nữ sĩ Quỳnh Liên Công Tăng Tôn Nữ Quỳnh Liên, Nhà thơ nữ Thiên Định, Nhà thơ nữ Hoàng Minh Tâm, Nhà thơ nữ Hoàng Bích Đào, Nhà thơ nữ Bạch Vân, Nhà thơ nữ Thụy Khanh, Nhà thơ nữ Bích Xuân, Nhà thơ nữ Huyền Mi, Nhà thơ nữ Dã Thảo, Nhà thơ nữ Thụy Hương, Nhà thơ nữ Hà Lan Phương, Nhà thơ nữ Từ Thạch, Nhà văn nữ Nguyễn Mây Thu, Nhà văn nữ Vân Hải,.. Nhà thơ Phương Du, Nhà thơ Song Thái Phạm Công Huyền, Nhà thơ Vân Uyên Nguyễn Văn Ái, Nhà thơ Hoài Việt Nguyễn Văn Hương, Nhà thơ Hồ Trọng Khôi, Nhà thơ Thanh Tuệ , Nhà thơ, nhà biên khảo Hương Giang TS Thái Văn Kiểm, Nhà thơ Gs Đoàn Đức Nhân, Nhà thơ Khuê Trai GS Vũ Quốc Thúc, Nhà thơ nhà

biên khảo Lương Giang Phạm Trọng Nhân, Nhà thơ BS Văn Bá Nguyễn Văn Ba, Nhà thơ, nhà biên khảo Phượng Linh Đỗ Quang Trị, Nhà thơ Âu Dương Trọng Lễ, Nhà biên khảo Gs Võ Thu Tịnh, Nhà biên khảo Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Nhà thơ Ngân Đoài, Nhà thơ BS Kim Thành Xuân, Nhà thơ Hoa Tiên Phan Thế Nghiệp, Quyện Tâm Nguyễn Xuân Lang, Nhà thơ Hồ Minh Đào, Nhà văn An Khê Nguyễn Bình Thịnh, Nhà văn Hồ Trường An, Nhà văn Nguyễn Thùy, Nhà văn Trần Đại Sỹ, Nhà văn Tô Vũ, Nhà văn Từ Trì, Nhà văn Mạnh Bích, Nhà văn Võ Đức Trung, Nhà văn Tiểu Tử, Nhà văn Trần Trung Quân, Nhà văn Từ thức, Nhà Văn Trần Tam Nguyên, Nhạc sĩ Xuân Lôi, Nhạc sĩ Trịnh Hưng, Nhạc sĩ Trần Văn Trạch, Nhạc sĩ Anh Việt Thanh, Nhạc sĩ Xuân Vinh, Nhạc sĩ Anh Huy, Nhạc sĩ Đào Tuấn Ngọc, Nhạc sĩ Lê Khắc Thanh Hoài, Nhạc sĩ Nguyễn Thanh Vân, Nhạc sĩ Jules Tambicannou, Nhạc sĩ Nguyễn Minh Châu, Nhạc sĩ Phạm Đăng, Nhạc sĩ Hoàng Hoa, Nhạc sĩ Đoàn Văn Linh, Nhạc sĩ Nguyễn Minh



Mạch, Nhạc sĩ Quách Vĩnh Thiện, Nhạc sĩ Minh Nhật, Nhạc sĩ Nguyễn Phúc Bửu Phôi, nhạc sĩ Nhạc Lê Phương, Nhạc sĩ Nguyễn Đình Tuấn, Nhạc sĩ Phạm Ngọc Lân, Nhạc sĩ Quốc Kỳ Vũ Quốc Hùng, Nhạc sĩ Minh Sơn, Nhạc sĩ Nguyễn Linh Chi, Nhạc sĩ Lê Như Quốc Khánh, Nhạc sĩ Xuân Giao, Nhạc sĩ Đình Đại, Nhạc sĩ Michel Tùng, Nhạc sĩ Bảo Đức, Nhạc sĩ Châu Quốc Hùng, Nhạc sĩ Đan Thanh, GSTS Lê Mộng Nguyên, GSTS Phạm Đình Liên, GSTS Nguyễn Đăng Trúc, GSTS Trần Văn Cảnh, GSTS Âm nhạc Quỳnh Hạnh, GSTS Thomas LARGER, TS Từ Thu Hương, TS Võ Hùng Anh, Nhà thần học TS Nguyễn Tấn Phước, Nhà phê bình văn học Liễu Trương, Nhà văn hóa Phượng Anh, GS Bùi Sỹ Thành, GS Trịnh Khải, GS Hoàng Đức Phương, GS Nguyễn Thị Hoàng, Nhà báo Nguyễn Bảo Hưng, Nhà báo Phạm Hữu, Nhà báo Kim Long, Nhà báo Liễu Phong, KS Nguyễn Quý Toàn, KS Lê Minh Triết, DS Đặng Quốc Cơ, BS Nguyễn Bá Linh, BS Phan Khắc Tường, LS Nguyễn Đăng Trình, LS Trần Thanh Hiệp, LS Nguyễn Văn Hoàng, Họa sĩ Lê Tài Điển, Họa sĩ Vũ Thái Hòa, Họa sĩ Nguyễn Đức Tăng, Họa sĩ Ngọc Tuyết, Họa sĩ Trúc Tiên, Điêu khắc gia Anh Trần, Điêu khắc gia Vương Thu Thủy, Đạo diễn Trần Song Thu, Nhà quay phim Võ Anh Tuấn, Nhiếp ảnh gia Huỳnh Tâm, Danh ca Thanh Hùng, Danh ca Cao Thái, Danh ca Thanh Phong,

Nghệ sĩ Hữu Phước, Ca sĩ Mạnh Cường, Ca sĩ Kim Nga, Ca sĩ Bạch Yến, Ca sĩ Thiên Nga, Ca sĩ Thu Hương, Ca sĩ Mỹ Hòa, Ca sĩ Họa Mi, Ca sĩ Minh cảm, Ca sĩ Đỗ Quyên, Ca sĩ Kim Thu, Ca sĩ Tuyết Mai, Ca sĩ Hải Yến, Ca sĩ Ngọc Châu, Ca sĩ Ngọc Xuân, Ca sĩ Tuyết Dung, GS nghệ sĩ Bích Thuận, Nghệ sĩ Mộng Tuyền, Nghệ sĩ Diệu Khánh, Nghệ sĩ Thúy Hằng, Nghệ sĩ Thụy Hương, Nghệ sĩ Linh Chi....Phan Thu Thủy, Bạch Sương, Châu Văn Lộc, Bà Nguyễn Bích Lộc....

Mỗi năm CLB sinh hoạt ít nhất 4 lần, về các chuyên đề : đạo lý, triết lý, văn chương, khoa học, hội họa, điêu khắc.

Những khuôn mặt trong giới văn học nghệ thuật ở khắp nơi đã từng sinh hoạt với CLB :

Á châu : Nhật Bản : Nhà nghiên cứu văn học Đỗ Thông Minh. Úc châu : Nhạc sĩ Lệ Mai & Phạm Quang Tuấn, Nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc.

Âu Châu : Na Uy : Nữ sĩ Nguyễn Thị Vinh, Nhà văn Nguyễn Hữu Nhật. Đan Mạch : Nhà báo Đặng Văn Nhâm. Anh Quốc : Nhà báo Mạc Kinh. Đức Quốc : Nhà văn Bùi Hạnh Nghi, Nhà văn Trần Phong Lưu, Nhà văn Vũ Nam, Nhà thơ Tuy Anh, Nhà thơ Mai Vi Phúc, Nhà thơ Võ Thị Trúc Giang, Nhà báo Phạm Văn Kiểm., Nhà biên khảo Nguyễn Văn Nhiệm...Thụy Sĩ : Nhà văn Nguyễn Thùy.

Gia Nã Đại : GS Lê Hữu Mục, GS Võ Long Tê, Nhà văn Trà Lũ, Nhà văn Tiểu Thu, Nhà văn Hải Triều, Nhạc sĩ Lê Đình, Nhạc sĩ Trường Sa, Nhạc sĩ Phạm Mạnh Cường, Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Nghĩa, Nhiếp ảnh gia Nguyễn Đăng Trình.

Mỹ Quốc : Nhà văn Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh, Nhà nghiên cứu văn học GS Nguyễn Ngọc Bích, Nhà văn Phan Nhật Nam, Nhà văn Nguyễn Vũ, Nhà văn Dương Huệ Anh, Nhà văn Song Nhị, Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, Nhà văn Trần Phong Vũ, Nhà văn Chu Tất Tiến, Nhà văn Trà Nguyễn, Nhà văn Hoàn Nguyễn, Nữ sĩ Vi Khuê, Nữ sĩ Trương Anh Thụy, Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nhà văn Phong Thu, Nhà văn Tôn Nữ Mạc Giao, Nhà văn Linh Linh Ngọc. Nhà thơ Cung Trầm Tưởng, Nhà thơ Hà Huyền Chi, Du Tử Lê, Nhà thơ Hà Bình Trung, Nhà thơ Trần Thiện Hiệp, Thi Họa sĩ Vũ Hối, Nhà thơ Ngô Đức Diễm, Nhà thơ Lê Mai Lĩnh, Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, Nhà thơ Như Hoa Lê Quang Sinh, Nhà thơ Lưu Nguyễn Đạt, Nhà thơ Phan Khâm, Nhà thơ Hà Trung Yên, Nhà thơ Hoàng Trùng Dương, Nhà thơ Cao Nguyên, Nhà Thơ Lê Trọng Nghĩa, Nhà thơ Duy An Đông, Nhà thơ Phạm Ngọc, Nhà thơ Dư Thị Diễm Buồn, Nhà thơ Phan Ngọc An, Nhà thơ Hoàng Xuyên Anh, Nhà thơ Ngọc Bích, Nhà thơ Huỳnh Mai Hoa, Nhà thơ Lưu Hồng Phúc, Nhà thơ Chúc Anh, Nhà báo Trùng Dương, Nhà báo Chu Kim Oanh, Nhà báo Hoài Thanh, Nhà báo Nguyễn Gia Bảo.

Nhạc sĩ Từ Công Phụng, Nhạc sĩ Vũ Thành An, Nhạc sĩ Đào Trường Phúc, Nhạc sĩ Việt Dũng , Nhạc sĩ Nguyệt Ánh, Nhạc sĩ Trần Quang Long, Nhạc sĩ Hồ Văn Sinh, Nhạc sĩ Miên Du Đà Lạt....

« Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris làm văn hóa ».

Trong buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật « Hương Mùa Hạ 29.06.2014 », một cuộc thảo luận phong phú và hào hứng hiếm có về ý nghĩa của từ « Văn hóa » [1] đã được mọi thành phần tham dự, giúp cho Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam ý thức rõ rệt ý nghĩa của từ văn hóa mà xác định được mục tiêu và đường hướng văn hóa của mình. Ba ý nghĩa về văn hóa đã được rõ rệt nêu ra và ba sứ mệnh văn hóa đã được nhìn thấy : 1. **Văn hóa theo nghĩa văn hiến, văn vật của Nguyễn Trãi mà góp phần bảo vệ, xây dựng đất nước, quốc gia như là một kẻ sĩ.** 2. **Văn hóa theo nghĩa văn hiến, văn chương, văn học của Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, mà góp phần bảo trì và phát triển văn hóa dân tộc, như là người biên soạn sách vở.** 3. **Và Văn hóa theo nghĩa cuộc sống con người hằng ngày của Đào Duy Anh mà biên soạn sách vở về mọi vấn đề liên hệ đến cuộc sống thường ngày của con người Việt Nam, có biến chuyển và mạnh yếu, theo thời gian và không gian.**

Từ việc xác định ba mục tiêu này, các hội thảo viên đã đưa ra một « Quyết định về đường hướng văn hóa của Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris » là : **« Góp phần xây dựng Văn hóa Việt Nam và lưu tâm gìn giữ phát triển sự trong sáng tiếng Việt ».** Đường hướng này cho thấy rõ “Mục tiêu thuần túy văn hóa của Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris nhằm giới thiệu và phổ biến những tác phẩm giá trị, dựa trên tiêu chuẩn cách viết có lưu tâm gìn giữ và phát triển sự trong sáng tiếng Việt. Các tác phẩm được phổ biến gồm nhiều loại : Sáng tác, phê bình văn học, biên khảo, dịch thuật do các thành viên của Câu Lạc Bộ hay do các văn nghệ sĩ của các Cộng Đoàn Việt Nam khác. Và tác phẩm của những tác giả xuất sắc có giá trị lâu dài ». Quyết định này là chặng đường quan trọng tiên quyết.

2. Tác phẩm « NHỮNG KHUÔN MẶT VĂN HÓA VIỆT NAM PARIS, 1995-2015 »

là một dự án văn học đưa ra một nhận thức về thân phận của mình, đồng thời ghi dấu và kỷ niệm 20 năm thành lập của « Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris » vào năm 2014. Dự án này đã được trình bày và các tham dự viên chấp thuận trong buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật « Paris, Chiều tưởng nhớ, ngày 26.10.2014 » [2].

Thiết kế dự án này là chặng đường thứ nhất, sau khi đường hướng đã được xác định. Nó nhằm áp dụng những mục tiêu và đường hướng văn hóa của CLBHVNP vào việc thực hiện một tác phẩm, hầu ghi nhận, phổ biến và lưu trữ những tác phẩm và tác giả có phẩm chất cao. Công việc hướng tới việc nhận định về môi trường, động lực, mà thiết kế đầu đề, mục đích, nội dung và cấu trúc tổng quát. Nội dung hướng về những tác giả văn nghệ sĩ Việt Nam tại Pháp, trong 20

¹ Xin xem phụ lục 1 : Văn hóa của Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris.

² Xin xem phụ lục 2 : Dự án tuyển tập « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris ».

năm, 1995-2015. Cấu trúc có thể xoay quanh những khía cạnh : sáng tác văn chương, luận khảo văn học, nghiên cứu văn hóa,...

Tổ chức thực hiện, là chặng đường thứ hai, đã được bàn thảo và quyết định trong hai ngày : ngày 05.11.2014 tại tư gia Thi sĩ Đỗ Bình và ngày 14.03.2015 tại tư gia Bác Sĩ Phương Du Nguyễn Bá Hậu. Ba ban làm việc đã được đề nghị và thành lập^[3].

Ban Điều Hành Chung có sứ mệnh góp ý, xác định đường hướng, chủ trương và thực hiện tổng quát gồm những vị sau đây : Nhà văn Hồ Trường An, TS Võ Hùng Anh, Nhà văn nhà thơ Đỗ Bình, Nhà văn hóa GSTS Trần Văn Cảnh, Bs Nguyễn Bá Hậu, Nhà báo Nguyễn Bảo Hưng GS Trịnh Khải, Nhà biên khảo Nguyễn Thanh, Nhà văn Mây Thu, Nhà văn GS Nguyễn Thùy, Nhà văn hóa Phượng Anh Nguyễn Quý Toàn, Họa sĩ Trúc Tiên. Chủ Nhiệm là Nhà văn nhà thơ Đỗ Bình.



Ban Biên Tập với sứ mệnh thành lập một ban biên tập, đề nghị nội dung và bố cục, liên lạc với các tác giả, và thông tin cho họ để họ xác nhận sự tham gia và góp ý về các nguyên tắc tổng quát biên soạn, về cấu trúc tổng quát và chi tiết của nội dung cuốn sách, về phân chia công việc, phân chia bài cho mỗi người và chọn lựa bài vở.

Ban Biên Tập của tuyển tập « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris gồm những vị sau đây : Nhà văn Hồ Trường An, GSTS Hà Ngọc Bích, Nhà Văn Nhà Thơ Đỗ Bình, nhà thơ Hương Bình, GSTS Trần Văn Cảnh, TS Phạm Trọng Chánh, GSBS Phạm Tu Chính, Thi sĩ BS Phương Du Nguyễn Bá Hậu, LS Trần Thanh Hiệp, Nhà báo Nguyễn Bảo Hưng, GS Trịnh Khải, GSTS Phạm Đình Liên, Nữ sĩ Quỳnh Liên, GSTS Lê Mộng Nguyên, Nhà văn Trần Tam Nguyên, GS Phạm Thị Nhung, Thi sĩ GS Hàm Thạch, Nhà biên khảo Nguyễn Thanh, GSTS Vũ Quốc

³ Xin xem phụ lục 3 : Tổ chức điều hành, biên tập và thực hiện sách « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris ».

Thúc, Nhà văn GS Nguyễn Thùy, Nhà văn Từ Thức, Nhà báo Lê Trần, GSTS Từ Trì, GSTS Nguyễn Đăng Trúc, Nhà phê bình TS Liễu Trương, GS Phan Thị Trọng Tuyến. Chủ Biên là GSTS Trần Văn Cảnh.

Ban Thực Hiện gồm những công việc và người trách nhiệm sau đây : Trình bày bìa 1&4 : Họa sĩ Trúc Tiên ; Lên khuôn : GSTS Trần Văn Cảnh, TS Võ Hùng Anh ; Đọc lại : Nhà văn hóa Phượng Anh Nguyễn Quý Toàn, TS Võ Hùng Anh, Nhà Văn Trần Tam Nguyên, Nhà văn Nguyễn Mây Thu, BS Nguyễn Bá Linh, và tác giả liên hệ ; In ấn : GSTS Trần Văn Cảnh ; Phát hành, Giao thương, Tài chánh : Nhà văn nhà thơ Đỗ Bình, Nhà văn hóa Phượng Anh Nguyễn Quý Toàn, Họa sĩ Nguyễn Đức Tăng, KS Lê Minh Triết.

Nội dung « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris ». Nội dung của tác phẩm đã được xây dựng và thực hiện theo một đường hướng Văn Hóa có trao đổi, thảo luận và quyết định chung.

Một thời gian đã được kéo dài ra, sau chiều hội thảo về dự án văn học ngày 26.10.2014, để các tác giả sáng tác, hai thư ngỏ đã được gửi đi, ngày 18.07.2015 và ngày 09.11.2015, xin các thi, văn, nghệ sĩ, các nhà nghiên cứu, giáo sư gửi bài đóng góp.

Năm tháng sau ngày thư ngỏ thứ hai được gửi đi, trong « Chiều Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật » tổ chức vào ngày thứ bảy 02 tháng 04 năm 2016, kết quả về nội dung cuốn sách đã được công bố với 37 bài được chọn đăng [4] và trình bày trong hai phần theo mục lục sau đây :

LỜI CẢM ƠN / Trần Văn Cảnh, Chủ biên	7
LỜI GIỚI THIỆU / Nhà thơ Đỗ Bình, Chủ tịch Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris	8
MỤC LỤC	19
LỜI MỞ CHUNG / Trần Văn Cảnh, Chủ biên	23
PHẦN I. TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM	29
1. Thơ thiên với Thân Thị Ngọc Quế / Hồ Trường An	31
2. Paris, một tâm hồn chân quê / Đỗ Bình	49
3. Con đường không mồi / Đỗ Bình	63
4. Kẻ đi tìm lẽ đạo / Đỗ Bình	83
5. GS Võ Thu Tịnh, một tâm hồn thanh cao / Đỗ Bình	95
6. « Thơ Tình » của thi sĩ Vân Uyên Nguyễn Văn Ái / Trần Văn Cảnh	102

⁴ Xin xem phụ lục 4 : Nội dung cuốn sách « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris »

7. Đọc thơ « Tha Hương » của thi sĩ Phương Du Nguyễn Bá Hậu / Trần Văn Cảnh	122
8. Đọc « Tuyển Tập Tiểu Tử » của nhà văn Tiểu Tử / Trần Văn Cảnh	157
9. Giáo Sư Trần Văn Bảng, Y sĩ, Thi sĩ / Phạm Tu Chính	170
10. Vinh danh và thương tiếc Tiến sĩ Thái Văn Kiểm / Lê Mộng Nguyên	189
11. Văn Nương Lê Ngọc Chấn - Nhớ một người đi / Nguyễn Thùy	200
12. Tinh thần Nguyễn Trường Tộ / Lê Trân phỏng vấn GS Nguyễn Đăng Trúc	238
13. Lê Mộng Nguyên vọng về lời hẹn ước từ bờ suối xưa / Nguyễn Đăng Trúc	254
14. Đọc “Em điên xoã tóc” của Kiệt Tấn / Liễu Trương	264
15. Các nhà văn nữ Việt Nam ở Pháp / Liễu Trương	278
16. Võ Phiến và tâm trạng kẻ lưu đầy / Liễu Trương	296
PHẦN II. SÁNG TÁC VĂN CHƯƠNG NGHIÊN CỨU VĂN HỌC, VĂN HÓA	303
17. Máy rặng trâm bầu / Hà Ngọc Bích	305
18. Kiếp tầm tợ (thơ) / Hương Bình	317
19. Tiểu sử Nguyễn Du qua những phát hiện mới / TS Phạm Trọng Chánh	319
20. Những nét đẹp trong Đoạn Trường Tân Thanh / Phương Du Nguyễn Bá Hậu	331
21. Ghi chú về « Đức Lý » của người luật sư / Trần Thanh Hiệp	344
22. Có nên đặt vấn đề về khả năng diễn đạt của tiếng Việt / Nguyễn Bảo Hưng	361
23. Đạo Phật và Truyện Kiều / Trịnh Khải	381
24. Albert Einstein, nhà bác học danh tiếng nhất của thế kỷ thứ 20 / GSTS Phạm Đình Liên	401
25. Cô Liêu - Nhớ quê (thơ) / Quỳnh Liên	409
26. Người phụ nữ Việt Nam qua trào lưu Tự Lực Văn Đoàn / Lê Mộng Nguyên	411
27. Ba bài tùy bút trích trong tác phẩm « Dòng đời trôi » / Trần Tam Nguyên	424
28. Trống đồng Ngọc Lũ nói gì về Tết Nguyên Đán và Tết Trung Thu / Phạm Thị Nhung	454
29. Ngọc Lan Cố Quốc / Phạm Thị Nhung	470
30. Vọng cố hương (thơ) / Hàm Thạch	481
31. Ngày du ngoạn Giverny và Auvers-sur-Oise/ Nguyễn Thanh	482
32. Gió đưa cành trúc la đà / Vũ Quốc Thúc	488
33. Giảng luận bài Dân ca « Đố ai nằm ngủ không mơ » / Nguyễn Thùy	496
34. Người đưa tin / Từ Thức	511
35. Bà Mẹ Quê / Từ Trì	523
36. Đại Học Hà Nội-Việt-Nam Hải Ngoại, một đóng góp cho cuộc phục hưng văn	534

hóa / Nguyễn Đăng Trúc	
37. Chút gì còn lại / Phan Thị Trọng Tuyền	546
LỜI KẾT CHUNG / Trần Văn Cảnh, Chủ Biên	568
PHỤ LỤC	573
PL 1- Đường hướng Văn hóa của Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris / Trần Văn Cảnh, Chủ biên	575
PL 2- Dự án « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris » / Trần Văn Cảnh, Chủ biên	593
PL 3- Điều hành và tổ chức « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris »/ Trần Văn Cảnh, Chủ biên	598
PL 4- Nội dung cuốn sách « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris » / Trần Văn Cảnh, Chủ biên	601
PL 5- Bảng bài viết, Hình-tiểu sử-tác phẩm của các tác giả « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris »	608

« Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris » ghi nhận những ai?

Trong phần đầu buổi chiều Văn Học Nghệ Thuật ra mắt tác phẩm « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris » ngày 19.08.2016, các tham dự viên đã được nghe những giới thiệu chi tiết và cá biệt về từng tác giả đã đóng góp vào tuyển tập « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris, 1995-2015 ».

Trong phần giới thiệu chung này, chúng tôi xin giới thiệu một cách tổng quát về chân dung tập thể của « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris, 1995-2015 ».

Tuyển Tập « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris, 1995-2015 » là một tác phẩm, sau hai năm chuẩn bị, đã ghi nhận chân dung của những nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu văn học và văn hóa Việt Nam thuộc Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam tại Paris, trong những năm từ 1995 đến 2015. Không phải là chân dung kinh tế xã hội, theo kiểu « Chân dung kinh tế và xã hội của những tác giả viết sách ở Pháp », như bản phúc trình của Bộ Văn Hóa và Truyền Thông Pháp đã cho phổ biến ngày 16 tháng 03 năm 2016 [5]. Nhưng là chân dung văn hóa.

⁵ Ghi nhận những đặc điểm về lợi tức đến từ việc viết sách của trên 100.000 tác giả viết sách ở Pháp. Xin xem : <http://www.culturecommunication.gouv.fr/Politiques-ministerielles/Livre-et-Lecture/Actualites/Etude-sur-la-situation-economique-et-sociale-des-auteurs-du-livre-resultats>

Họ là ai ?

Nhóm thứ nhất, họ là những tác giả đã hay đang sinh hoạt trong Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris, đã đáp lời mời của Chủ Nhiệm và Chủ Biên, mà gửi những công trình của họ để góp phần thực hiện tác phẩm « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris, 1995-2015 » này. Đó là 26 tác giả sau đây : Nhà văn Hồ Trường An, GSTS Hà Ngọc



Bích, Nhà Văn Nhà Thơ Đỗ Bình, nhà thơ Hương Bình, GSTS Trần Văn Cảnh, TS Phạm Trọng Chánh, BSGS Phạm Tu Chính, Thi sĩ BS Phương Du Nguyễn Bá Hậu, LS Trần Thanh Hiệp, Nhà báo Nguyễn Bảo Hưng, GS Trịnh Khải, GSTS Phạm Đình Liên, Nữ sĩ Quỳnh Liên, GSTS Lê Mộng Nguyên, Nhà văn Trần Tam Nguyên, GS Phạm Thị Nhung, Thi sĩ GS Hàm Thạch, Nhà biên khảo Nguyễn Thanh, GSTS Vũ Quốc Thúc, Nhà văn GS Nguyễn Thùy, Nhà văn Từ Thúc, Nhà báo Lê Trân, GSTS Từ Trì, GSTS Nguyễn Đăng Trúc, Nhà phê bình TS Liễu Trương, GS Phan Thị Trọng Tuyền.

Nhóm thứ hai, họ là những người đã hoặc đang ở Paris và đã hay đang biên soạn sách vở, mà nay, được những thành viên Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris tìm hiểu và nhắc nhớ đến, để vinh danh và ghi khắc tên tuổi họ vào lịch sử văn học. Đó là những vị sau đây : bác sĩ giáo sư thi sĩ Vân Uyên Nguyễn Văn Ái, nhà văn Văn Bá bác sĩ Nguyễn Văn Ba, giáo sư thi sĩ bác sĩ Bằng Vân Trần Văn Bằng, bác sĩ thi sĩ Phương Du Nguyễn Bá Hậu, học giả tiến sĩ Thái Văn Kiểm, nhạc sĩ giáo sư Lê Mộng Nguyên, nữ sĩ Vân Nương, nữ sĩ Minh Châu Thái Thị Hạc Oanh, nhà văn học Võ Phiến ở Mỹ, nhà thơ Thân Thị Ngọc Quế, nhà văn Kiệt Tấn, nhà văn học Nguyễn Thùy, GS Võ Thu Tịnh, học giả Nguyễn Trường Tộ, nhà văn Tiểu Tử ; Những nhà văn nữ Paris hiện nay, như Mạch Nha, Miêng, Phạm Thị Trọng Tuyền, Trần Diệu Tâm, Đỗ Quỳnh Giao, Đặng Mai Lan, Mai Ninh.

Chân dung chung và chính yếu của Những Khuôn Mặt VHVN Paris ?

Đọc xong những bài trong tác phẩm « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris, 1995-2015 », **không những một nội dung tổng quát của Văn Hóa Việt Nam đã được tỏ lộ về tinh thần kẻ sĩ, về công việc nghiên cứu và biên soạn sách vở và biên soạn về cuộc sống hằng ngày hiện nay của người Việt Nam, đặc biệt là người Việt Nam hải ngoại.** Nhưng còn một nội dung chủ yếu cụ thể và đặc trưng mà người đọc chăm chú sẽ dễ dàng khám phá và nhận ra, đó là «chân dung chung của người làm văn hoá trong Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris».

Nhiều đề tài và nhiều tiếp cận khác nhau, nhưng tất cả mọi tác giả đều đã đề cập, nhiều ít, xa gần, đến chủ đề « Tha Hương », là nét chân dung đặc trưng chính yếu chung, với ba mâu rất đậm và rõ nét. Một cái tha hương hiện thực của tâm tình hoài nhớ, thương mến, mong chờ quê hương tươi sáng và của cảnh sống giữ thơm quê mẹ, bảo trì và phát triển văn hóa dân tộc, hội nhập quê người. Một cái tha hương vươn lên của tình thương, đi từ tình thương gia đình, đến tình thương Nước Việt, Người Việt, Tiếng Việt, tiến lên tình thương nhân loại. Và một cái tha hương thăng tiến về tâm linh, tìm về chân, thiện, mỹ, hướng lên tâm linh và thiêng liêng.

Rõ rệt « Những khuôn mặt Văn Hóa Việt Nam Paris, 1995-2015 » đã hoà nhập với những tác phẩm văn, thơ, nghiên cứu về văn học và văn hóa Việt Nam khác trên thế giới, mà khai phá ra một nội dung mới trên diễn đàn văn học Việt Nam cho thời hậu chiến, 1975-2015.

Khác với văn thơ thời tiền chiến 1930-1945 và văn thơ thời chiến 1945-1975, **văn thơ thời hậu chiến 1975-2015 nở rộ ra ở hải ngoại, trong đó có Paris, với dòng văn thơ THA HƯƠNG và TÌNH THƯƠNG Nước Việt, Người Việt, Tiếng Việt.**

Đó là nét chân dung chính yếu của các tác giả, là nội dung của tác phẩm và là sứ điệp gửi đến quý độc giả Việt Nam.

Những dự án khác cho



tương lai sau Những khuôn mặt Văn Hóa Việt Nam Paris ?

Từ « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris, 1995-2015 », những viễn tượng tương lai như đã được mở ra cho những công trình văn học, văn hóa tương lai.

Trước nhất là những viễn tượng không gian địa lý, với những vấn nạn đã được gọi ra : Có cần phải nhìn ra « Những khuôn mặt Văn Hóa Việt Nam Hải Ngoại, 1975-2016 » ? Có cần phải nhận rõ « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam trên toàn thế giới hiện nay, 1975-2017 » ?

Thứ đến là những viễn tượng thời gian lịch sử và những viễn tượng biến chuyển về nội dung và chủ đề văn hóa, văn học, mà những vấn nạn sẽ từ từ được ý thức, nhận ra và đặt thành vấn đề.

Vui mừng vì tác phẩm « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris » đã được thực hiện, mà qua đó một chân dung độc đáo của khuôn mặt văn hóa đã lộ hình rõ rệt, qua nhiều nét đậm khác nhau. Nét đậm của hành động kẻ sĩ hào kiệt, có nhân nghĩa, góp phần yên dân, trừ bạo, của hết các tác giả, mà nổi bật nhất có lẽ là « hình ảnh Nguyễn Trường Tộ như một kẻ sĩ dấn thân, can đảm, một nhà canh tân xã hội ». Nét đậm biên soạn sách vở, hầu sáng tác, đóng góp vào việc giữ gìn, bảo quản và phát triển kho tàng văn hóa quốc dân Việt Nam, của toàn thể mọi tác giả. Nét đậm sáng tác về đủ mọi vấn đề của cuộc sống người Việt Nam, nhất là của những người Việt Nam tha hương ở hải ngoại.

Chúng tôi vui mừng và hãnh diện thấy lòng thương nước yêu dân, thấy tình gắn bó với quê cha đất tổ, thấy ý chí muốn giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt, muốn tìm hiểu văn học, văn hóa nước nhà, muốn hướng về tình thương, muốn vươn lên, tìm về chân, thiện, mỹ, muốn thẳng tiến đi tìm lẽ đạo, của những tác giả đã góp phần trong tập sách này.

Chúng tôi xin cảm ơn các tác giả đã dày công suy nghĩ, ghi nhận, tìm tòi và biên soạn.

Chúng tôi hân hạnh giới thiệu những trang sách này và hy vọng tuyển tập « Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris, 1995-2015 » sẽ được phổ biến rộng rãi và được nhiều độc giả đón nhận.

Paris, ngày 06 tháng 10 năm 2016

Đỗ Bình, Chủ Tịch Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris

Trần Văn Cảnh, Chủ Biên tuyển tập « Những khuôn mặt Văn hóa Việt nam Paris »

PARIS - NÔNG THẨM TRÁI TIM

CẨM Tú

Paris đầu đông gió rất lạnh, những sợi nắng vàng vẫn không đủ giữ cho chiều xuống chậm nên mau tối. Những con đường và công viên đầy lá vàng làm Paris thêm thơ mộng. Ngày chủ nhật 4 tháng 12 năm 2016, Câu Lạc Bộ Văn Hóa Paris tổ chức buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật. Dù trời thật lạnh khách đã đến chật phòng.

Khách tham dự là những nhân vật quen thuộc ở Paris: BS Nguyễn Bá Hậu, BS Nguyễn Đương Tịnh, BS Phạm Hữu Thanh, ÔB BS Nguyễn Quốc Nam, BS Nguyễn Bá Linh, GSTS Trần Văn Cảnh, GSTS Trần Văn Thu, GSTS Hoàng Đức Phương, GSTS Quỳnh Hạnh, GS Nguyễn Thiêm Cung, ÔB. GS Nguyễn Ngọc Chân, TS Võ Hùng Anh, TS Nguyễn Trần, KS Đỗ Hữu Hứa, KS Nguyễn Quý Toàn, KS Nguyễn Văn Lộc, KS Lê Minh Triết, Nhà văn Hồ Trường An, Nhà văn Lucien Trọng, Nhà văn Trần Khánh, Nhà thơ Đỗ Bình, Nhà thơ Từ Thạch, Nhà văn hóa Nguyễn Đức Tăng, Nhà văn hóa Phượng Anh, Nhà báo Từ Ngọc Lê, Nhà báo Lê Văn Tư, Nhà báo Ca Dao, Nhà báo Hoàng Yên, Nhà quay phim Nguyễn Văn Đông, Nhà quay phim Nguyễn Văn Nam. Nhạc sĩ Trần Văn Trung, Nghệ sĩ Thúy Hằng

Ngệ sĩ Mỹ Hằng, Ca sĩ Ngọc Xuân, Ca sĩ Đình Thy, Ca sĩ Minh Nhật, Bà Đặng Phát, Ô Phương Đông, Ô Nguyễn Mạnh Hà, Ô Châu Tùng Thiện, ÔB Đoàn Văn Phê, Ô Thanh Giang, Ô Bernard ...vv... Có những vị từ rất xa như GS Nguyễn Văn Sâm, bà Trần ngọc Ánh, GS Nguyễn Văn Thơm đến từ Hoa Kỳ; ÔB DS Nguyễn Hiền từ Hòa Lan; GS Trần Bá Phâm, Ô Đỗ Hoa, Ô Trần Thắng Kỳ, Nhà văn Hồ Trường An di chuyển bằng xe lăn đến từ Troyes cách Paris 200 Km, Niên trưởng Hương Đạo Châu Văn Lộc đến bằng nạng, nhất là cháu Vy Dân từ Thụy Sĩ được hai vị y sĩ trông nom săn sóc trong việc di chuyển từ Genève sang Paris hiện diện trong buổi sinh hoạt chiều nay.

Đúng 14h00 buổi lễ trang trọng khai mạc, KS Lê Minh Triết điều hành nghi lễ Quốc Ca Quốc Kỳ và và một phút mặc niệm MC Nguyễn Bá Linh mời ban tổ chức là nhà thơ Đỗ Bình và nhà văn hóa Phượng Anh ngỏ lời chào quan khách, thi sĩ Đỗ Bình, chủ nhiệm câu lạc bộ, cảm ơn các diễn giả.

Sau đó lời phát biểu cảm tưởng của thi sĩ Phương Du Nguyễn Bá Hậu vị niên trưởng CLB đã 94 tuổi, Cụ chào mừng quan khách và chúc mừng chiều sinh hoạt văn hóa thành công vì sự hiện diện đông đảo của những người yêu văn hóa.

Kế tiếp GS TS Trần Văn Cảnh đã tường trình về chuyến đi Cali ngắn ngày nhằm giới thiệu và tặng sách "Những Khuôn Mặt Văn Hóa VN Paris" cho Cali; chuyến Mỹ du tốt đẹp, khởi đầu mới duyên văn hóa của hai thành phố. Ông cũng trình bày sự hình thành công phu của cuốn sách mà ông mang tặng.

Đến phần vinh danh các diễn giả. BS Nguyễn Bá Linh phát biểu: "*Chúng tôi quan niệm Trí thức chân chính là trí thức dân thân. Trong phạm vi hôm nay chúng tôi mời hai vị trí thức làm diễn giả và để vinh danh là GS Trần Văn Thu và GS Nguyễn Văn Sâm. GS Trần Văn Thu ngoài việc tham gia với cộng đồng trong các cuộc đấu tranh, ông còn nghiên cứu khoa học về 8000 năm Việt Sử. GS Nguyễn Văn Sâm đã dành trọn đời bảo vệ và phát huy chữ Nôm, ông là một chiến sĩ văn hóa.*" BS Nguyễn Bá Hậu tặng quà cho GS Nguyễn Văn Sâm, KS Nguyễn Quý Toàn tặng bà Ngọc Ánh, Nhà văn hóa Phương Anh tặng cháu Vy Dân, KS Lê Minh Triết tặng TS Trần Văn Thu.

Diễn giả đầu tiên, TS Trần Văn Thu, trình bày về 8000 năm lịch sử Việt tộc, bị xuyên tạc và ngộ nhận, còn 4000 năm; từ Việt, thành Việt Nam. Niềm chua xót làm ông nghẹn lời; nhưng ông cũng lưu ý chúng ta rằng người Minh Hương và Thiên Địa Hội đã giúp vua Quang Trung rất nhiều trong việc chống nhà Thanh. Lời ông mộc mạc, ý chân thành, khơi lòng ái quốc. Khán giả say mê, diễn giả quên thời gian. Nhưng phải

trở về thực tế, nhường phần tiếp theo Nhà báo Ca Dao giới thiệu Tác giả Trần Ngọc Ánh. Bà Ca Dao đồng ý với BS Nguyễn Bá Linh, người điều khiển chương trình, về danh hiệu anh hùng đối với Ô Trần Thắng Tài, người sáng lập Lực Lượng Việt Nam Tự Do; vì trong lúc ai nấy đều lo thoát chạy ra nước ngoài, thì ông đã ở lại kháng chiến phục quốc chống nhà cầm quyền mới, và đã hy sinh. Ông là phu quân của Ngọc Ánh, tác giả cuốn sách "*Ngày Tháng Buồn Hiu*", trong đó kể cuộc đời buồn và nhiều cay đắng của chính bà.

Sau đó, nhà văn Hồ Trường An nói về cảnh bi thương trong ngục tù Cộng Sản. Nỗi xúc động khiến ông không thể tiếp lời. Do đó, một vị khách được mời lên phát biểu là GS Nguyễn Thiêm Cung. Bà so sánh "*Ngày tháng Buồn Hiu*" với "*Chinh phụ Ngâm*": Người chinh phụ, thời chiến, ủy mị, thờ than vì xa chồng. Ngọc Ánh, thời bình, can trường, dân thân vì khổ đau của đồng bào. Bà đã trải qua 10 năm trong ngục tù.

Cảm kích trước sự ưu ái của cử tọa, Ngọc Ánh, lệ hoen mi, tâm sự rằng việc bà làm, chỉ là chuyện, thường tình của một người trẻ tuổi trước quốc nạn, bà không hối hận, chỉ thương con bị liên lụy đến trở thành tàn phế.

Phần thứ ba, TS Nguyễn Văn Trần giới thiệu GS Nguyễn Văn Sâm, ông cho rằng GS Nguyễn Văn Sâm đã làm một việc rất quý khi đi ngược giòng để tìm về văn hóa dân tộc. GS Sâm cho

biết chữ Nôm là một nhu cầu thực tế của đại chúng để diễn tả.

Xen lẫn trong không khí trang nghiêm của văn hóa, sôi nổi của lịch sử, khán giả có được những giây phút nhẹ nhàng, để tâm hồn:

- lâng lâng theo tiếng đàn tranh réo rắt của GS Quỳnh Hạnh, tiếng dương cầm trầm bổng của nhạc sĩ Đỗ Bình.
- ngất ngây với lời ca cao vút của Ngọc Xuân, ngọt ngào của Quỳnh Hạnh, trong trẻo của Đình Thy, thu hút của Minh Nhật, mùi mẫn của Lucien Trọng.
- chìm đắm với giọng ngâm trữ tình của Thúy Hằng, thanh thoát của Đỗ Bình, trầm lắng của Nguyễn Đức Tăng.

Một buổi chiều tuyệt vời của Paris thanh lịch, quý phái. Không khí thân mật, cử tọa tuyển chọn, diễn giả xuất sắc; gợi nhớ những salon văn học của các mệnh phụ thời xưa, mà hôm nay, ở đây, là bà Phương Anh, Nguyễn Quý Toàn.

Thật vô cùng ngưỡng mộ, xin cảm ơn ban tổ chức.

Chỉ trong một buổi chiều, khán giả được duyệt lại lịch sử đích thực của Việt tộc, được thấy những cố gắng của dân Việt tìm cách phản kháng lại Hán tự, thứ chữ của những kẻ thống trị bắc phương, mà tạo nên chữ Nôm, đặc trưng của dân Việt.

Trong khi hai học giả đạo mạo, đầy công nghiên cứu, thì diễn giả thứ ba, trẻ trung, "liều yếu, đào to", lại tự thân là một minh chứng hùng hồn của tinh thần bất khuất: "*giặc đến nhà, đàn*

bà phải đánh", "*quốc loạn thức trung thân*", "*thời thế tạo anh hùng*", "*cờ đến tay phải phát*".

Tuy khác biệt, "*mỗi người một vẻ*", nhưng tất cả đều gặp nhau ở một điểm: lòng thương dân tộc, yêu nòi giống.

Sau 30-4-1975, ở trong nước, nhà cách mạng Trần Thắng Tài thương tiếc miền Nam: "*Miền Nam tan tác, đau lòng khóc*". Ông đã anh dũng kháng chiến phục quốc. Bây giờ 41 năm sau, tại Pháp quốc, một trí thức và một nhà văn đã phải trào nước mắt vì nguy cơ sắp mất cả giang sơn !!!

"*Việt nam tôi đâu?*"

"*Giờ đây Việt Nam còn hay đã mất?*

"*Mà giặc tàu ngang tàng trên quê hương ta*". (Việt Khang)

"*Vì ai gây dựng cho nên nôi này?*"

Thế nhưng, chúng ta, con cháu Trung, Triệu, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo...: "*Bốn ngàn năm chưa một lần khuất phục ngoại xâm*".

.....

Với ngọn lửa trong tim, với ý chí son sắt trong đầu. Chúng ta sẽ có ngày về với khúc Khải Hoàn Ca.

"*Mẹ Việt Nam ơi, chúng con vẫn còn đây.*

"*Chúng con nguyện đi dựng lại quê hương.*"

"*Đem đuốc thiêng về dựng ngày mới giữa quê hương*". (Nguyệt Ánh)

CẨM TÚ

Paris 12 -12- 2016.

HÌNH ẢNH PHÁT HÀNH SỐ BÁO MÙA THU 76

Tại Tòa Soạn Cỏ Thơm 10/02/2016

Nhiếp Ảnh Gia: Phạm Bá



Từ trái NT Ý Anh, BKG Hoàng Dân Bình Phu nhân,
NV Ý Nguyên, NT Hoàng Song Liêm Phu nhân, DG Diệm Trân.



Ỡ Nguyên, Bạch Cúc, Hồng Thủy, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngọc Thanh, Thúy Diễm, Diễm Trân, Nguyễn Thị Thanh Bình.



Ngồi: Như Lan, Trúc Mai, Ỡ Nguyên, Ngọc Dung, Hồng Thủy. Đứng: Thế Mai, Diễm Trân, Tuyết Lê, Thúy Hiền, Thúy Diễm, Ngọc Thanh, Minh Kalas, Bạch Cúc, Ý Anh, Bạch Mai, Trịnh Bình An, Minh Châu, Thanh Bình.



Quý ông văn, thi, nhạc sĩ đồng ca Thu Vàng:
 Phạm Trọng Lệ, Trần Đại Bản, Trần Đại Bửu,
 Hoàng Dân Bình, Nguyễn Quốc Khải, Nguyễn Văn Thành,
 Hoàng Song Liêm, Vũ An Thanh, Phạm Bá,
 Nguyễn Trường Vân, Ngô Tăng Giao, thân hữu Hoàng Bình.



Ngồi: TP Nguyễn Văn Thành, NAG Nguyễn Quốc Khải,
 NT Ngô Tăng Giao, NAG Phạm Bá, BKG Hoàng Dân Bình.
 Đứng: Ô. Paul Van, GS Phạm Trọng Lệ.

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

DANH SÁCH HỘI VIÊN

B. Lê Anh Dillard , Ô. Hồ Trường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,
TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá, B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Phạm Hữu Bình,
Ô. Đỗ Bình, ÔB. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đức Bình, Ô. Nguyễn Bông,
ÔB. La Trung Chánh, B. Nguyễn Phương Châm, B. Diễm Châu, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu,
B. Trương Minh Châu, Ô. Lê Văn Chính, B. Lê Thị Ngọc Dung, B. Dzung Senser,
Ô. B. Phan Anh Dũng, ÔB. Đại Dương-Phạm Thị Nhung, Ô.B. Nguyễn Quý Đại,
B. Dương Tâm Đạt, B. Đạt Thu Lê, Ô. Nguyễn Văn Đoàn, Ô.B. BS Hoàng Giang,
ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,
B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiếu, B. Lê Hồng,
B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng,
Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô.B. Đinh Kỳ, Ô.B. Nguyễn Lân,
Ô.B. Nguyễn Khoa Lân, Ô.B. Nguyễn Huy Linh, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam,
Ô.B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Phạm Bá Luân, B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA),
B. Nguyễn T. Phương Nga, B. Trần Tuệ Nga, Ô. Cao Nguyên, Ô. Đăng Nguyên,
B. Phan Thị Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật, B. Uyên Phương Minh Nguyệt,
Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi,
Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô.B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Lê Quang Phùng, B. Kim Phụng,
Ô.B. Lưu Quang, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phượng, B. Lý Ngọc Quyên,
Ô. B. Đèo Văn Sách, Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm,
B. Nguyễn T. Minh Tâm, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, B. Phong Thu, B. Tuyết Nguyễn,
Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành, Ô.B. BS Nguyễn Văn Thành,
Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch,
B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang,
B. Diệm Trân Kratzke, Ô. Nguyễn Đình Trân, B. Lê Thúy Trúc, B. Tô Bạch Tuyết,
ÔB. Phạm Văn Tuấn, BS Phan Khắc Tường, Ô.B. Phạm M. Xuân, Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

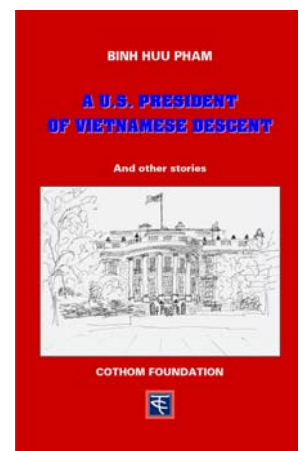
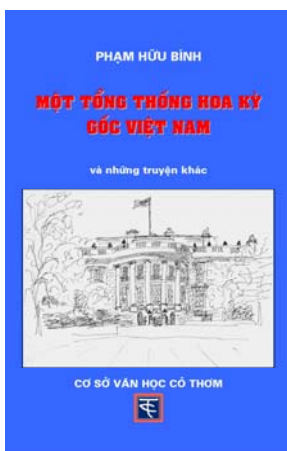
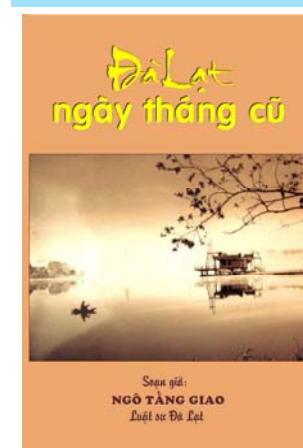
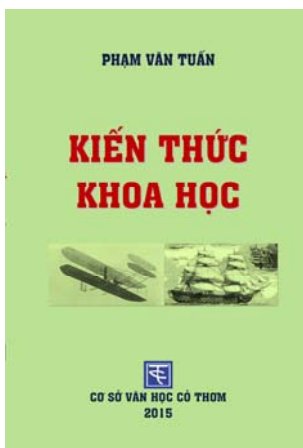
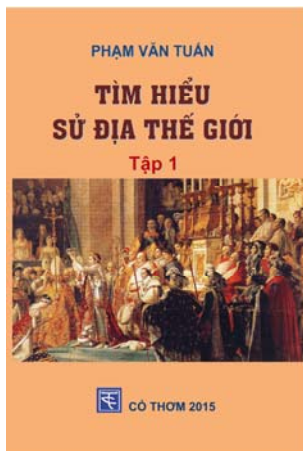
MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,
BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc, Harvest Moon Restaurant.

TỦ SÁCH CỔ THƠM

11623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA
Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196; Email: dsenser@yahoo.com

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM (Từ năm 1996)
ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung
TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên
NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân
TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An
VĂN KHẢO (2000) - Trần Bích San
MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) - Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung
TÌNH ANH NHƯ THỂ ĐẤY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YÊU EM (2002) - Thơ Kim Vũ
BÊN DÒNG THẠCH HÂN (2002) - Thơ Phan Khâm
SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện Nguyễn Lâm; GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên
HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của Hồ Trường An, Cao My Nhân, Phan Khâm,
Nguyễn T. Ngọc Dung, Vân Nương, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tăng Giao.
VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An
ĐÃ KHÔ DÒNG LÊ (2004)-Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005)-Thơ Việt Bằng
PHƯỢNG VẪN NỔ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005)-Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung
SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG (Tái bản 2005)-Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung
GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,
Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.
DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ - Phan Khâm
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - Nguyễn Thị Ngọc Dung
NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM (2007) - Bút khảo - Hồ Trường An về các tác giả
Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,
Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.
KHÚC VÔ THANH (2008), 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)
THƯƠNG VỀ KỶ NIỆM (2010) - Thơ Đỗ Thị Minh Giang
ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tăng Giao
GIỮ MÃI GIÙM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt
CA DAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm –
NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG 1958 - Hồi ký Tô Bạch Tuyết (2013) –
NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM & DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ & KIẾN THỨC KHOA HỌC &
TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THỂ GIỚI: Biên khảo của Phạm Văn Tuấn
MƯA XUÂN-SPRING RAIN-Thơ song ngữ: Tâm Minh Ngô Tăng Giao
MONG MANH – Thơ: Ý Anh
BƯỚC LẠ QUÊ HƯƠNG – Bút ký: Nguyễn Thị Ngọc Dung
LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT - Biên Khảo của Nguyễn Văn Thành



PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

PRICE OF 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 [] - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00 []

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

Trên Tạp Chí Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00 ()

1 trang trong: US \$60.00 ()

Trang trong bìa trước: US \$100.00 ()

Trang trong bìa sau: US \$100.00 ()

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

Giá báo: US\$7.00